

DANH SÁCH MỘ CÓ THÂN NHÂN KÊ KHAI CHƯA BỐC MỘ

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRƯỜNG THCS VÀ SAN LẤP MẶT BẰNG TRONG PHẠM VI NGHĨA TRANG BÌNH HƯNG HÒA - GIAI ĐOẠN 3

(Đính kèm theo Thông báo số 09/TB-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa)

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1	1	Dương Trung Thu	1946	2003	Bắc Việt	Nguyễn Thị Chín	132/20A Hoài Thanh, Phường 14, Quận 8
2	5	Lê Thị Kiều Oanh	1970	31	Bắc Việt	Hoàng Quốc Hưng	21A Trần Văn Danh, phường 13, quận Tân Bình
3	19	Nguyễn Văn Nhiều	1905	1982	Bắc Việt	Nguyễn Văn Ngọc	100/54/22 Lê Văn Duyệt, phường 1, quận Bình Thạnh
4	21	Lê Văn Liệu	1908	1982	Bắc Việt	Lê Thị Tý	57/3 Kp 4, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12
5	23	Nguyễn Văn Đát	1920	1982	Bắc Việt	Đỗ Khắc Tường	1568 Hoàng Văn Thụ, phường 14, quận Tân Bình
6	24	Lê Thành Nam	1963	1982	Bắc Việt	Nguyễn Thụy Thu Trang	360 sau Nguyễn Trãi, phường 8, quận 8
7	40	Bùi Hoa Mai	1928	72T	Bắc Việt	Bùi Văn Bông	263/11 Liên Khu 4-5, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân
8	42	Đặng Ngọc Chánh	1934	1982	Bắc Việt	Đặng Trung Nghĩa	4/3 C/c C2 Ba Tơ, Phường 7, Quận 8
9	43	Nguyễn Thị Xa (tức Hồ Thị Xa)	1922	1999	Bắc Việt	Nguyễn Ngọc Hoa	726/1A Phạm Thế Hiển, phường 4, quận 8
10	49	Lê Văn Xuân	1950	1997	Bắc Việt	Lê Duy Nam	148/1 Tổ 49, phường 10, quận Tân Bình
11	50	Nguyễn Ngọc Anh	1962	1982	Bắc Việt	Nguyễn Hà Quảng	112 Trường Chinh, phường 12, quận Tân Bình
12	57	Võ Thị Nào	1917	2006	Bắc Việt	Nguyễn Thị Ngọc Trang	45/2 Trần Quốc Tuấn, phường 1, quận Gò Vấp
13	75	Huỳnh Thị Thuận	1914	1996	Bắc Việt	Võ Phi Hùng	Tổ 2 ấp 6, xã Sông Trầu huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
14	76	Nguyễn Văn Sáu	1933	1982	Bắc Việt	Nguyễn Thanh Hải	90A/7A Âu Dương Lân, phường Rạch Ông, quận 8
15	88	Nguyễn Anh Toàn	1978	1999	Bắc Việt	Nguyễn Thu Nga	451/12 Phạm Thế Hiển, phường 3, quận 8
16	89	Phạm Thị Mùi	1932	1919	Bắc Việt	Hồ Trúc Phương Uyên	95/273 Đinh Tiên Hoàng, phường 13, quận Bình Thạnh
17	90	Nguyễn Thành Nhơn	1960	1999	Bắc Việt	Trần Thị Ngọc Sương	122/27/85 Tôn Đản, phường 8, quận 4
18	91	Lê Băng	1914	1977	Bắc Việt	Lê Thị Sáu	897/20 Trần Hưng Đạo, phường 1, quận 5
19	92	Hoàng Thị Nuôi	1917	2003	Bắc Việt	Lê Thị Sáu	897/20 Trần Hưng Đạo, phường 1, quận 5
20	93	Mộ Đất gầy bía (Trần Thị Huệ)			Bắc Việt	Trần Bích Vân	247/80E41 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11
21	99	Lê Thị Gai	1911	1982	Bắc Việt	Tăng Thái Huy	249/37 Vườn Lài, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
22	101	Phạm Hồng Thái	1920	1982	Bắc Việt	Phạm Kim Cương	351/130/14 Lê Đại Hành, phường 11, quận 11
23	106	Phạm Văn Chung		1977	Bắc Việt	Phạm Cao Tùng	436/59/65 Cách Mạng Tháng Tám, phường 11, quận 3
24	107	Nguyễn Văn Cua		40T	Bắc Việt	Trương Thị Thanh Hiếu	137/55 Cao Xuân Dục, phường 12, quận 8
25	112	Huỳnh Thị Cẩm Hồng	1959	1982	Bắc Việt	Nguyễn Văn Phương	161/1/44E Bình Đông, phường 14, quận 8
26	113	Nguyễn Thị Học	1942	1998	Bắc Việt	Nguyễn Đại Vũ	153/48/7 Lê Văn Thọ, phường 8, Quận Gò Vấp
27	134	Võ Thị Hai	1918	1982	Bắc Việt	Võ Thị Thủy Tiên	444-446 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, quận 1
28	141	Nguyễn Thị Hiến	1932	2001	Bắc Việt	Nguyễn Thanh Sơn	39/C312C Huỳnh Văn Chính, phường Phú Trung, quận Tân Phú
29	144	Trần Đình Lộc	1941	1998	Bắc Việt	Trần Thị Thanh Ngọc	350/30/25 Đường số 10, phường 9, quận Gò Vấp
30	146	Nguyễn Thị Nhỏ	1919	2006	Bắc Việt	Nguyễn Văn Liêu	R35 CX Vĩnh Hội, phường 8, quận 4

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
31	151	Nông Thị Nhã	1910	1981	Bắc Việt	Nguyễn Trọng Phước	6/16B Chánh Hưng, phường 4, quận 8
32	152	Nguyễn Ngọc Ký	1905	1976	Bắc Việt	Nguyễn Trọng Phước	6/16B Chánh Hưng, phường 4, quận 8
33	156	Phạm Văn Cơ	1922	1982	Bắc Việt	Phạm Thị Thơm	436/59/9B Cách Mạng Tháng Tám, phường 11, quận 3
34	160	Nguyễn Văn Minh	1918	1982	Bắc Việt	Đỗ Thị Giàu	311/5 Cô Giang, phường 2, quận Phú Nhuận
35	161	Lương Văn Nam	1928	1982	Bắc Việt	Lương Thúy Nga	333/29 Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4
36	164	Tổng Văn Hớn	1932	2001	Bắc Việt	Tổng Thị Nhung	2433/78 Tôn Đản, phường 15, quận 4
37	165	Trần Ngọc Thành	1952	2001	Bắc Việt	Nguyễn Trần Anh Vũ	A3-7-7 (0.7) Lô A3 chung cư Lê Thành, đường số 2, phường An Lạc, quận Bình Tân
38	169	Lê Thị Ngọc	1928	1997	Bắc Việt	Lê Thị Mỹ Huệ	297/29A Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lọc
39	173	Trần Thị Kiều	1913	1997	Bắc Việt	Lê Phước Lộc	549/45/40 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh
40	177	Lê Văn Hồng	1957	1996	Bắc Việt	Từ Thị Nguyệt Hồng	57/33/13 Bông Sao, phường 5, quận 8
41	182	Nguyễn Văn Hạch	1933	1982	Bắc Việt	Nguyễn Văn Dũng	1168/12 Trường Sa, phường Phú Nhuận
42	188	La Thoại Tân	1989	1999	Bắc Việt	Huỳnh Thị Liễu	12/69 Nguyễn Chế Nghĩa, phường 13, quận 8
43	191	Phùng Sỹ Thanh	1916	1982	Bắc Việt	Phùng Vòng Sáng	25/14/17 Lý Tuệ, phường Tân Quý, quận Tân Phú
44	196	Đỗ Văn Tâm	1919	1997	Bắc Việt	Lâm Văn Minh	24/10 Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1
45	204	Lê Quốc Hùng	1923	1996	Bắc Việt	Lê Quốc Dũng	490/74 Lý Thái Tổ, phường 10, quận 10
46	205	Lê Đình Phúc	1923	1983	Bắc Việt	Lê Viết Hiếu	109/3 Bành Văn Trân, phường 7, quận Tân Bình
47	212	Lê Thị Hai	1932	1999	Bắc Việt	Lê Minh Phụng	80K Bình Đông, phường 14, quận 8
48	214	Trần Văn Nghĩa (tự Trần Văn Tý)	1912	1999	Bắc Việt	Trần Đức Thuận	163/1 Hoàng Hoa Thám, phường 13, quận Tân Bình
49	215	Nguyễn Văn Đông	30	1982	Bắc Việt	Nguyễn Văn Hà	275/75/47 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp
50	219	Hà Thị Nghi	1929	2005	Bắc Việt	Trần Kim Phượng	108 Nguyễn Ngọc Nhựt, phường Tân Quý, quận Tân Phú
51	226	Lương Thị Thạnh	1920	1997	Bắc Việt	Phạm Văn Hiền	277/9 Trương Chinh, phường 14, quận Tân Bình
52	227	Võ Văn Tư	1915	1997	Bắc Việt	Phạm Văn Hiền	277/9 Trương Chinh, phường 14, quận Tân Bình
53	235	Nguyễn Thị Chi	1910	88T	Bắc Việt	Trịnh Bá Lợi	80/1 Khu phố Đông Tư, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương
54	236	Huỳnh Thị Kim Phụng	1973	1998	Bắc Việt	Phạm Thị Nhi	21/2 Ấp 3, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè
55	237	Phạm Văn Duyên	1929	1997	Bắc Việt	Phạm Anh Tiến	212B/D20A Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1
56	244	Lại Thị Rật	1915	1988	Bắc Việt	Hoàng Thị Thanh	113/7 Lê Lư, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
57	247	Phạm Thị Hiền	1925	1995	Bắc Việt	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	301/54 Nguyễn Đình Chiểu, phường 5, quận 3
58	252	Phạm Thị Thêu	1916	1982	Bắc Việt	Phạm Văn Bình	61/2B Tô 16, khu phố 2, phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai
59	255	Đỗ Đình Bé	1928	1997	Bắc Việt	Đỗ Đình Đức	39/A211 Huỳnh Văn Chính, phường Phú Trung, quận Tân Phú
60	266	Nguyễn Thị Xuân Ba	1936	2005	Bắc Việt	Nguyễn Văn Hải	496/24 TL10, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân
61	267	Nguyễn Văn Minh	1978		Bắc Việt	Nguyễn Ngọc Mai	322/16 Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4
62	273	Trần Văn Ba	1921	1982	Bắc Việt	Nguyễn Hữu Hiền	183/124/62A Bến Vân Đồn, phường 6, quận 4
63	274	Lê Văn Tốt	1958	1989	Bắc Việt	Huỳnh Thị Loan	453/35 Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận
64	275	Đào Đình Sen	1927	1999	Bắc Việt	Đào Đình Dũng	A3/22 Lầu 2, Lô 3 chung cư Miếu Nổi, phường 3, quận Bình Thạnh
65	278	Võ Văn Chóp	1929	1997	Bắc Việt	Võ Trường Sơn	40/25 Gò Dầu, Tân Sơn Kỳ, Tân Phú

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
66	281	Ngô Chận	1921	1982	Bắc Việt	Trần Văn Hiền	304/50/4 Nguyễn Thượng Hiền, phường 5, quận Phú Nhuận
67	288	Dương Thị Nộ	1932	1997	Bắc Việt	Nguyễn Văn Hồng	29 Đường 49, Tân Tạo, Bình Tân
68	291	Trần Quang Lực	1928	1982	Bắc Việt	Trần Thị Mến	531/42/1/2 Kp4, phường Hiệp Thành, quận 12
69	293	Trương Mộc Chánh	1926	2005	Bắc Việt	Hồng Kính	71/3 Tôn Đản, phường 14, quận 4
70	294	Nguyễn Thị Hoa	1954	1982	Bắc Việt	Trần Minh Tùng	134/109/11 Lý Chính Thắng, phường 7, quận 3
71	296	Võ Văn Thịnh	1948	1970	Bắc Việt	Võ Hằng Quang	495D CMT8, phường 13, quận 10
72	297	Vương Sáu	1933	1982	Bắc Việt	Vương Quốc Vinh	172 Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1
73	304	Lý Hên	1918	1997	Bắc Việt	Nguyễn Thị Khánh Vân	4 Trần Văn Kiêu, phường 10, quận 5
74	308	Lê Văn Hai	1917	1998	Bắc Việt	Danh Thị Mỹ Hồng	118/42/22 Huỳnh Thiện Lộc, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú
75	309	Lê Đức Thao	1969	1996	Bắc Việt	Lê Đức Thiên	521/2C Cách Mạng Tháng Tám, phường 13, quận 10
76	310	Lê Thế Vinh	1927	1982	Bắc Việt	Lê Đức Thiên	521/2C Cách Mạng Tháng Tám, phường 13, quận 10
77	311	Nguyễn Thị Có	1913	1993	Bắc Việt	Nguyễn Văn Lùng	2B Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11
78	313	Trần Văn Kịch	1918	1982	Bắc Việt	Trần Văn Trường	125/16/7 Bùi Đình Túy, phường 24, quận Bình Thạnh
79	318	Lê Văn Thái	1917	1983	Bắc Việt	Lê Văn Lộc	162L/20 Trường Chinh, phường 12, quận Tân Bình
80	322	Trần Văn Bộ	76T	1998	Bắc Việt	Đình Văn Vương	247/11 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
81	326	Nguyễn Minh Thành	1984	1987	Bắc Việt	Nguyễn Thị Minh Loan	14B/1A Hưng Phú, phường 8, quận 8
82	328	Nguyễn Chí Dũng	1985	1987	Bắc Việt	Trần Thị Lan Hương	97E/21 Quang Trung, phường 8, quận Gò Vấp
83	329	Lê Thị Nhan	1931	1986	Bắc Việt	Lê Viết Hiếu	109/3 Bành Văn Trân, phường 7, quận Tân Bình
84	330	Nguyễn Thị Minh			Bắc Việt	Lê Viết Hiếu	109/3 Bành Văn Trân, phường 7, quận Tân Bình
85	331	Lê Bút	1933	1995	Bắc Việt	Lê Đình Quân	360 Nguyễn Sơn, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
86	334	Phạm Thị Lợi	1893	1984	Bắc Việt	Nguyễn Thị Thu Hà	640/17 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình
87	337	Đỗ Đình Nguyên	1928	2001	Bắc Việt	Đỗ Đình Dũng	215/1 Phan Văn Trị, phường 11, quận Bình Thạnh
88	339	Khuru Lê Hương		1987	Bắc Việt	Khuru Hiền	129/1 Lạc Long Quân, phường 1, quận 11
89	346	Nguyễn Thị Nữ	1933	2003	Bắc Việt	Lê Đình Quân	360 Nguyễn Sơn, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
90	354	Đỗ Thị Minh	1905	1988	Bắc Việt	Lâm Vĩnh Phúc	111/4 Tân Hải, phường 13, quận Tân Bình
91	357	Nguyễn Hoàng Hải	1990	1991	Bắc Việt	Trương Thị Thanh Dung	298/2 Hồ Học Lãm, phường An Lạc, quận Bình Tân
92	360	Phạm Trung Kỳ	1955	1974	Bắc Việt	Nguyễn Thị Thu Hà	640/17 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình
93	364	Trần Thái	1929	1994	Bắc Việt	Trần Hùng	5 Phạm Văn, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
94	365	Đoàn Thị Thanh	1932	1981	Bắc Việt	Nguyễn Đức Hải	83/25 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú
95	367	Trương Thị Bền	1913	2001	Bắc Việt	Nguyễn Tuấn Khanh	415/18 Nguyễn Văn Công, phường 3, quận Gò Vấp
96	374	Liên Đăng Khoa	1994	1994	Bắc Việt	Trương Thị Nga	118/93 Đường số 8, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
97	382	Nguyễn Thị Bội Sâm	77	1981	Bắc Việt	Hoàng Thị Kim Điền	217/90 Bùi Đình Túy, phường 24, quận Bình Thạnh
98	387	Lê Hoàng Hiếu	1972	2001	Bắc Việt	Lê Thị Hoàng Hạnh	39 Đường số 39, phường 10, quận 6
99	388	Nguyễn Văn Trung	1931	2001	Bắc Việt	Nguyễn Hùng Tráng	756/81/22/1 Đoàn Văn Bơ, phường 16, quận 4
100	390	Nguyễn Thị Sanh	1938	1982	Bắc Việt	Lê Bảo Quốc	69/469I Phan Huy Ích, phường 12, quận Gò Vấp

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
101	398	Mộ Chữ Hoa (Trần Thế Hùng)	71T	1969	Bắc Việt	Trần Đại Vệ	104 Trần Hưng Đạo, phường 7, quận 5
102	399	Mộ Chữ Hoa (Long Mỹ Nhan)		1974	Bắc Việt	Trần Đại Vệ	104 Trần Hưng Đạo, phường 7, quận 5
103	405	Nguyễn Văn Bảo	1934	2006	Bắc Việt	Nguyễn Thị Thanh Xuân	960 An Dương Vương, phường 13 quận 6
104	410	Trần Thị Thanh	1903	1990	Bắc Việt	Huỳnh Hoàng Điệp	127/31, KP4, Trung Mỹ Tây, quận 12
105	416	Đoàn Văn Khôi	1947	2001	Bắc Việt	Đoàn Thiên Giáng Linh	33/15A số mới 107/19/1 Phạm Văn Hai, phường 3, quận Tân Bình
106	427	Dương Trung Thành	1959	1992	Bắc Việt	Phan Cẩm Vân	1/30 Tùng Thiện Vương, phường 11, quận 8
107	435	Lê Thị Nghi	1937	2001	Bắc Việt	Huỳnh Ngọc Thái	290/40/35 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh
108	442	Lê Thị Như	1916	1980	Bắc Việt	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	23/45 Hòa Hưng, phường 12, quận 10
109	454	Phạm Văn Mỹ	1970	1998	Bắc Việt	Phạm Thị Bích Nga	490/124/2 Lý Thái Tổ, phường 10, quận 10
110	457	Bùi Văn Cung		68T	Bắc Việt	Nguyễn Hùng Hải	A6/11 ấp Thống Nhất 1, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn
111	459	Lưu Thị Mỹ Quế	1953	1996	Bắc Việt	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	80/7 Ba Vân, phường 14, quận Tân Bình
112	460	Nguyễn Quốc Quân	1976	2001	Bắc Việt	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	80/7 Ba Vân, phường 14, quận Tân Bình
113	461	Nguyễn Thị Thuận		77	Bắc Việt	Hồ Thị Bích Thủy	A5/39N, Tổ 16, Ấp 1A, Vĩnh Lộc B, Bình Chánh
114	462	Công Tăng Tôn Liên Hương	1930	1996	Bắc Việt	Hồ Thị Bích Thủy	A5/39N, Tổ 16, Ấp 1A, Vĩnh Lộc B, Bình Chánh
115	464	Chung Vĩnh Tuấn	1960	2001	Bắc Việt	Đoàn Thị Gái	588/3/23/2 Tinh Lộ 10, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân
116	472	Từ Ư (Bùi Công)	1919	1998	Bắc Việt	Nguyễn Hùng Hải	A6/11 Thống Nhất 1, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn
117	474	Trần Thọ Hiệt	1912	1997	Bắc Việt	Tạ Văn Sanh	76/8 Hà Chương, phường Trung Mỹ Tây, quận 12
118	475	Đoàn Văn Hợp	1906	1999	Bắc Việt	Phạm Nguyễn Quế Phương	41 Tôn Đản, phường 14, quận 4
119	476	Nguyễn Thị Đàm		2003	Bắc Việt	Phạm Nguyễn Quế Phương	41 Tôn Đản, phường 14, quận 4
120	479	Nguyễn Thị Hòa	1957	2000	Bắc Việt	Nguyễn Đình Vương	36 Văn Chung, phường 13, quận Tân Bình
121	480	Trần Thị Tú Phương	1957	2000	Bắc Việt	Trần Văn Bình	44/13B Nguyễn Văn Linh, KP1, Tân Thuận Tây, quận 7
122	482	Nguyễn Lương Thạc	1915	2001	Bắc Việt	Nguyễn Minh Nhật	410/10 cách Mạng Tháng Tám, phường 11, quận 3
123	483	Nguyễn Tòng Bá	1917	1998	Bắc Việt	Nguyễn Hoàng Hà	811/14 Lũy Bán Bích, phường Tân Thành, quận Tân Phú
124	490	Quách Trung Bửu	1965	36T	Bắc Việt	Quách Thị Ngọc Diệp	Ấp Phú Tân, xã Minh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu
125	494	Hà Kim Lộc	1950	2000	Bắc Việt	Nguyễn Thanh Tâm	36A Đường 762 Hồng Bàng, phường Minh Phụng
126	497	Phùng Thị Nga	1925	2001	Bắc Việt	Phùng Bá Nguyên	37 Phan Bội Châu, phường 14, quận Bình Thạnh
127	506	Phùng Bá Nguyệt	1927	1981	Bắc Việt	Phùng Bá Nguyên	37 Phan Bội Châu, phường 14, quận Bình Thạnh
128	514	Nguyễn Thị Hai	1922	2002	Bắc Việt	Nguyễn Thị Ngọc Thắm	268/10 Vĩnh Viễn, phường 4, quận 10
129	519	Nguyễn Thị Nguyệt	1898	1991	Bắc Việt	Nguyễn Mạnh Quân	174/25/31 Nguyễn Thiện Thuật, phường 3, quận 3
130	521	Vũ Đức Song	1949	1990	Bắc Việt	Vũ Hùng	A7.4 C/c Tmdv- 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11
131	525	Triệu Thị Sơ	1924	2002	Bắc Việt	Triệu Văn Thuận	46 Phan Chu Trinh, phường Tân Thành, quận Tân Phú
132	527	Lê Thị Khoai	1910	1999	Bắc Việt	Nguyễn Hữu Thương	338/9/16 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10
133	538	Nguyễn Thị Cát	1922	1981	Bắc Việt	Nguyễn Văn Quý	724/7 Điện Biên Phủ, phường 10, quận 10
134	549	Nguyễn Khánh Thuận	1936	2002	Bắc Việt	Nguyễn Huỳnh Anh Tuấn	29A Đỗ Đức Châu, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú
135	551	Nguyễn Thị Ưa	1934	2002	Bắc Việt	Phan Thế Vượng	524/38 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
136	552	Nguyễn Thị Thu	1912	1998	Bắc Việt	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	724/7 Điện Biên Phủ, phường 10, quận 10
137	556	TRẦN Thị Canh Nguyễn Hữu Chí	1915 1928	1992 2001	Bắc Việt	Nguyễn Hữu Tiến	163D Trần Văn Đang, phường 11, quận 3
138	559	Trần Thị Hử	1919	1992	Bắc Việt	Nguyễn Văn Bình	C15 Đoàn Văn Bơ, phường 13, quận 4
139	560	Nguyễn Văn Vinh	1912	1989	Bắc Việt	Nguyễn Văn Bình	C15 Đoàn Văn Bơ, phường 13, quận 4
140	561	Nguyễn Thị Hòa	1945	1983	Bắc Việt	Nguyễn Văn Bình	C15 Đoàn Văn Bơ, phường 13, quận 4
141	565	Huỳnh Ngọc Phương	1962	2001	Bắc Việt	Huỳnh Thị Ngọc Hương	26/8 Nguyễn Văn Vĩnh, phường Hiệp Tân, quận Tân
142	570	Phạm Huy Phong	1939	1989	Bắc Việt	Lưu Phạm Bích Lan	B1.12.01 Lô B Khu nhà ở cao tầng, phường 11, quận 6
143	578	Đào Thị Đường	1932	1993	Bắc Việt	Trần Thị Lan	197/8B Cao Đạt, phường 1, quận 5
144	580	Trần Văn Thái	1911	1973	Bắc Việt	Trần Thị Lan	197/8B Cao Đạt, phường 1, quận 5
145	584	Trần Ngọc Sơn	1966	2002	Bắc Việt	TRẦN Thị Khanh	80/14G Ba Vân, phường 14, quận Tân Bình
146	587	Nguyễn Văn Ri	1967	2001	Bắc Việt	Võ Thị Kim Thúy	118/20 Bùi Văn Ba, phường 2, quận 7
147	600	Trịnh Ngọc	1930	2001	Bắc Việt	Huỳnh Cương	120/22/5 Lê Văn Quới, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
148	601	Lê Văn Trang	1920	2002	Bắc Việt	Lê Thị Thái Phương	156/18 Nguyễn Lâm, phường 3, quận Bình Thạnh
149	602	Nguyễn Hoàng Huynh	1922	2002	Bắc Việt	Nguyễn Thị Yên	19 Vườn Chuối, phường 4, quận 3
150	603	Lê Hoành	1930	1995	Bắc Việt	Lê Kiến	48/ LK8-9 phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
151	606	Trần Thanh Trí	1956	1974	Bắc Việt	Trần Thị Thu Đăng	33/20 Nghĩa Phát, phường Tân Hòa
152	618	Lư Muôi Tư (tự: Nguyễn Thị Năm)	1925	2001	Bắc Việt	Huỳnh Văn Tài	34/5/1 Nguyên Hồng, phường 11, quận Gò Vấp
153	619	Nguyễn Thị Hào	1943	1998	Bắc Việt	Nguyễn Đức Duy	18 Đường Số 2, Cư Xá Lữ Gia, phường 15, quận 11
154	628	Nguyễn Đình Thụy	1906	1979	Bắc Việt	Nguyễn Huỳnh Anh Tuấn	29A Đỗ Đốc Long, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú
155	629	Phan Thị Hoài	1923	2002	Bắc Việt	Nguyễn Thị Yên	19 Vườn Chuối, phường 4, quận 3
156	631	Phạm Văn Vinh	1920	2002	Bắc Việt	Phạm Thị Kim Loan	46/12/17 Xóm Chiếu, phường 13, quận 4
157	632	Đỗ Thị Xích	1920	2002	Bắc Việt	Trần Văn Trao	266/107 Tôn Đản, phường 8, quận 4
158	640	Nguyễn Văn Hưng	1938	2002	Bắc Việt	Nguyễn Ngọc Tùng	161/24 Phạm Văn Chí, phường 1, quận 6
159	641	Lê Văn Sinh	1944	2002	Bắc Việt	Lê Hoàng Thị Mộng Thu	185/6 Lê Thị Bạch Cát
160	645	Trương Thành Tân	1921	1990	Bắc Việt	Trương Anh Tú	118/90/26E28 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình
161	648	Cao Văn Tít	1927	1990	Bắc Việt	Cao Thị Kim	1889/7B Phạm Thế Hiển, phường 6, quận 8
162	650	Bùi Văn Khánh	1920	1990	Bắc Việt	Nguyễn Trung Nghĩa	43/5A Cống Lữ, phường 15, quận Tân Bình
163	652	Đoàn Trung Hải	1981	1990	Bắc Việt	Lâm Thị Ngọc Giàu	127 Lô S C/c Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10
164	657	Lâm Thái Hòa	1925	1990	Bắc Việt	Phù Thanh Phương	756/36/9 Đoàn Văn Bơ, phường 16, quận Gò Vấp
165	658	Huỳnh Văn Lĩnh	1928	1990	Bắc Việt	Lê Thị Ngà	439/43/10 Hồ Ngọc Lâm, phường An Lạc, quận Bình Tân
166	663	Nguyễn Thị Xuân Hương	1963	1990	Bắc Việt	Nguyễn Minh Hùng	75/1 Đường 30/4, phường Tân Thành, quận Tân Phú
167	667	Nguyễn Thị Hai	1919	1990	Bắc Việt	Lê Văn Bé	125/47 AT11 Âu Dương Lân, phường 2, quận 8
168	669	Lê Văn Chương	1952	1990	Bắc Việt	Lê Thị Phương	B111/19 Xóm Chiếu, phường 16, quận 4
169	680	Bùi Gia Nhâm	1919	2003	Bắc Việt	Bùi Gia Bình	87/21/3 Đường số 4, C/x Đô Thành, phường 4, quận 3
170	684	Vương Kỳ	1934	2002	Bắc Việt	Tôn Thị Kim Luyến	Kc 32/15/8 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Tây, quận 7

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
171	686	Lê Thị Thu Thủy	1972	2002	Bắc Việt	Lê Hoàng Thơm	228 Phan Văn trị, phường 12, quận Bình Thạnh
172	687	Tăng Văn Minh	1930	2002	Bắc Việt	Tăng Tuyết Phượng	134/107 Lý Chính Thắng, phường Võ Thị Sáu, quận 3
173	690	Phùng Nguyệt	1924	2002	Bắc Việt	Trương Thị Cẩm Hoàng	366 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3
174	696	Huỳnh Thị Thiềm	1912	1991	Bắc Việt	Phan Việt Trị	48A Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5
175	698	Nguyễn Văn Bút	1946	1991	Bắc Việt	Nguyễn Thị Ngọc Nga	213/9F Nguyễn Trãi, phường 2, quận 5
176	701	Nguyễn Thị Kim Khánh	1946	1994	Bắc Việt	Nguyễn Nguyên Duy	1416/31/34 Lê Đức Thọ, phường 13, Gò Vấp
177	702	Huỳnh Hoài	1952	1991	Bắc Việt	Huỳnh Thị Hồng Loan	103/5A Trần Huy Liệu, phường 11, quận Phú Nhuận
178	703	Vũ Ngọc Tuyền	1943	1991	Bắc Việt	Vũ Thị Thu Trang	608 Lô C1 C/c 6,4 HA Thạnh Mỹ Lợi,
179	706	Lê Thị Cúc	1911	1992	Bắc Việt	Vũ Thị Lệ Thủy	231/71/21C Bình Tiên, phường 8, quận 6
180	710	Nguyễn Văn Năng	1974	2002	Bắc Việt	Hồ Kim Thùy	39/11D khu phố 1, phường Tân Thuận Tây, quận 7
181	711	Đỗ Văn Bùi	1968	2002	Bắc Việt	Đỗ Thành Phương	B384/11 Đoàn Văn Bơ, phường 18, quận 4
182	712	Nguyễn Thị Đánh	1927	2002	Bắc Việt	Nguyễn Văn Thuận	28/10/6 Huỳnh Khương An, phường 5, quận Gò Vấp
183	714	Phùng Minh Thảo	1980	2002	Bắc Việt	Văn Minh Châu	118/8/9 Liên Khu 5-6, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân
184	715	Lê Hàn Giang	1952	2002	Bắc Việt	Lê Giang Thy	48Bis Nguyễn Thị Huỳnh, phường 11, quận Phú Nhuận
185	719	Nguyễn Thị Phụng	1937	2002	Bắc Việt	Trần Văn Lập	66/6 Lê Đại Hành, phường 7, quận 11
186	722	Phạm Triệu Toàn	1907	1977	Bắc Việt	Phạm Đức Hùng	37/30 Trần Văn Khánh, phường Tân Thuận Đông, quận 7
187	723	Trương Thị Hiền	1920	2002	Bắc Việt	Phạm Đức Hùng	37/30 Trần Văn Khánh, phường Tân Thuận Đông, quận 7
188	725	Nguyễn Thị Nam	1922	2002	Bắc Việt	Lê Hoàng Thịnh	423/27/3 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11
189	726	Nguyễn Thị Nhân	1926	2002	Bắc Việt	Nguyễn Văn Long	1118/2 Phạm Thế Hiển, phường 5, quận 8
190	727	Nguyễn Văn Cai (tên thật ghi: Nguyễn Văn Tấn)	1953	2002	Bắc Việt	Trương Thị Đước	952/8 Lò Gò M, phường 8, quận 6
191	735	Nguyễn Thị Minh	1924	2001	Bắc Việt	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	KC 16 , KP3 , phường Tân Thuận Tây, quận 7
192	737	Vũ Quý Thị Hủy Thủ	1924	1995	Bắc Việt	Nguyễn Thị Giang	1645 Phạm Thế Hiển, phường Bình Đông
193	740	Lưu Đức Hoảng	1953	1972	Bắc Việt	Lưu Tự Phan	395 Lê Hồng Phong, phường 2, quận 10
194	744	Nguyễn Hữu Tuyên	1986	1995	Bắc Việt	Nguyễn Hữu Tiến	163D1 Trần Văn Đang, phường 11, quận 3
195	746	Trần Thị Vọng	1922	1990	Bắc Việt	Trần Ngọc Hưng	88/90 Chánh Hưng, phường 9, quận 8
196	748	Nguyễn Tuấn Phương	1934	1992	Bắc Việt	Nguyễn Trọng Toàn	55/25 Lê Văn Sỹ, phường 13, quận Phú Nhuận
197	749	Lê Văn Đồi (Lê Ngọc Hồ)	1919	1994	Bắc Việt	Lê Tấn Phong	411/33 Lê Đại Hành, phường 11, quận 11
198	751	Trần Văn Thành	1948	1994	Bắc Việt	Nguyễn Thị Loan	458/59 Lý Thái Tổ, phường 10, quận 10
199	755	Trần Văn Thanh	1953	2001	Bắc Việt	Trần Thị Thanh Tuyền	1B Đường 26A, phường 10, quận 6
200	766	Nguyễn Thị Kiêm	1934	2001	Bắc Việt	Hồng Kim Hà	70/474 Phan Huy Ích, phường 12, quận Gò Vấp
201	769	Nguyễn Thị Thoại	1916	2001	Bắc Việt	Nguyễn Thị Lan	224 Lý Thái Tổ, phường 1, quận 3
202	770	Ngô Như Liên	1952	2001	Bắc Việt	Ngô Trường Hải	350/17 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 1, phường Bình Thuận, quận 7
203	771	Nguyễn Thị Tám	1922	2001	Bắc Việt	Nguyễn Văn Quý	32/13 Nguyễn Hữu Cầu, phường Tân Định , quận 1
204	777	Nguyễn Thị Phượng	1925	1995	Bắc Việt	Đoàn Văn Đông	490/33 Lý Thái Tổ, phường 10, quận 10
205	778	Huỳnh Ôn	1924	2003	Bắc Việt	Huỳnh Bá Ân	64/5 Trần Huy Liệu, phường 12, quận Phú Nhuận

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
206	779	Thái Thị Xin	1929	1994	Bắc Việt	Huỳnh Bá Ân	64/5 Trần Huy Liệu, phường 12, quận Phú Nhuận
207	780	Võ Thị Mười	1966	1991	Bắc Việt	Nguyễn Thị Loan	458/59 Lý Thái Tổ, phường 10, quận 3
208	781	Tạ Thị Mai	1931	1990	Bắc Việt	Tạ Thị Kim Cúc	177B Trần Văn Đang, phường 11, quận 3
209	786	Phạm Nguyên Phong	1932	1989	Bắc Việt	Phạm Minh Khánh	416/165 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3
210	787	Đoàn Văn Đàm	1922	1997	Bắc Việt	Đoàn Văn Đông	490/33 Lý Thái Tổ, phường 10, quận 10
211	790	Phạm Văn Bồn (ND: Lương Thị Mão)	1919	2003	Bắc Việt	Phạm Thị Minh Hương	1054/63 CMT8, phường 4, quận Tân Bình
212	791	Phạm Văn Bồn	1921	1990	Bắc Việt	Phạm Thị Minh Hương	1054/63 CMT8, phường 4, quận Tân Bình
213	793	Nguyễn Thị Thái	1935	1997	Bắc Việt	Nguyễn Ngọc Chánh	32 Đường 70, phường 10, quận 6
214	794	Nguyễn Đình Huân	1920	1983	Bắc Việt	Nguyễn Đình Yên	109D/26 Bến Vân Đồn, phường 6, quận 4
215	797	Võ Thị Đáng	1911	2001	Bắc Việt	Nguyễn Hữu Đức Minh	43A Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú
216	800	Khuong Thị Mười	1923	2001	Bắc Việt	Nguyễn Ngọc Tài	136A Hậu Giang, phường 12, quận 6
217	803	Lê Thị Có	1943	2001	Bắc Việt	Nguyễn Văn Giang	109/26A Bến Vân Đồn, phường 9, quận 4
218	804	Trần Thị Hồi	1946	2001	Bắc Việt	Nguyễn Gia Lộc	772/23/5 Đoàn Văn Bơ, phường 16, quận 4
219	805	Trần Thị Đen	1953	2001	Bắc Việt	Trần Thị Thu Vân	158/33 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 3, quận 5
220	806	Trần Thị Bút	1912	2001	Bắc Việt	Vũ Thị Kim Anh	333/3/9 Lê Văn Sỹ, phường 11, quận Tân Bình
221	807	Lưu Thị Sửu	1913	2001	Bắc Việt	Nguyễn Văn Minh	79 Vinh Viễn, phường 2, quận 10
222	809	Hoàng Mạnh Chiến	1949	2001	Bắc Việt	Hoàng Mạnh Trường	560/2L Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình
223	810	Đỗ Thị Nhiên	1945	2001	Bắc Việt	Bùi Xuân Thành	55/6 Phan Đình Phùng, Phường 17, Quận Phú Nhuận
224	813	Bùi Thị Nổi	1915	2001	Bắc Việt	Nguyễn Hoàng Hải Yến	442/11 Lê Quang Định, phường 11, quận Bình Thạnh
225	818	Hồ Thị Năm (ND: Nguyễn Thị Tuyết)	1930	2001	Bắc Việt	Võ Đức Đạt	660/3 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình
226	820	Nguyễn Hồng	1966	2000	Bắc Việt	Phạm Thị Huỳnh Trâm	173/106 An Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân
227	825	Phạm Bá Khoát	1921	1987	Bắc Việt	Tiêu Thị Mỹ Phương	384/85/10 Lý Thái Tổ, phường 10, quận 10
228	826	Nguyễn Thị Liên	1928	1995	Bắc Việt	Phạm Thị Bích Nga	490/124/2 Lý Thái Tổ, phường 10, quận 10
229	828	Phạm Hữu Hưng (ND: Nguyễn Thị Thuận)	1909	1988	Bắc Việt	Phạm Minh Khánh	416/165 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3
230	837	Huỳnh Ngọc Dung		2000	Bắc Việt	Huỳnh Lê Hoàng	200/25 Lê Thánh Tôn, phường Bến Thành, quận 1
231	839	Tăng Tuyết Hoàng	1964	2000	Bắc Việt	Tăng Tuyết Phượng	134/107 Lý Chính Thắng, phường Võ Thị Sáu, quận 3
232	843	Đỗ Văn Thạnh	1939	2001	Bắc Việt	Đỗ Mạnh Phương	96 TX 21, phường Thanh Xuân, quận 12
233	845	Vũ Văn Tường	1924	2001	Bắc Việt	Vũ Công Định	186H/17 Bình Thới, phường 14, quận 11
234	846	Đỗ Thị Hồng	1921	2005	Bắc Việt	Vũ Công Định	186H/17 Bình Thới, phường 14, quận 11
235	847	Nguyễn Thị Khân	1917	2001	Bắc Việt	Nguyễn Xuân Đồng	269 Bùi Thị Xuân, Phường 1, Quận Tân Bình
236	860	Bùi Đắc Khôi	1921	1998	Bắc Việt	Nguyễn Quốc Huy	46/19 Trần Quang Diệu, phường 14, quận 3
237	864	Cao Hữu Huân (ND: Nguyễn Thị Bửu)		1996	Bắc Việt	Cao Thị Thùy Dương	395/5A Nguyễn Kiệm, phường 9, quận Phú Nhuận
238	865	Cao Hữu Huân	1928	1983	Bắc Việt	Cao Thị Thùy Dương	395/5A Nguyễn Kiệm, phường 9, quận Phú Nhuận
239	867	Vũ Thị Thi	1945	1990	Bắc Việt	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	724/7 Điện Biên Phủ, phường 10, quận 10
240	868	Hoàng Trọng Trùng (ND: Phạm Thị Yến)	1913	1983	Bắc Việt	Hoàng Đức Nguyên	105/7 Đô Đốc Long, phường Tân Quý, quận Tân Phú

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
241	872	Trần Quang Vinh	1975	1990	Bắc Việt	Trần Văn Quang	313/7/6 Đường 3/2, phường 10, quận 10
242	873	Đỗ Văn Chí	1923	1990	Bắc Việt	Nguyễn Văn Quý	724/7 Điện Biên Phủ, phường 10, quận 10
243	874	Cao Hữu Hỷ	1915	1997	Bắc Việt	Cao Hữu Thạch	82/27A (số mới: 82/17/5) Đinh Tiên Hoàng, phường 1, quận Bình Thạnh
244	876	Nguyễn Thị Dung	1929	2007	Bắc Việt	Lê Thị Thời	10/6 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đakao, quận 1
245	879	Phạm Thị Giới	1904	1983	Bắc Việt	Lê Thị Long	22/4/9 Đường 21, phường 8, quận Gò Vấp
246	880	Trúc Hâu (Húy: Lê Thị Tiểu Khanh)	86T	1973	Bắc Việt	Hoàng Thị Kim Điền	217/90 Bùi Đình Túy, phường 24, quận Bình Thạnh
247	885	Nguyễn Văn Tinh	1928	2003	Bắc Việt	Nguyễn Thị Kim Thanh	516/28 Phạm Thế Hiển, phường 4, quận 8
248	887	Trần Xuân Chấn	1930	2003	Bắc Việt	Nguyễn Thị Ngọt	258/2/4 Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, quận 3
249	889	Lưu Tấn Lãng (Tạ Thị Thu)	1920	1992	Bắc Việt	Lưu Kiều Liên	382 Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, quận 3
250	899	Đỗ Văn Thuận	1981	1997	Bắc Việt	Đỗ Thanh Hòa	578/36/18 Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp
251	900	Nguyễn Văn Mau	1925	2003	Bắc Việt	Nguyễn Văn Quốc	527/52 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp
252	902	Trần Thị Bông (Trịnh Thị Bông)	1919	2004	Bắc Việt	Lê Quốc Giàu	50/26F Nguyễn Thượng Hiền, phường 1, quận Gò Vấp
253	904	Phạm Đức Cường	1957	2004	Bắc Việt	Phạm Đức Hùng	37/30 Trần Văn Khánh, phường Tân Thuận Đông, quận 7
254	908	Lê Văn Thọ	1916	2003	Bắc Việt	Lê Quốc Giàu	50/26F Nguyễn Thượng Hiền, phường 1, quận Gò Vấp
255	909	Huỳnh Thị Cẩm	1907	1981	Bắc Việt	Trương Ngọc Ngà	108/89/2/2 Trần Văn Quang, phường 10, quận Tân Bình
256	915	Lê Anh Phụng	1960	1989	Bắc Việt	Lê Văn Phú	39/30 Hồ Đắc Di, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú
257	918	Trương Văn Vàng	1902	1989	Bắc Việt	Trương Ngọc Ngà	108/89/2/2 Trần Văn Quang, phường 10, quận Tân Bình
258	920	Phan Văn Phước	1947	1989	Bắc Việt	Phan Văn Hữu Tiến	163/1E Khu phố 4, phường 1, quận 10
259	929	Lê Thị Kim Thanh	1969	1989	Bắc Việt	Võ Thị Thanh Lan	341/19A Khuông Việt, phường Phú Trung, quận Tân Phú
260	936	Hứa Vinh	1930	1996	Bắc Việt	Lê Văn Sang	125/158D16 Nguyễn Thị Tần, phường 2, quận 8
261	942	Huỳnh Văn Nghiệm	1956	1989	Bắc Việt	Huỳnh Kim Tuyền	8/1A Nguyễn Sĩ Cồ, phường 15, quận 8
262	945	Lê Minh Hiệu	1971	1989	Bắc Việt	Lê Minh Lực	333/42 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú
263	949	Võ Văn Sáu	1917	1997	Bắc Việt	Võ Hoàng Trắc	34TA10 phường Thới An, quận 12
264	963	Hoàng Đình Tư	1910	1984	Bắc Việt	Hoàng Thị Kim Điền	217/90 Bùi Đình Túy, phường 24, quận Bình Thạnh
265	964	Đặng Văn Vũ (ND: Trần Thị Điu)	82T	1973	Bắc Việt	Lương Quốc Hưng	107/13/2 Đường số 11, Kp15, phường 11, quận Gò Vấp
266	965	Nguyễn Thái	1925	2006	Bắc Việt	Nguyễn Thị Hạnh	31 Lê Lư, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
267	966	Nguyễn Văn Hải	1935	1974	Bắc Việt	Nguyễn Hoàng Sang	Ấp Sơn Hòa, Vọng Đông, Thoại Sơn, An Giang
268	972	Đỗ Thị Sáo	1916	1975	Bắc Việt	Đỗ Thị Huệ	179/31 Trần Văn Đang, phường 11, quận 3
269	991	Nguyễn Hữu Đức Thy	1980	2007	Bắc Việt	Nguyễn Thị Thuý Tiên	81/1/2 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 19, quận Bình Thạnh
270	997	Đặng Thị Đen	1937	2002	Bắc Việt	Hứa Thiện Mẫn	31A/2 Hùng Vương, phường 9, quận 5
271	999	Vũ Thị Tinh		1984	Bắc Việt	Đàm Văn Khôi	219/63 Trần Văn Đang, phường 11, quận 3
272	1002	Phạm Thị Huệ	1950	1985	Bắc Việt	Phạm Thị Minh Hương	1054/63 CMT8, phường 4, quận Tân Bình
273	1003	Nguyễn Hữu Trí	1928	2003	Bắc Việt	Lê Thị Hữu	338/9/16 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10
274	1013	Nguyễn Văn Dũng	1939	2000	Bắc Việt	Nguyễn Thị Bích Thu	490/8 Lý Thái Tổ, phường 10, quận 10
275	1022	Phạm Thị Mận	1929	1981	Bắc Việt	Lý Tấn Trung	385B/6H10 Hậu Giang, phường 11, quận 6

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
276	1023	Phạm Văn Bảo	1918	1981	Bắc Việt	Lý Tấn Trung	385B/6H10 Hậu Giang, phường 11, quận 6
277	1024	Phạm Thị Nén	1911	1976	Bắc Việt	Lý Tấn Trung	385B/6H10 Hậu Giang, phường 11, quận 6
278	1028	Dương Thị Vàng	1983	1974	Bắc Việt	Lý Tấn Trung	385B/6H10 Hậu Giang, phường 11, quận 6
279	1029	Phạm Thị Đề	1883	1973	Bắc Việt	Lý Tấn Trung	385B/6H10 Hậu Giang, phường 11, quận 6
280	1030	Hoàng Chí Trung	1996	1972	Bắc Việt	Lý Tấn Trung	385B/6H10 Hậu Giang, phường 11, quận 6
281	1032	Nguyễn Thành Nhã	1951	1997	Bắc Việt	Nguyễn Vĩnh Thuận	918/20 Quang Trung, phường 8, quận Gò Vấp
282	1033	Nguyễn Thị Hoa	1936	1997	Bắc Việt	Hồ Văn Bắc	96/1/1F Phan Đình Phùng, phường 2, quận Phú Nhuận
283	1036	Đặng Văn Lâu	1945	2001	Bắc Việt	Đặng Thị Thu Yến	KA 42 Trần Xuân Soạn, Kp3, phường Tân Thuận Tây, quận 7
284	1038	Nguyễn Đình Bàng	1916	1997	Bắc Việt	Nguyễn Đình Hân	38/4 Đỗ Tấn Phong, phường 9, quận Phú Nhuận
285	1043	Nguyễn Thị Mười	1930	1997	Bắc Việt	Huỳnh Hữu Thành	756/59/13 Đoàn Văn Bơ , phường 16 , Q4
286	1051	Dương Xuân Thịnh	1977	1997	Bắc Việt	Lợi Kim Phượng	396A Cách Mạng Tháng Tám, phường 11, quận 3
287	1055	Hồ Văn Ty	1925	1997	Bắc Việt	Hồ Nhật Linh	241/15 Bến Ván Đồn, phường 2, quận 4
288	1057	Dương Thị Dương	1916	1997	Bắc Việt	Trần Ngọc Dũng	254/33/40 Bến Ván Đồn, phường 02, quận 4
289	1073	Nguyễn Văn Mốc	1913	1997	Bắc Việt	Nguyễn Văn Hòa	16/18/17 Nguyễn Thiện Thuật, phường 2, quận 3
290	1074	Mộ Chữ Hoa (Tô Tam Muội)			Bắc Việt	Tăng Tô Muội	79/13 Phạm Đình Hổ, phường 2, quận 6
291	1078	Nguyễn Thị Kiểm	1938	1997	Bắc Việt	Phạm Thị Ngọc Mỹ	101/1T, Kp7, phường Tân Thới Nhất, quận 12
292	1080	Nguyễn Văn Vinh	1972	1997	Bắc Việt	Lê Văn Quang	252/41 Phan Anh, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú
293	1081	Phùng Thị Thuận	1954	1997	Bắc Việt	Nguyễn Trọng Phương	235/67 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3
294	1089	Lê Thị Ân	1950	1997	Bắc Việt	Lê Cao Trí	410 Hàm Tử, phường An Đông
295	1092	Trương Thanh Hải	1965	1997	Bắc Việt	Trần Thị Kim An	183/25K Tân Hòa Đông, phường 14, quận 6
296	1093	Nguyễn Trung Hiền	1961		Bắc Việt	Nguyễn Trung Cang	B18/4 Phạm Thế Hiển, phường 3, quận 8
297	1095	Nguyễn Thị Chi	1910	1997	Bắc Việt	Hứa Thiện Mẫn	31A/2 Hùng Vương, phường 9, quận 5
298	1096	Nguyễn Hoài Vũ	1977	1997	Bắc Việt	Nguyễn Thị Lành	154/16 Phong Phú, phường 12, quận 8
299	1098	Nguyễn Thị Tiếp	1960	1997	Bắc Việt	Hoàng Thị Ngọc Thảo	160/21C Nguyễn Duy Dương, phường 2, quận 10
300	1100	Nguyễn Văn Huệ	1941	1997	Bắc Việt	Nguyễn Thị Thu Hương	904/22 Nguyễn Chí Thanh, phường 4, quận 11
301	1101	Phạm Thị Cẩn Lê Thành Năng	1919 1917	1989 1997	Bắc Việt	Huỳnh Bồi	396 Lê Đức Thọ, phường 6, quận Gò Vấp
302	1103	Trần Thị Sớm	1925	1997	Bắc Việt	Dương Thị Ánh Tuyết	38 Phạm Văn Xảo, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
303	1104	Huỳnh Tấn Thành	1955	1997	Bắc Việt	Huỳnh Tấn Cường	617/8 Ba Đình, phường 9, quận 8
304	1109	Châu Văn Hai	1931	1997	Bắc Việt	Châu Văn Khả	205/8A11/2 Tân Hòa Đông, phường 14, quận 6
305	1111	Võ Thị Ngọc Lan	1963	1997	Bắc Việt	Võ Văn Minh	21/35 Bùi Thế Mỹ, phường 10, quận Tân Bình
306	1113	Lê Văn Liêm	1929	1997	Bắc Việt	Lê Thị Huyền Linh	100/8 Kp3C, Thạnh Lộc, Quận 12
307	1116	Nguyễn Quang Duyên	1922	1997	Bắc Việt	Nguyễn Thị Yến	243/2Bis Tôn Đức, phường 15, quận 4
308	1117	Nguyễn Thị Nhã	1926	1996	Bắc Việt	Nguyễn Thị Yến	243/2Bis Tôn Đức, phường 15, quận 4
309	1127	Hoàng Văn Tài	1944	1998	Bắc Việt	Hoàng Kim Anh	15/102/15 Hòa Bình, phường 3, quận 11
310	1128	Huỳnh Thị Cúc			Bắc Việt	Lâm Thị Diệu	87/90 Nguyễn Sỹ Sách, phường 15, quận Tân Bình

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
311	1141	Đặng Văn Hóa	1915	2002	Bắc Việt	Đặng Thị Kim Anh	Ka30 Kp3, phường Tân Thuận Tây, quận 7
312	1146	Nguyễn Văn Lộc	1936	1997	Bắc Việt	Nguyễn Hồ Thọ	343/37 Phan Xích Long, phường 1, quận Phú Nhuận
313	1147	Nguyễn Quý Chung	1947	1997	Bắc Việt	Nguyễn Quý Phong	144/12/18 Đường số 6, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân
314	1148	Trần Văn Xinh	1929	1997	Bắc Việt	Nguyễn Hồ Hữu Thắng	B412 Đoàn Văn Bơ, phường 18, quận 4
315	1150	Trần Thị Sánh	1931	1999	Bắc Việt	Nguyễn Hồ Hữu Thắng	B412 Đoàn Văn Bơ, phường 18, quận 4
316	1155	Nguyễn Lương Thành	1923	1997	Bắc Việt	Nguyễn Lương Tâm	273/47 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10
317	1156	Nguyễn Thị Ngân	1892	1989	Bắc Việt	Nguyễn Thị Đông	243 Bạch Đằng, phường 15, quận Bình Thạnh
318	1157	Lê Văn Viên	1929	1989	Bắc Việt	Văy Thị Ngọc Trinh	55/10 Lý Chiêu Hoàng, phường 10, quận 6
319	1158	Võ Thị Phụng	1939	1996	Bắc Việt	Đỗ Thành Phương	B384/11 Đoàn Văn Bơ, phường 18, quận 4
320	1160	Bùi Đức Tân	1960	1996	Bắc Việt	Dương Thị Hạnh	490/62 Lý Thái Tổ, phường 10, quận 10
321	1161	Đỗ Văn Bé	1963	2008	Bắc Việt	Đỗ Thành Phương	B384/11 Đoàn Văn Bơ, phường 14, quận Bình Thạnh
322	1163	Lê Văn Lành	1929	1997	Bắc Việt	Lê Thị Thu Nga	666/32 Đường 3/2, phường 14, quận 10
323	1165	Võ Hữu Sơn	1980	2008	Bắc Việt	Đỗ Thành Phương	B384/11 Đoàn Văn Bơ, phường 18, quận 4
324	1177	Mai Khánh Linh (tự: Hồ Đế Sơn)	1971	1983	Bắc Việt	Mai Khánh Diệu Linh	363/46 Đinh Bộ Lĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh
325	1178	Nguyễn Huy Thịnh (ND: Phùng Thị Du)	1921	1983	Bắc Việt	Nguyễn Thị Lộc	130/24 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh
326	1179	Đỗ Thị Vân (Oanh)	1943	1994	Bắc Việt	Đỗ Văn Khoa	42/13 Nguyễn Thượng Hiền, phường 5, quận 3
327	1186	Lê Thị Tỵ	1922	1980	Bắc Việt	Đỗ Văn Khoa	42/13 Nguyễn Thượng Hiền, phường 5, quận 3
328	1190	Đỗ Văn Quân	1950	1971	Bắc Việt	Đỗ Văn Khoa	42/13 Nguyễn Thượng Hiền, phường 5, quận 3
329	1191	Đỗ Văn Khôi	1912		Bắc Việt	Đỗ Văn Khoa	42/13 Nguyễn Thượng Hiền, phường 5, quận 3
330	1195	Lê Thị Lục	1914	1978	Bắc Việt	Dương Văn Tâm	13/6 KP17, Tô Ký, phường Đông Hưng Thuận, quận 12
331	1196	Nguyễn Văn Lịch	1937	1976	Bắc Việt	Đỗ Văn Khoa	42/13 Nguyễn Thượng Hiền, phường 5, quận 3
332	1200	Hà Ngọc Quang (Hà Ngọc Hưng)	1916	2001	Bắc Việt	Hoàng Thị Thanh	113/7 Lê Lư, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
333	1203	Nguyễn Thị Tám	1913	1993	Bắc Việt	Hoàng Kim Phụng	521/67/28 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình
334	1214	Huỳnh Văn Chính	1919	1992	Bắc Việt	Huỳnh Văn Út	31A Đỗ Đức Chấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú
335	1215	Long Nguyên Chánh	1926	1993	Bắc Việt	Long Thị Anh Đào	114 Trần Quốc Tuấn, Phường 1, Quận Gò Vấp
336	1220	Mộ Chữ Hoa (Trần Anh)			Bắc Việt	Trương Trần Ngọc	1378/19 Võ Văn Kiệt, phường 11, quận 6
337	1222	Nguyễn Thị Cửu		1982	Bắc Việt	Đinh Quang Tuyền	103/5 Trần Mai Ninh, phường 11, quận Tân Bình
338	1226	Lê Minh Hoàng	1957	1998	Bắc Việt	Nguyễn Thị Kim Ngân	42/187 Huỳnh Đình Hai, phường 24, quận Bình Thạnh
339	1227	Nguyễn Văn Du	1948	1999	Bắc Việt	Nguyễn Thị Kim Uyên	490/124/4H Lý Thái Tổ, phường 10, quận 10
340	1228	Lương Văn Thức (Tức Sự)	1903	1979	Bắc Việt	Vũ Văn Xuân	6E đường 33 , phường Tân Kiểng, quận 7
341	1230	Phạm Minh Sáu	1918	1984	Bắc Việt	Hoàng Thị Kim Điền	217/90 Bùi Đình Túy, phường 24, quận Bình Thạnh
342	1232	Trần Thị Quê	1952	2001	Bắc Việt	Đỗ Thị Kim Thi	J46 Cư Xá Vĩnh Hội, Bến Vân Đồn, phường 6, quận 4
343	1233	Đào Ngọc Quý	1973	1999	Bắc Việt	Nguyễn Đào Nguyên	28/15 Trần Bình Trọng, phường 1, quận 5
344	1234	Võ Thị Nhị	1926	2001	Bắc Việt	Long Thị Anh Đào	114 Trần Quốc Tuấn, Phường 1, Quận Gò Vấp
345	1235	Long Nguyên Chánh (ND: Võ Thị Truyền)	1936	1999	Bắc Việt	Long Thị Anh Đào	114 Trần Quốc Tuấn, Phường 1, Quận Gò Vấp

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
346	1236	Lê Quang Hiệp	1960	2006	Bắc Việt	Lê Quang Thìn	67/30, KP3, phường Tân Quy, Quận 7
347	1237	Lê Văn Đức	1927	2004	Bắc Việt	Lê Thị Thanh	29/12D Đông Lân, Bà Điểm, Hóc Môn
348	1240	Trần Thị Ngân	1902	1992	Bắc Việt	Mai Khúc Trường Giang	382/27/15 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3
349	1242	Hà Văn Lâm	1927	1978	Bắc Việt	Hà Tiến Dũng	77 Bác Ái, phường Tân Thành, quận Tân Phú
350	1249	Trần Thị Tám	1968	1992	Bắc Việt	Trần Văn Nhó	79 Bùi Đình Túy, phường 24, Bình Thạnh
351	1251	Trần Văn Nhất	1922	1974	Bắc Việt	Trần Văn Nhó	79 Bùi Đình Túy, phường 24, Bình Thạnh
352	1256	Đình Thành Chiến	1946	1972	Bắc Việt	Đình Thành Tuấn	107/26/7A Ngô Tất Tố, phường 22, Bình Thạnh
353	1257	Lê Trung Trực	1954	1972	Bắc Việt	Lê Thị Thúy Hồng	94/5 Bùi Đình Túy, phường 12, quận Bình Thạnh
354	1259	ParQQuiassang	1914	1976	Bắc Việt	Nguyễn Thị Nga	185/20G Nguyễn Phúc Chu, phường 15, quận Tân Bình
355	1260	lê Thị Mãi	78T	1976	Bắc Việt	Lê Thị Thúy Hồng	94/5 Bùi Đình Túy, phường 12, quận Bình Thạnh
356	1262	Mai Văn Minh	1892	86T	Bắc Việt	Mai Khúc Trường Giang	382/27/15 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3
357	1267	Hoàng Thị Riêng	42T	1971	Bắc Việt	Lưu Thị Nguyệt	188 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1
358	1268	Lưu Văn Giai	1919	1994	Bắc Việt	Lưu Thị Nguyệt	188 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1
359	1271	Nguyễn Thị Bảy	1905	1982	Bắc Việt	Nguyễn Thị Kim Thanh	201 Lô F C/c Lê Thị Riêng, phường 15, quận 10
360	1274	Nguyễn Hữu Tuất	1928	1982	Bắc Việt	Nguyễn Hữu Phôn	463B/27K Cách Mạng Tháng Tám, phường 13, quận 10
361	1282	Nguyễn Văn Phúc	1958	1982	Bắc Việt	Nguyễn Ngọc Thi	338/1/17 An Dương Vương, phường 4, quận 5
362	1284	Hà Văn Sinh	1912	1990	Bắc Việt	Hà Ngọc Hải	108/22 Thích Quảng Đức, phường 5, quận Phú Nhuận
363	1285	Lê Văn Cáp	1917	2003	Bắc Việt	Lê Thị Vinh	692/56A Đoàn Văn Bơ, phường 16, Quận 4
364	1292	Lê Thị Khương	1918	1999	Bắc Việt	Nguyễn Thị Hồng	408/12 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3
365	1298	Nguyễn Thị Minh (Nguyễn Thị Gái)	1899	1988	Bắc Việt	Nguyễn Đình Quyển	51/23 Ông Ích Khiêm, phường 10, quận 11
366	1303	Lê Văn Thành	1933	2005	Bắc Việt	Đỗ Thị Thu Nga	834W1 Đoàn Văn Bơ, phường 10, quận 4
367	1308	Hà Ngọc Dũng	1980	2005	Bắc Việt	Hà Ngọc Sỹ	329A Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8
368	1309	Trần Tiêu Anh	1915	2000	Bắc Việt	Trương Thị Kim Anh	40/60/14 Nguyễn Khoái, phường 2, quận 4
369	1310	Vũ Thị Ánh Tuyết	1958	1982	Bắc Việt	Vũ Thị Bích Vân	54/8 Nguyễn Hồng Đào, phường 14, quận Tân Bình
370	1312	Nguyễn Đức Thành	1955	1982	Bắc Việt	Nguyễn Thanh Phong	A13/15K Thiên Giang, KP1, Tân Túc, Bình Chánh
371	1313	Nguyễn Văn Nghị	1909	1985	Bắc Việt	Nguyễn Thị Dự	36 Đường 10, khu dân cư Trung Sơn, huyện Bình Chánh
372	1316	Lê Minh Sơn	1922	1982	Bắc Việt	Nguyễn Khánh Phương	418/4B Trần Phú, phường 7, quận 5
373	1321	Bùi Thị Vui		66T	Bắc Việt	Nguyễn Thị Dự	36 Đường 10, khu dân cư Trung Sơn, huyện Bình Chánh
374	1322	Bùi Thị Ỗ (Tức Nguyễn Thị Ba)	1918	1997	Bắc Việt	Nguyễn Thị Kim Anh	508 Lô A C/c 675 Nguyễn Kiệm, phường 9, quận Phú Nhuận
375	1323	Lê Thị Loan	1918	1982	Bắc Việt	Nguyễn Hồng Phúc	182/47 Bạch Đằng, phường 24, Bình Thạnh
376	1332	Mộ chữ hoa (Mao Cảnh Thoại)	1888	1970	Bắc Việt	Lương Quyền	50/13 Hòa Bình, phường 5, quận 11
377	1333	Mộ chữ hoa (Tào Thị)	1893	1954	Bắc Việt	Lương Quyền	50/13 Hòa Bình, phường 5, quận 11
378	1340	Nguyễn Thị Gắng	39T	1966	Bắc Việt	Khúc Văn Công	41 Âu Cơ, phường 14, quận 11
379	1348	Bùi Thị Cẩm Tâm	1958	1998	Bắc Việt	Nguyễn Minh Em	28E/1 Bến Bình Đông, phường 11, quận 8
380	1354	Quách Đình Quỳ	1909	1966	Bắc Việt	Quách Đình Khanh	Thôn Cao Thắng, xã Eakao, Tphường Buôn Mê Thuộc, Tỉnh Đắk Lắk

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
381	1356	Nguyễn Văn Ky	1956	1999	Bắc Việt	Nguyễn Thị Diệu	147A/5/2E Gò Công, phường 13, quận 5
382	1361	Nguyễn Tam Chí	1901	1968	Bắc Việt	Trần Trung	947/63/3 khu phố 8, phường 11, quận Tân Bình
383	1368	Nguyễn Thanh Lợi	53T	1966	Bắc Việt	Nguyễn Thành Ngân	39CT Tam Đảo, phường 15, quận 10
384	1376	Đào Ngọc Tuấn	1966	1999	Bắc Việt	Đào Minh Tân	26C/40 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
385	1377	Trịnh Huỳnh Hoa	1950	1996	Bắc Việt	Võ An Thắng	68 Lầu 3, Hùng Vương, phường 9, quận 5
386	1378	Ngô Văn Liên	1905	1971	Bắc Việt	Ngô Văn Khải	92/41/5B Tôn Thất Thuyết, quận 4
387	1379	Nguyễn Gia Mô	1902	1972	Bắc Việt	Nguyễn Thị Hồng Nhật	16/75/20A Nguyễn Thiện Thuật phường 2, quận 3
388	1384	Nguyễn Nho	1922	1998	Bắc Việt	Nguyễn Thị Tuyết Lan	494/42 Hòa Hảo, phường 5, quận 10
389	1386	Nguyễn Thị Tốt	1921	1998	Bắc Việt	Nguyễn Thị Hoa	144/6 Tân Thới 2, Tân Hiệp, Hóc Môn
390	1388	Trần Tấn Đạt	1937	1999	Bắc Việt	Trần Kim Phụng	161C/26 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
391	1390	Nguyễn Thị Kim Trúc	1979	1998	Bắc Việt	Nguyễn Hoài Vũ	94 đường số 14, khu phố 15, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
392	1395	Trương Quân Phiệt	1982	2006	Bắc Việt	Trần Thị Thu Thủy	1/45 Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, quận 12
393	1396	Trần Văn Sự	1924	1999	Bắc Việt	Trần Thanh Hùng	66/19 Mã Lò, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân
394	1397	Nguyễn Văn Văn	1929	1999	Bắc Việt	Nguyễn Thị Lộc	325/19 Nguyễn Duy Dương, phường 4, quận 10
395	1401	Hà Văn Há			Bắc Việt	Hà Diệu Hưng	300A Tôn Thất Hiệp, phường 12, quận 11
396	1403	Hoàng Ngọc Hiệp	1935	1999	Bắc Việt	Hoàng Ngọc Hiếu	100/22A Nguyễn Thị Nhỏ, phường 9, quận Tân Bình
397	1405	Trần Nguyên Ký			Bắc Việt	Trần Cam Phụng	93/34 Phùng Tá Chu, phường An Lạc A, quận Bình Tân
398	1407	Nguyễn Thị Kim Anh	1968	2000	Bắc Việt	Nguyễn Phi Hùng	224/76 Đường số 8, Kp 37, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
399	1410	2 Cốt: Tăng Dương, Lưu Tam			Bắc Việt	Huỳnh Kim Liên	443 Lũy Bán Bích, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú
400	1430	Nguyễn Văn Sơn	1957	1971	Bắc Việt	Nguyễn Văn Long	240/11/9 Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, quận 3
401	1439	Nguyễn Văn Hoàng	1952	1971	Bắc Việt	Nguyễn Bá Lộc	217/11/31 Bùi Đình Túy, phường 24, quận Bình Thạnh
402	1440	Lý Hiền Đức	1943	2000	Bắc Việt	Lý Thanh Hải	45/15A Võ Trường Toản, phường 12, quận 5
403	1441	Lê Văn Thu	1950	1991	Bắc Việt	Đào Quốc Tấn	3.18 Cao Ốc A Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10
404	1442	Vũ Công Thoan	1918	2001	Bắc Việt	Vũ Công Nguyên	162/97 Nguyễn Văn Khỗi, phường 9, Gò Vấp
405	1807	Dịch Hữu Hoà	1926	2004	Cán Bộ	Dịch Hữu Thành	54 Phạm Hồng Thái, phường Bến Thành, quận 1
406	1809	Lê Thị Gừng	1943	2004	Cán Bộ	Lê Thanh Bình	820/90/39A Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp
407	1816	Lư Tài	1979	2004	Cán Bộ	Lư Văn Thành	76/5 Hồ Biểu Chánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận
408	1819	Nguyễn Thị Hoa	1926	2004	Cán Bộ	Võ Hữu Nghĩa	106/21/14 Phan Văn Hân, phường 17, quận Bình Thạnh
409	1820	Nguyễn Văn Thâu	1916	2005	Cán Bộ	Nguyễn Thị Lan	224 Lý Thái Tổ, phường 1, quận 3
410	1822	Nguyễn Đình Đồng	1954	2005	Cán Bộ	Lý Thị Cúc	38 Trần Bình Trọng, phường 1, quận 5
411	1824	Nguyễn Văn Tấn	1956	2005	Cán Bộ	Nguyễn Ngọc Lâm	35/11/4/17E Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8
412	1825	Phạm Đình Don	1949	2005	Cán Bộ	Phạm Đình Dũng	Thôn Địa, Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội
413	1834	Nguyễn Đức Hùng	1965	2004	Cán Bộ	Nguyễn Đức Ninh	300/17/22 Nguyễn Văn Lượng, phường 16, quận Gò Vấp
414	1836	Quan Vĩnh Trạch (Mộ Chử Hoa)			Cán Bộ	Quan Gia Kiên	206 Lô B C/c Lý Thường Kiệt, phường 7, quận 11
415	1837	Nguyễn Văn Nở	1920	2004	Cán Bộ	Nguyễn Kim Cúc	623/14 Cách Mạng Tháng Tám, phường 15, quận 10

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
416	1841	Nguyễn Thị Sừ	1924	2004	Cán Bộ	Vũ Minh Vương	1056/2/25/1 Tinh lộ 43 kp1, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức
417	1847	Đinh Đức	1922	2004	Cán Bộ	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	20/10 Đô Độc Lộc, phường Tân Quý, quận Tân Phú
418	1848	Nguyễn Thị Ngộ	1930	2004	Cán Bộ	Nguyễn Thị Nghĩa	41/49/2A Cù Lao Nguyễn Kiệu, phường 1, quận 4
419	1852	Nguyễn Thị Bảy	1936	2004	Cán Bộ	Lương Hoan Huân	254/98/19E Âu Cơ, phường 9, quận Tân Bình
420	1859	Mộ Chữ Hoa			Cán Bộ		
421	1860	Mộ Chữ Hoa			Cán Bộ	Đỗ Kiến	22/23 Cẩm Bá Thước, phường 7, quận Phú Nhuận
422	1862	Trần Xuân Thống	1944	2004	Cán Bộ	Bùi Trần Thảo Khánh	193/20 Nguyễn Cư Trinh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1
423	1866	Nguyễn Văn Lắm	1945	2004	Cán Bộ	Lê Văn Hùng	104/61 Bùi Viện, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1
424	1868	Nguyễn Thị Kim Long	1964	2004	Cán Bộ	Phạm Chí Hùng	437/65/17 Lê Đức Thọ, phường 16, quận Gò Vấp
425	1874	Lê Văn Ty	1923	2004	Cán Bộ	Lê Văn Tàu	105H/42 Hồ Thị Kỳ, phường 1, quận 10
426	1879	Phạm Thị Bé	1935	2004	Cán Bộ	Nguyễn Thị Kim Chi	53/112/18 Trần Khánh Dư, phường Tân Định, quận 1
427	1885	Mộ Chữ Hoa (Đàm Ký)	1929	2004	Cán Bộ	Đàm Lệ Phấn	12 Bàn Cờ, phường 3, quận 3
428	1886	Nguyễn Văn Hiền	1959	2004	Cán Bộ	Huỳnh Thị Xuân	527/18/26 Trường Chinh, Kp42, phường Tân Thới Nhất, quận 12
429	1894	Phạm Hồng Thái	1953	2004	Cán Bộ	Phạm Văn Thuần	304/37/5 Tân Kỳ Tân Quý, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú
430	1895	Cao Ngọc Phước	1961	2004	Cán Bộ	Cao Ngọc Huyền Trinh	99/18/19 TX21, phường Thạnh Xuân, quận 12
431	1902	Huỳnh Văn Trung	1941	2004	Cán Bộ	Huỳnh Công Tín	21/1 Trần Quý, phường 4, Quận 11
432	1910	Lâm Thị Lý	1948	2004	Cán Bộ	Lê Văn Tuấn	166/172 Đoàn Văn Bơ, phường 14, quận 4
433	1915	Lê Thị Nhân	1931	2004	Cán Bộ	Nguyễn Văn Châu	66/91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 21, quận Bình Thạnh
434	1920	Nguyễn Văn Bổng	1942	2004	Cán Bộ	Nguyễn Văn Bổng	C100 đường Xóm Chiếu, phường 14, quận 4
435	1923	Nguyễn Thị Hồng Loan	1931	2004	Cán Bộ	Nguyễn Ngọc Thoại	95 Tân Trang, phường 09, quận Tân Bình
436	1930	Trần Thị Nhiều	1920	2004	Cán Bộ	Trần Quốc Tuấn	290A/49A Dương Bá Trạc, phường 1, quận 8
437	1937	Nguyễn Ánh Sơn	1977	2004	Cán Bộ	Đào Đình Ngọc Niên	198/82 Đoàn Văn Bơ, phường 9, quận 4
438	1946	Nguyễn Tiến Hà	1978	2004	Cán Bộ	Nguyễn Thị Kim Hạnh	90 Cư Xá Đường Sắt Lý Thái Tổ, phường 1, quận 3
439	1948	Huỳnh Nghi	1924	2004	Cán Bộ	Huỳnh Tới	55/43 Nguyễn Văn Công, phường 3, Gò Vấp
440	1956	Nguyễn Thị Vân	1950	2004	Cán Bộ	Trần Thị Vân Anh	168B Tân Hòa Đông, phường Phú Lâm
441	1959	Phan Anh	1939	2004	Cán Bộ	Phan Khắc Tiến	451/11 Bis Phạm Thế Hiển, Phường 3, Quận 8
442	1967	Trần Văn Sang	1939	2004	Cán Bộ	Trần Phi Vũ	161/8 Đường số 8, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân
443	1970	Lâm Thị Lan	1939	2004	Cán Bộ	Nguyễn Thị Phong Phú	262/70B Tôn Thất Thuyết, phường 3, quận 4
444	1974	Mộ Chữ Hoa (Phan Kỳ Tề)		2004	Cán Bộ	Lưu Thanh Mai	165Bis Lãnh Binh Thăng, phường 12, quận 11
445	1976	Dương Thị Huê	1941	2004	Cán Bộ	Nguyễn Văn Dũng	411/36 Lê Đức Thọ, phường 17, quận Gò Vấp
446	1977	Nguyễn Thị Quy	1927	2004	Cán Bộ	Nguyễn Văn Hòa	16/18/17 Nguyễn Thiện Thuật, phường 2, quận 3
447	1981	Huỳnh Tấn Phát	1926	2004	Cán Bộ	Huỳnh Di Hoa	115/863 Nguyễn Kiệm, Kp12, Phường Hạnh Thông
448	1985	Nguyễn Thị Bảy	1941	2004	Cán Bộ	Mai Phước Dũng	199/9 Đề Thám, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1
449	1990	Nguyễn Thị Năm	1911	2004	Cán Bộ	Nguyễn Ngọc Trung	57/60 Trần Bình Trọng, phường 1, quận 5
450	1992	Mộ Chữ Hoa (Châu Tống Sáng)	1948	2004	Cán Bộ	Châu Quốc Chí	49/4/1 Phùng Tá Chu, phường An Lạc A, quận Bình Tân

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
451	1996	Phạm Thị Linh	1946	2004	Cán Bộ	Thạch Bảy	888/67/42 A1 Lạc Long Quân, phường Tân Hòa
452	2000	Nguyễn Hữu Thanh	1937	2004	Cán Bộ	Nguyễn Hữu Thắng	9 Đường số 3, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
453	2010	Đặng Văn Tuấn	1973	32T	Cán Bộ	Danh Thị Hồng Ánh	79 Phạm Văn Xảo, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
454	2013	Lê Thị Chức	1926	2004	Cán Bộ	Lê Văn Thành	25/25/2A Đội Cung, phường 11, quận 11
455	2017	Phạm Trọng Tước	1948	2004	Cán Bộ	Võ Thị Linh	514/29/1 Lê Đức Thọ, phường 17, quận Gò Vấp
456	2023	Nguyễn Thị Hoa	1930	2003	Cán Bộ	Trương Thị Diệu	25/7/8 Hồ Văn Long, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
457	2025	Nguyễn Văn Quế	1926	2003	Cán Bộ	Nguyễn Thị Bích Liên	475/41/5 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, quận 3
458	2028	Nguyễn Dư	1935	78T	Cán Bộ	Nguyễn Thạch	20/26/9 Phạm Ngọc, phường Tân Quý, quận Tân Phú
459	2030	Nguyễn Văn Lương	1963	2003	Cán Bộ	Nguyễn Thị Ánh Phụng	137 Lô M, Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10
460	2031	Nguyễn Thị Kiều Liên	1956	1990	Cán Bộ	Nguyễn Thạch	20/26/9 Phạm Ngọc, phường Tân Quý, quận Tân Phú
461	2040	Huỳnh Thị Hường	1905	1981	Cán Bộ	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	489A/21/24 Huỳnh Văn Bánh, phường Phú Nhuận
462	2041	Nguyễn Văn Chí	1929	2000	Cán Bộ	Nguyễn Thanh Tâm	76/71 Phan Tây Hồ, phường 7, quận Phú Nhuận
463	2046	Phạm Thị Dư	1906	1988	Cán Bộ	Nguyễn Thạch	20/26/9 Phạm Ngọc, phường Tân Quý, quận Tân Phú
464	2047	Huỳnh Văn Phấn	1913	1982	Cán Bộ	Huỳnh Hữu Cường	451/6/4 Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10
465	2051	Phạm Thị Đông	1903	1981	Cán Bộ	Nguyễn Thị Bích Thảo	287B1/1, KP4, Thị trấn Châu Thành, Châu Thành, Bến Tre
466	2055	Ngô Đa Kỳ	1938	1981	Cán Bộ	Ngô Lý Kiên	226 Lô U, chung cư Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10
467	2060	Hoàng Thị Bảo	1918	1982	Cán Bộ	Nguyễn Hà Hải	533/29 Huỳnh Văn Bánh, phường 13, quận Phú Nhuận
468	2062	Huỳnh Thị Xấu	1933	2000	Cán Bộ	Huỳnh Văn Thơ	243/19A Tôn Thất Thuyết, phường 13, quận 4
469	2069	Nguyễn Hồng Hạnh	1937	1980	Cán Bộ	Nguyễn Hồng Phúc	83/31 Dạ Nam, phường 2, quận 8
470	2071	Dương Nghê	1929	1980	Cán Bộ	Dương Thị Thúy Mai	124/25D Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận Phú Nhuận
471	2080	Nguyễn Minh Luyến	1932	1980	Cán Bộ	Nguyễn Minh Tuấn	22 Nguyễn Trường Tộ, phường 13, quận 4
472	2082	Nguyễn Văn Bửu		1979	Cán Bộ	Nguyễn Văn Tèo	Ấp Phước Thời, Phước Lại, Cần Giuộc, Long An
473	2083	Ngô Thoan	1931	1980	Cán Bộ	Ngô Văn Dũng	163/25/19 Tô Hiến Thành, phường 13 , quận 10
474	2093	Võ Thị Hoàng Thuý	1976	2004	Cán Bộ	Dương Thị Hoàng Lang	45/1 Nhiều Tứ, phường 7, quận Phú Nhuận
475	2099	Hứa Cẩn	1922	1967	Cán Bộ	Hứa Ân Sơn	24 Đường Dân Tộc, phường Tân Thành, quận Tân Phú
476	2100	Nguyễn Thị Gái	1934	2000	Cán Bộ	Văn Xuân Long	52/4B CMT8, P5, quận Tân Bình
477	2108	Nguyễn Thị Nhị	1934	1980	Cán Bộ	Nguyễn Văn Hiệp	95/274 Đinh Tiên Hoàng, phường 03, quận Bình Thạnh
478	2109	Phan Văn Chi	1934	1980	Cán Bộ	Phan Trọng Hùng	151/13 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1
479	2113	Nguyễn Hoàng Trung	1962	1979	Cán Bộ	Nguyễn Huệ Hoa	183F/14B Tôn Thất Thuyết, phường 4, quận 4
480	2125	Nguyễn Nam Sơn	1930	1982	Cán Bộ	Nguyễn Nam Thắng	202 Lô C2 C/c Lý Thường Kiệt, phường 7, quận 11
481	2127	Lê Đà	1913	1981	Cán Bộ	Cai Thị Hồng Hoa	26A Tân Hóa, phường 1, quận 11
482	2128	Đỗ Ngự	1955	1981	Cán Bộ	Cao Thị Lan	69/9 Bis Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4
483	2143	Lê Văn Ngộ	1924	1981	Cán Bộ	Hầu Quốc Khánh	307 Lô E chung cư Lê Thị Riêng, phường 15, quận 10
484	2149	Kim Cúc	1957	2003	Cán Bộ	Đỗ Tri	237/9 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 15, quận Bình Thạnh
485	2161	Lưu Văn Thuật	1952	2003	Cán Bộ	Lưu Thanh Hằng	12/11 Phạm Ngọc, phường Tân Quý, quận Tân Phú

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
486	2165	Lưu Tích Hậu			Cán Bộ	Phạm Bửu Thúy	103/16/23/38/19 Chiến Lược, Phường Bình Trị Đông, Thành phố Hồ Chí Minh
487	2178	Nguyễn Ngọc Trung	1960	1982	Cán Bộ	Nguyễn Ngọc Quân	381/5 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Đông, quận 7
488	2190	Đỗ Dương (Đỗ Há)	1933	2005	Cán Bộ	Đỗ Tri	237/9 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 15, quận Bình Thạnh
489	2191	Lê Minh Hùng	1965	2003	Cán Bộ	Nguyễn Thị Kim Loan	Quảng Chánh, Nghĩa Thắng, Đắc R'Lấp, Đắc Nông
490	2198	Huỳnh Minh Huy	2004	2004	Cán Bộ	Hoàng Cẩm Nhung	399/43/9 Nguyễn Đình Chiểu, phường 5, quận 3
491	2203	Phạm Quang Tự	1911	1959	Cán Bộ	Dương Xuân An	2629/1A, Tổ 3, Kp1, An Phú Đông, quận 12
492	2204	Triệu Hòa	1934	1988	Cán Bộ	Triệu Long Thạnh	198B/31 Dương Bá Trạc, phường 2, quận 8
493	2226	Hồ Thị Tỷ	1903	1989	Cán Bộ		
494	2227	Trần Văn Lang	1934	1989	Cán Bộ	Trần Văn Minh	50/25/5 Duy Tân, phường 15, quận Phú Nhuận
495	2229	Lê Văn Lang	1919	1989	Cán Bộ	Phan Văn Hương	26/17B Tôn Thất Thuyết, Phường 1, Quận 4
496	2234	Lê Kim Chi	1900	1989	Cán Bộ	Lê Kim Chung	143/23/2 Gò Dầu, phường Tân Quý, Quận Tân Phú
497	2237	Nguyễn Văn Chạy	1903	1986	Cán Bộ	Nguyễn Văn Hùng	159/67/5 Trần Văn Đang, phường 11, quận 3
498	2238	Trương Hoàng Nam	1984	1989	Cán Bộ	Trương Ngọc Châu	50/1/9 Đường số 59, phường 14, quận Gò Vấp
499	2253	Võ Cửu	1936	1999	Cán Bộ	Võ Chiêu Long	A5/5E1 Ấp , xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh
500	2264	Trương Văn Du		1995	Cán Bộ	Trương Đỗ Anh Toàn	301C Võ Văn Kiệt, phường Cầu Kho, quận 1
501	2268	Nguyễn Thị Mỹ Lan	1953	1989	Cán Bộ	Trịnh Hoàng Tuấn	14/21 Bửu Đình, phường 5, quận 6
502	2272	Trần Thị Chấn	1914	1989	Cán Bộ	Nguyễn Vũ Quang Minh	32G Lạc Long Quân, phường 5, quận 11
503	2278	Biện Hữu Huệ	1931	1989	Cán Bộ	Biện Hữu Hiền	657/2 Ba Đình, phường 9, quận 8
504	2295	Nguyễn Thị Hai	1924	1989	Cán Bộ	Nguyễn Thị Mai	1014/50 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
505	2301	Nguyễn Văn Chánh	1942	1989	Cán Bộ	Ngô Thị Ngọc Bích	142C/77 Cô Giang, phường 2, quận Phú Nhuận
506	2303	Nguyễn Đăng Thìn	1941	1989	Cán Bộ	Nguyễn Vũ Thanh Huyền	147 Lý Thai Tổ, phường 9, quận 10
507	2306	Nguyễn Thị Thêu	1939	1989	Cán Bộ	Nguyễn Thị Ngọc Thùy	215 Khu phố 8, Nguyễn Văn Tuôi, Bến Lức, Long An
508	2315	Lê Hải Căn	1959	1989	Cán Bộ	Lê Văn Phan	Kp Thạnh Sơn, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
509	2333	Văn Thị Kén	1927	1999	Cán Bộ	Nguyễn Phước Thọ	61/15/35 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp
510	2337	Trần Văn Khanh			Cán Bộ	Trương Thị Hai	103H/2 Hoài Thanh, phường 14, quận 8
511	2338	Nguyễn Nghiêm	1932	1989	Cán Bộ	Nguyễn Sáng	365/1 Ba Đình, phường 8, quận 8
512	2360	Nguyễn Thị xuê	1936	1995	Cán Bộ	Lê Thị Thảo	113 Đường số 37, phường Tân Quy, quận 7
513	2363	Lê Văn Vũ	1960	1989	Cán Bộ	Lê Thị Còn	C6/10 Tổ 6A ấp 3, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh
514	2366	Đào Thị Thúy	1968	1989	Cán Bộ	Nguyễn Thị Thúy Hồng	6/1/10 Kp7, phường Tân Hưng Thuận, quận 7
515	2370	Nguyễn Thị Đời	1932	1989	Cán Bộ	Lương Ngọc Hào	15A Đường 34, phường 6, quận 4
516	2372	Nguyễn Thị Hào	1922	1989	Cán Bộ	Nguyễn Thị Nga	98 Dương Bá Trạc, phường 2, quận 8
517	2374	Lê Chí Thanh	1933	1989	Cán Bộ	Lê Trung An	Hẻm 156 Hoàng Văn Thụ, Đức Trọng, Lâm Đồng
518	2384	Hoàng Thị Bê	1928		Cán Bộ	Bùi Anh Dũng	235/44 Nam Kỳ khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3
519	2388	Bùi Thị Huệ	1941	2003	Cán Bộ	Bùi Thanh Lâm	274/30 Nguyễn Văn Nghi, phường 7, quận Gò Vấp
520	2390	Lưu (Lứu) Thị Tám	1922	1989	Cán Bộ	Nguyễn Văn Quốc	176/4/14 Bùi Tư Toàn, phường An Lạc, quận Bình Tân

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
521	2395	Lê Văn Nuôi	1904	1989	Cán Bộ	Trương Trân	266/8/12A Phú Thọ Hòa, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
522	2397	Đặng Văn Mai	1952	1989	Cán Bộ	Đặng Thị Thảo	412A Hàm Tử, phường 5, quận 5
523	2413	Trần Văn Hòa	1930	2000	Cán Bộ	Trần Thanh Bình	B4.2B Tầng 5, Lô B chung cư Bình Đăng, phường 6, quận 6
524	2414	Lê Thị Quyền	1942	2001	Cán Bộ	Nguyễn Thị Lan	39/12B đường 475 phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, quận Thủ Đức
525	2421	Nguyễn Thị Lan	1920	1995	Cán Bộ	Đỗ Văn Hòa	406/14 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3
526	2440	Phan Thị Hồng		52T	Cán Bộ	Phan Đình Trí	38 Sơn Cang, phường 12, quận Tân Bình
527	2442	Trương Thị Tám	1921	2008	Cán Bộ	Đỗ Thị Bảy	505/49 Nguyễn Kiệm, phường 9, quận Phú Nhuận
528	2443	Mộ Chữ Hoa (Hứa Diệu Hào)	1938	2001	Cán Bộ	Hứa Diệu Ái	202/16/6 Võ Văn Tần, Phường 5, Quận 3
529	2448	Nguyễn Hữu Cường	1924	2001	Cán Bộ	Nguyễn Hữu Thịnh	342/73/6 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10
530	2451	Trần Thị Nhung	1917	1996	Cán Bộ	Quách Vĩ Nhân	Tổ 7, KP5, TT Tân Khai, Hón Quán, Bình Phước
531	2456	Quách Văn Lân	1911	1995	Cán Bộ	Quách Vĩ Nhân	Tổ 7, KP5, TT Tân Khai, Hón Quán, Bình Phước
532	2459	Phan Văn Diên	1932	2000	Cán Bộ	Phan Thị Hồng	294/22 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 21, quận Bình Thạnh
533	2462	Nguyễn Thị Rựu	1944	1999	Cán Bộ	Vũ Văn Khản	294/2/19 Phú Thọ Hòa, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
534	2470	Phạm Thị Ghê	1914	1997	Cán Bộ	Bùi Đăng Núi	135/37/22 Nguyễn Hữu Cánh, phường 22, quận Bình Thạnh
535	2472	Châu Thị Tốt	1938	2003	Cán Bộ	Phạm Thanh Tiến	84/12A Bùi Đình Túy, quận Bình Thạnh
536	2475	Huỳnh Quang Tiên	1962	1996	Cán Bộ	Huỳnh Thị Tuyết Hoa	38C/2 ấp 2, An Phú Tây, Bình Chánh
537	2481	Phan Đình Nhu	1973	1993	Cán Bộ	Phan Đình Trí	38 Sơn Cang, phường 12, quận Tân Bình
538	2482	Phân Nhu		1993	Cán Bộ	Phan Kỳ Phước	107/6 Trần Văn Quang, phường 10, quận Tân Bình
539	2496	Đỗ Văn Điệp	1949	1995	Cán Bộ	Nguyễn Văn Giàu	353/12/10 Phạm Ngũ Lão , Q1 , TpHCM
540	2497	Nguyễn Sáu Nguyễn Thị Tâm	1905 1916	1994	Cán Bộ	Lê Ngọc Hòa Bình	182 Phạm Văn Hai, phường 3, quận Tân Bình
541	2499	Đỗ Thị Tuấn	1917	1997	Cán Bộ	Lê Ngọc Hòa Bình	182 Phạm Văn Hai, phường 3, quận Tân Bình
542	2500	Lê Ngọc Việt	1913	1952	Cán Bộ	Lê Ngọc Hòa Bình	182 Phạm Văn Hai, phường 3, quận Tân Bình
543	2508	Hồ Thị Hoa	1902	1991	Cán Bộ	Hồ Thị Bạch Yến	416/171 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3
544	2520	Nguyễn Thị Mười	1924	2007	Cán Bộ	Lương Văn Hiền	289 Phan Đình Phùng, phường 15, quận Phú Nhuận
545	2522	Nguyễn Thị Tốt	1921	2000	Cán Bộ	Đặng Ngọc Khải	33 Tổ 3, Ấp An Hiệp Lộc Hòa, huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long
546	2528	Nguyễn Khắc Luân	1927	2003	Cán Bộ	Nguyễn Thị Phương Tâm	92C Trần Quốc Toản, phường Võ Thị Sáu, quận 3
547	2532	Lục Ngân		1988	Cán Bộ	Phan Kỳ Phước	107/6 Trần Văn Quang, phường 10, quận Tân Bình
548	2535	Nguyễn Thuận Lập	1912	1988	Cán Bộ	Nguyễn Hoàng Nam	109/10 Hoàng Văn Thụ, phường 8, quận Phú Nhuận
549	2541	Nguyễn Thị Hương	1922	1989	Cán Bộ	Nguyễn Văn Lộc	37D Lạc Long Quân, phường 5, quận 11
550	2548	Thái Minh Dân	1962	1990	Cán Bộ	Thái Thị Tuyết Hoa	188/17 Đoàn Văn Bơ, phường 9, quận 4
551	2550	Lư Quân	1937	1990	Cán Bộ	Lư Bình	68/14 Hồ Thị Kỷ, phường 1, quận 10
552	2556	Trần Quốc Quyền	1983	1988	Cán Bộ	Phạm Thành Công	1 Đường số 13A Kp 43, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân
553	2559	Phan Đình Tiến	1926	1988	Cán Bộ	Phan Đình Trí	38 Sơn Cang, phường 12, quận Tân Bình
554	2561	Nguyễn Văn Chon	1918	1986	Cán Bộ	Nguyễn Thị Hoàng Anh	41/13 Bùi Thị Xuân, phường 13, quận Tân Bình
555	2569	Ngô Thị Tư	1905	1984	Cán Bộ	Phạm Ngọc Dũng	150/32 Nguyễn Trãi , phường Bến Thành, quận 1

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
556	2570	Tô Thị Ty		1984	Cán Bộ	Lương Mẫn Nhi	236/33 Thái Phiên, phường 8, quận 11
557	2573	Lê Văn Cẩn	1924	1984	Cán Bộ	Lê Phan Anh	36/8/9B Huỳnh Thiện Lộc, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú
558	2576	Trần Thị Mạnh	1905	1984	Cán Bộ	Phan Đình Trí	38 Sơn Cang, phường 12, quận Tân Bình
559	2581	Lê Thị lý	1944	1985	Cán Bộ	Trương Văn Trường	340 Nguyễn Duy Dương, phường 8, quận 5
560	2586	Nguyễn Văn Ân	1930	1984	Cán Bộ	Lữ Văn Phát	11 Huỳnh Thiện Lộc, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú
561	2587	Vũ Văn Hệ	78T	1984	Cán Bộ	Vũ Thị Hiền	35 Phan Xích Long, phường 13, quận Phú Nhuận
562	2588	Chiêu Kiên	1953	2000	Cán Bộ	Châu Minh Quang	54/10 Duy Tân, phường 15, quận Phú Nhuận
563	2591	Nguyễn Thị Dòn	1905	1984	Cán Bộ	Nguyễn Út	1/30 Nguyễn Văn Yển, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú
564	2594	Nguyễn Xuân Cường	1961	1984	Cán Bộ	Nguyễn Hữu Thuyết	2/23A Tăng Bạt Hổ, phường 11, quận Bình Thạnh
565	2599	Trần Ngọc Đức	1915	1984	Cán Bộ	Trần Ngọc Châu	28A Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp
566	2608	Nguyễn Văn Thúc	1940	1983	Cán Bộ	Nguyễn Châu Đức	47/9 Khu phố 1, đường ĐHT31, phường Đông Hưng Thuận, quận 12
567	2631	Diệp Năng Thọ	1918	1984	Cán Bộ	Diệp Bảo Hậu	48/2 Hồ Biểu Chánh, phường 11, quận Phú Nhuận
568	2635	Trần Thị Dần	1938	1983	Cán Bộ	Nguyễn Minh Đức	261/4 Ngô Quyền, phường 6, quận 10
569	2637	Nguyễn Chí Tài	1955	1983	Cán Bộ	Ngô Thị Phước	161A/46 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
570	2641	Mai Ngọc Dũng	1962	1983	Cán Bộ	Mai Ngọc Bích Đào	B5,5 (khu Sky Garder 1-R1-1) khu phố 3, phường Tân Phong, quận 7
571	2643	Nguyễn Văn Khóa	1922	1983	Cán Bộ	Nguyễn Đức Tài	189 Tuệ Tĩnh, phường 12, quận 11
572	2646	Nguyễn Thị Nhật	1911	1997	Cán Bộ	Phạm Thạch Vũ	65/36 Huỳnh Văn Bánh, phường 17, quận Phú Nhuận
573	2650	Đậu Thị Vân	1949	1983	Cán Bộ	Phan Trọng Kỳ	130 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Võ Thị Sáu, quận 3
574	2654	Mạc Hồng Hi	1921	2000	Cán Bộ	Nguyễn Phương Trà	385 Hòa Hảo, phường 5, quận 10
575	2655	Nguyễn Thị Nhữ	1925	2000	Cán Bộ	Nguyễn Phương Trà	385 Hòa Hảo, phường 5, quận 10
576	2656	Nguyễn Văn Báo	1930	2000	Cán Bộ	Nguyễn Văn Giàu	373 Gia Phú, Phường 3, Quận 6
577	2658	Nguyễn Hoàng Nam	1936	2003	Cán Bộ	Nguyễn Cầm	190/39/20/7 Kp7, Hiệp Thành, Quận 12
578	2667	Lương Đình Cao	1914	1996	Cán Bộ	Trần Văn Phúc	F7/7D ấp 6, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh
579	2675	Nguyễn Thị Mùi	1931	1995	Cán Bộ	Phan Trọng Kỳ	130 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Võ Thị Sáu, quận 3
580	2686	Hồ Thị Lang	1941	2000	Cán Bộ	Nguyễn Công Phú	319/2 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
581	2829	Phan Văn Ba	1951	1982	Đông Quan	Nguyễn Văn Giàu	626/12A Sư Vạn Hạnh, phường 10, quận 10
582	2835	Trần Thanh Tuyền	1969	1995	Đông Quan	Trần Thị Cẩm Tiên	165/21A Văn Thân, phường 8, quận 6
583	2836	Trần Thanh Vũ	Nhâm Tý	Quý dậu	Đông Quan	Trần Thị Giàu	133/19 Văn Thân, phường 8, quận 6
584	2839	Nguyễn Văn Nuôi		1981	Đông Quan	Nguyễn Đức Trí	144/27-29 Lý Chính Thắng, phường Võ Thị Sáu, quận 3
585	2842	Nguyễn Thị Gái	1912	1992	Đông Quan	Vũ Văn Sáng	152/28/2 Lý Chính Thắng, phường Võ Thị Sáu, quận 3
586	2848	Nguyễn Thị Đông	1909	1999	Đông Quan	Nguyễn Đức Trí	144/27-29 Lý Chính Thắng, phường Võ Thị Sáu, quận 3
587	2849	Nguyễn Thị Mai Trâm	1965	2001	Đông Quan	Nguyễn Đức Trí	144/27-29 Lý Chính Thắng, phường Võ Thị Sáu, quận 3
588	2856	Trần Tiến Đạt	1992	1993	Đông Quan	Trần Như Lâm	1459/5 Phạm Thế Hiển, phường 6, quận 8
589	2859	Lê Duy Trần Bình	1973	1986	Đông Quan	Lê Thống Đạt	257/18/8 đường 3 tháng 2, phường 10, quận 10
590	2862	Ngô Đức Bình	1982	1986	Đông Quan	Ngô Đức Đen	41 Phan Văn Năm, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
591	2866	Lê Thanh Tùng	1976	1986	Đông Quan	Trần Thị Thoại	836A Lũng L1 Nguyễn Trãi, phường 14, quận 5
592	2869	Trương Công Mỹ	1979	1986	Đông Quan	Trương Lê Bảo Quốc	925/55/9 Hậu Giang, phường 11, quận 6
593	2874	Lê Bá Duy	1982	1996	Đông Quan	Lê Hữu Bình	164 Cống Quỳnh, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1
594	2882	Phạm Thị Hồng Tâm	1976	1986	Đông Quan	Bạch Thị Hiền	243/37/46A Hoàng Diệu , phường 8, quận 4
595	2891	Nguyễn Thị Thu Hường	1974	1986	Đông Quan	Nguyễn Duy Văn	A7/34A Tô 8 Ấp 1A Vĩnh Lộc B , Bình Chánh
596	2910	Trần Thị Tuyết Nga	1980	1986	Đông Quan	Viên Thị Tuyết Hồng	336/9/5A Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6
597	2911	Tô Hồng Phi	1981	1985	Đông Quan	Tô Hồng Sơn	A8/2 Đường số 43, phường Bình Thuận, quận 7
598	2927	Trần Thị Thanh Thúy	1979	1985	Đông Quan	Trần Văn Sơn	71/62 Đường số 15, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
599	2928	Lê Thị Tổ Trân	1975	1985	Đông Quan	Lê Đình Hùng	44C Lý Chiêu Hoàng, phường 10, quận 6
600	2931	Chung Thiên Phương	1980	1985	Đông Quan	Trần Quang	19G Đỗ Ngọc Quang, phường 4, quận 8
601	2932	Nguyễn Hoàng Nhi	1977	1985	Đông Quan	Cao Thị Tổ Thi	12/1 Đường 11, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
602	2935	Nguyễn Thị Thương	1978		Đông Quan	Huỳnh Thị Thu Cúc	769/130 Phạm Thế Hiển, phường 4, quận 8
603	2937	Cao Hữu Hải	1982	1985	Đông Quan	Lê Thị Ngọc	88/19/12 Vườn Chuối, phường 4, quận 3
604	2943	Võ Anh Quốc Tuấn	1980	1985	Đông Quan	Võ Thị Năm	489/24/39C Huỳnh Văn Bánh, phường 13, quận Phú Nhuận
605	2948	Lê Thị Tuyết Trinh	1981	1985	Đông Quan	Phạm Thị Chánh	79T Trần Văn Đang, phường 9, quận 3
606	2949	Hồ Thụy Bảo Vi	1981	1985	Đông Quan	Hồ Văn Lành	100/34 Dương Bá Trạc, phường 2, quận 8
607	2952	Nguyễn Văn Giào	1974	1985	Đông Quan	Nguyễn Thị Ngọc Châu	2D Bãi Sậy, phường 13, quận 5
608	2965	Đào Văn Hào	1960	1993	Đông Quan	Đào Thị Hoa	437 Bạch Đằng, phường 2, quận Bình Thạnh
609	2968	Nguyễn Tấn Vinh	1946	1993	Đông Quan	Nguyễn Tấn Khoa	87/42/11 Đường số 27, phường 6, quận Gò Vấp
610	2982	Lương Thị Hiền	1912	1997	Đông Quan	Nguyễn Văn Mô	1/2/18 phường Linh trung, quận Thủ Đức
611	2990	Trần Thành	1925	1973	Đông Quan	Trần Thị Ngọc Diệp	67/28 An Bình, phường 6, quận 5
612	2992	Nguyễn Thị Bé		1972	Đông Quan	Nguyễn Thị Kim Cúc	Lam Sơn, Phước Hoà, Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu
613	2996	Lý Văn Nghiệp	1940	2002	Đông Quan	Lê Đại Lợi	347/12N Trần Bình Trọng, phường 1, quận 10
614	2999	Nguyễn Văn Ngôn	1955	1972	Trần Quốc	Nguyễn Lê Hoàng Thuận Khải	72A/17F Cô Giang, phường 2, quận Phú Nhuận
615	3003	Trần Văn Bình	1952	1983	Đông Quan	Trần Thạch Thảo	457/95A CMT8, phường 13, quận 10
616	3007	Nguyễn Hữu Tuyền	1921	1973	Đông Quan	Nguyễn Thị Thanh	28/37 Đặng Văn Ngữ, phường 10, quận Phú Nhuận
617	3008	Nguyễn Thị Lan	1961	1982	Đông Quan	Nguyễn Văn Báu	199 Dương Bá Trạc, phường Rạch Ông, quận 8
618	3014	Nguyễn Thị Mai	1947	1980	Đông Quan	Nguyễn Thị Tuyết	398 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3
619	3017	Huỳnh Văn Thơm	1961		Đông Quan	Huỳnh Thị Ngọc Loan	68/32/9 Phạm Thế Hiển, Phường Rạch Ông, Quận 8
620	3029	Võ Văn Lợi	1951	2002	Đông Quan	Võ Hoàng Nhung	171/23/10/18 Đường số 1, phường An Lạc, quận Bình Tân
621	3033	Nguyễn Văn Hòa	1960	1982	Đông Quan	Nguyễn Văn Thạch	1 Đường số 5, phường 4, quận 4
622	3037	Nguyễn Thị Út	1936	2005	Đông Quan	Trần Quang Vinh	103H/3 Hoài Thanh , phường 14, quận 8
623	3042	Bùi Thị Anh Nguyệt	1984	1995	Đông Quan	Trần Thị Thảo	1459/5 Phạm Thế Hiển, phường 6, quận 8
624	3044	Nguyễn Thị Chúc	1924	2001	Đông Quan	Nguyễn Văn Báu	199 Dương Bá Trạc, phường Rạch Ông, quận 8
625	3048	Tổng Văn Minh	1956	1982	Đông Quan	Huỳnh Thị Nguyên	98/3 Lê Văn Thinh, khu phố 6, phường Bình Trưng Tây, quận 2

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
626	3054	Trần Thị Bé	1931	2003	Đông Quan	Nguyễn Văn Trung	750/18 Điện Biên Phủ, phường 10, quận 10
627	3058	Trần Thị Dur	1924	2005	Đông Quan	Trần Văn Quang	Phòng 216 C/c Tân Sơn Nhì 2 ,phường 14 , quận Tân Bình
628	3062	Đào Văn Trung	1922	2004	Đông Quan	Đào Thị Hoa	437 Bạch Đằng, phường 2, quận Bình Thạnh
629	3066	Lê Thị Thái	1932	1982	Đông Quan	Huỳnh Bồi	396 Lê Đức Thọ, phường 6, quận Gò Vấp
630	3071	Nguyễn Văn Tài	1975	2005	Đông Quan	Nguyễn Thị Anh	576/108E Đoàn Văn Bơ, phường 14, quận 4
631	3075	Trần Thị Liên	1902	1982	Đông Quan	Lê Thị Kim Loan	57D/22 Hưng Phú, phường 8, quận 8
632	3078	Trương Hên Quan	1914	2001	Đông Quan	Ngô Thị Hoàng Yến	131 Lô H chung cư Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10
633	3082	Lưu Văn Xi	1909	1982	Đông Quan	Châu Hoàng Mẫn	193/71 Nguyễn Cư Trinh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1
634	3083	Trần Văn Lực	1927	1982	Đông Quan	Trần Công Đức	229/179D Thích Quảng Đức, phường 4, quận Phú Nhuận
635	3090	Nguyễn Văn Cúc		1982	Đông Quan	Trần Văn Thiện	Ấp Năm Châu, Bình Đông, thị xã Gò Công, Tiền Giang
636	3092	Nguyễn Văn Tài	1930	2001	Đông Quan	Nguyễn Hải Thành	368/576 Cách Mạng Tháng Tám, phường 5, quận Tân Bình
637	3093	Võ Thị Rịnh	1920	1982	Đông Quan	Trần Phi Vũ	161/8 Đường số 8, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân
638	3097	Phạm Thị Ba	1905	1982	Đông Quan	Đoàn Hồng Sơn	91/28 Hoài Thanh, phường 14, quận 8
639	3112	Đặng Trần Biên	1962	1993	Đông Quan	Đặng Quỳnh Hương	154/3 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 8, quận Phú Nhuận
640	3113	Đinh Thị Trang	1931	1982	Đông Quan	Đặng Quỳnh Hương	154/3 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 8, quận Phú Nhuận
641	3116	Trần Văn Hồ	1936	1982	Đông Quan	Trần Huỳnh Long	685 Âu Cơ, phường Tân Thành , quận Tân Phú
642	3118	Lê Tấn Thành	1928	1982	Đông Quan	Lê Thị Mỹ Dung	467/11 Điện Biên Phủ, phường 3, quận 3
643	3119	Đinh Văn Lộc	1928	2003	Đông Quan	Trần Văn Quang	Phòng 216 C/c Tân Sơn Nhì 2, phường 14, quận Tân Bình
644	3122	Nguyễn Phú Quốc	1964	1982	Đông Quan	Nguyễn Phát Tài	27 Lô L Lý Chiêu Hoàng, Phường 10, Quận 6
645	3130	Trần Thị Hoa	1940		Đông Quan	Phạm Văn Thảo	106/6 đường Hòa Hưng , phường 13 , quận 10
646	3131	Trần Văn Quít	1917	1982	Đông Quan	Trần Ngọc Phước	521/103E Cách Mạng Tháng 8, phường 13, quận 10
647	3141	Lê Thị Thủy	1972	2002	Đông Quan	Đặng Tiểu My	911/25/3 Lạc Long Quân , phường 11, quận Tân Bình
648	3142	Lê Văn Triệu	1932	2003	Đông Quan	Lê Trung Thành	31/4 Nguyễn Văn Lạc, phường 21, quận Bình Thạnh
649	3148	Bùi Thị Lạt	1935		Đông Quan	Lâm Thu Hà	23/16 Đường Trục, phường 13, quận Bình Thạnh
650	3157	Lâm Văn Lý	1912	1982	Đông Quan	Nguyễn Thị An	462/61 Cách Mạng Tháng Tám, phường 11, quận 3
651	3158	Vũ Văn Lợi			Đông Quan	Vũ Văn Được	289/53/1 Bến Vân Đồn, phường 2, quận 4
652	3159	Nguyễn Văn Tiến	1979	2001	Đông Quan	Nguyễn Thị Ngọc Bích	142D Trần Văn Kiêu, phường 13, quận 5
653	3160	Nguyễn Thị Thu (tên thật ghi: Hoàng Nguyễn Thị Thu)	1926	2004	Đông Quan	Đào Thị Hoa	437 Bạch Đằng, phường 2, quận Bình Thạnh
654	3161	Nguyễn Văn Đa	1949	1982	Đông Quan	Huỳnh Ngọc Mỹ	18/123E Trần Quang Diệu, phường 14, quận 3
655	3169	Nguyễn Thị Nhâm	1933	1982	Đông Quan	Nguyễn Hoàng Sơn	292/2/11 Bà Hạt, phường 9, quận 10
656	3170	Huỳnh Thị Khoa	1907		Đông Quan	Nguyễn Văn Mười	145 Tân Hòa Đông, phường 14, quận 6
657	3172	Nguyễn Triệu Phong	1958	1982	Đông Quan	Phạm Thị Hát	12 đường 11, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
658	3174	Đỗ Văn Long	1952	1982	Đông Quan	Đỗ An Lộc	502/40 Hưng Phú, phường 9, quận 8
659	3178	Lâm Văn Hòa	1956	1982	Đông Quan	Lâm Cẩm Hoa	6L/34A Ngô Sĩ Liên, Phường 14, Quận 8
660	3181	Đỗ Thị Đình	1931	1982	Đông Quan	Bùi Quang Huy	73/48 Huỳnh Văn Bánh, phường 17, quận Phú Nhuận

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
661	3187	Nguyễn Thị Ước	1937	2004	Đông Quan	Nguyễn Thị Ngọc Châu	2D Bãi Sậy, phường 13, quận 5
662	3193	Võ Văn Thành	1930	2001	Đông Quan	Võ Văn Thanh	An Hòa Nhất, Tân Bình, Châu Thành, Đồng Tháp
663	3199	Nguyễn Thị Nhật	1900	1974	Đông Quan	Nguyễn Võ Tuấn Anh	38/39 Trần Khắc Chân, phường Tân Định, quận 1
664	3200	Nguyễn Thị Bảy	1931	1973	Đông Quan	Nguyễn Võ Tuấn Anh	38/39 Trần Khắc Chân, phường Tân Định, quận 1
665	3207	Nguyễn Đức Minh	1974	1977	Đông Quan	Nguyễn Thị Như Thúy	96/1/29 Phan Đình Phùng, phường 2, quận Phú Nhuận
666	3219	Trần Văn Sang	1943		Đông Quan	Trần Thị Giàu	133/19 Văn Thân, phường 8, quận 6
667	3227	Trầm Tô Muội	1941	2001	Đông Quan	Trầm Hữu Kim	174/2B3 Tân Hòa Đông, phường 14, quận 6
668	3228	Nguyễn Thị Thanh	1964	1998	Đông Quan	Nguyễn Văn Báu	199 Dương Bá Trạc, phường Rạch Ông, quận 8
669	3240	Lý Thị Ba	1916	2001	Đông Quan	Nguyễn Thị Ngọc Mai	2A/12 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8
670	3241	Trương Tùng Quyền	1955	2001	Đông Quan	Hồ Thị Phụng Kiều	474/16 Hậu Giang, phường 12, quận 6
671	3242	Võ Thị Tư	1918	2001	Đông Quan	Nguyễn Thị Đa	2/2 Tổ 63, khu phố 3, phường Tân Thuận Đông, quận 7
672	3248	Nguyễn Văn Tú	1993	2005	Đông Quan	Nguyễn Thị Trang	76 Bình Đông, phường 11, quận 8
673	3251	Đình Thanh Quan	1970	1982	Đông Quan	Đình Thanh Vinh	277/19 Bến Vân Đồn, phường 2, quận 4
674	3252	Nguyễn Thị Hạnh Mai	1994	1994	Đông Quan	Lê Thị Thu Hà	7/33 Thành Thái, phường 14, quận 10
675	3255	Thái Văn Tư	1926	1982	Đông Quan	Nguyễn Văn Thông	536/9 Lê Văn Sỹ, Phường 11, Quận Phú Nhuận
676	3257	Lê Văn Tuất			Đông Quan	Phạm Thị Lan	09/25 Cao Thắng, phường 13, quận Phú Nhuận (Đây là phường Phú Nhuận, phường 13 là phường Cao Thắng)
677	3262	Nguyễn Văn Tình	1925	1994	Đông Quan	Nguyễn Võ Tuấn Anh	38/39 Trần Khắc Chân, phường Tân Định, quận 1
678	3267	Mộ chữ Hoa (Lâm Muội)	1919	1997	Đông Quan	Trương Bửu Thanh	231/33A/1C1 Bình Tiên, phường 8, quận 6
679	3271	Vương Hương	1922	1982	Đông Quan	Vương Gia Kiều	48/15/19 Hồ Biểu Chánh, phường 11, quận Phú Nhuận
680	3272	Bùi Quang Huyền	1964	2003	Đông Quan	Nguyễn Thị Thanh	Tổ 2 Ấp Lão Táo Thượng, Trung Lập Thượng, Củ Chi
681	3279	Lê Văn Bảy	1933	1982	Đông Quan	Lê Văn Tiền	385/41 Nguyễn Đình Chiểu , phường 5, quận 3
682	3283	Trần Thị Thìn	1916	1983	Đông Quan	Trần Minh Tuấn	489A/23/56 Huỳnh Văn Bánh, phường 13, Phú Nhuận
683	3284	Tạ Thị Mùi	1920	1974	Đông Quan	Nguyễn Duy Hồng	419/1/9/23 Kp7, Thị trấn Nhà Bè, Nhà Bè, Tphường Hcm
684	3287	Nguyễn Văn Khai	1938	2006	Đông Quan	Nguyễn Thị Phương	20/5 , KP4 , phường Tân Thuận Đông, quận 7
685	3291	Võ Văn Trọng	1908	1982	Đông Quan	Võ Thị Thu Nga	310A Chung Cư, Phạm Thế Hiển, phường 4, quận 8
686	3293	Mộ không bia (Quỳnh Thị Kiên)		1982	Đông Quan	Hồ Ngọc Chương	345/13N Hậu Giang, phường 5, quận 6
687	3297	Nguyễn Văn Cát	1930	1982	Đông Quan	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	97/3 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 21, quận Bình Thạnh
688	3306	Lê Thị Rịu	1910	1975	Đông Quan	Đoàn Thị Ngọc Oanh	538/151/1 Đoàn Văn Bơ, Kp 25, phường Khánh Hội, Tp. HCM
689	3313	Trần Văn Tình	1930	1992	Đông Quan	Trần Đức Nghĩa	14/13/23 Thân Nhân Trung, phường 13, quận Tân Bình
690	3314	Trần Muội	1930	2005	Đông Quan	Trần Chí Kiên	977/15E Trần Hưng Đạo, phường 5, quận 5
691	3340	Trần Thị Song	1932	2002	Đông Quan	Trần Minh Trung	231/71/50C Bình Tiên, phường 8, quận 6
692	3341	Thái Thị Nguyệt	1954	2002	Đông Quan	Phạm Thái Cường	2/58/53 Lý Thái Tổ, phường 10, quận 1
693	3344	Lê Thị Mười	1951	1992	Đông Quan	Trần Trung Dũng	Phú Gia II, Quế Phước, Nông Sơn, Quảng Nam
694	3347	Trần Thị Hoanh	1897	1982	Đông Quan	Lê Thị Thu Hà	7/33 Thành Thái, phường 14, quận 10
695	3349	Nguyễn Phước Khải	1939	1982	Đông Quan	Nguyễn Thị Phụng	254/19 Vĩnh Viễn, phường 4, quận 10

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
696	3351	Nguyễn Văn Thế	1962	1982	Đông Quan	Huỳnh Thị Nở	299/7 Bãi Sậy, Phường 8, Quận 6
697	3358	Trần Tấn Sơn	1952	1982	Đông Quan	Nguyễn Tấn Lâm	22/19/1 Tân Hóa, phường 1, quận 11
698	3373	Võ Thị Lệ	1921	1982	Đông Quan	Võ Tùng Hiếu	133/1A Tổ 15 Ấp 2, Nguyễn Bình, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè
699	3380	Phan Duy Khương	1941	1982	Đông Quan	Võ Thanh Thảo	273/1 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10, quận Phú Nhuận
700	3381	Phan Văn Đức (ND: Khương Thoại Liễu)	1921	1992	Đông Quan	Võ Thanh Thảo	273/1 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10, quận Phú Nhuận
701	3389	Đỗ Thị Liên	1956	2006	Đông Quan	Vũ Viết Tài	303/87 Đoàn Văn Bơ, phường 13, quận 4
702	3407	Huỳnh Văn Mận	1920	1982	Đông Quan	Huỳnh Văn Mỹ	245/7 khu phố 4, phường Tân Hưng, quận 7
703	3408	Đặng Văn Công	1960	2002	Đông Quan	Lê Thị Sáu	692/32A Đoàn Văn Bơ, phường 16, quận 4
704	3411	Lê Văn Cường	1970	2001	Đông Quan	Lê Hoàng Loan	229 Lô N chung cư Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10
705	3412	Ngô Thị Năm	1946	1977	Đông Quan	Nguyễn Văn Long	36/6 Kp5, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè
706	3419	Nguyễn Thị Nhiều	1935	2005	Đông Quan	Võ Văn Thanh	An Hòa Nhất, Tân Bình, Châu Thành, Đồng Tháp
707	3424	Lê Thị Sanh	1936	2001	Đông Quan	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	17/4 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 27, quận Bình Thạnh
708	3425	Võ Thị Nhung	1947	2002	Đông Quan	Nguyễn Thị Hương Huệ	4/55G Trần Khắc Chân, phường Tân Định, quận 1
709	3426	Lê Văn Hạnh	1920	1982	Đông Quan	Đoàn Thu Thu Thủy	104 Đình Nghi Xuân, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân
710	3429	Bùi Văn Chiêm	1921	1975	Đông Quan	Lý Tấn Kỳ	6-15 Diên Hồng, phường 1, quận Bình Tân
711	3432	Nguyễn Phúc Lợi	1980	1999	Đông Quan	Nguyễn Mầu	15/29 Lô Tư, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân
712	3433	Trần Văn Chà	1927	2005	Đông Quan	Trần Vũ Lộc	1L Cư xá Phan Đăng Lưu, phường 3, quận Bình Thạnh
713	3435	Võ Văn Tốt	1940	1982	Đông Quan	Nguyễn Ngọc Hải	120/7 Nguyễn Kim, phường 6, quận 10
714	3439	Hoàng Văn Năm	1964	1982	Đông Quan	Nguyễn Thị Chín	183/180H Bến Vân Đồn, phường 6, quận 4
715	3441	Ngô Đào Thuận	1965	1982	Đông Quan	Ngô Thị Liên	242/17 Tôn Đản, phường Khánh Hội, TP. HCM
716	3442	Mộ gậy bia	1913	1982	Đông Quan	Phạm Thị Ngọc Trân	14A Trương Định, phường Bến Thành, quận 1
717	3443	Nguyễn Thị Hời		1976	Đông Quan	Trần Triều An	613/2/4 Đường 3/2, phường 8, quận 10
718	3446	Nguyễn Thị Tư	1947	2003	Đông quan	Nguyễn Thị Hồng	29/14 Đường số 20, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
719	3451	Trần Kim Phần	1968	1982	Đông Quan	Trần Ngọc Thuận	324/23/7 Tôn Thất Thuyết, phường 1, quận 4
720	3452	Hoàng Thị Sinh	1919	2003	Đông Quan	Đàm Trần Thị Minh Châu	254/19 Vĩnh Viễn, phường 4, quận 10
721	3454	Lê Văn Bình	1951	2001	Đông Quan	Trần Ngọc Sơn	339/26 Tô Hiến Thành, phường 12, quận 10
722	3456	Phạm Thị Quế	1932	1982	Đông Quan	Trần Ngọc Sơn	339/26 Tô Hiến Thành, phường 12, quận 10
723	3457	Phạm Thị Cẩm	1921	2001	Đông Quan	Nguyễn Văn Hậu	71 Đường 21, phường Tân Quy, quận 7
724	3460	Trần Minh Hùng	1963	1975	Đông Quan	Trần Anh Tuấn	88/2 Ngô Gia Tự, phường 9, quận 10
725	3469	Trần Văn Tính	1912	2000	Đông Quan	Trần Thị Đức	328 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3
726	3470	Trần Văn Thoa	1880	1976	Đông Quan	Trần Thị Đức	328 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3
727	3478	Tăng Toàn	1918	1982	Đông Quan	Huỳnh Nguyễn Thừa Ân	94 Bàn Cờ, phường 3, quận 3
728	3480	Lâm Muội	1919	2004	Đông Quan	Nguyễn Thị Thanh	140/2 Lê Đình Thám, phường Tân Quý, quận Tân Phú
729	3481	Trần Văn Hiên	1908	1994	Đông Quan	Trần Văn Trinh	1C Cư xá Đồng Tiến, phường 14, quận 10
730	3482	Trần Thị Hồng	1906	1973	Đông Quan	Trần Văn Trinh	1C Cư xá Đồng Tiến, phường 14, quận 10

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
731	3483	Huỳnh Văn Ký	1918	1995	Đông Quan	Huỳnh Thị Huệ	56 Nguyễn Ngọc Nhựt, phường Tân Quý, quận Tân Phú
732	3484	Lê Công Phú	1956	2001	Đông Quan	Nguyễn Thị Hỷ	84 đường số 1, khu dân cư Bình Hưng, huyện Bình Chánh
733	3485	Nguyễn Văn Tư	1913	1982	Đông Quan	Nguyễn Văn Tha	319/4 đường số 11, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
734	3486	Nguyễn Thị Nghi	1935	1982	Đông Quan	Nguyễn Văn Thông	302 Lô chung cư 23/49 Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh
735	3487	Nguyễn Văn Hộ	1896	1991	Đông Quan	Nguyễn Văn Kiện	127/25 Cô Giang, phường 1, quận Phú Nhuận
736	3488	Nguyễn Thị Gái	1912	1987	Đông Quan	Trần Văn Trình	1C Cư xá Đồng Tiến, phường 14, quận 10
737	3489	Nguyễn Thị Khúc	1913	1985	Đông Quan	Trần Thị Đức	328 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3
738	3579	Nguyễn Ngọc Tài	1982	1983	Giác Quan	Nguyễn Ngọc Hải	51/19H Âu Cơ, phường 14, quận 11
739	3639	Nguyễn Văn Bé Bờ	1983	1984	Giác Quan	Nguyễn Thị Ngọc Châu	2D Bãi Sậy, phường 13, quận 5
740	3671	Nguyễn Đại Ngọc	1993	1993	Giác Quan	Nguyễn Việt Tân	8 Lô O Cư Xá Phú Lâm D, phường 10, quận 6
741	3679	Võ Ngọc Cương	1981	1983	Giác Quan	Võ Ngọc Phúc	120/11A Trần Đình Xu, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1
742	3706	Nguyễn Thúy Phương	1982	1983	Giác Quan	Cao Thị Chín	49/3 Phạm Phú Thứ, phường 1, quận 6
743	3736	Nguyễn Văn Quý	1944	1999	Giác Quan	Nguyễn Ngọc Thiên Ân	261/4 Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, quận 1
744	3747	Nguyễn Thị Chuột	1925	1996	Giác Quan	Nguyễn Văn Thảo	133/9 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp
745	3753	Huỳnh Phụng My	1989	1995	Giác Quan	Thái Thị Ngọc	224 Bùi Viện, Phạm Ngũ Lão, quận 1
746	3754	Nguyễn Văn Lợi	1935	1995	Giác Quan	Nguyễn Thị Kim Hoa	984W7 Đoàn Văn Bơ, phường 10, quận 4
747	3763	Trần Huệ Quyền	1928	1996	Giác Quan	Trần Hữu Lực	258 Phan Văn Trị, phường 12, quận Bình Thạnh
748	3765	Võ Văn Lũy	1933	1996	Giác Quan	Võ Văn Hoàng	100/3A Nguyễn Ngọc Lộc, phường 14, quận 10
749	3779	Nguyễn Thị Chanh	1924	1995	Giác Quan	Đỗ Mạnh Hồng	475/49/15A Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
750	3792	Lê Thị Đăng	1923	1995	Giác Quan	Lê Thị Ánh Tuyết	68/621 Nguyễn Thượng Hiền, phường 5, quận Bình Thạnh
751	3798	Lưu Lai Muối	1916	1995	Giác Quan	Trần Thanh Hương	34/7 Phùng Văn Cung, phường 7, quận Phú Nhuận
752	3802	Võ Thị Chùa	1910	1995	Giác Quan	Lâm Thị Tuyết Hồng	125/17/16 Vạn Kiếp, phường 3, quận Bình Thạnh
753	3803	Nguyễn Văn Chăng	1929	1995	Giác Quan	Nguyễn Văn Dương	112/835/3 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp
754	3805	Nguyễn Thị Hồng	1939	1995	Giác Quan	Phạm Duy Hiền	556/137/33 Nguyễn Thái Sơn, phường 5, quận Gò Vấp
755	3806	Đỗ Văn Lạm	1946	1995	Giác Quan	Đỗ Thị Thanh Thúy	151/31/26/12 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú
756	3815	Phạm Thị Kiểm	1912	1995	Giác Quan	Nguyễn Thành Công	100/46/18 Lê Văn Duyệt, phường 1, Bình Thạnh
757	3817	Nguyễn Thị Tám	1918	1995	Giác Quan	Trương Hữu Thành	107/60 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp
758	3824	Nguyễn Thị Ba	1917	1995	Giác Quan	Lê Tấn Phát	124/82/39 TX33, phường Thạnh Xuân, quận 12
759	3825	Lê Văn Tâm	1915	2002	Giác Quan	Lê Tấn Phát	124/82/39 TX33, phường Thạnh Xuân, quận 12
760	3826	Đặng Văn Tiêng	1931	1997	Giác Quan	Nguyễn Văn Tuất	108/2 Calmette, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1
761	3828	Cao Văn Út	1969	1996	Giác Quan	Nguyễn Mẫn Khuyên	383/4/18 Bà Hạt, Phường 4, Quận 10
762	3829	Lý Tấn Giỏi	1951	1995	Giác Quan	Nguyễn Mẫn Khuyên	383/4/18 Bà Hạt, Phường 4, Quận 10
763	3830	Mộ chữ hoa (Lương Hữu)	1915	1994	Giác Quan	Lương Sở Hòn	64A Hưng Phú, Phường 8, Quận 8
764	3831	Nguyễn Thị Quảng	1921	1994	Giác Quan	Lê Thị Tư	521A Kha Vạn Cân, phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức
765	3832	Trần Văn Hai	1927	1994	Giác Quan	Nguyễn Viết Duy Duệ	409/21B Lê Quang Định, phường 5, quận Bình Thạnh

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
766	3833	Huỳnh Lang Quế	1910	1994	Giác Quan	Trần Ngọc Dung	437 Nguyễn Tri Phương, phường 8, quận 10
767	3849	Diệp Thị Ài	1913	1994	Giác Quan	Hồ Xuân Trúc	808 Quốc Lộ 1, khu phố 11, Bình Hưng Hòa B, Bình Tân
768	3850	Đỗ Việt Lâm		1967	Giác Quan	Đỗ Thị Thúy	005B C/c Ân Quang, phường 9, quận 10
769	3863	Nguyễn Thị Tuyết	1942	1995	Giác Quan	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	526 Thới An 28, Kp6, Thới An, quận 12
770	3873	Lương Thanh Bình	1997	1999	Giác Quan	Lương Phước	89 Ngõ Đức Kế, phường 12, Bình Thạnh
771	3882	Nguyễn Văn Thôn	1922	1994	Giác Quan	Huỳnh Mỹ Dung	183 Quân Sự, phường 11, quận 11
772	3888	Huỳnh Văn Thanh	1937	1994	Giác Quan	Nguyễn Phúc Đức	237/7 Kênh Tân Hóa, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú
773	3889	Lê Văn Tốt	1923	1995	Giác Quan	Bùi Anh Gân	171 Tân Châu, phường 8, quận Tân Bình
774	3897	Thị Ngọc Hoa	1981	1985	Giác Quan	Trương Văn Đức	80/142/9/7 Hoàng Ngân, phường 16, quận 8
775	3910	Đặng Thị Tuyết Minh	1984	1985	Giác Quan	Võ Thị Tuyết	015 Lô B chung cư, phường 3, quận 4
776	3922	Nguyễn Hữu Trọng	1983	1985	Giác Quan	Nguyễn Thị Thanh Hòa	26 Đường 6, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
777	3929	Đặng Thị Trách	1930	2002	Giác Quan	Đỗ Thị Thúy	005B C/c Ân Quang, phường 9, quận 10
778	3986	Nguyễn Trường Hải	1984	1985	Giác Quan	Nguyễn Ngọc Chiến	219/53 Đất Thánh, phường 6, quận Tân Bình
779	4005	Đinh Văn Rơi	1985	1985	Giác Quan	Vũ Ngọc Thông	418 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1
780	4068	Thái Trương Quang	1984	1985	Giác Quan	Thái Trương Vinh	Lô 5/21 Hưng Phú, phường 10, quận 8
781	4125	Nguyễn Thị Mai Phương	1985	1985	Giác Quan	Nguyễn Văn Thắng	413 Phạm Văn Hai, phường 3, quận Tân Bình
782	4139	Tổng Siêu	1920	1975	Giác Quan	Tổng Văn Bảo	270/5 Đào Sư Tích, xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè
783	4144	Phùng Trọng Thiệp	1927	1973	Giác Quan	Phùng Thị Châm	897/82 Trần Hưng Đạo, phường 1, quận 5
784	4149	Nguyễn Văn Nhiều	1952	2001	Giác Quan	Nguyễn Văn Tốt	416/29 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3
785	4160	Lê Văn Em	1969	1997	Giác Quan	Phan Thị Thúy	458/60 Lý Thái Tổ, phường Vườn Lài
786	4165	Nguyễn Đình Chiêu	1925	1998	Giác Quan	Nguyễn Đình Chính	418/21 Trần Phú, phường 7, quận 5
787	4166	Nguyễn Thị Ráp	1928	1999	Giác Quan	Nguyễn Đình Chính	418/21 Trần Phú, phường 7, quận 5
788	4208	Phạm Văn Hoàng	1930	1998	Giác Quan	Phạm Thị Nga	59/26/150 Huỳnh Tịnh Cúa, phường Võ Thị Sáu, quận 3
789	4209	Từ Quang Bí		1973	Giác Quan	Từ Duy Quang	122/7A Phan Văn Hân, phường 17, quận Bình Thạnh
790	4253	Hoàng Như Thành	1984	1985	Giác Quan	Trương Thị Lộc	2D/1 Hùng Vương , phường 1, quận 10
791	4254	Nguyễn Trọng Thảo		1985	Giác Quan	Nguyễn Văn Hùng	187 Thạch Lam, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú
792	4258	Vũ Huỳnh Kim Anh	1995	1997	Giác Quan	Huỳnh Thị Kim Loan	640 Võ Văn Kiệt, phường 1, quận 5
793	4283	Ngô Tấn Châu	1983	1985	Giác Quan	Ngô Thanh Sang	168 Bến Vân Đồn, phường 6, quận 4
794	4284	Nguyễn Văn Kiệu	1914	2003	Giác Quan	Nguyễn Văn Út	508/5E2 Cù Lao, phường 2, quận Phú Nhuận
795	4318	Hoàng Cu Bi		1982	Giác Quan	Lê Thị Ngọc Yến	Bình Đông, Thạnh Nhứt, Gò Công Tây, Tiền Giang
796	4323	Trần Văn Lâm		1982	Giác Quan	Võ Thị Phương Vân	Tổ 13, Ấp 2, Thạnh Phú, Vĩnh Cửu, Đồng Nai
797	4329	Phạm Văn Hùng	1962	1993	Liên Ứng	Phạm Văn Hoàng	13/180/1D Trần Văn Hoàng, phường 9, quận Tân Bình
798	4343	Phạm Ngọc Trâm	1983	1983	Giác Quan	Huỳnh Văn Hiếu	557/19/10 Hương Lộ 3, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
799	4362	Đỗ Chiêu Thành	1982	1982	Giác Quan	Đỗ Chiêu Hỷ	55/16/3/13 Tây Lân, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân
800	4364	Lê Tấn Tài	1982	1982	Giác Quan	Nguyễn Văn Kiệt	12/13 đường 3, tổ 3, khu phố 1, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
801	4366	Trần Thị Diễm Trinh	1982	1982	Giác Quan	Hồ Thị Lệ Thơ	27 Mé sông Tôn Thất Thuyết, phường 18, quận 4
802	4390	Huỳnh Công Quyền	1982	1982	Giác Quan	Huỳnh Trọng Yêm	024 Lô 9 Cư Xá Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh
803	4409	Nguyễn Thành Phong	1979	1983	Giác Quan	Nguyễn Thành Niệm	22/8 Đào Tông Nguyên, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè
804	4413	Ngô Hoàng Sơn	1981	1982	Giác Quan	Ngô Khắc Nghĩa	48/84Đ Đặng Nhữ Lâm, KP7, TT Nhà Bè, huyện Nhà Bè
805	4419	Đàm Anh Thảo Trang (gãy bia)	1980	1983	Giác Quan	Trần Đức Trí	95 Duy Tân, phường 15, quận Phú Nhuận
806	4429	Trần Quan Đức	1988		Giác Quan	Trần Văn Thanh	170/26 Hòa Hưng, phường 13, quận 10
807	4437	Nguyễn Thụy Phương Hồng	1978	1983	Giác Quan	Cao Thị Tổ Thi	12/1 Đường số 11, phường Bình Hưng Hoà A, quận Bình Tân
808	4457	Phạm Thị Toán	1921	2003	Giác Quan	Đỗ Thị Anh Thư	460/53 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4
809	4495	Nguyễn Trung Dũng	1978	1982	Giác Quan	Vũ Thị Vĩnh	3/107 Thành Thái, phường 14, quận 10
810	4503	Nguyễn Thùy Trâm	1980	1982	Giác Quan	Nguyễn Văn Tuấn	217/29/10 Đề Thám, phường Bến Thành, Tp. HCM
811	4510	Hà Trung Dũng	1979	1982	Giác Quan	Phạm Thị Hát	12 đường số 11, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
812	4528	Nguyễn Văn Thanh	1917	1991	Giác Quan	Đào Đình Thịnh	33 Hoàng Thiều Hoa, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú
813	4537	Trần Thị Nhật	1914	1996	Giác Quan	Nguyễn Thị Bích Ngọc	577/28 Quốc Lộ 13, Hiệp Bình Phước, Tp. Thủ Đức
814	4541	Nguyễn Văn Canh	1933	1944	Giác Quan	Nguyễn Quốc Dũng	169 Bùi Hữu Nghĩa, phường 1, quận Bình Thạnh
815	4555	Nguyễn Thanh Trí	1980	1982	Giác Quan	Nguyễn Thanh Sơn	528/15 Hưng Phú, phường 9, quận 8
816	4558	Mộ chữ Hoa (Vương Quân)	1933	2006	Giác Quan	Nhật Yến Ngọc	83/133 Lý Nam Đế, phường 7, quận 11
817	4559	Nguyễn Văn Dầu	1933	1996	Giác Quan	Nguyễn Ngọc Phú	46 Trần Văn Giáp, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú
818	4560	Huỳnh Thị Gạch	1918	1999	Giác Quan	Đào Đình Thịnh	33 Hoàng Thiều Hoa, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú
819	4596	Cao Thị Truyen	1926	2005	Giác Quan	Võ Thị Cẩm	31A Lê Cao Lãng, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú
820	4601	Nguyễn Hữu Phong		1982	Giác Quan	Nguyễn Hữu Nguyễn	A6 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1
821	4613	Trần Trọng Thanh Dũng	1981	1982	Giác Quan	Trần Thị Minh Phương	104 Lô C chung cư 23/49 Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh
822	4621	Hồ Đình Đại	1977	2001	Giác Quan	Hồ Thụy Thùy Dung	286/15C Chiến Lược, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân
823	4636	Mộ chữ Hoa (Lu A Tu)			Giác Quan	Lu Thị Ngọc Trâm	67 Lê Niệm, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú
824	4641	Hồ Ngọc Hạnh	1981	1982	Giác Quan	Hồ Thanh Duyên	498/29A Lê Hồng Phong, phường 1, quận 10
825	4642	Nguyễn Văn Hiệp	1980	1982	Giác Quan	Nguyễn Văn Lợi	514 An Dương Vương, phường 10, quận 6
826	4645	Hà Thế Hưng	1969	2002	Giác Quan	Hà Thế Thịnh	75/11/18 Trần Văn Đang, phường 9, quận 3
827	4646	Trần Tinh	1936	2002	Giác Quan	Trần Hoài Phương	233/57/6 Đường TTH 07, phường Tân Thới Hiệp, quận 12
828	4653	Nguyễn Thị Đá	1925	2001	Giác Quan	Phạm Sáu	372/60 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh
829	4654	Nguyễn Trần Quang	1982	1982	Giác Quan	Nguyễn Đức Trí Tâm	56/8 Tô Hiệu, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú
830	4660	Nguyễn Văn Bông	1938	2001	Giác Quan	Nguyễn Văn Lý	68/423 Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1
831	4675	Lê Thị Khá	1959	2001	Giác Quan	Lê Trung Thành	380/99 Lê Văn Lương, phường Tân Hưng, quận 7
832	4676	Nguyễn Thị Vui	1938	2001	Giác Quan	Võ Thị Kim Hoàng	15 Đường 98 , phường Phước Long A, Tp. Thủ Đức
833	4682	Trần Thị Ngọc Xuân	1978	1982	Giác Quan	Trần Ngọc Vin	106/45 Tôn Thất Hiệp, phường 13, quận 11
834	4685	Hà Văn Thanh	1941	2001	Giác Quan	Nguyễn Thị Hiền	77/44 Trần Văn Quang, phường 10, quận Tân Bình
835	4701	Trần Hoàng Hiếu	1979	1982	Giác Quan	Trần Hoàng Thanh	300/34/18/7A Nguyễn Văn Linh, Bình Thuận, quận 7

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
836	4702	Bùi Văn Trung	1934	2001	Giác Quan	Bùi Ngọc Chữ	405A Lô M2 C/c phường 1, quận 4
837	4708	Trần Thị Sức	1934	2002	Giác Quan	Huỳnh Thị Lợi	11/7 Dã Tượng, phường 10, quận 8
838	4710	Huỳnh Thị Thân		2001	Giác Quan	Nguyễn Hữu Huân	7/1A Rạch Cát, phường 15, quận 8
839	4711	Phạm Thị Nở	1942	2002	Giác Quan	Dương Thị Kim Cúc	102/74 Âu Dương Lân, phường 3, quận 8
840	4728	Lê Hoàng Việt (mất bia)	1980	1982	Giác Quan	Nguyễn Thị Thanh Hồng	301/60 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 5, Quận 3
841	4740	Nguyễn Thìn Chương			Giác Quan	Trương Minh Hiếu	42/42/10 (số cũ 42/256C) Hoàng Hoa Thám, phường 7, Bình Thạnh
842	4744	Trần Thị Khứ	1929	2003	Giác Quan	Trương Thị Năm	11 Lô E5, khu dân cư An Sương, phường Tân Hưng Thuận, quận 12
843	4746	Nguyễn Lê Bảo Anh			Giác Quan	Lê Thị Hồng Nga	133 Trần Văn Đang, phường 11, quận 3
844	4747	Dương Minh Cang	1987	1996	Giác Quan	Huỳnh Thị Thanh Loan	109/66 Nguyễn Thiện Thuật, phường 2 ,quận 3
845	4750	Huỳnh Bá Long	1940	1996	Giác Quan	Huỳnh Thị Thanh Loan	109/66 Nguyễn Thiện Thuật, phường 2, quận 3
846	4751	Trần Thị Đáng	1926	1996	Giác Quan	Vũ Văn Mậu	90 Phạm Phú thứ, phường 3, quận 6
847	4753	Mao Đình Lược	1924	1997	Giác Quan	Lương Quyền	50/13 Hòa Bình, phường 5, quận 11
848	4757	Trương Văn Hội	1966	1996	Giác Quan	Ngô Bửu Quyền	85/58 Cây Cắm, phường Bình Hưng Hòa B, Bình Tân
849	4762	Nguyễn Văn Thiện	1962	1995	Giác Quan	Nguyễn Thị Thanh Tâm	1134/6 Tô 5, Kp2, Tân Tiến, Tphường Biên Hòa, Đồng Nai
850	4765	Trần Văn Lượng	1907	1996	Giác Quan	Trần Phúc Quyền	TK29/11 Nguyễn Cảnh Chân, phường Cầu Kho, quận 1
851	4771	Phạm Thị Hên	1936	1996	Giác Quan	Trần Trường Hưng	106H/54 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
852	4774	Trần Xuân Dậu	1981	1981	Giác Quan	Trần Thị Xuân Thành	58/12 Hồ Thị Kỷ, phường 11, quận 10
853	4776	Trần Thị Hoa	1979	1981	Giác Quan	Trần Quang Vinh	105 Vĩnh Viễn, phường 4, quận 10
854	4778	Nguyễn Thị Chính	1946	2002	Giác Quan	Nguyễn Thị Mận	144C Ụ Cây, phường 10, quận 8
855	4795	Lâm Hoàng Rô	1922	1996	Giác Quan	Bùi Quang Đức	56/76B Âu Dương Lân, phường 2, quận 8
856	4796	Trần Ngọc Tâm	1975	1981	Giác Quan	Trần Thị Phý Lai	33/47 Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú
857	4800	Lục Lâm An	1916	1996	Giác Quan	Lục Văn Tốt	100H/23A Hoài Thanh, phường 14, quận 8
858	4801	Trần Đăng Khoa	1972	1996	Giác Quan	Trần Thị Kim Cương	61/12/1/1 KP2 , phường Thạnh Xuân, quận 12
859	4820	Nguyễn Thị Cúc	1968	1973	Giác Quan	Lê Thị Mai	457/24 Điện Biên Phủ, phường 3, quận 3
860	4824	Vũ Thanh Tùng	1974	1991	Giác Quan	Vũ Khánh Phương	402/12/3 Tô 7, Kp8, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân
861	4843	Vũ Vi Văng	1978	1981	Giác Quan	Vũ Vi Vi	Buôn Ea Rông B, Krông Na, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk
862	4844	Lê Thị Mỹ Duyên	1979	1981	Giác Quan	Ngô Thị Bé Sáu	62/1 Nguyễn Kim, phường 6, quận 11
863	4864	Trần Thị Thuận	1952	2002	Giác Quan	Đặng Quang Vinh	C33/6A Đoàn Văn Bơ, phường 13, quận 4
864	4866	Tăng Chầy	1924	2002	Giác Quan	Tăng Chí Hiếu	87/15 Nguyễn Đình Chính, Phường 15, Quận Phú Nhuận
865	4867	Mộ chữ hoa (Văn Thềnh Kjú)			Giác Quan	Văn Trung Lệ	44/13 Sư Vạn Hạnh, phường 9 ,quận 5
866	4870	Hồ Quang Huy	1978	1981	Giác Quan	Hồ Quang Vinh	97 Nguyễn Thái Bình , phường 4, quận Tân Bình
867	4873	Nguyễn Thị Bimet	1919	2002	Giác Quan	Nguyễn Minh Đức	1 Lô 25 Phạm Thế Hiển, phường 4, quận 8
868	4875	Nguyễn Văn Cầu	1933	2003	Giác Quan	Nguyễn Thị Thu Hòa	235/5 Bãi Sậy, phường 4, quận 6
869	4876	Trần Thị Đọ	1925	2004	Giác Quan	Đinh Vương Ngọc Mai	1057 Lũy Bán Bích, phường Tân Thành, quận Tân Phú
870	4885	Nguyễn Lưu Hoàng	1980	1981	Giác Quan	Lưu Bạch Huệ	167B Phan Văn Khỏe, phường 2, quận 6

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
871	4887	Phạm Thị Ngọc Diệp	1981	1981	Giác Quan	Phạm Hữu Đông	343/34 Tô Hiến Thành, phường 12, quận 10
872	4893	Lương Thị Thiệt	1915	2002	Giác Quan	Huỳnh Thị Cúc	47/50D Tân Hóa, phường 14, quận 6
873	4899	Lê Thị Nhật Hiền	1979	1981	Giác Quan	Lê Thuận Lập	610 Ấp Cầu Xây, Xã Rạch Kiến, Tỉnh Tây Ninh)
874	4917	Nguyễn Huy Cường	1978	1980	Giác Quan	Nguyễn Thanh Vũ	15/70/14 Hòa Bình, phường 3, quận 11
875	4919	Trần Lan Hương	1972	1981	Giác Quan	Trần Thị Quỳnh Hương	272/7A Lê Văn Quới, phường Bình Hưng Hòa A, Bình Tân
876	4935	Tiêu Thị Lắm	1959	2004	Giác Quan	Đào Thanh Trí	629/39 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, quận 3
877	4952	Tô Hoàng Nhi	1980	1981	Trần Quốc	Lê Thị Nhạn	163/17 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh
878	4970	Võ Văn Đựng	1923	2001	Giác Quan	Võ Văn Sơn	103/6A Tân Hòa Đông, phường 14, quận 6
879	4974	Phan Thị Như Thùy	1982	1983	Giác Quan	Phan Cước	2/43 Đất Thánh, phường 6, Tân Bình
880	4998	Đỗ Thanh Nhân	1978		Giác Quan	Đỗ Thị Tuyết Nhung	21/8 Lê Thị Riêng, phường Bến Thành , quận 1
881	5001	Mộ chữ hoa (La Chế Quyền)			Giác Quan	Tăng Tú Anh	45/2A Hàn Hải Nguyên, Phường 14, Quận 11
882	5004	Nguyễn Thị Thu An			Giác Quan	Nguyễn Thị Xuân An	31/38B Lê Văn Sỹ, phường 13, quận 3
883	5023	Đỗ Văn Mùi	1931	2002	Giác Quan	Đỗ Kỳ Vân	184/38/31/29 Âu Dương Lân, phường 3, quận 8
884	5024	Nguyễn Văn Lô (tự: Lê Phước Lợi)	1921	2002	Giác Quan	Lê Phước Hòa	304-305 Lô Y chung cư Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10
885	5033	Võ Văn Thành Đô	1972	2002	Giác Quan	Võ Ngọc Tố Uyên	82/10A Đinh Bộ Lĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh
886	5034	Nguyễn Phước Hải	1981	2002	Giác Quan	Nguyễn Đặng Ngọc Huyền	106 C/c 16/9 Kỳ Đồng , phường 9, quận 3
887	5045	Đặng Ngọc Tòng Tự Trần Văn Tôn	1930	1999	Giác Quan	Trần Mạnh Cường	18/30 Trần Quang Diệu, phường 14, quận 3
888	5047	Nguyễn Ngọc Thi	1979	1980	Giác Quan	Bùi Quang Huân	8/5/6/1 Bùi Dương Lịch, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân
889	5068	Nguyễn Văn Giấy	1925	2000	Giác Quan	Nguyễn Tấn Lộc	63/57 Lưu Trọng Lư, phường Tân Thuận Đông, quận 7
890	5070	Trần Thị Thanh Hương	1967	2000	Giác Quan	Trần Quốc Khánh	26/57 Đỗ Quang Đầu, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1
891	5075	Trần Thị Hồng Thương	1983	1983	Giác Quan	Trần Thị Lê	15B/84 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1
892	5078	Lê Thị Bích Diệp	1971	1983	Giác Quan	Lê Ly Ly	120/48/3 Thích Quảng Đức, phường 5, quận Phú Nhuận
893	5090	Huỳnh Văn Hương	1960	2002	Giác Quan	Trang Thị Mỹ Hằng	258/131A Nguyễn Duy, phường 9, quận 8
894	5115	Mộ chữ hoa (Trần Thế Du)			Giác Quan	Trần Thế Cương	279/5A Bình Tiên, phường 8, quận 6
895	5128	Nguyễn Quang Anh	1988	1993	Giác Quan	Nguyễn Trung Kiên	45A Đường 41, phường Tân Quy, quận Tân Phú
896	5129	Nguyễn Thị Định	1928	1978	Giác Quan	Trương Tấn Đức	39/1A Tạ Quang Bửu, phường 2, quận 8
897	5132	Nguyễn Thị Vàng (tự: Trần Thị Giáp)	1901	1983	Giác Quan	Lê Thủy Hoàng Tây	306/15 Dương Bá Trạc, phường 1, quận 8
898	5133	Võ Thị Bông	1950	2000	Giác Quan	Đặng Văn Dũng	17 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1
899	5137	Ngô Vũ Trung	1964	1979	Giác Quan	Ngô Thị Phương Mai	C-1802 C/c Citiesto KP3, TP Thủ Đức
900	5139	Trần Văn Phúc	1921	1979	Trần Quốc	Trần Thị Nhật Thùy	105 Lô F chung cư Ấn Quang, phường 9, quận 10
901	5144	Bùi Thị Tươi	1972	1982	Giác Quan	Nguyễn Văn Nhiều	41/29 Sư Vạn Hạnh, phường 3, quận 10
902	5148	Nguyễn Thị Thanh Đào	1978	1982	Giác Quan	Nguyễn Thị Thanh Đài	1/3A2 Kp4, phường Đông Hưng Thuận, quận 12
903	5156	Nguyễn Ngọc Nghĩa	1980	1999	Giác Quan	Huỳnh Thị Có	201 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp
904	5173	Lâu Đường Chí	1903	1979	Giác Quan	Lưu Văn Tân	146/59/18/96 Võ Tùng, phường 2, quận Bình Thạnh
905	5182	Trần Minh Kỳ (Tiền)	1966	1999	Giác Quan	Trần Minh Tiến	180/12 Bình Tiên, phường 4, quận 6

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
906	5184	Trần Văn Hoàn	1913	1983	Giác Quan	Trần Thị Phượng	163/17 Tân Phước, phường 6, quận 10
907	5191	Nguyễn Văn Long		1974	Giác Quan	Nguyễn Văn Đức	276/131/24 Thống Nhất, phường 16, quận Gò Vấp
908	5196	Chu Hải Hồ	1969	1998	Giác Quan	Chu Quang Tiến	27E Đường 17, phường Tân Kiên, quận 7
909	5226	Nguyễn Thị Băng		1983	Giác Quan	Nguyễn Tường Luận	23/3 Quang Trung, phường 8, quận Gò Vấp
910	5227	La Liên Hương	1921	1983	Giác Quan	La Thanh Phong	406/8 Chiến Lược, phường Bình Trị Đông A, Bình Tân
911	5231	Đồng Mạnh Khải	1902	1973	Giác Quan	Đồng Văn Thành	52 Thích Quảng Đức, phường 5, Phú Nhuận
912	5234	Hà Thị Thiện	1908	1994	Giác Quan	Võ Kim Trang	Tổ 12, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng
913	5243	Trương Thị Kim Anh	1916	1994	Giác Quan	Trương Ngọc Tú	295/7 Hòa Hảo, phường 4, quận 10
914	5245	Cao Thị Hồng Nhung	1972		Giác Quan	Cao Đắc Dũng	638/4 Lê Hồng Phong, Phường 10, Quận 10
915	5247	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	1952	1999	Giác Quan	Nguyễn Mạnh Hiệp	83A Cửu Long, phường 15, quận 10
916	5253	Nguyễn Thị Bông	1919	2002	Giác Quan	Phạm Ngọc Thanh Trúc	59/6 Đường số 8, phường 11, quận Gò Vấp
917	5254	Võ Thị Tư	1942	1983	Giác Quan	Võ Thị Hồng Oanh	130/Đông Knor, phường Bến Ngrie, quận 1
918	5256	Nguyễn Văn Lê	1924	1983	Giác Quan	Nguyễn Thị Nhon	261/27/15 Chu Văn An, phường 12, quận 8
919	5257	Phan Văn Chệt	1917	1983	Giác Quan	Huỳnh Hữu Cường	28C/7T Dương Bá Trạc, phường Rạch Ông, quận 8
920	5259	Phạm Thị Mỹ	1959	1983	Giác Quan	Phạm Ngọc Độ	Ấp Thôi Môi, Hòa Khánh Đông, Đức Hòa, Long An
921	5263	Ngô Đình Phước	1940	2006	Giác Quan	Trừ Vĩnh Hào	25/22B Trần Khắc Chân, phường Tân Định, quận 1
922	5269	Nguyễn Thế	1894	1983	Giác Quan	Nguyễn Thanh Tài	Đường số 14, ấp Bình Tiên 2, ĐHH-ĐH-LA
923	5294	Lê Trần Hoàng Khải	1981	1982	Giác Quan	Lê Tấn Nhõ	980/5 Võ Văn Kiệt, phường 05, Quận 5
924	5308	Võ Nguyễn Tuấn Tú	1976	2002	Giác Quan	Nguyễn Thị Hà	508/5E2 Cù Lao, phường 2, quận Phú Nhuận
925	5309	Nguyễn Phước Cường	1984	1985	Giác Quan	Nguyễn Thị Thanh	167/52 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Đông, quận 7
926	5313	Trần Bích Thảo	1985	1985	Giác Quan	Nguyễn Thị Như Mai	135/1 Trần Quang Cơ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú
927	5329	Thái Thị Kiêm Nguyên		1998	Giác Quan	Thái Thanh Liêm	308 Lô G C/c Nguyễn Thiện Thuật, phường 1, quận 3
928	5330	Thái Lưu Tuấn Tâm		1993	Giác Quan	Thái Thanh Liêm	308 Lô G C/c Nguyễn Thiện Thuật, phường 1, quận 3
929	5331	Thái Đỗ Nhật Toàn	1981	1981	Giác Quan	Thái Thanh Liêm	308 Lô G C/c Nguyễn Thiện Thuật, phường 1, quận 3
930	5342	Nguyễn Thiện Tâm	1979	1981	Giác Quan	Nguyễn Công Thiện	4/40 Trần Khắc Chân, phường Tân Định, quận 1
931	5351	Lê Ngọc Thanh	1973	1983	Giác Quan	Nguyễn Ngọc Thanh Mai	77/26B Cao Văn Lầu, Phường 1, Quận 6
932	5355	Nguyễn Văn Khanh	1949	2002	Giác Quan	Trần Thị Thu Cúc	Ấp 5, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
933	5364	Hồ Thị Anh Phước		1982	Giác Quan	Hồ Văn Liêm	380 Nguyễn Sơn, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
934	5374	Trương Thị Kỳ	1907	1996	Giác Quan	Từ Quốc Dũng	38/28 Trần Khắc Chân, phường Tân Định, quận 1
935	5419	Vũ Văn Thủy	1903	1969	Giác Quan	Vũ Thị Xuân Mai	207/59/1 Phạm Văn Hai, phường 5, quận Tân Bình
936	5427	Lê Thanh Ngân	1980	1981	Giác Quan	Trần Thị Phương	Căn hộ 207 Lô A, C/c Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân
937	5429	Tô Kim Phượng	1979	1981	Giác Quan	Tô Hồng Sơn	A8/2 Đường số 43, phường Bình Thuận, quận 7
938	5437	Đỗ Hoàng Huy			Giác Quan	Đỗ Huy Hoàng	104 đường 1138, phường Tân Phú, quận 9
939	5438	Trần Thị Phụng	1929	2002	Giác Quan	Phùng Thị Kim Phượng	477/15 Kp3. phường Tân Hưng, quận 7
940	5441	Phạm Thị Thiệu	1921	1998	Giác Quan	Đỗ Ba	194 Kênh Tân Hóa, phường Phú Trung, quận Tân Phú

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
941	5454	Nguyễn Thị Hồng	1968	2004	Giác Quan	Nguyễn Văn Minh	39/35/1/5 Phú Thọ, phường 1, quận 11
942	5472	Trà Trọng Tín	1973	1983	Giác Quan	Trà Đức	229/64/53 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú
943	5485	Lý Quốc Quang	1981		Giác Quan	Lý Mỹ Nga	014 lô Q C/c Nguyễn Kim, phường 7, quận 10
944	5494	Huỳnh Thị Ngọc Nhung	1984	1985	Giác Quan	Nguyễn Thị Hoa	Sạp 9 Gia Phú, phường 1, quận 6
945	5507	Ngô Minh Đức	1984	1984	Giác Quan	Ngô Thị Phương Lan	45 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10
946	5560	Đỗ Văn Mây	1984	1984	Giác Quan	Đỗ Ba	194 Kênh Tân Hòa, phường Phú Trung, quận Tân Phú
947	5563	Thòong Mỹ Phụng	1984	1984	Giác Quan	Thòong Quân Kỳ	964/7 Lò Gốm, phường 8, quận 6
948	5575	Đoàn Hà Ngọc Trinh	1983	1984	Giác Quan	Hà Thị Ngọc Oanh	260 Ngô Gia Tự, phường 4, quận 10
949	5594	Dương Tấn Lộc		1984	Giác Quan	Dương Văn Nhân	25/8B Văn Cao, Phú Thạnh, Tân Phú
950	5598	Nguyễn Ngọc Tân	1978	1984	Giác Quan	Nguyễn Ngọc Phương	120/1B Bình Thới, phường 14, quận 11
951	5623	Phạm Trường Song Anh	1985	2006	Giác Quan	Phạm Thị Nga	59/26/150 Huỳnh Tịnh Của, phường Võ Thị Sáu, quận 3
952	5639	Lê Đức Thuận	1978	1996	Giác Quan	Lê Đức Thiện	31/32/10 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh
953	5643	Nguyễn Thị Thông	1936	1995	Giác Quan	Vũ Thị Hảo	271/5/1 Hoàng Văn Thụ, phường 2, quận Tân Bình
954	5649	Hồ Thị Quýt	1933	1997	Giác Quan	Tạ Hồ Công Tuấn	78 Đông Hồ, phường 4, quận 8
955	5651	Nguyễn Thị Sáng	1914	1996	Giác Quan	Vương Quý Mai	22/6 đường Số 1, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
956	5659	Nguyễn Thị Kim	1929	1996	Giác Quan	Từ Duy Quang	122/7A Phan Văn Hân, phường 17, quận Bình Thạnh
957	5661	Mộ Chữ Hoa (Huỳnh Chí An)			Giác Quan	Nguyễn Văn Lượng	117 Ấp Phú Thượng 3, Kiến An, Chợ Mới, An Giang
958	5664	Đỗ Thị Mầu	1918	1996	Giác Quan	Hoàng Thị Mão	220 Đoàn Văn Bơ, phường 14, quận 4
959	5666	Lý Thị Nành	1917	1996	Giác Quan	Lê Thị Gái	162 Nguyễn Thượng Hiền, phường 4, quận 3
960	5668	Nguyễn Hành Sơn			Giác Quan	Hồ Thị Mỹ Châu	466A Bình Long, phường Tân Quý, quận Tân Phú
961	5669	Nguyễn Non Nước			Giác Quan	Hồ Thị Mỹ Châu	466A Bình Long, phường Tân Quý, quận Tân Phú
962	5673	Trần Thị Hai	1931	1996	Giác Quan	Trần Dương Qua	15/70 Cô Bắc, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1
963	5675	Nguyễn Tấn Trì	1938	1995	Giác Quan	Nguyễn Thị Phương Chi	320/66 Đường Tân Thới Hiệp, phường Tân Thới Hiệp, quận 12
964	5680	Nguyễn Thị Dàn	1926	1995	Giác Quan	Lý Trung Trinh	150 ấp Đồng Trung, xã Tam An, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
965	5688	Lê Thị Mật	1922	1997	Giác Quan	Trần Thị Ngọc Linh	187/5/8A Cô Giang, phường Cô Giang, quận 1
966	5690	Đặng Thị Dung	1924	1995	Giác Quan	Đặng Đình Lân	397 Đường Hiệp Thành 13, Kp3, phường Hiệp Thành, quận 12
967	5695	Đỗ Lê Hùng	1976	1995	Giác Quan	Đỗ Lê Dũng	22/14 Huỳnh Đình Hai, phường 24, quận Bình Thạnh
968	5698	Trần Thế Khang	1999	1999	Giác Quan	Trần Thế Khang	320/66 Đường Tân Thới Hiệp, phường Tân Thới Hiệp, quận 12
969	5700	Nguyễn Quang Tuấn	1977	1996	Giác Quan	Huỳnh Thanh Long	B1-15.03 C/c Giai Việt, phường 5, quận 8
970	5708	Huỳnh Thị Tường	1911	1996	Giác Quan	Trần Thị Ngọc Vân	348/65/20 Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh
971	5712	Nguyễn Văn Phó	1950	1996	Giác Quan	Trần Thị Cùa	304/94 Phạm Thế Hiển, phường 3, quận 8
972	5719	Bùi Văn Bảy	1937	1996	Giác Quan	Bùi Văn Ba	384/8A Lý Thái Tổ, phường 10, quận 10
973	5722	Nguyễn Văn Thái	1966	1996	Giác Quan	Nguyễn Văn Bình	42 Cư Xá Đường Sắt, phường 1, quận 3
974	5730	Nguyễn Thị Dư	1919	1995	Giác Quan	Nguyễn Thị Thanh Loan	84/44A Bùi Viện, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1
975	5735	Mộ chữ hoa			Giác Quan	Lê Hồng Ngọc	62/92 Lý Chính Thắng, phường Xuân Hòa, quận 3

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
976	5750	Lê Thị Tình	1926	1996	Giác Quan	Nguyễn Thị Thanh hà	104 Lô B Cư xá Chợ Quán, phường 1, quận 5
977	5754	Võ Văn Hoanh	1917	1996	Giác Quan	Võ Văn Nam	766A/20 Lạc Long Quân, phường 9, quận Tân Bình
978	5759	Nguyễn Thị Nết	1945	1996	Giác Quan	Nguyễn Thanh Tuấn	231C Phan Văn Trị, phường 11, quận Bình Thạnh
979	5778	Huỳnh Hữu Hạnh	1964	1995	Giác Quan	Huỳnh Hữu Bình	79/79 Âu Cơ, phường 14, quận 11
980	5789	Nguyễn Thị Tám	1936	1995	Giác Quan	Nguyễn Thị Thu Thủy	93/10A Hồ Thị Kỷ, phường 1, quận 10
981	5795	Trần Thị Ёn	1915	1996	Giác Quan	Huỳnh Thanh Long	140Y Phan Văn Trị, phường 12, quận Bình Thạnh
982	5807	Lâm Tý	1956	1995	Giác Quan	Nguyễn Thị Sanh	13 Đường 100 Bình Thới , phường 14, quận 11
983	5808	Phạm Thanh Toàn	1974	1995	Giác Quan	Phạm Thanh Hải	189 đường số 10, phường 8, quận Gò Vấp
984	5817	Huỳnh Văn Phụng	1942	1999	Giác Quan	Huỳnh Thanh Long	140Y Phan Văn Trị, phường 12, quận Bình Thạnh
985	5820	Phạm Hào Quang	1944	2002	Giác Quan	Đỗ Thị Hằng	63 Đường 53, phường Tân Quy, quận 7
986	5825	Võ Thị Thúy + Bé Bỏ	1969	2008	Giác Quan	Võ Minh Sơn	10/23 Ấp Chiến Lược, Phường Bình Hưng Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
987	5839	Lê Thị Y	1939	1988	Giác Quan	Lê Thị Xuân Trinh	Ấp Tân Định, phường Tân Thông Hội, huyện Củ Chi
988	5845	Nguyễn Mỹ Hoa	1966	1998	Giác Quan	Huỳnh Mỹ Dung	183 Quân Sự, phường 11, quận 11
989	5846	Nguyễn Văn Ngà	1933	1998	Giác Quan	Nguyễn Văn Tốt	128/22/20 Lê Văn Duyệt, phường 1, quận Bình Thạnh
990	5847	Nguyễn Văn Thủy	1959	2002	Giác Quan	Nguyễn Thị Vân	107/16/3 Lê Thị Bạch Cát, phường Phú Thọ
991	5848	Nguyễn Thị Mua	1922	1999	Giác Quan	Lê Thị Tư	142D/5 Cô Giang, phường 2, Phú Nhuận
992	5854	Nguyễn Thị Quý	1923	1991	Giác Quan	Diệp Hiếu	205/8A7 Tân Hòa Đông, phường 14, quận 6
993	5858	Nguyễn Thị Hồng	1967	1997	Giác Quan	Nguyễn Thị Hà My	72/37 Huỳnh Văn Nghệ, phường 15, quận Tân Bình
994	5866	Lê Thị Phương	1936	1997	Giác Quan	Trần Thị Phương Lan	1B Âu Dương Lân, phường 3, quận 8
995	5873	Nguyễn Thị Ba	1943	1997	Giác Quan	Huỳnh Trọng Quốc	170/303 Bến Vân Đồn, Phường 6, Quận 4
996	5876	Nguyễn Thanh Sơn	1976	1997	Giác Quan	Nguyễn Thanh Hoa	266/110 Tôn Đản, phường 8, quận 4
997	5877	Trần Thị Khánh	1916	1997	Giác Quan	Hồ Thị Thanh Dung	100/24 Bis Cô Bắc, phường Cô Giang, Quận 1
998	5878	Nguyễn Tuấn Cường	1973	1997	Giác Quan	Nguyễn Thị Hồng Minh	113 Phó Lương Thanh Thiện, phường Lương Thánh Thiện, quận Ngô Quyền, Hải Phòng
999	5879	Trần Thị Lắm	1913	2002	Giác Quan	Dương Thị Xuân	129/1/14 Nguyễn Hữu Hào, phường 6, quận 4
1000	5896	Trần Thị Chính	1924	2002	Giác Quan	Nguyễn Văn Lắm	30/91/66/1 Lâm Văn Bền, phường Tân Kiểng, quận 7
1001	5909	Hoàng Văn Chuân (Đã mất) mô ghi: Hoàng Văn (Chấn)	1926	1983	Giác Quan	Phạm Văn Định	Tổ 14, Ấp B4 Phước Minh, Dương Minh Châu, Tây Ninh
1002	5917	Phạm Văn Hòa	1960	2001	Giác Quan	Phạm Thị Nga	59/26/150 Huỳnh Tịnh Của, phường Võ Thị Sáu, quận 3
1003	5923	Đào Đình Oản	1918	2005	Giác Quan	Đào Đình Thịnh	33 Hoàng Thiểu Hoa, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú
1004	5926	Phạm Thị Ty	1914	1990	Giác Quan	Phạm Thị Bạch Tuyết	40 Trần Hưng Đạo, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1
1005	5927	Nguyễn Tước Nhi	1939	1983	Giác Quan	Nguyễn Vinh Quang	1953/28/2 Phạm Thế Hiển, phường 6, quận 8
1006	5940	Phạm Công Tâm	1955	1983	Giác Quan	Phạm Chí Hiếu	48/5 Cô Bắc, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1
1007	5941	Đỗ Thị Đước		1997	Giác Quan	Nguyễn Đỗ Mừng	341/67C Lạc Long Quân, phường 5, quận 11
1008	5953	Đoàn Văn Lượng	1923	1983	Giác Quan	Đoàn Văn Đước	336/43/8C Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6
1009	5964	Nguyễn Văn Sang	1958	1997	Giác Quan	Vũ Thị Xoa	280/47/38 Bùi Hữu Nghĩa, phường 2, quận Bình Thạnh
1010	5965	Lục Thê	1913	1997	Giác Quan	Trần Kim Anh	A2.2C chung cư Bùi Minh Trực, phường 6, quận 8

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1011	5978	Ngô Thị Phùng	1901	1973	Giác Quan	Trần Li Lan	119/2A Phùng Tá Chu, phường An Lạc A, quận Bình Tân
1012	5986	Nguyễn Thị Hòa	1949	1970	Giác Quan	Nguyễn Lê Anh Tú	119/49 Phạm Thế Hiển, phường 3, quận 8
1013	6015	Phạm Quang Ngọc	1901	1983	Giác Quan	Phạm Thị Kim Dung	314 Lô S cư xá Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh
1014	6017	Nguyễn Trần Thúy Vy	1976	1997	Giác Quan	Nguyễn Thế Thịnh	7/35A Liên Khu 5-6, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân
1015	6025	Trương Dược Lương	1913	1999	Giác Quan	Nguyễn Thạch Lâm	133 Phan Văn Khỏe, phường 5, quận 6
1016	6026	Trần Minh Khiêm	1898	1955	Giác Quan	Phạm Mạnh Quân	E48 C/x Phú Lâm B, Bà Hom, phường 13, quận 6
1017	6030	Lưu Đình Vũ	1904	1983	Giác Quan	Huỳnh Tấn Phát	23/23 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 19, quận Bình Thạnh
1018	6041	Thịnh Thị Thộn	1901	1970	Giác Quan	Nguyễn Xuân Cảnh	31/93/17 Đường số 3, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
1019	6045	Ngô Thị Nguyệt	56T	1973	Giác Quan	Lê Đình Dũng	96/5 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1
1020	6046	Nguyễn Văn Chi	1914	1975	Giác Quan	Lê Đình Dũng	96/5 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1
1021	6049	Phạm Văn Khởi	1921	1983	Giác Quan	Trần Thị Lâm	61/19/1A Mã Lò, KP 28, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân
1022	6053	Nguyễn Văn Đức	1949	1983	Giác Quan	Trần Văn Chính	617/55B Ba Đình, phường 9, quận 8
1023	6070	Nguyễn Ngọc Vàng (tự Út)	1961	1978	Giác Quan	Nguyễn Anh Tuấn	677/2 Vĩnh Viễn, phường 7, quận 11
1024	6082	Phan Sĩ Hùng	1952	1998	Giác Quan	Phan Sĩ Thần	418/23F Lê Hồng Phong, phường 1, quận 10
1025	6088	Trần Chấn	1904	1969	Giác Quan	Trần Văn Trao	266/107 Tôn Đản, phường 8, quận 4
1026	6098	Trương Thị Nữ	1896	1978	Giác Quan	Võ Phương Dung	203/4 Nguyễn Văn Thù, phường ĐaKao, quận 1
1027	6102	Nguyễn Thị Hiếu	1924	2004	Giác Quan	Nguyễn Thị Đào	274/4 Ba Đình, phường Hưng Phú, quận 8
1028	6104	Nguyễn Đức Phong	1897	1971	Giác Quan	Bùi Xuân Hiền	123/32 Nguyễn Hồng, phường 11, quận Bình Thạnh
1029	6118	Trần Thị Gái	1940	2002	Giác Quan	Trần Thị Xuân	148 Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4
1030	6122	Nguyễn Thị Rót	1927	1983	Giác Quan	Trần Thị Hương	943 Lò Gốm, phường 8, quận 6
1031	6127	Phan Thị Phú			Giác Quan	Phan Hữu Tình	343/27/1/3 Kp6 thị trấn Nhà Bè
1032	6137	Nguyễn Văn Rô	1915	1971	Giác Quan	Nguyễn Minh Hà	151/32 Nguyễn Thị Kiều, phường Thới An, quận 12
1033	6140	Nguyễn Văn Tình	1940	1997	Giác Quan	Nguyễn Văn Tứ	67/76 Bùi Đình Túy, phường 13, quận Bình Thạnh
1034	6159	Trần Thị Vàng	1910	1981	Giác Quan	Nguyễn Đình Cường	290B/29A Dương Bá Trạc, phường 1, quận 8
1035	6171	Nguyễn Thị Kim Cúc	1950	1970	Giác Quan	Nguyễn Thị Mỹ Dung	277/67A Bến Vân Đồn, phường 2, quận 4
1036	6185	Ông Phan Đạt	1914	1968	Giác Quan	Phan Thị Lý	4/29 Trần Khắc Chân, phường Tân Định, quận 1
1037	6187	Trần Văn Bót	1903	1968	Giác Quan	Trần Hữu Thắng	216 Khu 2, Thị trấn Chợ Gạo, Tiền Giang
1038	6188	Đặng Đình Yên	1904	1968	Giác Quan	Nguyễn Chí Hùng	11 Nguyễn Khoái, phường 1, quận 4
1039	6191	Nguyễn Văn Hoi	1897	1969	Giác Quan	Nguyễn Đình Cường	290B/29A Dương Bá Trạc, phường 1, quận 8
1040	6195	Trần Quốc Thái	1970	1982	Giác Quan	Trần Tiết Lễ	20 Đường số 3, phường An Lạc, quận Bình Tân
1041	6220	Trần Đình Chinh	1900	1984	Giác Quan	Trần Đình Kiên	76/76 Phan Tây Hồ, phường 7, quận Phú Nhuận
1042	6233	Lê Văn Kha	1897	1971	Giác Quan	Lê Văn Thế	95/180 Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh
1043	6236	Lê Văn Cừ	1907	1970	Giác Quan	Từ Quốc Dũng	38/28 Trần Khắc Chân, phường Tân Định, quận 1
1044	6250	Lý Tiên Đạt	2002	2002	Giác Quan	Lý Trung Nam	50/1 Phùng Tá Chu, phường An Lạc A, quận Bình Tân
1045	6255	Nguyễn Thị Ngọc Ánh Tuyết	1961	2002	Giác Quan	Nguyễn Thị Ngọc Hường	87/47B Hồ Thị Ký, phường 1, quận 10

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1046	6274	Trần Thị Tư		2003	Giác Quan	Nguyễn Văn Lý	68/423 Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1
1047	6280	Trần Tấn Hải	1949	1970	Giác Quan	Nguyễn Tấn Lâm	22/19/1 Tân Hóa, phường 1, quận 11
1048	6285	Nguyễn Tuấn Khanh	1976	1982	Giác Quan	Nguyễn Văn Tuấn	39/28/17 Đường 14, phường Phước Bình, thành phố Thủ Đức
1049	6302	Hà Thị Mênh		1974	Giác Quan	Đỗ Thị Trọng	83 Nguyễn Hồng, phường 11, quận Bình Thạnh
1050	6304	Bùi Văn Ngân	1918	1975	Giác Quan	Bùi Thanh Xuân	212/164 Nguyễn Văn Nguyễn, phường Tân Định, quận 1
1051	6306	Nguyễn Thị Yến	1913	1990	Giác Quan	Phạm Thị Kim Dung	341 Lô S Cư xá Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh
1052	6317	Quách Thị Tăng	82T	2002	Giác Quan	Dương Thị Thu Hà	39/43A Lý Thường Kiệt, phường 8, Quận Tân Bình
1053	6339	Lâm Ngọc Hùng	1977	1982	Giác Quan	Lâm Ngọc Nga	129F/186/26A Bến Vân Đồn, phường 4, quận 4
1054	6345	Vũ Kim Lân		1973	Giác Quan	Vũ Hoàng Sơn	16/93/37 Nguyễn Thiện Thuật, phường 2, quận 3
1055	6354	Nguyễn Thị Bảy	1924	2003	Giác Quan	Trần Thị Thu Cúc	Ấp 5, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
1056	6359	Nguyễn Thị Toán			Giác Quan	Nguyễn Đình Du	129/4 Đường số 47, phường Tân Quy, quận 7
1057	6363	Ôn Chí Hùng	1974	2002	Giác Quan	Ôn Văn Dũng	184/1 Âu Dương Lân, phường 3, quận 8
1058	6364	Vô Văn Tây	1926	2000	Giác Quan	Vô Thị Cẩm	31A Lê Cao Lãng, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú
1059	6365	Nguyễn Thị Sương	1937	1988	Chín Lý	Trần Phúc Hoàng	601/42 Cách Mạng Tháng Tám, phường 15, quận 10
1060	6366	Nguyễn Thị Sửu	1910	1988	Chín Lý	Nguyễn Thị Hạnh	248/7 Bùi Thị Xuân, phường 3, quận Tân Bình
1061	6367	Lâm Ngọc Riêm	1922	1989	Chín Lý	Lâm Đức Thịnh	2/5/17 Bình Giã, phường 13, quận Tân Bình
1062	6368	Nguyễn Hữu Đồng	1909	1990	Chín Lý	Nguyễn Hữu Định	205/39/34 Trần Văn Đang, phường 11, quận 3
1063	6369	Trần Thị Ngọc	1933	1990	Chín Lý	Nguyễn Văn Hiến	179/60 Bạch Đằng, phường 15, quận Bình Thạnh
1064	6370	Trần Văn Trạch	1923	1990	Chín Lý	Trần Hùng Sơn	4 Trần Văn Hoàng, phường 9, quận Tân Bình
1065	6371	Nguyễn Thị Sự	1907	1990	Chín Lý	Hoàng Quốc Huy	51/5 Cách Mạng Tháng Tám, phường 5, quận Tân Bình
1066	6372	Trần Văn Thân	1956	1990	Chín Lý	Trịnh Thị Kim Phượng	145/7 Phạm Văn Hai, phường 5, quận Tân Bình
1067	6373	Hồ Văn Quới	1919	1990	Chín Lý	Hồ Thị Ngọc Phương	943-944W5 Đoàn Văn Bơ, phường 10, quận 4
1068	6374	Nguyễn Thị Đù	1923	1995	Chín Lý	Đặng Thị Huệ	185/15 Bà Hom, phường 13, quận 6
1069	6375	Nguyễn Thị Lan	1908	1989	Chín Lý	Nguyễn Văn Gia	202/583C Võ Văn Tần, phường 5, quận 3
1070	6376	Cao Ngọc Diên	1946	2000	Chín Lý	Vũ Thị Thịnh	C3/16B Ấp 3, xã Qui Đức, huyện Bình Chánh
1071	6377	Nguyễn Đăng Khiêm	1918	1989	Chín Lý	Nguyễn Duy Hậu	260/19 Phan Anh, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú
1072	6378	Vũ Nguyên Oánh	1940	1988	Chín Lý	Võ Ngọc Lệ	60/3 Tổ 14, khu phố 6, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè
1073	6379	Trần Thị Đào	1910	1988	Chín Lý	Mai Thương Hào	210 Phú Thọ Hòa, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
1074	6380	Lê Thị Nhiều	1920	1999	Chín Lý	Trần Minh Khang	451/133 Âu Dương Lân, phường 3, quận 8
1075	6381	Vương Văn Chừ	1898	1989	Chín Lý	Vương Thị Thúy Vân	65/37 Huỳnh Văn Bánh, phường 17, quận Phú Nhuận
1076	6382	Nguyễn Bá Quân	1969	1996	Chín Lý	Lê Trọng Tiên	468/4 Nguyễn Tri Phương, phường 9, quận 10
1077	6383	Bùi Thị Cúc	1900	1988	Chín Lý	Nguyễn Thị Bích Đào	98/94/60 Thăng Long, phường 5, quận Tân Bình
1078	6384	Phạm Ngọc Hào	1953	1990	Chín Lý	Phạm Thị Tinh	17/7 Cách Mạng Tháng Tám, phường 5, quận Tân Bình
1079	6385	Đồng Triệu Minh	1917	1991	Chín Lý	Đồng Tường Văn	2.17 Chung cư Tân Sơn Nhì, phường 14, quận Tân Bình
1080	6386	Nguyễn Thị Nguyệt Thanh	1962	1995	Chín Lý	Trần Lợi Thao	843/29 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1081	6387	Nguyễn Đồng	1921	2000	Chín Lý	Lê Thị Bích Trâm	1/3B Hoàng Diệu, phường 13, quận 4
1082	6388	Ngô Quốc Đạt	1935	1988	Chín Lý	Ngô Quốc Dũng	80A Hòa Hưng, phường 13, quận 10
1083	6389	Nguyễn Phan (cốt cải táng: Nguyễn Thị Hòa)	1885	1963	Chín Lý	Nguyễn Thị Khen	174/107/12 Nguyễn Thiện Thuật, phường 3, quận 3
1084	6390	Ngô Thị Hợi	1936	1988	Chín Lý	Trần Thị Thúy Liễu	486/3 Bà Hạt, phường 8, quận 10
1085	6391	Đặng Văn Truyền	1931	1988	Chín Lý	Đặng Văn Long	145/16A Nguyễn Thiện Thuật, phường 1, quận 3
1086	6392	Phạm Văn Thế	1931	1989	Chín Lý	Phạm Mạnh Phi	104 Nghĩa Hưng, phường 6, quận Tân Bình
1087	6393	Nguyễn Thị Lệ	1944	1998	Chín Lý	Đặng Thị Minh Phương	90 đường số 14, phường 4, quận 4
1088	6394	Võ Thị Diệp	1918	1996	Chín Lý	Trần Tấn Quốc	819/30 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp
1089	6395	Huỳnh Thị Hải	1934	1988	Chín Lý	Đào Thị Hoàng Thuận	185 Bà Hom, phường 13, quận 6
1090	6396	Hoàng Vũ Đoàn Thùy	1972	1992	Chín Lý	Hoàng Vũ	33/1 Đặng Lộ, phường 7, quận Tân Bình
1091	6397	Phạm Thị Vy	1911	1989	Chín Lý	Trần Tấn Quốc	819/30 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp
1092	6398	Nguyễn Tiến Vỹ	1940	1989	Chín Lý	Nguyễn Tiến Hiệp	235/103 Phạm Văn Hai, phường 5, quận Tân Bình
1093	6399	Trần Thị Hai	1917	2000	Chín Lý	Nguyễn Ngọc Cường	352 Đoàn Văn Bơ, phường 10, quận 4
1094	6400	Nguyễn Thị Mười	1947	1999	Chín Lý	Nguyễn Anh Vũ	011 An Hòa 2 (A2), khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, quận 7
1095	6401	Nguyễn Thị Ven	1927	2007	Chín Lý	Nguyễn Hồng Sơn	60/79/11 Lý Chính Thắng, phường 8, quận 3
1096	6402	Đặng Anh Minh	1969	1994	Chín Lý	Đặng Thị Lộc	216 Bùi Đình Túy, phường 24, quận Bình Thạnh
1097	6403	Nguyễn Văn Hùng	1926	1990	Chín Lý	Nguyễn Thị Xuân	1072 Lạc Long Quân, phường 8, quận Tân Bình
1098	6404	Huỳnh Công Danh	1962	2001	Chín Lý	Nguyễn Thị Thanh Đào	116/4B khu phố 1, phường Hiệp Thành, quận 12
1099	6405	Nguyễn Thị Năm	1929	1989	Chín Lý	Đặng Hữu Tiến	189/14/20 Hoàng Hoa Thám, phường 6, quận Bình Thạnh
1100	6406	Vũ Thị Chấn	1900	1989	Chín Lý	Vũ Đức Dũng	21 đường 51, phường 10, quận 6
1101	6407	Đào Xấu Muối	1933	2000	Chín Lý	Tô Phú Lâm	735-737 Lầu 1 Trần Hưng Đạo, phường 1, quận 5
1102	6408	Nguyễn Thị Nhẫn	1905	1999	Chín Lý	Trương Thị Ngọc Thu	506/28 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11
1103	6409	Lê Thị Lan	1916	1988	Chín Lý	Vũ Kim Rung	17 Phan Huy Ích, phường 14, quận Gò Vấp
1104	6410	Nguyễn Thị Thảo Hiền	1999	1999	Chín Lý	Nguyễn Thị Thu Hồng	506/58 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11
1105	6411	Phan Ngọc Trân	1926	1998	Chín Lý	Phù Mỹ Lý	386/71C Lê Văn Sỹ, phường 14, quận 3
1106	6412	Nguyễn Tiến Dưỡng	1919	1988	Chín Lý	Nguyễn Tiến Thắng	429 chung cư 2 Bàu Cát, phường 14, quận Tân Bình
1107	6413	Nguyễn Thị Thùy Trang	1967	1993	Chín Lý	Lê Nguyễn Thanh Trúc	50 Nguyễn Bá Huân, phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức
1108	6414	Trần Xuân Thành	1920	1988	Chín Lý	Trần Thị Kim Hồng	96/32 Sơn Hưng, phường 12, quận Tân Bình
1109	6415	Nguyễn Công Trường	1948	1988	Chín Lý	Trần Thị Vóc	16/5/1 An Tôn, phường 6, quận Tân Bình
1110	6416	Nguyễn Thị Ba	1932	1990	Chín Lý	Nguyễn Thị Hồng Hoa	285 Nguyễn Thượng Hiền, phường 4, quận 3
1111	6417	Nguyễn Mậu	1919	1988	Chín Lý	Nguyễn Hồng Sơn	60/79/11 Lý Chính Thắng, phường 8, quận 3
1112	6418	Hoàng Thị Cấn	1916	1988	Chín Lý	Nguyễn Viết Thiện	65 Hoàng Xuân Nhị, phường Phú Trung, quận Tân Phú
1113	6419	Trương Thị Nhiệm	1930	1989	Chín Lý	Nguyễn Phước Thành	110/36E Ông Ích Khiêm, phường 5, quận 11
1114	6420	Mai Viết Toàn	1955	1988	Chín Lý	Nguyễn Nguyệt Ánh	521/96/6G Cách Mạng Tháng Tám, phường 13, quận 10
1115	6421	Trần Thị Tiêm	1962	2008	Chín Lý	Đồng Thị Thu Lan	1111/17 Cách Mạng Tháng Tám, phường 7, quận Tân Bình

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1116	6422	Lê Văn Dương	1940	1988	Chín Lý	Lê Thị Mai Lan	281/23/9 Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình
1117	6423	Phạm Phúc Điền	1964	1988	Chín Lý	Đỗ Hoàng Dũng	205/65A Trần Văn Đang, phường 11, quận 3
1118	6424	Đinh Thị Chiù	1916	1989	Chín Lý	Đinh Thị Ven	766/103/12 Cách Mạng Tháng Tám, phường 5, quận Tân Bình
1119	6425	Đinh Văn Đan	1902	1992	Chín Lý	Đinh Tất Thông	453/128 Lê Văn Sỹ, phường 12, quận 3
1120	6426	Bùi Thị Hoa	1918	1990	Chín Lý	Lê Quốc Thành	112/51 Chiến Thắng, phường 9, quận Phú Nhuận
1121	6427	Phạm Văn Tuất	1933	1988	Chín Lý	Phạm Minh Tiến	415/16 Hoàng Văn Thụ, phường 2, quận Tân Bình
1122	6428	Ngô Thị Kính	1929	1989	Chín Lý	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1120 Trường Sa, phường 13, quận Phú Nhuận
1123	6429	Trần Ngọc Thảo	1968	1988	Chín Lý	Trần Ngọc Tứ	131 Hồ Bá Kiện, phường 15, quận 10
1124	6430	Tô Yến Tê	1909	1990	Chín Lý	Ngô Tú Lệ	273/1/10E Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10
1125	6431	Hồ Thị Kiều	1898	1991	Chín Lý	Lê Thị Mỹ Dung	99/2L Nguyễn Thượng Hiền, phường 5, quận Bình Thạnh
1126	6432	Trần Nhật Thành	1969	1988	Chín Lý	Trần Thị Thanh Nhân	41 Hát Giang, phường 2, quận Tân Bình
1127	6433	Đinh Văn Hùng	1929	1988	Chín Lý	Đinh Thị Nhung	130/C30 Phạm Văn Hai, phường 2, quận Tân Bình
1128	6434	Trịnh Văn Mạc	1913	1989	Chín Lý	Trịnh Thị Liên	219/25 đường 12, khu phố 6, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
1129	6435	Nguyễn Văn Trung	1929	1989	Chín Lý	Nguyễn Văn Khánh	112 Lô I cư xá Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh
1130	6436	Vũ Công Ích	1929	1988	Chín Lý	Vũ Thị Thúy Hằng	337/2/8 Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình
1131	6437	Trần Thị Cảnh	1905	1991	Chín Lý	Nguyễn Hân	234 Thoại Ngọc Hầu, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú
1132	6438	Nguyễn Thị Tý	1904	1988	Chín Lý	Phạm Thị Hiếu Hạnh	220/3/2 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình
1133	6439	Phạm Thị Huy	1901	1989	Chín Lý	Lê Đức Nhuận	30/13 Đoàn Văn Bơ, phường 9, quận 4
1134	6440	Đặng Thị Như (Tự Phù Thị Tuất)	1928	1989	Chín Lý	Phù Mỹ Lý	386/71C Lê Văn Sỹ, phường 14, quận 3
1135	7545	Trương Thị Hoang	1984	1984	Giác Quan	Lê Thị Hoa	1032 Lạc Long Quân, phường 8, quận Tân Bình
1136	7546	Nguyễn Văn Lộ	1909	1988	Chín Lý	Nguyễn Thị Thu Thủy	52 khu phố 7, đường TTN02, phường Tân Thới Nhất, quận 12
1137	7547	Đặng Thị Mau	1924	1989	Chín Lý	Nguyễn Thị Minh Ngọc	15 đường số 17, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
1138	7548	Huỳnh Văn Quan	1922	1990	Chín Lý	Nguyễn Thị Minh Ngọc	15 đường số 17, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
1139	7549	Nguyễn Thị Tuyết Hồng	1940	2000	Chín Lý	Trần Minh Khang	451/133 Âu Dương Lân, phường 3, quận 8
1140	7550	Phạm Thị Nhân	1925	1998	Chín Lý	Đinh Thị Thơm	318/46 Phạm Văn Hai, phường 5, quận Tân Bình
1141	7551	Mộ Chữ Hoa (Huỳnh Anh Du)	1919	1995	Giác Quan	Văn Kim Hùng	18/10 Lý Chiêu Hoàng, Phường 10, Quận 6
1142	7581	Nguyễn Văn Hóa	1930	1972	Giác Quan	Võ Thị Nở	52 đường số 15, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
1143	7582	Chung Thị Tư	1910	1993	Chín Lý	Phan Công Thuận	86A Thích Quảng Đức, phường 5, quận Phú Nhuận
1144	7583	Phan Văn Tất	1908	1989	Chín Lý	Phan Công Thuận	86A Thích Quảng Đức, phường 5, quận Phú Nhuận
1145	7584	Đỗ Thị Tư	1899	1990	Chín Lý	Đỗ Thị Bích Lan	384/40/7 Lý Thái Tổ, phường 10, quận 10
1146	7585	Phan Thị Vân	1935	1988	Chín Lý	Nguyễn Thị Ninh	2/46/10 phường 6, quận Tân Bình
1147	7586	Quách Văn Ba			Giác Quan	Nguyễn Thị Vi	102/12 Pasteur, Bến Nghé, quận 1
1148	7595	Bùi Thị Thu Hồng	1982	1982	Giác Quan	Bùi Thái Sơn	129F/123/128 Bến Vân Đồn, phường 8, quận 4
1149	7596	Trần Văn An	1921	1990	Giác Quan	Trần Văn Thịnh	424 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh
1150	7597	Lê Thị Diệu	1913	2000	Chín Lý	Mai Thị Bích Hiền	246/82 Hòa Hưng, phường 13, quận 10

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1151	7598	Hoàng Thanh Hải	1960	1988	Chín Lý	Nguyễn Thị Minh Ngọc	15 đường số 17, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
1152	7599	Vũ Thị Nga	1928	1989	Chín Lý	Lê Thị Hạnh	3 Xuân Hồng, phường 12, quận Tân Bình
1153	7600	Trần Thị Tính	1908	1996	Chín Lý	Nguyễn Đức Hiền	27/14 Nghĩa Hòa, phường 6, quận Tân Bình
1154	7601	Lê Văn Trọng	1937	1988	Chín Lý	Lê Thị Thu Tâm	38 Nguyễn Trường Tộ, phường Tân Thành, quận Tân Phú
1155	7602	Nguyễn Thị Châu	1909	1990	Chín Lý	Lê Ngọc Sơn	51/22/17 Cao Thắng, phường 3, quận 3
1156	7603	Nguyễn Thị Lộc	1916	1970	Giác Quan	Lương Thế Hoài	159L2 Lý Thường Kiệt, phường 6, quận Tân Bình
1157	7739	Võ Văn Huệ	1927	1997	Hòa Hưng	Võ Thành Hưng	438/29 Lê Hồng Phong, phường 1, quận 10
1158	7742	Nguyễn Thị Mỹ Lan	1965	2002	Hòa Hưng	Bùi Thị Mỹ Vy	20W Lạc Long Quân, phường 5, quận 11
1159	7746	Lê Thị Hòa	1910	1996	Hòa Hưng	Hồ Phước Đạt	17 Nguyễn Dữ, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1160	7747	Nguyễn Văn Hà	1965	1994	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Thu Thủy	129 Nguyễn Ngọc Nhựt, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1161	7760	Mai Văn Mỹ	1986	1986	Hòa Hưng	Mai Văn Chi	63/15 Nghĩa Hòa, phường 6, Tân Bình
1162	7769	Lê Thanh Tùng Lê Thanh Hùng	1984	1984	Hòa Hưng	Lê Bằng Yên	343/4M Tô Hiến Thành, phường 12, quận 10
1163	7782	Hồ Thanh Phong	1983	1985	Hòa Hưng	Hồ Tân Thuận	15A Đỗ Thị Tâm, phường Phú Thọ Hòa
1164	7785	Bùi Lê Anh Tuấn	1990	1990	Hòa Hưng	Lê Thị Loan	28 Bắc Ái, Kp35, phường Phú Thọ Hòa
1165	7786	Trần Thị Bô	1991	1991	Hòa Hưng	Trần Thị Tuyết Loan	162 Hồ Bá Kiện, phường 15, quận 10
1166	7803	Nguyễn Thanh Tùng	1971	2005	Hòa Hưng	Lê Thị Đào	51 Tây Sơn, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1167	7807	Lê Thị Lệ Thủy	1992	1992	Hòa Hưng	Lê Văn Việt	A02E C/c Bùi Minh Trục , phường 6 ,quận 8
1168	7813	Lê Thị Ngọc Châu	1992	1992	Hòa Hưng	Lê Văn Sơn	95 Đỗ Thị Tâm, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1169	7815	Đinh Hà Hải Phụng	1992	1992	Hòa Hưng	Đinh Hà Hải Yến	26/3B Nguyễn Hồng Đào, phường 14, quận Tân Bình
1170	7817	Võ Tấn Anh Hoàng	1985	1986	Hòa Hưng	Lê Thị Liên	A10 Ấp Mới 1, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn
1171	7825	Phạm Văn Tâm	1953	2003	Hòa Hưng	Phạm Văn Chương	110 Nghĩa Phát, phường 7, quận Tân Bình
1172	7830	Phan Văn Hào	1916	1997	Hòa Hưng	Phan Thị Hồng Hạnh	9 Đô Đốc Thủ, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1173	7832	Thái Thị phần	1927	2010	Hòa Hưng	Phan Thị Hồng Hạnh	9 Đô Đốc Thủ, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1174	7834	Nguyễn Lê Hằng	1945	1997	Hòa Hưng	Nguyễn Ngọc Hiếu	567/143/4 Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12
1175	7847	Phạm Phú Quốc	1985	1991	Hòa Hưng	Phạm Phú Vinh	93/3D Ấp Mỹ Hòa 1, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn
1176	7848	Biện Thị Bạch Hằng	1964	2005	Hòa Hưng	Biện Hữu Hiền	657/2 Ba Đình, phường 9, quận 8
1177	7850	Nguyễn Văn Ty	1925	1996	Hòa Hưng	Nguyễn Thành Luyen	218/37 Bùi Thị Xuân, phường 3, quận Tân Bình
1178	7851	Đặng Thị Hoá	1945	1996	Hòa Hưng	Đặng Thành Thái	173/8 Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1179	7858	Nguyễn Thị Quế	1897	1995	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Kim Anh	128 Hồ Văn Long, khu phố 1, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân
1180	7860	Trần Thị Kiều Loan	1966	2002	Hòa Hưng	Trần Thị Kiều Oanh	40 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh
1181	7871	Lê Thị Xiêu	1925	2004	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Tới	262/60B Tôn Thất Thuyết, phường Vĩnh Hội
1182	7876	Nguyễn Yết	1915	2002	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Ngải	213 C/c Hoàng Hoa Thám, phường 12, quận Tân Bình
1183	7884	Vũ Thị Chạm Đặng Văn Cương	1925 1915	1970 1999	Hòa Hưng	Đặng Văn Đồng	76/8 Xuân Diệu, khu phố 7, phường 4, quận Tân Bình
1184	7885	Lê Văn Bích	1912	1976	Hòa Hưng	Lê Thị Liên	A10 Ấp Mới 1, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn
1185	7886	Đặng Thị Thanh Hiền	1977	1983	Hòa Hưng	Đặng Thành Thái	173/8 Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1186	7887	Trần Văn Cứ	1921	1976	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Kim Dung	372/30/9 Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, quận 3
1187	7889	Đặng Văn Thới	1909	1983	Hòa Hưng	Đặng Thành Thái	173/8 Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1188	7893	Lương Văn Nhâm	1923	1993	Hòa Hưng	Lương Văn Hùng	38/20 Lý Thường Kiệt, phường 8, quận Tân Bình
1189	7894	Mộ chữ Hoa (Tiêu Bửu Phát)			Hòa Hưng	Trần Thị Lệ Hồng	683/18P/3 Hồng Bàng, phường 6, quận 6
1190	7904	Nguyễn Thị Hoa	1954	1993	Hòa Hưng	Phạm Thị Thu Thủy	106H/3 Nguyễn Duy, phường 14, quận 8
1191	7910	Trương Văn Đoan	1924	1994	Hòa Hưng	Đỗ Trương Hoàng Mẫn	33/17B Đặng Lộ, phường 7, quận Tân Bình
1192	7912	Lê Thị Nghiệp	1925	1994	Hòa Hưng	Lê Thị Nga	8B Khu phố 1, phường Tân Thới Nhất, quận 12
1193	7922	Nguyễn Văn Nhơn	1942	1995	Hòa Hưng	Nguyễn Chánh Trung	20/22 Nguyễn Ngọc Nhựt, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1194	7931	Phạm Văn Tùng	1932	2004	Hòa Hưng	Lâm Văn Hải	25/20G Đội Cung, phường 11, quận 11
1195	7932	Trương Thị Ngân	1899	1983	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Hiếu	173/8 Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1196	7936	Lê Ngọc Quang	1980	2004	Hòa Hưng	Lê Thị Ngọc Trang	80/2 Mai Văn Ngọc, phường 10, quận Phú Nhuận
1197	7937	Nguyễn Cửu Hoàn	1968	2004	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Ngải	211 C/c Hoàng Hoa Thám 3, phường 12, quận Tân Bình
1198	7939	Lê Văn Minh	1918	1982	Hòa Hưng	Lê Thị Thanh Thủy	79 Ụ Cây, phường 12, quận 8
1199	7942	Trần Thị Kim Liên	1971	2004	Hòa Hưng	Nguyễn Văn Bảy	39A Ngô Quyền, Hiệp Phú, Thành phố Thủ Đức
1200	7957	Nguyễn Thị Tuyết Nga	1967		Hòa Hưng	Nguyễn Thị Ngọc Quý	119/2 Nguyễn Ngọc Nhựt, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú
1201	7961	Trần Đức Thắng	1970	1995	Hòa Hưng	Trần Thị Kiều Oanh	40 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh
1202	7962	Bùi Thị Tước	1945	1997	Hòa Hưng	Trần Thị Kiều Oanh	40 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh
1203	7969	Trần Hữu Ngoan	1926	1993	Hòa Hưng	Trần Mạnh Quân	29 Ích Thiện, phường Tân Thành, quận Tân Phú
1204	7970	Dương Văn Hôn	1965	1995	Hòa Hưng	Dương Ngọc Xuân	89 Nguyễn Ngọc Nhựt, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú
1205	7997	Đỗ Trọng Quế	1924	1993	Hòa Hưng	Đỗ Hồng Phong	118 Nguyễn Xuân Thử, xã Xuân Thới, huyện Hóc Môn
1206	8002	Nguyễn Thị Hít	1913	1993	Hòa Hưng	Bùi Văn Quỳnh	585/34/23 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Thành phố Hồ Chí Minh
1207	8003	Trần Ngọc Tinh	1967	2003	Hòa Hưng	Phạm Thị Diễm Thủy	187/4/17 Hoàng Hoa Thám, phường 6, quận Bình Thạnh
1208	8021	Trần Hữu Quyết	1939	1993	Hòa Hưng	Trần Thị Kiều Oanh	40 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh
1209	8027	Lê Thị Ghi	1927	1995	Hòa Hưng	Võ Văn Đước	20/28 Tân Hương, Tân Quý, Tân Phú
1210	8028	Võ Văn Biên	1926	1998	Hòa Hưng	Võ Văn Đước	20/28 Tân Hương, Tân Quý, Tân Phú
1211	8032	Trương Bạch Cúc	1929	2004	Hòa Hưng	Trương Thị Thanh Thủy	338/26/4 TA 28, quận 12
1212	8033	Lê Quỳnh Hoa	1948	1984	Hòa Hưng	Lê Thị Bích Vân	809/1/12 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
1213	8034	Nguyễn Văn Dũng	1969	1984	Hòa Hưng	Nguyễn Thu Cúc	101 Nguyễn Ngọc Nhựt, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1214	8040	Lê Thị Nghĩa	1903	1984	Hòa Hưng	Nguyễn Phương Thảo	105/12 Đỗ Đốc Long, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1215	8043	Đỗ Văn Thái	1915	1984	Hòa Hưng	Đỗ Thanh Hoa	22/2 Nguyễn Dữ, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1216	8049	Nguyễn Văn Hùng	1966	1994	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Bích Hằng	616/10 Cách Mạng Tháng 8, phường 11, quận 3
1217	8050	Huỳnh Văn Hóa	1949	1993	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Con	102/12/35 Bình Long, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú
1218	8051	Đỗ Thị Tuyết Trinh Đỗ Thị Tuyết Trâm	1964 1970	1993 1974	Hòa Hưng	Đỗ Thị Tuyết Trinh	97/23 Bình Trị Đông, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân
1219	8052	Nguyễn Văn Mạnh	1928	1993	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Bích Hằng	616/10 Cách Mạng Tháng 8, phường 11, quận 3
1220	8054	Đinh Viết Thới	1935	1993	Hòa Hưng	Đinh Viết Thắng	28 Nguyễn Bá Tòng, phường Tân Thành, quận Tân Phú

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1221	8056	Hoàng Văn Ngọc Hoàng Văn Thụ	1973 1982	1982 1982	Hòa Hưng	Hoàng Văn Dân	4/7A Bình Hòa, Lái Thiêu, Tp Thuận An, Bình Dương
1222	8061	Đặng Thị Trị	1942	1993	Hòa Hưng	Đặng Thành Thái	173/8 Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1223	8063	Trần Thị Thanh	1933	1992	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Mộng Ngọc	9A đường 232 ấp 1, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi
1224	8075	Lê Văn Ứng	1922	1992	Hòa Hưng	Lê Hoàng Hải	114 Nguyễn Ngọc Nhựt, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1225	8083	Hoàng Trục Thúc	1982	1992	Hòa Hưng	Hoàng Mai Anh	270B/83/22/5 Lý Thường Kiệt, phường 6, quận Tân Bình
1226	8095	Trương Văn Ngọc	1964	1992	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Hạnh	184/3/25 Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh
1227	8096	Nguyễn Thị Nghĩa	1927	1993	Hòa Hưng	Nguyễn Văn Bạch	99/12 Nguyễn Súy, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1228	8097	Trần Thị Tiết	1920	2004	Hòa Hưng	Lưu Vĩnh Phú	13 Thuận Kiều, phường 12, quận 5- 49 Lãn Bình Thắng, phường 12, quận 11
1229	8100	Nguyễn Thị Hoàng	1966	1994	Hòa Hưng	Nguyễn Anh Tuấn Em	22/17/2A Đường số 9A, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân
1230	8102	Nguyễn Thị Hoá	1897	1985	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Hồng Nhung	46/8 Nguyễn Ngọc Nhựt, Kp26, phường Phú Thọ Hòa
1231	8109	Lê Nguyễn Hoà Văn Hùng	1976	1987	Hòa Hưng	Lê Văn Hòa	210 Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1232	8121	Đào Thị Tài	1930	1987	Hòa Hưng	Đào Văn Chiến	A28/06 Ấp 1, Xã Bình Hưng, Bình Chánh
1233	8124	Nguyễn Văn Nhung	1980	2004	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Hoàng	4 Lô F Lê Quốc Trinh, phường Phú Thị Hòa, quận Tân Phú
1234	8125	Nguyễn Văn Tốt	1956	1995	Hòa Hưng	Lê Thanh Phương	28/19A Đường 9A, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân
1235	8143	Chu Thị Dâng	1935	1992	Hòa Hưng	Nguyễn Anh Tuấn Em	22/17/2A Đường số 9A, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân
1236	8144	Vân Thị Thí	1940	1992	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Hoa	53 Nguyễn Quang Diệu, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1237	8149	Vũ Thị phu	1926	2003	Hòa Hưng	Đỗ Hồng Phong	118 Nguyễn Thị Thù, Xuân Thái Sơn, huyện Hóc Môn
1238	8156	Lưu Thị Vàng	1904	1992	Hòa Hưng	Lưu Đức Hoà	136 Nguyễn Súy, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1239	8170	Chu Văn Cường		1971	Hòa Hưng	Chu Thị Thanh	93/8/6N Tân Kỳ Tân Quý, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú
1240	8173	Chu Công Sơ	1913	1995	Hòa Hưng	Chu Kim Liên	89/8 Kênh 19/5, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú
1241	8181	Đỗ Văn Rục	1915	1971	Hòa Hưng	Đỗ Thành Hải	38/12A Nguyễn Thiện Thuật, phường 24, quận Bình Thạnh
1242	8183	Lê Quang Toàn	1957	1987	Hòa Hưng	Lê Thị Ngọc Trâm	2/4A Bis Kp5, Tân Hưng Thuận, quận 12
1243	8187	Lê Hùng	1934	1987	Hòa Hưng	Lê Xuân Khánh	77/45 Đường số 4, tổ 54, phường 12, quận Tân Bình
1244	8189	Nguyễn Thị Tâm	1938	1987	Hòa Hưng	Vũ Văn Tấn	331/39/1 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú
1245	8190	Hoàng Đình Dưỡng	1966	1987	Hòa Hưng	Hoàng Đình Phúc	17 Huỳnh Tịnh Của, phường 12, quận Tân Bình
1246	8194	Nguyễn Văn Minh	1958	1993	Hòa Hưng	Thân Phúc	106/14 Nguyễn Thị Nhỏ, phường 9, quận Tân Bình
1247	8195	Trần Thị Hết	1923	1993	Hòa Hưng	Nguyễn Thanh Phương	89/8 Kênh 19/5, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú
1248	8196	Lưu Thị Chi	1928	1993	Hòa Hưng	Lưu Thị Yến	56 Đông Hồ, phường 8, quận Tân Bình
1249	8207	Trần Thị Mỹ (Trần Thị Mỹ Ca)	1916	1991	Hòa Hưng	Nguyễn Văn Sanh	26/1 đường số 4, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
1250	8209	Đỗ Thị Yến	1932	1991	Hòa Hưng	Lê Thanh Phương	28/19 Đường 9A, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân
1251	8212	Nguyễn Thị Phương	1958	1991	Hòa Hưng	Nguyễn Tiến Dũng	33/15 Đặng Lộ, phường 7, quận Tân Bình
1252	8216	Nguyễn Thị Nhiều	1925	1991	Hòa Hưng	Phạm Văn Chương	110 Nghĩa Phát, phường 7, quận Tân Bình
1253	8222	Trịnh Thị Thọ	1926	1991	Hòa Hưng	Nguyễn Xuân Khanh	244/31/8 KP2, phường Hiệp Thành, quận 12
1254	8231	Vũ Đức Nhuận	1920	1990	Hòa Hưng	Vũ Mạng Nhan	79 Hoàng Văn Hòe, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1255	8234	Nguyễn Điệp Trường Giang	1975		Hòa Hưng	Nguyễn Hồng Phương Vy	217/2 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1256	8235	Liêu Lượng	1922	1993	Hòa Hưng	Liêu Ngọc Điệp	220/72 Âu Cơ, phường 9, quận Tân Bình
1257	8245	Nguyễn Văn Hoàng	1947	1997	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Hường	E14/24B1, Ấp 5, xã Vĩnh Lộc B, Bình Chánh
1258	8248	Võ Văn Dũng	1981	1981	Hòa Hưng	Võ Thị Thanh Thúy	138/10/1 Nguyễn Sứ, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1259	8254	Trương An	1932	1987	Hòa Hưng	Trần Bắc Bộ	KP Long Điền 1, Long Phước, Phước Long, Bình Phước
1260	8263	Vũ Đình Hùng	1958	1991	Hòa Hưng	Vũ Thị Lệ Hoa	521/2B Cách Mạng Tháng Tám, phường 13, quận 10
1261	8264	Phạm Thị Long	1965	1990	Hòa Hưng	Nguyễn Trung Thành	116/71 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10
1262	8267	Nguyễn Văn Trung	1943	1991	Hòa Hưng	Nguyễn Trung Thành	116/71 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10
1263	8271	Lê Duy Tuấn	1928	1990	Hòa Hưng	Lê Thị Bích Huyền	107 (tầng 2) C/c 2 Tân Sơn Nhì, Ba Ván, phường 14, quận Tân Bình
1264	8277	Vô Danh không bia			Hòa Hưng	Đỗ Thành Hải	38/12A Nguyễn Thiện Thuật, phường 24, quận Bình Thạnh
1265	8299	Võ Thị Hòa	1900	1991	Hòa Hưng	Nguyễn Hải Huy	124 Nguyễn Đình Chiểu, phường 3, quận Phú Nhuận
1266	8305	Vô Minh Phương	1956	1994	Hòa Hưng	Vô Minh Phương	358/16/12 Cách Mạng Tháng 8, phường 10, quận 3
1267	8320	Nguyễn Lễ	1914	1992	Hòa Hưng	Nguyễn Thanh Mai Lộc	102/23 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10
1268	8330	Lê Trương	1939	1973	Hòa Hưng	Lê Tuấn Khanh	239/63 Trần Văn Đàng, phường 11, quận 3
1269	8331	Nguyễn Thành Chương	1965	1973	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Kim Chi	P215 Lô E, 518 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1
1270	8332	Võ Văn Búa	1923	1988	Hòa Hưng	Võ Thị Ngọc Thanh	239/63/72 Trần Văn Đàng, phường 11, quận 3
1271	8345	Trần Anh Hùng	1970	1995	Hòa Hưng	Trần Anh Tuấn	493A/93 CMT8, phường 13, quận 10
1272	8352	Lê Văn Thê	1936	1993	Hòa Hưng	Lê Hoàng Thao	392/20/66 Cao Thắng, phường 12, quận 10
1273	8365	Huỳnh Thị Tịnh	1928	1995	Hòa Hưng	Nguyễn Thanh Mai Lộc	802/23 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10
1274	8370	Nguyễn Văn Hóa	1959	2003	Hòa Hưng	Nguyễn Duy Phong	348/121 Phan Văn Trị, phường 11, quận Bình Thạnh
1275	8377	Trần Ngọc Thuận	1984	1991	Hòa Hưng	Trần Anh Tuấn	493A/93 CMT8, phường 13, quận 10
1276	8379	Nguyễn Thị Cẩn	1913	1965	Hòa Hưng	Nguyễn Quốc Đạt	329/15 Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1277	8386	Nguyễn Thị Thiềm	1942	1996	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Kim Phượng	893 Quang Trung, phường 14, quận Gò Vấp
1278	8392	Đỗ Văn Long	1950	1999	Hòa Hưng	Đỗ Thanh Hoa	22/2 Nguyễn Dữ, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1279	8395	Nguyễn Văn Đông	1933	1997	Hòa Hưng	Nguyễn Thúy Kiều	87/65 Đường số 3, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
1280	8397	Phạm Thị Năm	1924	72 T	Hòa Hưng	Nguyễn Trung Thành	116/71 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10
1281	8399	Trần Văn Ân	1925	1986	Hòa Hưng	Trần Anh Tuấn	493A/93 CMT8, phường 13, quận 10
1282	8404	Vô Danh cơ địa không đọc được (Chu Văn Địch)			Hòa Hưng	Chu Thị Thanh	93/8/6N Tân Kỳ Tân Quý, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú
1283	8415	Nguyễn Duy Cường	1981	1998	Hòa Hưng	Phan Thị Tuyết Trinh	6 Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1284	8435	Lâm Duy Hiệp	1925	1999	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Thu Nga	34/7 Đỗ Công Tường, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1285	8448	Nguyễn Xuân Trọng	1974	2002	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Xuân Thủy	120/17 Thích Quảng Đức, phường 4, quận Phú Nhuận
1286	8453	Nguyễn Thị Hoa	1950	2001	Hòa Hưng	Trịnh Văn Huân	154/5 Hồ Bá Kiện, phường 15, quận 10
1287	8471	Hồ Văn Đại Nguyễn Thị Thương	1902 1911	1973 1986	Hòa Hưng	Hồ Minh Chánh	666/7 Bình Long, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1288	8473	Lâm Thị Sự	1948	1987	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Thu Nga	34/7 Đỗ Công Tường, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1289	8475	Đặng Thị Quy	1901	1987	Hòa Hưng	Võ Ngọc Ánh	799/12 Tô 26, KP2, phường An Phú Đông, quận 12
1290	8501	Nguyễn Hồng Mai Thư	1995	1996	Hòa Hưng	Đỗ Trương Hoàng Mẫn	33/17B Đặng Lộ, phường 7, quận Tân Bình

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1291	8507	Đào Văn Trường	1925	1997	Hòa Hưng	Đào Thị Hồng	1257 Hoàng Sa, phường 5, quận Tân Bình
1292	8508	Trần Tiến Dũng	1942	1991	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Hạnh	40 Nguyễn Sứ, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1293	8515	Trần Đức Căn	1934	1985	Hòa Hưng	Trần Thành Công	433/40/22 Lý Thái Tổ, phường 9, quận 10
1294	8523	Nguyễn Văn Hậu	1914	1983	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Nguyên	59 Nguyễn Sứ, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1295	8524	Hồ Thị Tươi	1916	1983	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Nguyên	59 Nguyễn Sứ, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1296	8528	Phạm Thiên Thanh	1997	1997	Hòa Hưng	Phạm Xuân Hưng	222 Thành Công, phường Tân Thành, quận Tân Phú
1297	8529	Đoàn Văn Điềm	1928	1989	Hòa Hưng	Đoàn Trọng Nghĩa	166/20E Hồ Bá Kiện, Phường 15, Quận 10
1298	8530	Trần Đình Chấn	1907	1985	Hòa Hưng	Trần Cao Sơn	18/70N Trần Quang Diệu, phường 14, quận 3
1299	8531	Nguyễn Đình Bình	1958	1995	Hòa Hưng	Lê Thị Nguyệt	575/103 Cách Mạng Tháng Tám, phường 15, quận 10
1300	8532	Nguyễn Ý Phong Đô	1969	2005	Hòa Hưng	Lê Thị Nguyệt	575/103 Cách Mạng Tháng Tám, phường 15, quận 10
1301	8533	Nguyễn Thị Thơm	1916	1985	Hòa Hưng	Nguyễn Văn Hưng	241 Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1302	8534	Nguyễn Thị Sơn	1928	1992	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Thu Hương	401/5 Cách Mạng Tháng Tám, phường 13, quận 10
1303	8535	Nguyễn Thị Hai	1913	1992	Hòa Hưng	Nguyễn Văn Hưng	241 Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1304	8536	Vũ Hậu	1930	1991	Hòa Hưng	Vũ Thị Bích Thu	859 Cách Mạng Tháng Tám, phường 7, quận Tân Bình
1305	8537	Đinh Quang Vịnh	1926	1998	Hòa Hưng	Đinh Quang Khiêm	290/30/12 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh
1306	8538	Trần Văn Hường	1931	1998	Hòa Hưng	Trần Thị Ngọc Liên	458/4 Nhật Tảo, phường 7, quận 10
1307	8539	Dương Thị Quý	1926	1991	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Liên	273/60 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10
1308	8540	Nguyễn Thiếc	1919	1993	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Nhung	174/112 Chu Văn An, phường 12, quận Bình Thạnh
1309	8541	Phạm Thị Hằng	1922	1982	Hòa Hưng	Đinh Thị Hoàng	22 Thành Công, phường Tân Thành, quận Tân Phú
1310	8542	Phạm Thị Ngoan	1906	1982	Hòa Hưng	Phạm Tuấn Văn	9 Phố Chợ, phường Tân Thành, quận Tân Phú
1311	8543	Nguyễn Thị Hòi	1918	1992	Hòa Hưng	Phạm Trung Trực	44 Đồng Đen, phường 14, quận Tân Bình
1312	8544	Phạm Thị Quế	1932	1996	Hòa Hưng	Đinh Quang Khiêm	290/30/12 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh
1313	8545	Nguyễn Duy Tiến	1924	1987	Hòa Hưng	Ngô Viết Nam	90/89 Cách Mạng Tháng Tám, phường 12, quận Tân Bình
1314	8915	Nguyễn Hoàng Thạch	1955	1982	Liên Ứng	Nguyễn Ngọc Lợi	206/15 Đào Trí, Phú Mỹ, Quận 7
1315	8917	Đỗ Thị Lệ	1964	1982	Liên Ứng	Đỗ Thị Lệ	34 Bà Ký, phường 9, quận 6
1316	8918	Tạ Hồng Nguyên	1932	1982	Liên Ứng	Tạ Đình Bàn	Ấp Quang Hòa, xã Quang Tiến, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
1317	8922	Đoàn Thị Đuốc	1934	1982	Liên Ứng	Trần Thị Tiền	Ấp 1, Long Hậu, Cần Giuộc, Long An
1318	8924	Nguyễn Thị Bắc	1944	1983	Liên Ứng	Nguyễn Thị Kim Oanh	135 Hoàng Xuân Nhị, phường Phú Trung, quận Tân Phú
1319	8931	Nguyễn Thị Kim Hương	1948	2002	Liên Ứng	Huỳnh Anh Sơn	18 Lầu 2 Ký Con, Kp6, phường Bến Thành
1320	8935	Diệp Văn Lệ			Liên Ứng	Lâm Quốc Đạt	159/291 Phó Cơ Điều , phường 6, quận 11
1321	8938	Nguyễn Văn Thảo	1937	1997	Liên Ứng	Nguyễn Văn Hiến	4 đường số 20, phường 4, quận 4
1322	8939	Nguyễn Văn Ngọc	1977	2007	Liên Ứng	Nguyễn Thị Lùng	76 Bến Bình Đông, phường 11, quận 8
1323	8941	Vũ Thị Loan	1929	2008	Liên Ứng	Nguyễn Khả Hùng	174/11C Tân Quý , phường Tân Quý , quận Tân Phú
1324	8954	Lê Trung Thắng	1954	2009	Liên Ứng	Lê Trung Thành	380/99 Lê Văn Lương, phường Tân Hưng, quận 7
1325	8958	Nguyễn Thanh Mừng	1957	1997	Liên Ứng	Nguyễn Hà Nam	314 Lô G Cư Xá Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1326	8959	Nguyễn Văn Hai	1922	2003	Liên Ứng	Dương Thị Ánh Tuyết	38 Phạm Văn Xảo, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
1327	8961	Bùi Văn Hùng	1956	2003	Liên Ứng	Bùi Nguyễn Hữu Chiến	157 KP6, Tân Mỹ Tây, Quận 12
1328	8964	Lai Mang	1936	2003	Liên Ứng	Hoàng Quốc Bảo	413 Lô A C/c Cô Giang, phường Cô Giang, quận 1
1329	8974	Trần Thị Nề	1948	1982	Liên Ứng	Lê Minh Đức	316/220 Nguyễn Duy, phường 9, quận 8
1330	8975	Trần Thị Yên Vân	1915	1982	Liên Ứng	Triệu Thị Mai	46/6 đường số 2, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân
1331	8981	Lê Văn Thảo	1967	2002	Liên Ứng	Lê Thị Bích Lệ	122/32A Đoàn Văn Bơ, phường 4, quận 4
1332	8982	Đặng Kim Đăng	1934	1982	Liên Ứng	Từ Thị Cẩm Minh	90/15 Lê Hồng Phong, phường 2, quận 5
1333	8983	Huỳnh Tấn Đạt	1984	2006	Liên Ứng	Lê Trung Thành	380/99 Lê Văn Lương, phường Tân Hưng, quận 7
1334	8986	Trương Thị Diễm	1943	1994	Liên Ứng	Nguyễn Hữu Tài	002B C/c Phạm Thế Hiển, phường 4, quận 8
1335	8992	Vũ Thị Quý	1914	1982	Liên Ứng	Trần Đức Đạt	380/81 Lê Văn Lương, Tân Hưng, Quận 7
1336	8994	Nguyễn Văn Sang	1922	1982	Liên Ứng	Nguyễn Xuân Lộc	Trảng Cát, Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu
1337	8998	Vũ Anh	1935	1982	Liên Ứng	Trần Thúy Linh	62/8 đường Số 13A, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
1338	9001	Hồ Văn Định	1918	1982	Liên Ứng	Phạm Thị Huệ	135/29 Trần Quang Cơ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú
1339	9007	Lưu Gia Qui	1979	2001	Liên Ứng	Lưu Thị Dâu	5/3A Mê Cốc, phường 15, quận 8
1340	9010	Lê Văn Thành	1952	1982	Liên Ứng	Phạm Ngọc Hiền	106I/62 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
1341	9017	Đỗ Văn Minh		1971	Liên Ứng	Vũ Thị Vân	18 Hưng Phú, phường 10, quận 8
1342	9026	Nguyễn Thị Bồng	1906	1982	Liên Ứng	Trương Quốc Hợp	67/6 Đường số 3, phường 9, quận Gò Vấp
1343	9027	Phạm Thị Lờ	1954	1982	Liên Ứng	Phạm Ngọc Hà	245/69/6 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1
1344	9030	Hứa Hoanh	1909	1982	Liên Ứng	Nguyễn Văn Minh	279/22A/3 Bình Tiên, Phường 8, Quận 6
1345	9034	Phan Văn Đức	1918	1996	Liên Ứng	Võ Thanh Thảo	273/1 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10, quận Phú Nhuận
1346	9039	Phạm Văn Biếu	1917	1982	Liên Ứng	Phạm Hoàng Sơn	129F/138/122B Bến Vân Đồn, phường 6, quận 4
1347	9045	Phạm Thị Chót	1935	1997	Liên Ứng	Đặng Thị Kim Chi	402/40 An Dương Vương, phường 4, quận 5
1348	9053	Trần Thị Châm (gãy bìa)	1900	1982	Liên Ứng	Nguyễn Thị Hồng Phương	TC95/5/2 Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1
1349	9055	Hoàng Thị Sâm	1939	1982	Liên Ứng	Nguyễn Văn Tha	319/4 Đường số 11, phường Bình Hưng Hoà A, quận Bình Tân
1350	9057	Nguyễn Thị Cúc	1927	2005	Liên Ứng	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	201 Đường số 12, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
1351	9060	Trần Thị Liễu	1957	1982	Liên Ứng	Trần Bá Hùng	763/5/30/26 Trường Chinh, Tây Thạnh, Tân Phú
1352	9069	Nguyễn Văn Đức	1971	1982	Liên Ứng	Nguyễn Văn Nhân	87/44/59 Đinh Tiên Hoàng, phường 3, Quận Bình Thạnh
1353	9072	Võ Thị Lập	1958	2002	Liên Ứng	Phương Kim Vân	120/98/51A Thích Quảng Đức, phường 5, quận Phú Nhuận
1354	9079	Nguyễn Truyền	1908	1983	Liên Ứng	Nguyễn Bình Thắng	2 Đường 52 CƯ xá Lữ Gia, phường 15, quận 11
1355	9083	Nguyễn Văn Hề	1927	2004	Liên Ứng	Nguyễn Hữu Tài	02B C/c Phạm Thế Hiển, phường 4, quận 8
1356	9085	Nguyễn Thị Kiêm	1911	1996	Liên Ứng	Võ Văn Tạo	108 Thái Phiên, phường 2, quận 11
1357	9092	Lê Văn Năm	1935	2003	Liên Ứng	Lê Văn Hoàng	280/38 Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4
1358	9101	Châu Lập Trung	1921	1982	Liên Ứng	Châu Trinh Hoa	Kim Hải, Kim Dinh, Tphường Bà Rịa, Bà Rịa Vũng Tàu
1359	9103	Nguyễn Thị Cúc	1932	2002	Liên Ứng	Lê Văn Háo	140/30 Lê Quốc Hưng, phường 13, quận 4
1360	9113	Thái Kim Súa	1933	1996	Liên Ứng	Nguyễn Thị Lang	A4/26 Ấp 1B Xã Vĩnh Lộc B , Huyện Bình Chánh

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1361	9120	Trần Thị Lam	1957	1982	Liên Ứng	Trần Thảo Sơn	176/24 Quốc Lộ 13 cũ, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
1362	9125	Nguyễn Thị Mùi	1905	1982	Liên Ứng	Phạm Hữu Phước	292/29A Bà Hạt, phường 9, quận 10
1363	9128	Dương Thị Ba	1932	2006	Liên Ứng	Nguyễn Ngọc Thanh	75/10 Lê Văn Linh, phường 13, quận 4
1364	9129	Mộ chữ Hoa (Âu Quốc Phát)			Liên Ứng	Trương Muối	254/98/6B Âu Cơ, phường 9, quận Tân Bình
1365	9130	Phan Minh Tâm	1983	1991	Liên Ứng	Phan Thị Kim Loan	76/43/15 Nguyễn Sơn, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
1366	9133	Trần Tấn Thông			Liên Ứng	Trương Muối	254/98/6B Âu Cơ, phường 9, quận Tân Bình
1367	9138	Đông Thị Thoa	1936	2002	Liên Ứng	Trần Quốc Dũng	Tổ 3 Ấp Tân Hội, xã Phước Hội, Đất Đỏ, Bà Rịa - Vũng Tàu
1368	9141	Huỳnh Thị Tư	1938	1982	Liên Ứng	Huỳnh Thị Ánh Hồng	374/25B Lê Hồng Phong, phường 1, quận 10
1369	9145	Dương Thành Tín	1968	2002	Liên Ứng	Huỳnh Thành Bằng	63/11/8 Nhật Tảo, phường 4, quận 10
1370	9146	Trần Công Trường	1916	2002	Liên Ứng	Phan Thị Hồng	294/22 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 21, quận Bình Thạnh
1371	9147	Nguyễn Thị Thúy Hồng	1993	2002	Liên Ứng	Bùi Ngọc Thúy	874/52/15/ Đoàn Văn Bơ, phường 16, quận 4
1372	9152	Nguyễn Thị Mai	1947	2002	Liên Ứng	Đỗ Thị Sơn Ca	46/4Bis Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Tây, quận 7
1373	9156	Nguyễn Hùng Tuấn	1979	2002	Liên Ứng	Trần Công Phước	64/3/22A ấp 4, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè
1374	9159	Đỗ Văn Tắt	1948	2003	Liên Ứng	Đỗ Thị Bảy	505/49 Nguyễn Kiệm, phường 9, quận Phú Nhuận
1375	9163	Trần Tấn Tài			Liên Ứng	Trương Muối	254/98/6B Âu Cơ, phường 9, quận Tân Bình
1376	9175	Đinh Thế Hoàng	1960	2002	Liên Ứng	Đinh Thị Kim Ngân	281 Ba Đình, phường 8, quận 8
1377	9189	Ong Anh Tuấn	1981	2005	Liên Ứng	Nguyễn Anh Phi	290/13/1A Đoàn Văn Bơ, phường 16, quận 4
1378	9192	Phạm Thị Kim Hương	1966	1982	Liên Ứng	Phạm Đình Hữu Đạo	562/8A Nguyễn Kiệm, phường 4 quận Phú Nhuận
1379	9194	Nguyễn Thị Đồ	1906	1982	Liên Ứng	Phạm Thị Kim Phượng	193/149 Nguyễn Cư Trinh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1
1380	9203	Nguyễn Thị Luyện	1916	1999	Liên Ứng	Trần Thị Trung	73/18 Tân Sơn Nhì , phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú
1381	9206	Lê Bá Học	1940	1983	Liên Ứng	Lê Hoàng	635/10 khu phố Tân Phú 1, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
1382	9207	Nguyễn Thị Thu	1957	2007	Liên Ứng	Trần Thị Ngọc Hường	129F/186/30/5 Bến Vân Đồn, phường 4, quận 4
1383	9208	Phan Thị Lý	1938	1983	Liên Ứng	Lê Ngọc Duy	56/1 Bùi Minh Trực, phường 5, quận 8
1384	9209	Phan Thị Minh	1954	1983	Liên Ứng	Phan Thị Xuân Dung	311 Lô P, cư xá Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh
1385	9211	Lê Văn Thỏ	1936	1983	Liên Ứng	Nguyễn Thị Hạnh	168Bis/15 Nguyễn Thái Bình, quận 1
1386	9212	Võ Thị Đào	1917	1983	Liên Ứng	Đặng Thị Nga	666/28/14 Đường 3/2, phường 14, quận 10
1387	9219	Hà Văn Cầu	1926	1999	Liên Ứng	Hà Hoàng Đặng	13/14 Đường 14, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, quận Thủ Đức
1388	9229	Trần Văn Kính	1918	2000	Liên Ứng	Trần Thị Kim Lan	Thôn Kim Ngọc, Hàm Thắng, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận
1389	9240	Lê Xuân Thân	1902	1974	Liên Ứng	Lê Thị Xuân Tuyết	40/9/15 Trần Văn Quang, phường 10, quận Tân Bình
1390	9241	Tứ Dân	1948		Liên Ứng	Nguyễn Quốc Phong	120/34D Tôn Thất Hiệp, phường 13, quận 11
1391	9244	Nguyễn Văn Hai	1937	1983	Liên Ứng	Nguyễn Văn Tú	538/107/18/12 Đoàn Văn Bơ, phường 14, quận 4
1392	9246	Hồ Văn Hóa (Khoảnh)	1937	1983	Liên Ứng	Hồ Văn Tuấn	87/206 Đinh Tiên Hoàng, phường 3, Bình Thạnh
1393	9255	Lê Bân	1919	1983	Liên Ứng	Lê Thị Phụng	87/59/18/15 Đoàn Văn Bơ, phường 6, quận 4
1394	9258	Nguyễn Phước Bảo Lục Bửu Lan	1944	1967	Liên Ứng	Nguyễn Phước Quý Lộc	Đ/cũ 154/20 Nguyễn Diêu, phường 2
1395	9264	Nguyễn Văn Ít	1951	1997	Liên Ứng	Ngô Văn Sang	30A Võ Văn Kiệt, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1396	9265	Lê Minh Hoàng	1961	1997	Liên Ứng	Nguyễn Thị Ngọc Dung	221 Lô H C/c Nguyễn Thiện Thuật, phường 1, quận 3
1397	9275	Diệp Thị Hường	1927	1997	Liên Ứng	Nguyễn Thị Hiệp	797 Ba Đình, phường 9, quận 8
1398	9276	Trần Văn Phinh	1910	1982	Liên Ứng	Võ Thị Ngọc Trúc	số 6 Liên Khu 2-5 phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân
1399	9277	Phạm Thị Lắm	1923	1998	Liên Ứng	Phạm Thị Bé	428/10 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú
1400	9283	Bà Lê Xuân Cù (ND: Trịnh Thị Hạnh)	1933	1999	Liên Ứng	Lê Thị Xuân Tuyết	40/9/15 Trần Văn Quang, phường 10, quận Tân Bình
1401	9284	Lê Xuân Tuyên	1957	1974	Liên Ứng	Lê Thị Xuân Tuyết	40/9/15 Trần Văn Quang, phường 10, quận Tân Bình
1402	9285	Ông Lê Xuân Cù	1931	1998	Liên Ứng	Lê Thị Xuân Tuyết	40/9/15 Trần Văn Quang, phường 10, quận Tân Bình
1403	9289	Vũ Thị Cồn	1922	2005	Liên Ứng	Lê Văn Hòa	210 Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1404	9290	Lê Văn Hoạt	1922	1999	Liên Ứng	Lê Văn Hòa	210 Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1405	9291	Nguyễn Văn Tỵ	1903	1974	Liên Ứng	Nguyễn Ngọc Thanh Hằng	232/6 Ngô Quyền, phường 8, quận 10
1406	9292	Nguyễn Thị Một	1954	1975	Liên Ứng	Trần Thị Lan	Tổ 32, Phú Thuận 2, Thị trấn D'ran, Đơn Dương, Lâm Đồng
1407	9294	Lê Thị Bi	1919	2004	Liên Ứng	Huỳnh Ngọc Giàu	49A Phạm Phú Thứ, phường 3, quận 6
1408	9306	Bùi Thị Thận		1974	Liên Ứng	Vũ Văn Quang	84/30A Đoàn Văn Bơ, phường 14, quận 4
1409	9307	Huỳnh Thị Bảy	1930	2003	Liên Ứng	Võ Minh Hiếu	265 Xóm Chiếu, phường 15, quận 4
1410	9324	Mộ không bia			Liên Ứng	Nguyễn Văn Hoàng	50/29 Đường số 45, Phường 14, Quận Gò Vấp
1411	9329	Nguyễn Văn Đây	1899	1983	Liên Ứng	Lê Hoàng Hải	563/21 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, quận 3
1412	9332	Võ Thị Mít	1928	2000	Liên Ứng	Võ Hữu Hậu	689/37 Hương Lộ 2, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân
1413	9337	Huỳnh Tô	1942	1983	Liên Ứng	Nguyễn Quế Mai	0.10 Lô 5, Khu B, C/c Trường Đua Phú Thọ, phường 15, quận 11
1414	9346	Trần Văn Đông	1950	1997	Liên Ứng	Trần Thị Kim Thu	5/25B Mê Cốc, phường 15, quận 8
1415	9349	Triệu Thị Kim Liêng	1901	1983	Liên Ứng	Trần Ngọc Kinh	209/1D Tân Hòa Đông, phường 14, quận 6
1416	9353	Dương Văn Dư		1974	Liên Ứng	Dương Thị Xuân Mai	666/55 Đường 3/2, phường 14, quận 10
1417	9363	Nguyễn Huy Trúc	1943	2002	Liên Ứng	Trần Thị Thông	51/54/25 Cao Thắng , phường 3, quận 3
1418	9369	Lê Hồng Sơn	1951	1983	Liên Ứng	Lê Thị Thu Thủy	418/22B Lê Hồng Phong, phường 1, quận 10
1419	9375	Lê Thị Sừ		1983	Liên Ứng	Trần Thị Ngọc Oanh	9/21 Đường số 7, Cx Đô Thành, phường 4, quận 3
1420	9376	Huỳnh Thị Trọng	1945	2004	Liên Ứng	Lâm Văn Dũng	62/87 Huỳnh Tịnh Của, phường 19, quận Bình Thạnh
1421	9377	Nguyễn Thị Diệp	1927	1983	Liên Ứng	Huỳnh Ngọc Bạc	29/8/22 Lương Văn Can, phường 15, quận 8
1422	9380	Đặng Thị Trâm	1914	2004	Liên Ứng	Trần Kim Ngọc	51/33 Phạm Thế Hiển, phường 1, quận 8
1423	9387	Vũ Văn Triều Xương	1964	1983	Liên Ứng	Vũ Bảo Mệnh Chi	159/31 Trần Văn Đang, phường 11, quận 3
1424	9389	Bùi Thị Đức	1954	1982	Liên Ứng	Huỳnh Xuân Phụng	140/9 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận 10
1425	9390	Đàm Như Lộc	1970	2004	Liên Ứng	Đàm Trần Thị Minh Châu	254/19 Vĩnh Viễn, phường 4, quận 10
1426	9393	Hồ Thanh Tùng		2003	Liên Ứng	Hồ Thị Thanh Thủy	218 KP2, Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Tây, quận 7
1427	9401	Nguyễn Văn Thanh	1937	2003	Liên Ứng	Hoàng Thị Len	967/11/2 Nguyễn Kiệm, phường 3, Gò Vấp
1428	9408	Văn Thị Khoảnh	1913	1983	Liên Ứng	Lê Thanh Liêm	H19, CXVH Bến Vân Đồn, phường 6, quận 4
1429	9414	Nguyễn Văn Quới	1922	2002	Liên Ứng	Võ Quốc Tuấn	697/1 Ba Đình, phường 10, quận 8
1430	9417	Phạm Văn Mâu	1920	1982	Liên Ứng	Phan Thị Kim Sương	45/58 Trần Thái Tông, phường 15, quận Tân Bình

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1431	9418	Giang Thị Vàng	1922	1997	Liên Ứng	Giang Thị Lý	161/1/63 Bình Đông, phường 14, quận 8
1432	9422	Nguyễn Thị Lang	1917	1983	Liên Ứng	Nguyễn Văn Giàu	B2/14H1 ấp 2, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh
1433	9431	Nguyễn Hoàng Yển	1960	2002	Liên Ứng	Lê Nguyễn Hồng Vân	159/8A Đoàn Văn Bơ, phường 13, quận 4
1434	9441	Châu Thị Xa	1928	2002	Liên Ứng	Lê Nguyễn Hồng Vân	159/8A Đoàn Văn Bơ, phường 13, quận 4
1435	9445	Phạm Thị Kim Huê	1950	2002	Liên Ứng	Lâm Trọng Đức	48F/13F Hoàng Sỹ Khải, phường 14, quận 8
1436	9458	Huỳnh Thị Hưng		1983	Liên Ứng	Lê Văn Tàu	105H/42 Hồ Thị Kỳ, phường 1, quận 10
1437	9459	Nguyễn Văn Nu	1931	1983	Liên Ứng	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	51 Tân Thành Nối Dài, phường 16, quận 11
1438	9461	Nguyễn Văn Sơn	1973	2002	Liên Ứng	Nguyễn Ngọc Minh	194/32 Đỗ Ngọc Thanh, phường 12, Quận 3
1439	9465	Hà Kim Oì	1927	2000	Liên Ứng	Trương Minh Thảo	1/28E1 DHT 31, Kp10, phường Tân hưng Thuận , quận 12
1440	9473	Lê Thị Anh Đào	1960	1982	Liên Ứng	Lê Thị Mỹ Dung	467/11 Điện Biên Phủ, phường 3, quận 3
1441	9474	Phan Thị Huệ	1953	1983	Liên Ứng	Phan Thị Thanh Long	591/6/1 Bình Thới, phường 10, quận 1
1442	9479	Trần Nghiêm Sang	1984	2003	Liên Ứng	Nguyễn Thị Vi	756/40 Đoàn Văn Bơ, phường 16, quận 4
1443	9482	Trần Thị Lành	1923	2003	Liên Ứng	Trần Hoàng Nam	103 Nguyễn Duy, phường 14, quận 8
1444	9483	Lê Văn Trọng	1919	1983	Liên Ứng	Phạm Thị Mai	414/1/8/24 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10
1445	9485	Nguyễn Văn Chiến	1949	1983	Liên Ứng	Nguyễn Văn Vui	565/54 Nguyễn Trãi, phường 7, quận 5
1446	9489	Lê Lan	1950	1983	Liên Ứng	Nguyễn Trọng	70/11 Trần Tuấn Khải, phường 5, quận 5
1447	9491	Phùng Văn Vượng	1945	1983	Liên Ứng	Nguyễn Thị Lam	172/46 Ấp 2, Phú Xuân, Nhà Bè
1448	9492	Trương Minh Thế	1929	1983	Liên Ứng	Trương Minh Thảo	1/28E1, DHT 31, Kp10, phường Tân Hưng Thuận, quận 12
1449	9503	Lê Văn Huệ	1919	2004	Liên Ứng	Lê Văn Tâm	79/26/5 Phú Định, phường 16, quận 8
1450	9508	Nguyễn Thị Mạnh	1927	2002	Liên Ứng	Huỳnh Thị Cẩm Hương	2/6D Bắc Lân, Bà Điểm, Hóc Môn
1451	9510	Hồng Nam Cường			Liên Ứng	Quách Thị Mùi	39/25/39 Phú Thọ, phường 1, quận 11
1452	9511	Nguyễn Văn Ngọc	1954	1975	Liên Ứng	Lê Đình Dũng	96/5 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1
1453	9512	Huỳnh Văn Hoa	1951	1993	Liên Ứng	Huỳnh Thị Cẩm Hương	2/6D Bắc Lân, Bà Điểm, Hóc Môn
1454	9515	Huỳnh Văn Thơ	1924	1994	Liên Ứng	Huỳnh Thị Cẩm Hương	2/6D Bắc Lân, Bà Điểm, Hóc Môn
1455	9522	Đặng Vĩnh Phát	1945	1983	Liên Ứng	Đặng Tường Vi	18/38A Trần Quang Diệu, phường 14, quận 3
1456	9525	Bùi Đức Thành	1927	1982	Liên Ứng	Bùi Anh Dũng	235/44 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3
1457	9542	Đào Ngân	1924	1983	Liên Ứng	Đào Mỹ Ngọc	134/74 Lý Chính Thắng, phường 7, quận 3
1458	9546	Nguyễn Thị Mai	1903	1982	Liên Ứng	Mai Văn Thuận	19 Đường 21, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
1459	9552	Bùi Văn Yển	1904	1973	Liên Ứng	Bùi Văn Thái	162A Khu vực 4, Thị trấn Hiệp Hòa, Đức Hòa, Long An
1460	9567	Lê Xuân Uyên	1955	2006	Liên Ứng	Lê Thị Xuân Tuyết	40/9/15 Trần Văn Quang, phường 10, quận Tân Bình
1461	9571	Hồ Văn Nghệ	1917	1983	Liên Ứng	Hồ Văn Nở	Ấp 3 Xã Phước Lộc, Nhà Bè (237 Kinh Bờ Tây)
1462	9578	Lê Văn Vinh	1975	2002	Liên Ứng	Huỳnh Tấn Đạt	418/35 Lê Hồng Phong, phường 1, quận 4
1463	9584	Nguyễn Thị Bích	1900	1983	Liên Ứng	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	115 Cao Thắng, Phường 11, Quận 10
1464	9590	Cao Thị Kiều	1946	2002	Liên Ứng	Cao Thị Kim Dung	27 Dã Tượng, Chánh Hưng, Tp. HCM
1465	9593	Nguyễn Thị Út	1912	1983	Liên Ứng	Nguyễn Văn Quốc	60/4 Tuệ Tĩnh, phường 13, quận 11

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1466	9595	Huỳnh Công Khả	1958	1983	Liên Ứng	Huỳnh Công Tâm	491/5/11 Nguyễn Đình Chiểu
1467	9599	Tô Đình Thọ	1918	1983	Liên Ứng	Đặng Chí Hào	39D2, 307 C/c H.V.Chính, phường Phú Trung, quận Tân Phú
1468	9600	Nguyễn Văn Thiệt	1927	1993	Liên Ứng	Nguyễn Văn Đàng	12 Huỳnh Văn Nghệ, Phường 15, Quận Tân Bình
1469	9601	Ngô Văn Cảnh	1916	1983	Liên Ứng	Lâm Thị Nhan	43K2/6 Bến Bình Đông, phường 14, quận 8
1470	9604	Nguyễn Thị Cậy	1937	1983	Liên Ứng	Nguyễn Tuấn Sơn	15C Đường số 18, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1471	9606	Hứa Sang	1964	2003	Liên Ứng	Nguyễn Thị Hương	46/14 Đoàn Văn Bơ, phường 14, quận 4
1472	9610	Vũ Thường	1917	1974	Liên Ứng	Lê Thị Liên Hương	285/125/15B CMT8 , phường 12 , quận 10
1473	9613	Trần Thiện Luân	1985	2003	Liên Ứng	Bùi Thị Mỹ	20/24G Mễ Cốc, phường 15, quận 8
1474	9617	Nguyễn Mạnh Ngạc	1945	2004	Liên Ứng	Nguyễn Xuân Phong	310 Lô H C/c Nguyễn Thiện Thuật, phường 1, quận 3
1475	9619	Vương Nhơn Tài	1930	1983	Liên Ứng	Phạm Thị Thanh Nga	C12/9 Đường số 53 KP4, phường Tân Quý, quận 7
1476	9625	Lê Minh Phước	1971	2002	Liên Ứng	Nguyễn Thị Kim Loan	Quảng Chánh, Nghĩa Thắng, Đắc R'Lấp, Đắc Nông
1477	9627	Lâm Thị Tươi	1960	1983	Liên Ứng	Lê Văn Huê	241/33/67C Bến Ván Đồn, phường 2, quận 4
1478	9632	Nguyễn Thị Đánh	1936	2005	Liên Ứng	Phạm Thị Hoa	381A Nguyễn Duy, phường 9, quận 8
1479	9640	Triệu Hóm Anh	1920	1983	Liên Ứng	Triệu Vinh Hợp	Tổ 10, ấp 2, Tân Hiệp, Long Thành, Đồng Nai
1480	9641	Đặng Thị Tư	1904	1983	Liên Ứng	Lê Anh Đào	62 Bà Hòm, C/c Kiến Thành, phường 13, quận 6
1481	9644	Tạ Quang	1922	2002	Liên Ứng	Nguyễn Văn Út	181 Nguyễn Ngọc Nhựt, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1482	9646	Lê Văn Nuôi	1928	1983	Liên Ứng	Ngô Minh Vẹn	54/29 Lê Văn Lương, phường Tân Hưng, quận 7
1483	9650	Bùi Văn Khánh	1913		Liên Ứng	Bùi Văn Hưng	441 Lê Đức Thọ, phường 17, quận Gò Vấp
1484	9657	Huỳnh Thị Nữ	1938	2004	Liên Ứng	Võ Đình Thắng	90/6 Hồng Lạc, phường 11, quận Tân Bình
1485	9659	Phạm Thị Ngọc	1948	1993	Liên Ứng	Phạm Thị Lan	69/23 Cao Thắng, phường 15, quận Phú Nhuận
1486	9660	Trần Văn Phú	1940	2004	Liên Ứng	Phạm Thị Lan	69/23 Cao Thắng, phường 15, quận Phú Nhuận
1487	9672	Đặng Vinh Quang	1975	2003	Liên Ứng	Đặng Thị Hạnh	606/145/16 Đường 3/2, phường 14, quận 10
1488	9693	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	1983	2005	Liên Ứng	Đặng Thị Thắng	36/10 Đường số 42, phường 4, quận 4
1489	9695	Đồng Thanh Phong	1941	2003	Liên Ứng	Trần Thị Gái	403 Lô C3 chung cư, đường Tân Vĩnh, phường 6, quận 4
1490	9699	Đặng Chí Tùng	1982	2004	Liên Ứng	Đặng Văn Dũng	243/27B Tôn Đản, phường 15, quận 4
1491	9705	Nguyễn Thị Loan	1934	2001	Liên Ứng	Trần Thị Hạp	72/1 Ngô Thời Nhiệm, phường 17, quận Phú Nhuận
1492	9707	Nguyễn Văn Đực	1928	2002	Liên Ứng	Nguyễn Văn Thôi	21/9 Lê Văn Mến, phường Tháo Điền, thành phố Thủ Đức
1493	9711	Đặng Văn Minh	1959	2004	Liên Ứng	Đặng Minh Mẫn	A15/26A ấp 1, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh
1494	9715	Nguyễn Thụy Giao Linh	1975	2002	Liên Ứng	Trần Thụy Thanh Trúc	29/24 Lò Siêu, phường 16, quận 11
1495	9717	Trần Văn Quý	1915	1983	Liên Ứng	Dương Văn Phụng	59/4 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3
1496	9718	Trịnh Phát Văn			Liên Ứng	Trịnh Bích Châu	A204 chung cư Lý Chiêu Hoàng, phường An Lạc, quận Bình Tân
1497	9719	Trần Quý Thanh	1933	1975	Liên Ứng	Nguyễn Thế Hưng	98I Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1
1498	9724	Phan Anh Dũng	1954	1977	Liên Ứng	Phan Thị Huyền Thu	Ấp 1A Tân Trạch, Cần Đức, Long An
1499	9725	Phan Thị Nhị	1929	2003	Liên Ứng	Phan Ngọc Lang	1/12 Lô A chung cư Vườn Lài, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
1500	9726	Nguyễn Thị Lãi	1903	1983	Liên Ứng	Trần Văn Hoàng	270/88/16 Phan Đình Phùng, phường 1, Phú Nhuận

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1501	9728	Trần Thị Thùy Trâm	1982	1983	Liên Ứng	Trần Thị Hạp	72/1 Ngô Thời Nhiệm, phường 17, quận Phú Nhuận
1502	9729	Lê Thị Ngọc Anh	1957	1979	Liên Ứng	Lê Văn Dũng	1036/52/26 Cách Mạng Tháng Tám, phường 5, quận Tân Bình
1503	9730	Bùi Tấn Khoa	1959	1977	Liên Ứng	Bùi Quang Học	219/5F Trần Hưng Đạo, phường Cò Giang, quận 1
1504	9734	Phạm Đình Trịnh	1936	1995	Liên Ứng	Trần Thị Hạp	72/1 Ngô Thời Nhiệm, phường 17, quận Phú Nhuận
1505	9737	Trần Văn Có	1907	1983	Liên Ứng	Trần Thị Ngọc Yến	Ấp 3, thị trấn Phúc Lộc, Thạnh Trị, Sóc Trăng
1506	9740	Phạm Thị Vinh	1908	1980	Liên Ứng	Đỗ Tuấn Liên	79/2/1C Hồ Văn Long, Bình Hưng Hòa B, Bình Tân
1507	9744	Huỳnh Văn Sanh	1923	2006	Liên Ứng	Huỳnh Ngọc Lợi	70 đường Số 6, phường 4, quận 4
1508	9762	Trần Thị Hai		1991	Liên Ứng	Trần Hoàng Triều	69/5B Cao Thắng, phường 17, quận Phú Nhuận
1509	9763	Trần Trọng Tâm		1999	Liên Ứng	Trần Hoàng Triều	69/5B Cao Thắng, phường 17, quận Phú Nhuận
1510	9764	Phan Tuấn Hùng	1959	1979	Liên Ứng	Phan Thị Huyền Thu	Ấp 1A Tân Trạch, Cần Đước, Long An
1511	9768	Nguyễn Văn Trí	1963	1983	Liên Ứng	Nguyễn Văn Nghiệp	92/98A Bùi Đình Túy, phường 24, quận Bình Thạnh
1512	9771	Vũ Thị Liễu	1920	1977	Liên Ứng	Bùi Thị Kim Phụng	31/1F Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10
1513	9773	Vũ Thị Phú	1922	1983	Liên Ứng	Nguyễn Thành Vinh	198/161 Đoàn Văn Bơ, phường 10, quận 4
1514	9775	Lê Tấn Minh	1976	2005	Liên Ứng	Lê Ngọc Phượng	11/28A Đường số 2A, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
1515	9777	Thái Đình Tiến	1903	1977	Liên Ứng	Đoàn Thị Thu Thủy	100 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức
1516	9788	Trương Thị Thanh Hương		1984	Liên Ứng	Trương Thanh Hòa	63/13 Liên khu 16-18, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân
1517	9791	Bùi Thị Hòa	1927	1998	Liên Ứng	Nguyễn Quang Phương	652 Trường Sa, phường 17, quận Phú Nhuận
1518	9792	Hồ Văn Đặng	1972	2003	Liên Ứng	Nguyễn Văn Lâm	107/16/2 Lê Thị Bạch Cát, phường 13, quận 11
1519	9797	Nguyễn Thị Hoa	1986	1986	Liên Ứng	Nguyễn Văn Hải	536/32/9/40 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình
1520	9804	Vương Văn Tỷ	1981	2005	Liên Ứng	Lê Thị Ngọc Mai	129F/186/33/7 Bến Vân Đồn, phường 8, quận 4
1521	9805	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	1986	1986	Liên Ứng	Nguyễn Thị Loan Anh	40/25 Đoàn Văn Bơ, phường 9, quận 4
1522	9809	Ô Ma	1941	2003	Liên Ứng	Nguyễn Thanh Liêm	756/50 Võ Văn Kiệt, phường 1, quận 5
1523	9818	Phạm Kim Luyện	1983	2002	Liên Ứng	Phạm Thị Muôn	82/4/16 Bình Quới, phường 27, quận Bình Thạnh
1524	9821	Nguyễn Hồng Linh	1971	1989	Liên Ứng	Nguyễn Thị Dũng	75/17Đ Trần Văn Đang, phường 9, quận 3
1525	9835	Nguyễn Thị Lượm	1933	1992	Liên Ứng	Nguyễn Anh Thi	230/23 Trường Chinh, phường , phường 13, quận Tân Bình
1526	9836	Bùi Văn Hiền	1923	1992	Liên Ứng	Bùi Thị Kim Phụng	31/1F Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10
1527	9839	Nguyễn Thành Sơn	1970	1998	Liên Ứng	Nguyễn Kim Tuyết	420 Đường số 1, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
1528	9863	Nguyễn Hoàng Mỹ	1985	1986	Liên Ứng	Nguyễn Văn Toàn	325/17 Kênh Tân Hóa, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú
1529	9866	Đào Viết Lặn	1908	1973	Liên Ứng	Chung Thị Nữ	23/37K Hòa Hưng, phường 12, quận 10
1530	9879	Nguyễn Văn Khoái	1908	1987	Liên Ứng	Nguyễn Văn Anh Khoa	24B Chừ Đồng Tử, phường 7, Tân Bình
1531	9891	Lâm Nhuận Tô	1936	2000	Liên Ứng	Trần Quế Chi	351/28C Lê Đại Hành, phường 11, quận 11
1532	9892	Phan Thị Kim Cúc	1959	1983	Liên Ứng	Phan Văn Thiên	513/4 Điện Biên Phủ, phường 3, quận 3
1533	9893	Hà Minh Cường	1984	2006	Liên Ứng	Lưu Thị Hương Vân	137/50 Bến Vân Đồn, phường 6, quận 4
1534	9894	Thái Chiêu Chi	1929	1999	Liên Ứng	Lâm Ngọc	11/15 Văn Cao, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú
1535	9895	Nguyễn Thị Nữ	1922	2002	Liên Ứng	Trần Thị Lệ	424/12 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1536	9896	Nguyễn Văn Đăng	1930	1994	Liên Ứng	Nguyễn Văn Hùng	661/19 Lũy Bán Bích, Phú Thạnh, Tân Phú
1537	9897	Nguyễn Thị Dị			Liên Ứng	Trần Ngọc Hồng	33/2A KP2, Tân Phú, quận 7
1538	9914	Nguyễn Văn Phụng	1958	1997	Liên Ứng	Trương Thị Thanh Hương	79/1K Trần Văn Đang, phường 9, quận 3
1539	9921	Huỳnh Du (Diệu)	1954	1992	Liên Ứng	Huỳnh Anh Tuấn	Qua qua bưu điện ngày 08/02/2023 từ đề bổ sung hồ sơ thì nói không rành (chắc là không biết)
1540	9926	Nguyễn Văn Ngời (Nguyễn Văn Ngôi)	1923	1993	Liên Ứng	Nguyễn Văn Hải	78/32/2 Khánh Hội, phường 4, quận 4
1541	9937	Nguyễn Thị Lành	1933	1994	Liên Ứng	Nguyễn Thị Kim Hên	168/22 Nguyễn Súy, Tân Quý, Tân Phú
1542	9940	Trần Kim Liên	1941	2003	Liên Ứng	Huỳnh Thị Thanh Hằng	80/32/20A Gò Dầu, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1543	9945	Vũ Văn Còn	1935	1987	Liên Ứng	Nguyễn Thị Lan	20 Trung Lang, phường 12, quận Tân Bình
1544	9953	Nguyễn Thị Châu	1921	1994	Liên Ứng	Nguyễn Thị Oanh Thủy	23 Đường số 12, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
1545	9958	Lê Văn Bích	1958	1994	Liên Ứng	Nguyễn Thị Được	2385/62/74 Phạm Thế Hiển, phường 6, quận 8
1546	9959	Trần Thị Kim Chi	1963	1994	Liên Ứng	Trần Thị Kim Huê	211/8 Ngô Sỹ Liên, phường 14, quận 8
1547	9962	Bùi Xuân Phương	1963	1994	Liên Ứng	Bùi Thị Thùy Linh	18/4 Đặng Thai Mai, phường 7, quận Phú Nhuận
1548	9963	Nguyễn Văn Biển	1983	2004	Liên Ứng	Nguyễn Văn Cua	14/20 Nguyễn Súy, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1549	9966	Tiêu Thị Sinh	1929	1983	Liên Ứng	Văn Thanh Hậu	A10/18A ấp 1, Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh
1550	9969	Trần Văn Tây	1954	1993	Liên Ứng	Đặng Thị Huyền	B4-5D C/c Bình Đăng , phường 6, quận 8
1551	9971	Lương Quang Kiêm	1966	1993	Liên Ứng	Lương Bảo Tồn	562/22 Nguyễn Kiêm, phường 4, quận
1552	9978	Trương Thị Lệ Thanh	1963	1993	Liên Ứng	Trương Thị Lệ Hằng	129F138/108 Bến Vân Đồn, phường 06, quận 4
1553	9982	Nguyễn Thị Thủy	1942	2003	Liên Ứng	Nguyễn Thanh Tuấn	96/1/21 Phan Đình Phùng, phường 2, quận Phú Nhuận
1554	9984	Huỳnh Tấn Thái	1957	1993	Liên Ứng	Huỳnh Đại Thắng	333/19 Trần Phú, phường 8, quận 5
1555	9986	Lê Văn Đại	1939		Liên Ứng	Trương Thị Lài	156/76/9 Phú Thọ Hòa, Phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú
1556	9991	Nguyễn Anh Quốc	1986	1994	Liên Ứng	Nguyễn Hoàng Phi	51 ấp Chánh Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
1557	9997	Phạm Thanh Long	1983	1994	Liên Ứng	Phạm Thị Sơn Thủy	8 Nguyễn Quang Diệu, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú
1558	9998	Nguyễn Thị Kim Sành	1946	2006	Liên Ứng	Nguyễn Thanh Bình	14/11 Nguyễn Dữ, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1559	10002	Nguyễn Văn Luông	1942	2001	Liên Ứng	Nguyễn Thị Xuân Hương	32E Công Trường Hòa Bình, phường 19, quận Bình Thạnh
1560	10007	Nguyễn Văn Hoàng	1948	2004	Liên Ứng	Nguyễn Phương Ngân	94C1 Khu phố 6, Phú Khương, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
1561	10008	Nguyễn Thị Quý	1926	2005	Liên Ứng	Võ Thị Hoa	7/134/29/2 phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
1562	10012	Phùng Thị Chắc	1923	2005	Liên Ứng	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	846/1F Võ Văn Kiệt, phường 3, quận 5
1563	10014	Hồ Văn Sướng	1931	1999	Liên Ứng	Hồ Minh Chánh	666/7 Bình Long, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1564	10017	Nguyễn Thị Loan	1913	1995	Liên Ứng	Tô Hùng Chương	132/56 Bình Đông, phường 14, quận 8
1565	10030	Lê Thị Nguyên	1907	1992	Liên Ứng	Nguyễn Thanh Bình	14/11 Nguyễn Dữ, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1566	10041	Lê Thị Thảo	1910	2002	Liên Ứng	Đặng Cả	97/206 Hàn Mặc Tử, phường 12, quận Tân Bình
1567	10042	Đinh Văn Sa	1932	2002	Liên Ứng	Đinh Hùng Tuấn	183c/2m Tôn Thất Thuyết, phường 4, quận 4
1568	10044	Phạm Thị Sơn	1923	2002	Liên Ứng	Trần Thế Long	187/2D Cô Giang, phường Cô Giang, quận 1
1569	10050	Cao Thị Chiên	1966	2002	Liên Ứng	Trần Văn Khuê	A75/6D/38 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình
1570	10051	Ngô Văn Hùng	1966	2002	Liên Ứng	Trần Thị Phương Lan	1B Âu Dương Lân, phường 3, quận 8

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1571	10052	Nguyễn Hồng Gấm	1943	2002	Liên Ứng	Nguyễn Thị Thanh Nguyên	50/2B Miếu Nhi, TT Cần Thạnh, Cần Giờ
1572	10053	Mộ Chữ Hoa (Trịnh Bang)			Liên Ứng	Trịnh Quang Huy	363/29/12/8 Đất Mới, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân
1573	10058	Hoàng Văn Tân	1941	2002	Liên Ứng	Hoàng Hữu Hiệp	686/92/17 Cách Mạng Tháng Tám, phường 5, quận Tân Bình
1574	10071	Vũ Đức Phần	1923	2010	Liên Ứng	Nguyễn Thị Kim Thái	163/4B Nguyễn Văn Nghi, phường 7, quận Gò Vấp
1575	10075	Nguyễn Thị Ngọc Bích	1972	2001	Liên Ứng	Nguyễn Quang Hiếu	71/1/1B đường 46, khu phố 6, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức
1576	10076	Lê Văn Lắm	1940	1993	Liên Ứng	Lê Văn Phú	152 Mạc Văn, phường 12, quận 8
1577	10093	Nguyễn Thị Nguyệt	1913	1995	Liên Ứng	Nguyễn Thị Hồng Hà	21/17/9 Đỗ Thúc Tịnh, phường 12, quận Gò Vấp
1578	10095	Nguyễn Văn Giới	1932	1995	Liên Ứng	Nguyễn Văn Hoàng Em	28/16 đường số 9A, phường Bình Hưng Hoà A, quận Bình Tân
1579	10099	Tô Phi	1892	1971	Liên Ứng	Tô Tấn Dũng	3E/9 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình
1580	10106	Phan Văn Ba	1923	1996	Liên Ứng	Phan Thị Hồng	8 Rạch Cát, phường 15, quận 8
1581	10118	Chu Thị Chuông	1919	1996	Liên Ứng	Nguyễn Minh Hòa	106/37A Tôn Thất Hiệp, phường 13, quận 11
1582	10119	Nguyễn Thị Hồng Lệ	1964	1998	Liên Ứng	Hà Ngọc Khanh	2549/28/3/15C Phạm Thế Hiển, phường 7, quận 8
1583	10121	Trần Thị Mãng	1905	1983	Liên Ứng	Nguyễn Văn Mười	A15/35 ấp 1, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh
1584	10131	Vũ Hữu Đình	1954	1999	Liên Ứng	Vũ Đăng Khoa	151/23 Gò Xoài, Phường Bình Hưng Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
1585	10140	Bùi An Hòa	1986	2005	Liên Ứng	Bùi An Đông	41/7 Chấn Hưng, Phường 6, Quận Tân Bình
1586	10154	Nguyễn Quang Chát	1931	1997	Liên Ứng	Nguyễn Quang Hiếu	71/1/1B đường 46, khu phố 6, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức
1587	10156	Trần Thanh Tùng	1950	1997	Liên Ứng	Trần Thanh Phương Hồng	8F/24 Hoàng Sĩ Khải, phường 14, quận 8
1588	10162	Võ Thị Lan	1948	1999	Liên Ứng	Võ Văn Được	20/28 Tân Hương, Tân Quý, Tân Phú
1589	10174	Đặng Hữu Tài	1955	2001	Liên Ứng	Đặng Thành Thái	173/8 Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1590	10178	Võ Chính	1964	1999	Liên Ứng	Nguyễn Thị Mai Trang	48/3 Phan Chu Trinh, Tân Sơn Nhì, Tân Phú
1591	10188	Võ Thị Tư	1919	1998	Liên Ứng	Đinh Văn Minh	880 Nguyễn Trãi, phường 14, quận 5
1592	10189	Nguyễn Thị Thanh Mai	1962	1998	Liên Ứng	Nguyễn Văn Trung	104/2 Phan Tây Hồ, phường 7, quận Phú Nhuận
1593	10190	Đỗ Thị Thảo	1916	1998	Liên Ứng	Đỗ Văn Út	50K1/3 Bình Đông, phường 14, quận 8
1594	10191	Nguyễn Văn Lý	1927	1998	Liên Ứng	Nguyễn Văn Bạch	99/12 Nguyễn Sứ, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1595	10199	Không rõ tên		1998	Liên Ứng	Đặng Thị Kim Hương	Ấp An Hòa, Xã An Thới Đông, Tỉnh Cần Giờ
1596	10201	Dương Văn Quang	1948	1998	Liên Ứng	Nguyễn Thị Lệ	78/29/25 Khánh Hội, phường 4, quận 4
1597	10202	Vương Văn Khoa (bia mộ ghi: Trần Văn Khoa)	1954	1997	Liên Ứng	Nguyễn Thị Bích Vân	158/28 Ngõ Tắt Tổ, phường 22, quận Bình Thạnh
1598	10205	Đào Huy Hùng	1968	1999	Liên Ứng	Đào Mộng Thúy	38 Bà Lê Chân , phường Tân Định , quận 1
1599	10210	Nguyễn Thị Danh	1915	2004	Liên Ứng	Nguyễn Thị Mười	17/11C Phan huy Ích, phường 14, quận Gò Vấp
1600	10217	Mai Thị Tuyết Hương	1978	2005	Liên Ứng	Trần Ngọc Khương	181B/12A Âu Dương Lân, Phường Rạch Ông, Quận 8
1601	10222	Nguyễn Hữu Rần	1917	1997	Liên Ứng	Nguyễn Hữu Đức Minh	43A Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1602	10237	Nguyễn Văn Hoa	1958	25/3	Liên Ứng	Trần Thị Nờ	2680/57 Tô 8 Ấp 5, huyện Nhà Bè
1603	10244	Võ Thị Nhân	1929	2005	Liên Ứng	Lương Mỹ Kiều Nhi	330 Lô G, C/c Nguyễn Thiện Thuận, phường 1, quận 3
1604	10245	Mộ chữ hoa (Lý Liêm)			Liên Ứng	Trịnh Quang Huy	363/29/12/8 Đất Mới, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân
1605	10247	Lương Văn Quang	1930	1983	Liên Ứng	Huỳnh Thị Kim Loan	77/85 Phạm Hùng, phường 9, quận 8

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1606	10251	Diệp Tuấn (Hoa)	1948	2004	Liên Ứng	Diệp Quốc Thanh	1507/37 Phạm Thế Hiển, phường 6, quận 8
1607	10252	Hứa Thị Hiếu (Hoa)	1913		Liên Ứng	Nguyễn Văn Liếng	21/4 Bình Tây, phường 2, quận 6
1608	10255	Bùi Văn Xuân	1947	1983	Liên Ứng	Bùi Công Định	414/25 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10
1609	10262	Đoàn Thị Hết	1920	1991	Liên Ứng	Đoàn Thị Thy Thủy	100 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức
1610	10264	Nguyễn Thành Liêm	1947	1983	Liên Ứng	Nguyễn Thị Huệ	146/6/15 Chiến Lược, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân
1611	10265	Nguyễn Thị Bảy	1942	2005	Liên Ứng	Nguyễn Bửu Lộc	30/111 Lâm Văn Bền, phường Tân Kiểng, quận 7
1612	10266	Võ Thị Tèo	1932	1983	Liên Ứng	Nguyễn Thị Thoa	202A Bến Vân Đồn, phường 2, quận 4
1613	10267	Diệp Đậu (Hoa)	1943	2003	Liên Ứng	Diệp Quốc Thanh	1507/37 Phạm Thế Hiển, phường 6, quận 8
1614	10279	Võ Văn Lương	1952	1983	Liên Ứng	Nguyễn Hoàng Luân	48/46 Nguyễn Biểu, phường 1, quận 5
1615	10282	Nguyễn Văn Châu	1935	1983	Liên Ứng	Nguyễn Trường Giang	1051/41/14 Hậu Giang, phường 14, quận 6
1616	10285	Trần Vinh	1977	2003	Liên Ứng	Trần Yên	73/7/3 Đô Đốc Long, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1617	10287	Phạm Minh Nghĩa	1955	1983	Liên Ứng	Phạm Minh Thuận	455/22 An Dương Vương, phường 3, quận 5
1618	10288	Nguyễn Văn Phan Anh	1963	1983	Liên Ứng	Nguyễn Trọng Anh	222/4 Xóm Chiếu, phường 15, quận 4
1619	10292	Lê Trung Hiếu	1973	2004	Liên Ứng	Lê Chiến Thắng	231/89/36 Bình Tiên, phường 8, quận 6
1620	10304	Phạm Phú Cường	1978	2002	Liên Ứng	Phạm Anh Minh	105 Bùi Thị Xuân, phường 2, quận Tân Bình
1621	10312	Phạm Thị Ngọc Anh	1903	1983	Liên Ứng	Dương Kim Như	712/14 Trường Sa, phường 14, quận 3
1622	10314	Lê Văn Lư	1922	1983	Liên Ứng	Lê Quang Minh	212/15 đường số 8, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
1623	10315	Mộ chữ hoa (Lý Thị Dậu)	1915	1983	Liên Ứng	Văn Quang	11/11 Đinh Bộ Lĩnh, phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
1624	10316	Thái Thị Mỹ Hạnh	1965	1983	Liên Ứng	Nguyễn Thị Kim Oanh	60/69 Lý Chính Thắng, phường Võ Thị Sáu, quận 3
1625	10321	Trần Khả Vinh	1935	2002	Liên Ứng	Trần Khả Việt	91 Công Chúa Ngọc Hân, phường 12, quận 11
1626	10324	Nguyễn Văn Chứa (Hứa Chứa)	1918	1983	Liên Ứng	Nguyễn Thị Minh	25C/23 Nguyễn Duy, phường 14, quận 8
1627	10337	Nguyễn Văn Hiệp	1984	2004	Liên Ứng	Lê Thị Diễm	229/35 Tân Hưng, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1628	10340	Bùi Văn Hai	1944	1983	Liên Ứng	Bùi Tiến Phong	246/6 Nguyễn Tiểu La, phường 8, quận 10
1629	10348	Bùi Thị Thảo	1930	1983	Liên Ứng	Trần Quốc Việt	59/6 Tân Hòa Đông, phường 14, quận 6
1630	10359	Nguyễn Đình Nhuận	1955	1976	Liên Ứng	Tân Anh Phát	B5/29S Tổ 5, ấp 2, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh
1631	10362	Nguyễn Thị Ánh Kiều	1981	2003	Liên Ứng	Nguyễn Thị Ánh Hoa	45/62K Phạm Phú Thứ, phường 3, quận 6
1632	10363	Nguyễn Hữu Tư	1901	1983	Liên Ứng	Nguyễn Thị Thái	3/16B Phạm Hùng, phường 4, quận 8
1633	10364	Lê Hoàng Thanh Sang	1967	2000	Liên Ứng	Nguyễn Đỗ Mừng	341/67C Lạc Long Quân, phường 5, quận 11
1634	10366	Lê Thị Cẩn	1900	1983	Liên Ứng	Vũ Thị Xuân Mai	207/59/1 Phạm Văn Hai, phường 5, quận Tân Bình
1635	10374	Nguyễn Vũ Quát	1973	2000	Liên Ứng	Nguyễn Vũ Lộc	284/6 Đường 26/3, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
1636	10376	Trần Anh Tuấn	1968	1983	Liên Ứng	Lê Quang Cương	195A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3
1637	10388	Trương Thị Hồng Hạnh	1980	1999	Liên Ứng	Trần Thị Ngọc Tuyết	240/2 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình
1638	10394	Nguyễn Văn Bảo	1940	1999	Liên Ứng	Trần Văn Tốt	138/7/14 Nguyễn Sứ, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1639	10395	Quản Văn Hợp	1923	2000	Liên Ứng	Quản Thị Thủy Loan	493A/73/8 Cách Mạng Tháng 8, phường 13, quận 10
1640	10408	Huỳnh Tấn Bê	1959	1983	Liên Ứng	Huỳnh Thị Trang	288/D13 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 3

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1641	10412	Dương Thị Thêm	1956	1999	Liên Ứng	Trần Văn Mạnh	138/34 Nguyễn Súy, phường Tân Quý, quận Tân Phú
1642	10414	Nguyễn Thị Hộ	1920	1975	Liên Ứng	Nguyễn Thị Ngọc Bích	305 Lô H C/c Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10
1643	10425	Võ Văn Hai	1949	1993	Liên Ứng	Võ Thị Kiều Oanh	249/26/12 Tân Kỳ Tân Quý, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú
1644	10435	Nguyễn Thị Thắc	1910	2002	Liên Ứng	Vũ Xuân Đước	1840 Tinh Lộ 10, phường Tân Tạo, quận Bình Tân
1645	10621	Nguyễn Minh Sơn	1959	2001	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thụy Thanh Thủy	1074B9 Trường Sa, phường 12, quận 3
1646	10634	Triệu Duy Minh	1983	2003	Sau chùa Di Lạc	Triệu Duy Phong	105/14A Hoàng Hoa Thám, phường 6, quận Bình Thạnh
1647	10640	Hồ Thị Kim Pha	1976	1996	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Thu Huyền	119/19/15 Nguyễn Văn Cừ, phường 2, quận 5
1648	10641	Thiều Đình Đông	1955	2010	Sau chùa Di Lạc	Thiều Thị Lý	169/72/154/1 Ngõ Tắt Tổ, phường 22, quận Bình Thạnh
1649	10648	Hồ Văn Kỳ Tài	1968	1983	Sau chùa Di Lạc	Hồ Trọng Nghĩa	227/18A Liên tỉnh 5, phường 5, quận 8
1650	10653	Trần Lê Minh Khải	1983	2003	Trần Quốc	Lê Phương Anh	541 Nguyễn Trãi, phường 7, quận 5
1651	10656	Vũ Thị Chính	1892	1973	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Kim Hòa	280/29/20/9 Bùi Hữu Nghĩa, phường 2, quận Bình Thạnh
1652	10659	Mộng A Cơ	56T	1952	Sau chùa Di Lạc	Mộng Thị Cúc	106I/94M3 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
1653	10666	Hoàng Ngọc Thửu (ND: Phạm Thị Con)		70T	Sau chùa Di Lạc	Hoàng Thị Ngọc Thảo	160/21C Nguyễn Duy Dương, phường 2, quận 10
1654	10681	Nguyễn Văn Khuê	1927	1991	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Kim Hòa	280/29/20/9 Bùi Hữu Nghĩa , phường 2, quận Bình Thạnh
1655	10688	Nguyễn Thị Xuân	1919	1996	Sau chùa Di Lạc	Thiều Thị Lý	169/72/154/1 Ngõ Tắt Tổ, phường 22, quận Bình Thạnh
1656	10689	Thiều Đình Khương	68T	1972	Sau chùa Di Lạc	Thiều Thị Lý	169/72/154/1 Ngõ Tắt Tổ, phường 22, quận Bình Thạnh
1657	10691	Huỳnh Thị Mỗi	1903	1984	Sau chùa Di Lạc	Lý Thị Đào	11 Lô 23 Phạm Thế Hiển, phường 4, quận 8
1658	10696	Nguyễn Khả Úy (Tự Hàn Quý)	1902	1973	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Hoàng Yến Trinh	99/7 Nơ Trang Long, Phường 11, Quận Bình Thạnh
1659	10702	Trần Thị Lương	48T	1973	Sau chùa Di Lạc	Phạm Thị Chính	356/21 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh
1660	10703	Lư Phước Thanh	1899	1980	Sau chùa Di Lạc	Phan Võ Xuân Linh	146/59/18/121 Vũ Tùng, phường 2, quận Bình Thạnh
1661	10704	Võ Văn Hên	1905	1972	Sau chùa Di Lạc	Phan Võ Xuân Linh	146/59/18/121 Vũ Tùng, phường 2, quận Bình Thạnh
1662	10709	Phạm Thị Nhật	1936	2000	Sau chùa Di Lạc	Vũ Văn Minh	166/71 Đoàn Văn Bơ, phường 14, quận 4
1663	10710	Trương Thị Kim Huệ	1980	1996	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Lệ	517/5 Bình Đông, phường 13, quận 8
1664	10712	Nguyễn Văn Tiểu		65T	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Xuân Huy	Áp 4, Xã Tân Hiệp, Thanh Hoá, Long An
1665	10715	Nguyễn Thị Mum	1926	1999	Sau chùa Di Lạc	Lê Hồng Thắm	563/16 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, quận 3
1666	10716	Bùi Thị Một	1936	1999	Sau chùa Di Lạc	Bùi Hồng Hương	103/16 Bình Thới, phường 11, quận 11
1667	10719	Đào Thị Thức (tự Đào Thiều Anh)		94T	Sau chùa Di Lạc	Kim Hữu Thành	39/35/1/22 Phú Thọ, phường 1, quận 11
1668	10723	Nguyễn Văn Quế	1948	1996	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thanh Hà	193/156 Nguyễn Cư Trinh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1
1669	10725	Triệu A Đệ	1946	2000	Sau chùa Di Lạc	Triệu Duy Phong	105/14 Hoàng Hoa Thám, phường 6, quận Bình Thạnh
1670	10726	Vũ Văn Vượng	1932	1996	Sau chùa Di Lạc	Vũ Quang Hiệp	91/25 Nhất Chi Mai, phường 13, quận Tân Bình
1671	10747	Mộ chữ Hoa (Phùng Chấn Phán)	1967	1996	Sau chùa Di Lạc	Phùng Chấn Hòa	86 Khuông Việt, phường Phú Trung, quận Tân Phú
1672	10753	Ngô Thị Tinh	1925	1996	Sau chùa Di Lạc	Trần Thị Mai Phy	33/47 Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú
1673	10755	Võ Thị Ngọc Diệp	1925	1996	Sau chùa Di Lạc	Phạm Thị Mộng Lành	183F/23 Tôn Thất Thuyết, phường 4, quận 4
1674	10756	Ứng Tăng	1909	1977	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Hồng	Tổ 2 , khu vực 1, phường An Hòa, Huế, Thừa Thiên-Huế
1675	10761	Trần Thị Hoa	1929	1996	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Sen	327B Bãi Sậy, phường 4, quận 6

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1676	10763	Nguyễn Thị Sáu	1927	1996	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Kim Hương	572/19/40/11 Ấu Cơ, phường 10, quận Tân Bình
1677	10768	Võ Anh sang	1972	1996	Sau chùa Di Lạc	Võ Huy Hoàng	303 Lô C2 C/c Lý Thường Kiệt, phường 7, quận 11
1678	10770	Nguyễn Thị Cận	1921	1996	Sau chùa Di Lạc	Bùi Nguyễn Phước Tông	148B Hòa Hưng, phường 13, quận 10
1679	10773	Lê Trí Minh	1954	1997	Sau chùa Di Lạc	Lê Chí Minh Hùng	156/2 Tuy Lý Vương, phường 13, quận 8
1680	10778	Hoàng Bé			Sau chùa Di Lạc	Hoàng Oanh	173/20 Lê Lợi, phường Thắng Nhì, Vũng Tàu, Bà Rịa Vũng Tàu
1681	10785	Liêu Ngọc Thúy	1970	1972	Sau chùa Di Lạc	Liêu Thị Thanh Tuyền	241A/1A Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Bình Thạnh
1682	10786	Nguyễn Thị Vân	1948	1999	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Thu Thảo	32/36 Nguyễn Văn Đậu, phường 5, quận Phú Nhuận
1683	10799	Tô Kim Anh	1971	1977	Sau chùa Di Lạc	Tô Kim Cương	108/71B Trần Quang Diệu, phường Nhiêu Lộc, Tp. HCM
1684	10806	Trần Thị Liên	86T	1976	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Văn Lượm	102/1A Tô 2, KP3B, Thạnh Lộc, quận 12
1685	10825	Trần Thị Dung	1933	2004	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Kim Hòa	280/29/20/9 Bùi Hữu Nghĩa, phường 2, quận Bình Thạnh
1686	10827	Dương Thị Dường		1968	Sau chùa Di Lạc	Văn Công Hưng	202/3A Huỳnh Văn Bánh, phường 11, Phú Nhuận
1687	10835	Đinh Thị Lý	1954	1971	Sau chùa Di Lạc	Đinh Thị Kim Mai	C25 Bà Hom, phường 13, quận 6
1688	10838	Thiều Đình Hoài	1963	2004	Sau chùa Di Lạc	Thiều Thị Lý	169/72/154/1 Ngõ Tắt Tổ, phường 22 , quận Bình Thạnh
1689	10841	Lê Văn Công	1896	1977	Sau chùa Di Lạc	Lê Văn Minh Hoàng	241A/1B Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận
1690	10846	Bùi Văn Luông	1932	1999	Sau chùa Di Lạc	Bùi Thị Kim Ngân	718/3/4 Trần Hưng Đạo, phường 2, quận 5
1691	10848	Huỳnh Thị Minh	1917	2000	Sau chùa Di Lạc	Huỳnh Văn Sơn	17/27/25 Mễ Cốc, Phường 15, Quận 8
1692	10850	Liêu Mạch	1931	1977	Sau chùa Di Lạc	Liêu Thị Thanh Tuyền	241A/1A Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận
1693	10858	Nguyễn Văn Chợ	1900	1961	Sau chùa Di Lạc	Văn Tích Lượm	51/18 Trần Xuân Soạn , phường Tân Thuận Tây , quận 7
1694	10862	Trần Văn Tiểu	1898	1968	Sau chùa Di Lạc	Trần Minh Bằng	5/6 Nguyễn Sỹ Sách, phường 15, quận Tân Bình
1695	10865	Mộ Chữ Hoa (Giết Cún Giếng)			Sau chùa Di Lạc	Giết A Phi	297/8 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
1696	10866	Nguyễn Văn De	1942	1968	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Minh Hoàng	Ấp Phú Thuận, Xã Phú Mỹ Hưng, Huyện Củ Chi
1697	10867	Hồ Văn Sừu		68T	Sau chùa Di Lạc	Hồ Hữu Trí	257/6/19 Phan Xích Long, phường 2, quận Phú Nhuận
1698	10869	Lê Văn Tỵ	1921	1968	Sau chùa Di Lạc	Trịnh Kim Tùng	23 Huỳnh Thị Thơm, Tân Định, Tân Thông Hội, Củ Chi
1699	10870	Lê Văn Lân	71T	1968	Sau chùa Di Lạc	Lê Thị Mỹ Hạnh	23A Trương Công Định, phường 14, quận Tân Bình
1700	10874	Đinh Văn Phu	49T	1953	Sau chùa Di Lạc	Đinh Thị Kim Mai	C25 Bà Hom, phường 13, quận 6
1701	10884	Trần Thị Bài	62T	1965	Sau chùa Di Lạc	Lê Minh Triết	5/2 Trần Huy Liệu, phường 11, quận Phú Nhuận
1702	10885	Võ Thành Nhựt	1941	1982	Sau chùa Di Lạc	Võ Thị Kim Hồng	343/17/11/8/3 khu phố 6, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè
1703	10903	Sư Thiên Đức	1957	2003	Sau chùa Di Lạc	Sử Chí Cường	675 Lê Hồng Phong, phường 10, quận 10
1704	10905	Võ Thị Bích Ngọc	1962	1982	Sau chùa Di Lạc	Võ Thị Bích Nga	125/251 Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh
1705	10907	Trần Văn Đàm	1931	1982	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Kiều Minh	157/52/19/9 Mai Xuân Thương, phường 4, quận 6
1706	10913	Trần Văn Tám	1956	1978	Sau chùa Di Lạc	Trần Thị Ba	85/4A Trần Kế Xương, phường 7, quận Phú Nhuận
1707	10925	Trần Thị Cớ	1939	1999	Sau chùa Di Lạc	Lương Thế Sơn	68/116 Nguyễn Văn Trỗi, phường 2, thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng
1708	10928	Ngô Thị Phước	1932	1982	Sau chùa Di Lạc	Phạm Văn Nguyên	200/15 Phan Đăng Lưu, phường 3, quận Phú Nhuận
1709	10930	Đỗ Thị Mộng Vân	1966	1982	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Minh Quang	125/101 Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh
1710	10931	Nguyễn Thị Hào	1930	1982	Sau chùa Di Lạc	Trần Thị Yến	100/62D Phong Phú, phường 12, quận 8

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1711	10932	Nguyễn Thị Ngọc	1957	1982	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Ngọc Ánh	132/10 Nguyễn Duy, phường 14, quận 8
1712	10944	Phan Hung	1901	1982	Sau chùa Di Lạc	Phan Thị Hồng Loan	A30/18 Ấp 1 Bình Hưng, Bình Chánh
1713	10946	Phạm Văn Hoàng	1955	1999	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Hoàng Kim	269/22 Vĩnh Viễn, phường 5, quận 10
1714	10950	Dương Hiền Bé	1933	1982	Sau chùa Di Lạc	Võ Thị Lược	245A/14C Ba Đình, phường 8, quận 8
1715	10954	Nguyễn Đức Toàn	1977	2004	Sau chùa Di Lạc	Ngô Đức Tiến	100A/81 Dương Bá Trạc, Phường Rạch Ông, Quận 8
1716	10959	Phùng Khắc Thành	1953	1982	Sau chùa Di Lạc	Phùng Thị Châm	897/82 Trần Hưng Đạo, phường 1, quận 5
1717	10960	Nguyễn Văn Chách	1910	72T	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thông Thái	184 Ấp Hưng Lợi Đông, xã Long Hưng, Lấp Vò, Đồng Tháp
1718	10969	Nguyễn Văn Trát	1916	1981	Sau chùa Di Lạc	Trần Anh Tuấn	89/1 Phan Tây Hồ, phường 7, quận Phú Nhuận
1719	10974	Lê Văn Vạn	1927	1981	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Văn Siêu	59 Nguyễn Duy , phường 9 ,quận 8
1720	10975	Lư Điền (tự Lao Điền)	1944	2003	Sau chùa Di Lạc	Võ Văn Hải	50/1/10 Nguyễn Quý Yêm, phường An Lạc, quận Bình Tân
1721	10976	Huỳnh Thị Huệ	1940	2002	Sau chùa Di Lạc	Quách Thanh Xuyên	92/131H Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 19, quận Bình Thạnh
1722	10978	Nguyễn Tuyết Mai	1955	1982	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Thùy Linh	134/5 Thống Nhất, phường 16, quận Gò Vấp
1723	10981	Nguyễn Thị Phúc	1921	1981	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Hiền	1/2 phòng 106, nhà K2 tập thể Thành Công, Thành Công, Ba Đình
1724	10982	Mai Văn Hòa	1964	1982	Sau chùa Di Lạc	Mai Văn Hùng	3E Trần Cao Vân, phường 11, quận Phú Nhuận
1725	10983	Nguyễn Văn Phú	1924	1982	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Khánh Hoàng	997/26 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng , quận 7
1726	10986	Phan Văn Chơn	1927		Sau chùa Di Lạc	Phan Công Thanh	Tổ 4, ấp 7, Tân Hiệp, Hóc Quán, Bình Phước
1727	10991	Nguyễn Thị Kim	1936	1999	Sau chùa Di Lạc	Đoàn Đức Thành	76/49 Phan Tây Hồ, phường 7, quận Phú Nhuận
1728	10992	Phạm Anh Thư	1963	1999	Sau chùa Di Lạc	Phạm Dân	373/1/64 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình
1729	10995	Nguyễn Văn Phú	1941	1982	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Lợi	137/4 Lạc Long Quân, phường 9, quận Tân Bình
1730	10998	Nguyễn Thị Xinh	1939	1999	Sau chùa Di Lạc	Lê Thị Kim Hồng	254 Hồng Lạc, phường 11, quận Tân Bình
1731	11008	Mộ Chữ Hoa (Trương Quốc Hùng)			Sau chùa Di Lạc	Trương Huệ Phương	30/14 Minh Phụng, phường 5, quận 6
1732	11010	Võ Nguyễn Sơn	1962	1997	Sau chùa Di Lạc	Tổng Kim Hà	400/16D Tùng Thiện Vương, phường 13, quận 8
1733	11016	Bùi Thị Lê	1936	1997	Sau chùa Di Lạc	Trần Thanh Tâm	28/10 Trần Thị Nghi, Phường 7, Quận Gò Vấp
1734	11020	Mộ Chữ Hoa (Huỳnh Hải)			Sau chùa Di Lạc	Huỳnh Muối	73/4D Văn Thân, phường 8, quận 6
1735	11024	Hoàng Thị Liên	1930	1982	Sau chùa Di Lạc	Huỳnh Thị Loan	702/15 Điện Biên Phủ, phường 10, quận 10
1736	11051	Bùi Thị Tắc	1919	1999	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Xuân Cánh	31/93/17 Đường số 3, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
1737	11058	Lê Thị Kim Anh	1944	1997	Sau chùa Di Lạc	Lê Thanh Sang	54C Phần 5 Cư xá Cửu Long - Ngô Tất Tố, phường 22, quận Bình Thạnh
1738	11059	Lê Tấn Sanh	1937	1983	Sau chùa Di Lạc	Lê Bảo Quốc	69/469I Phan Huy Ích, phường 12, quận Gò Vấp
1739	11060	Mộ Chữ Hoa (Trần Khoai)			Sau chùa Di Lạc	Hà Hà	172/15/5 Trần Phú, phường 9, quận 5
1740	11067	Mộ Chữ Hoa (Trần Chiêu Vinh)			Sau chùa Di Lạc	Trần Thị Yến Phi	40/60/2 Nguyễn Khoái, phường 2, quận 4
1741	11068	Mộ Chữ Hoa (Lư Nhuận)	1925	1989	Sau chùa Di Lạc	Đặng Chí Hào	39/D2,307 C/c H.V.Chính, phường Phú Trung, quận Tân Phú
1742	11069	Chu Quang Hoa (ND: Quách Ái Ngọc)	1921	1997	Sau chùa Di Lạc	Chu Mỹ Vân	81/21/14 Bùi Quang Là, phường 12, quận Gò Vấp
1743	11070	Chu Quang Hoa	1913	1997	Sau chùa Di Lạc	Chu Mỹ Vân	81/21/14 Bùi Quang Là, phường 12, quận Gò Vấp
1744	11074	Nguyễn Văn Phát	1956	1982	Sau chùa Di Lạc	Đặng Xuân Quang	98CT Tam Đảo, phường 15, quận 10
1745	11077	Huỳnh Trang	1928	1982	Sau chùa Di Lạc	Huỳnh Kim Liên	443 Lũy Bán Bích, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1746	11078	Nguyễn Thị Huỳnh Thắm	1984	2001	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Văn Nở	107/100 Ni Sư Huỳnh Liên, phường 10, quận Tân Bình
1747	11082	Nguyễn Thị Bích Trâm	1984	2002	Sau chùa Di Lạc	Bùi Anh Gân	171 Tân Châu, phường 8, quận Tân Bình
1748	11084	Nguyễn Thị Vàng	Tân Dậu	1982	Sau chùa Di Lạc	Đinh Thị Lý	40/18 Trần Quang Diệu, phường 14, quận 3
1749	11087	Mai Quốc Phong	1982	2000	Sau chùa Di Lạc	Mai Văn Tình	43 Tổ 17 Kp3A, phường Thạnh Lộc, quận 12
1750	11090	Nguyễn Văn Triệu	1937	1982	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Ngọc Sương	402/21C An Dương Vương, phường 4, quận 5
1751	11107	Nguyễn Hoàng Hiếu	1957	1997	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Phụng Anh	30/3 Cống Hộc, Rạch Bùng Binh, Phường 10, Quận 3
1752	11108	Mộ Chữ Hoa (Trần Dũ)			Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Văn Hòa	58/66 Âu Cơ, phường 9, quận Tân Bình
1753	11111	Trần Thị Năm	1921	1997	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Văn Hòa	58/66 Âu Cơ, phường 9, quận Tân Bình
1754	11113	Nguyễn Trần Thành Công	1990	1997	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Hữu Tính	159 Võ Văn Tần, phường Võ Thị Sáu, quận 3
1755	11114	Nguyễn Thị Bích Sơn	1961	1997	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Trọng Hiền	189/14 Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú
1756	11121	Huỳnh Thị Kim Xuân	1973	1997	Sau chùa Di Lạc	Huỳnh Phước Nhị	185/6 Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11
1757	11129	Lê Thị Tín	1932	1999	Sau chùa Di Lạc	Phan Tuấn Dũng	364 Lầu 3, Trần Phú, phường 7, quận 5
1758	11169	Phạm Đức Hùng	1956	1997	Sau chùa Di Lạc	Phạm Văn Chiến	580 Nguyễn Chí Thanh, phường 7, quận 11
1759	11175	Hồ Đăng Ôi	1940	2001	Sau chùa Di Lạc	Hồ Đăng Trình	102/29 Đỗ Nhuận, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú
1760	11179	Mộ Chữ Hoa (Trương A Kiu)			Sau chùa Di Lạc	Hồng Quang Lợi	Đa Chất, Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, Hà Nội
1761	11180	Lâm Thị Đeng	1919	1982	Sau chùa Di Lạc	Lê Văn Mười	154 Công Chúa Ngọc Hân, phường 12, quận 11
1762	11187	Phạm Thị Chiêu	1941	1982	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Xuân Trang	170/23 bến Vân Đồn, phường 6, quận 4
1763	11190	Nguyễn Văn Mao	1924	1982	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Cao Phương Anh	324/35/5 Tôn Thất Thuyết, phường 1, quận 4
1764	11196	Trần Văn Thành	1934	1982	Sau chùa Di Lạc	Trần Thị Trang	3/38/8 Thành Thái, phường 14, quận 10
1765	11197	La Khôn	1926	1982	Sau chùa Di Lạc	La Minh Sơn	72A/22A Cô Giang, phường 2, quận Phú Nhuận
1766	11200	Trần Thị Thu	1957	1982	Sau chùa Di Lạc	Trần Văn Kiệt	148C Văn Thân, phường 8, quận 6
1767	11206	Lê Đức Ngừ	1952	1982	Sau chùa Di Lạc	Lê Đức Hà	P42-B3 phường Kim Liên, Hà Nội
1768	11208	Nguyễn Văn Năm (tự Ba Ký)	1935	1982	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Bình	143C Đội Cung, phường 8, quận 11
1769	11214	Hà Huy Hảo	1932	1982	Sau chùa Di Lạc	Hà Thanh Trang	7 Trần Văn Ôn
1770	11215	Lê Thị Thủy	1969	1982	Sau chùa Di Lạc	Lê Thị Minh Châu	86/2/15 Ông Ích Khiêm, phường 14, quận 11
1771	11219	Lưu Thái Hùng	1957	1983	Trần Quốc	Lưu Thái Dũng	Tổ 3, KP Lò Bom, TT Kiên Lương, Kiên Lương, Kiên Giang
1772	11221	Nguyễn Thị Huệ	1976	1997	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Văn Hải	17 Lầu 2 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1
1773	11224	Phạm Quang Thuận	1922	1997	Sau chùa Di Lạc	Phạm Duy Đồng	1A Tân Tiến, phường 8, quận Tân Bình
1774	11227	Lê Thị Hồng Đào	1972	1997	Sau chùa Di Lạc	Trần Tông Dũ	137/54 Cao Xuân Dục, phường 12, quận 8
1775	11240	Nguyễn Thị Chính	1933	1999	Sau chùa Di Lạc	Dương Thị Hồng Mai	332X/7 Võ Văn Kiệt, phường Cầu Ông Lãnh
1776	11244	Đoàn Văn Hồ	1925	1982	Sau chùa Di Lạc	Đoàn Thị Kim Loan	19E/5 Bình Đông, phường 14, quận 8
1777	11246	Lưu Văn Nhung	1923	1999	Sau chùa Di Lạc	Lưu Thị Kim Chi	Thôn 5, Đoàn Kết, Bù Đăng, Bình Phước
1778	11250	Nguyễn Tài Nhon	1947	1997	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Tài Đức	247/91 Hoàng Hoa Thám, phường 5, quận Phú Nhuận
1779	11256	Mộ không tên (Cao Ngọc Trường)	1974	2005	Sau chùa Di Lạc	Cao Thị Thanh Thảo	744/15 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận
1780	11257	Phạm Kim Em (Lại)	82T	1997	Sau chùa Di Lạc	Cao Thị Thanh Thảo	744/15 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1781	11258	Lê Thị Bích	1919	1997	Sau chùa Di Lạc	Lê Trường Hải	346/5 Tổ 9, Ấp 6, Đông Thạnh, Hóc Môn
1782	11259	Châu Thị Tơ	1915	1997	Sau chùa Di Lạc	Châu Thái Thuận	47 Huỳnh Khương An, phường 5, Gò Vấp
1783	11260	Võ Thị Thu Hương	1962	30T	Sau chùa Di Lạc	Võ Anh Hoàng	125/101 Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh
1784	11268	Trần Văn Việt	1966	2001	Sau chùa Di Lạc	Trần Văn Bảy	266/6 Tôn Đản, phường Khánh Hội
1785	11271	Hồ Văn Tâm	1979	2001	Sau chùa Di Lạc	Hồ Thị Hoa	4/55G Trần Khắc Chân, phường Tân Định, quận 1
1786	11275	Tôn Long Quý	1917	1982	Sau chùa Di Lạc	Tôn Thị Kiều Oanh	24/19/8 Trương Phước Phan, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân
1787	11277	Trần Thị Trưng	1935	1999	Sau chùa Di Lạc	Trần Minh Tuấn	146/70/2 Trương Đăng Quốc, phường 3, quận Gò Vấp
1788	11289	Bành Kim Huê	1943	1998	Sau chùa Di Lạc	Bành Hòa Hiệp	327 Lô D c/c Lý Thường Kiệt, phường 7, quận 11
1789	11295	Đặng Văn Tạo	1950	2001	Sau chùa Di Lạc	Đặng Như Thủy	575/18 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, quận 3
1790	11298	Ôn Liêng	1937	2001	Sau chùa Di Lạc	Dương Mỹ Lan	197/11 Hàn Hải Nguyên, phường 2, quận Tân Bình
1791	11302	Lê Văn Sau		1982	Sau chùa Di Lạc	Lê Minh Hiền	Ấp Hòa Thạnh, Đông Thạnh, Gò Công Tây, Tiền Giang
1792	11306	Phan Ngọc Đại	1993	1998	Sau chùa Di Lạc	Phan Ngọc Quân	238/15A Phú Thọ Hòa , phường Phú Thọ Hòa , quận Tân Phú
1793	11315	Huỳnh Thị Út Nhỏ	1958	1998	Sau chùa Di Lạc	Hồ Văn Bắc	96/1/1F Phan Đình Phùng, phường 2, quận Phú Nhuận
1794	11316	Nguyễn Văn Đề	1930	2001	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Phước Lợi	235/36/19/8 Tân Kỳ Tân Quý, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú
1795	11320	Đỗ Thiện Quý	1913	1982	Sau chùa Di Lạc	Đỗ Hoàng Lập	27 Phùng Văn Cung, phường 2, quận Phú Nhuận
1796	11321	Nguyễn Sơn Thánh	1993	1998	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Sơn Long	26/19/60/1 Lâm Hoàn, phường An Lạc, quận Bình Tân
1797	11325	Nguyễn Văn Long	1996	1996	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thành Phương	28A Hiền Vương, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú
1798	11328	Nguyễn Văn Danh (không bia)	1997	1997	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Văn Diêm	A75/6C/29 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình
1799	11331	Nguyễn Văn Rô		1982	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Hai	451/97 Phạm Thế Hiển, phường 3, quận 8
1800	11342	Sâm Sâm Múi	1922	1998	Sau chùa Di Lạc	Chí Sùi Pầu	347/169D Lê Đại Hành, phường 13, quận 11
1801	11356	Nguyễn Thị Xuyến	1924	1998	Sau chùa Di Lạc	Trần Văn Dần	387/7 Phan Văn Trị, phường 2, quận 5
1802	11357	Nguyễn Văn Đức	1931	1997	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Kim Hạnh	334/57/7 Nguyễn Văn Nghi, phường 7, quận Gò Vấp
1803	11359	Nguyễn Lâm	1919	1997	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Văn Đông	536/15/18 Lê Văn Sỹ, phường 11, quận Phú Nhuận
1804	11360	Vương Xương Quý (Mộ Chữ Hoa)	1968	1998	Sau chùa Di Lạc	Vương Diệu	68/41 Xóm Đất, phường 8, quận 11
1805	11361	Nguyễn Ngọc Long	1965	1997	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Ngọc Mai Loan	14B/6 Nguyễn Duy, phường 9, quận 8
1806	11362	Nguyễn Thị Phượng	1982	1997	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Thuận	840/115 Hương Lộ 2, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân
1807	11367	Nguyễn Thị Cho	1935	1997	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Văn Đông	120/86A/24 Thích Quảng Đức, phường 5, Phú Nhuận
1808	11371	Hồ Thị Chín	1927	1998	Sau chùa Di Lạc	Hồ Thị Liên	124 C/c Đoàn Văn Bơ, phường Xóm Chiếu
1809	11373	Nguyễn Văn Tiền	1975	1998	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Văn Tiên	168A Lưu Hữu Phước, phường 15, quận 8
1810	11374	Trần Thị Thanh	1968	1998	Sau chùa Di Lạc	Trần Thị Tuyết	142/13/1 Đường số 14, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
1811	11389	Trịnh Thị Nghĩa	1948	1982	Sau chùa Di Lạc	Trịnh Bá Lợi	80/1 Khu phố Đông Tư, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương
1812	11392	Trần Văn Kiêm	1960	38T	Sau chùa Di Lạc	Ngô Thị Ngọc Ánh	195/32 Phạm Văn Bạch, phường 15, quận Tân Bình
1813	11401	Nguyễn Thị Khá		1982	Sau chùa Di Lạc	Lê Nguyễn Phúc Tài	46 Lương Ngọc Quyến, phường 13, quận 8
1814	11411	Lê Thị Phước	1965	1997	Sau chùa Di Lạc	Lê Thị Thùy Ngân	373/79/29 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình
1815	11414	Nguyễn Văn Thềm	1939	1998	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Văn Vàng	12/1 Ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1816	11415	Nguyễn Văn An	1923	1998	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Chí Tài	65A An Bình, Phường 6, Quận 5
1817	11418	Bùi Thị Ngọc Mai	1957	1998	Sau chùa Di Lạc	Huỳnh Quang Hiếu	161/19 Bùi Hữu Nghĩa, phường 7, quận 5
1818	11435	Đinh Thị Lang	1927	1998	Sau chùa Di Lạc	Trần Phước Cang	125/9 Đường TX33, Kp2, phường Thạnh Xuân, quận 12
1819	11436	Phạm Công Sơn	1971	1998	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Ánh Mai	57 Võ Duy Ninh, phường 22, quận Bình Thạnh
1820	11437	Nguyễn Thị Ngọc	1912	1982	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Mai Trinh	112/18A Lê Văn Duyệt, phường 1, quận Bình Thạnh
1821	11438	Bùi Đức Tiến	1930	1989	Sau chùa Di Lạc	Diệp Thục Hương	B2.09.07 Khu nhà ở cao tầng, phường 11, quận 6
1822	11442	Uống Tâm	1957	2001	Sau chùa Di Lạc	Uống Thị Mộng Thu	179/B4 L4, Nguyễn Tri Phương, phường 8, quận 5
1823	11447	Nguyễn Văn Học	1909	1982	Sau chùa Di Lạc	Phan Thị Kim Hương	177/11 Bình Thới, phường 9, quận 11
1824	11449	Hồ Văn Công	1927	1997	Sau chùa Di Lạc	Phạm Huy Thành	44 Thích Quảng Đức, phường 5, quận Phú Nhuận
1825	11450	Nguyễn Thị Sương (Tự Nguyễn Thị Năm)		1997	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Hữu Nhị	169/72/36 Ngô Tất Tố, phường 22, quận Bình Thạnh
1826	11451	Huỳnh Giàu	1935	1982	Sau chùa Di Lạc	Huỳnh Công Hậu	49/1B Âu Cơ, Phường 4, Quận 11
1827	11453	Nguyễn Văn Thông	1977	2003	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Văn Nghi	F2/1L Ấp 6 Vĩnh Lộc A , huyện Bình Chánh
1828	11455	Trần Thị Tốt	1926	2004	Sau chùa Di Lạc	Uống Thị Mộng Thu	179/B4 L4 Nguyễn Tri Phương, phường 8, quận 5 (Phường An Đông, Thành phố Hồ Chí Minh)
1829	11457	Huỳnh Thị Cúc	1906	1982	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Văn Hoàng	51 Chiến Thắng, phường 9, quận Phú Nhuận
1830	11465	Phạm Văn Tường	1929	2005	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Văn Tài	116/63F Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10
1831	11469	Đỗ Thành Sơn	1939	1998	Sau chùa Di Lạc	Đỗ Thanh Thuý	33/10 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3
1832	11471	Võ Thị Minh Nguyệt	1955	1998	Sau chùa Di Lạc	Trần Phúc Huỳnh	8/6 Đường số 14 C/xá Chu Văn An, phường 26, quận Bình Thạnh
1833	11486	Mộ Chữ Hoa (Hà Văn Hiến)		1998	Sau chùa Di Lạc	Hà Ninh Ngọc	189/4 Bến Hàm Tử, phường 1, quận 5
1834	11492	Mộ Chữ Hoa (Huỳnh Thị Muối)			Sau chùa Di Lạc	Trần Kim Ngọc	679/9 Vĩnh Viễn, phường 7, quận 11
1835	11495	Nguyễn Lâm Điền	1980	1998	Sau chùa Di Lạc	Võ Minh Phương	358/16/12 Cách Mạng Tháng 8, phường 10, quận 3
1836	11497	Võ Văn Vinh	1980	1998	Sau chùa Di Lạc	Đặng Thị Lệ Hoa	109/26F3 Bến Vân Đồn, phường 9, quận 4
1837	11503	Vô Danh không bia			Sau chùa Di Lạc	Phan Văn Sơn	68/67A Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1
1838	11504	Mai Cúc	1938	1998	Sau chùa Di Lạc	Mai Lê Long	5/32/26 Võ Duy Ninh, phường 22, quận Bình Thạnh
1839	11509	Lưu Thị Án	1917	2001	Sau chùa Di Lạc	Khuru Chí Vĩ	86/33/11 Đường 100 Bình Phước, phường 14, quận 11
1840	11512	Lê Viết Huy (Tức Hùng)	1966	1982	Sau chùa Di Lạc	Lê Viết Đạt	69/3 Hồ Thị Kỳ, phường 1, quận 10
1841	11525	Nguyễn Phi Hùng	1957	1998	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Anh Tuấn	10/6 Lê Quang Kim, phường 9, quận 8
1842	11536	Ninh Văn Chúc	1931	1998	Sau chùa Di Lạc	Đào Văn Hòa	129 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình
1843	11542	Ngô Thị Hây	1948	1998	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Văn Tốt	416/29 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3
1844	11544	Mộ Chữ Hoa (Võ Văn Toàn)			Sau chùa Di Lạc	Võ Cảnh Vây	300/26 Nguyễn Thái Sơn, phường 4, quận Gò Vấp
1845	11547	Hà Văn Tiến	1932	1998	Sau chùa Di Lạc	Hà Minh Ngọc	189/4 Hàm Tử, phường Chợ Quán
1846	11549	Mộ Chữ Hoa (Lý Mãnh Kim)			Sau chùa Di Lạc	Lý Hữu Kim	1/5 Thái Phiên, phường 16, quận 11
1847	11550	Tạ Thu	1926	1998	Sau chùa Di Lạc	Tạ Thị Hồng	24/9/7 Đường số 16, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
1848	11557	Nguyễn Thị Dư	1950	2001	Sau chùa Di Lạc	Trần Mỹ Hùng	16/18 Lý Nam Đế , phường 7 , quận 11
1849	11559	Nguyễn Công Khanh	1959	2001	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Kim Oanh	60/69 Lý Chính Thắng, phường Võ Thị Sáu, quận 3
1850	11572	Mộ Chữ Hoa (Lý Chiến Hùng)	1990	1998	Sau chùa Di Lạc	Lý Trung Nam	50/1 Phùng Tá Chu, phường An Lạc A, quận Bình Tân

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1851	11573	Lai Tô Hà	1943	1998	Sau chùa Di Lạc	Đoàn Thiện Phát	247/33/41 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
1852	11580	Lương Thành		1998	Sau chùa Di Lạc	Trần Minh Kiệt	157/8/26 Hàn Hải Nguyên, phường 2, quận 11
1853	11582	Lê Thị Hiền (Bùi Thị Chúc)	1933	1998	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Văn Út	106H/64 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
1854	11585	Hồ Văn Thọ	1927	1998	Sau chùa Di Lạc	Hồ Quốc Trung	30,1,05 Lô A, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú
1855	11586	Nguyễn Thị Sói	1933	2001	Sau chùa Di Lạc	Hồ Quốc Trung	30.1.05 Khu A, Dương Đức Hiền, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú
1856	11587	Võ Thị Hải	1905	1998	Sau chùa Di Lạc	Ngô Thị Bê	31/12B Phan Huy Chú, phường 10, quận 5
1857	11594	Nguyễn Văn Thành	1948	1997	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	424/54/12 Lê Hồng Phong, Khu 4, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương
1858	11600	Huỳnh Tấn Liên	1937	1982	Sau chùa Di Lạc	Huỳnh Tấn Công	108/98 Thích Quảng Đức, phường 5, quận Phú Nhuận
1859	11615	Lê Văn Hữu	1961	1982	Sau chùa Di Lạc	Cao Đắc Dũng	638/4 Lê Hồng Phong, Phường 10, Quận 10
1860	11617	Nguyễn Đức Dũng	1956	1982	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Đức Vũ	253/7 Lưu Hữu Phước, phường 15, quận 8
1861	11621	Nguyễn Văn Sáng	1973	2005	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Mai	005 Lô C chung cư Lê Hồng Phong, phường 1, quận 10
1862	11623	Lê Thị Đình	1931	1998	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Công Danh	B46/7 Nguyễn Thần Hiến, phường 18, quận 4
1863	11624	Trần Thị Chúc (Tự Hai Thị)	1920	1998	Sau chùa Di Lạc	Võ Văn Hiến	KP11, phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức
1864	11631	Nguyễn Ngọc Thạch	1949	1997	Sau chùa Di Lạc	Lê Thị Thu Cúc	Nhà không số cạnh số 336/129/12A Phan Văn Trị, Phường Bình Lợi Trung
1865	11638	Lương Thị Lê	1920	1997	Sau chùa Di Lạc	Trần Thị Nở	121/29A Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
1866	11644	Mai Văn Lơn	1948	1997	Sau chùa Di Lạc	Mai Thị Kim Hương	178/3 Liên Tỉnh 5, phường 6, quận 8
1867	11649	Lê Ngọc Thanh	1927	1975	Sau chùa Di Lạc	Trương Hữu Hạnh	12/14/13 Hoàng Hoa Thám, phường 7, quận Bình Thạnh
1868	11650	Dư Thị Quyên	65T	1975	Sau chùa Di Lạc	Kiên Kim Thuận	110/820A Nguyễn Kiệm, phường Hạnh Thông
1869	11652	Trịnh Thị Hiền	1924	2000	Sau chùa Di Lạc	Trần Văn Phụng	27/11 Nguyễn Văn Cừ, phường 1, quận 5
1870	11663	Trần Văn Bưởi	1929	1997	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Hiếu	R23 C/x Vĩnh Hội, phường 8, quận 4
1871	11664	Trịnh Đình Tài	1922	1997	Sau chùa Di Lạc	Trịnh Quang Vinh	749/39/4 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Thuận, Quận 7
1872	11667	Phạm Văn Dương	1969	1997	Sau chùa Di Lạc	Huỳnh Thị Lan	99/15/22 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận Phú Nhuận
1873	11676	Trần Thị Thọ	1912	1997	Sau chùa Di Lạc	Trần Minh Trí	41/6 Nguyễn Bình Khiêm, phường Tân Định
1874	11677	Đặng Hải Vân	1961	1982	Sau chùa Di Lạc	Đặng Thị Bạch Tuyết	10C KP1, Quang Vinh, Biên Hòa, Đồng Nai
1875	11679	Trần Thị Cảnh	1916	1999	Sau chùa Di Lạc	Trần Thị Ba	85/4A Trần Kế Xương, phường 7, quận Phú Nhuận
1876	11682	Huỳnh Thị Huệ	1972	1997	Sau chùa Di Lạc	Huỳnh Bá Rạn	337/3 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11
1877	11683	Bùi Văn Sơn	1955	1982	Sau chùa Di Lạc	Bùi Tấn Kiệt	102/17/1R Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10
1878	11686	Trần Thanh Vũ	1972	1998	Sau chùa Di Lạc	Trần Kim Loan	343 Hồng Bàng, phường 11, quận 5
1879	11687	Cù Thị Hòa	1957	1999	Sau chùa Di Lạc	Lê Phan Thanh Hải	C/c 47-57 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1
1880	11690	Nguyễn Thị Huệ	1924	2001	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Minh Đức	9/9 Đường 36, khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức
1881	11701	Vô Danh (Bia không đọc được)			Sau chùa Di Lạc	Trần Anh Vũ	48/6 Đồng Đen, phường 14, quận Tân Bình
1882	11704	Trần Thị Kim Duyên	1957	1986	Sau chùa Di Lạc	Trần Minh Bằng	5/6 Nguyễn Sỹ Sách, phường 15, quận Tân Bình
1883	11711	Hoàng Văn Bỏ	1998	1998	Sau chùa Di Lạc	Hoàng Đình Vinh	50/34/4 Lê Văn Duyệt, Phường 1, Quận Bình Thạnh
1884	11715	Nguyễn Phan Không Tên	1997	1997	Sau chùa Di Lạc	Mai Thị Thanh Huyền	22/59 Đường số 21, phường 8, quận Gò Vấp
1885	11717	Nguyễn Thị Nguyệt	1926	1999	Sau chùa Di Lạc	Trần Đình Huy	148/12/1/2 Tôn Đản, phường 8, quận 4

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1886	11721	Nguyễn Thành Khang	1984	1986	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Đăng An	178/75/1 Hậu Giang, phường 6, quận 6
1887	11739	Nguyễn Tấn Trường Chiến	1986	1986	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Tấn Trường Nhân	52/44 Nguyễn Sỹ Sách, phường 15, quận Tân Bình
1888	11740	Nguyễn Thị Kim Hằng	1981	1986	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Kim Loan	363/21/24 Đất Mới, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân
1889	11744	Võ Thị Diên Châu	1985	1986	Sau chùa Di Lạc	Võ Thanh Long	197/18 CMT8, phường 4, quận 3
1890	11767	Lê Trần Tấn Trung	1986	1987	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Thanh Thúy	10 Đường 80, phường 10, quận 6
1891	11784	Trần Văn Ngọc	1987	1987	Sau chùa Di Lạc	Phạm Thị Tuyết Anh	9/47 Chu Đồng Tử, phường 7, quận Tân Bình
1892	11789	Trương Thanh Lâm	1990	1990	Sau chùa Di Lạc	Phan Thị Huệ	302 Lô C chung cư 43 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận
1893	11794	Đỗ Như Đục	1983	1983	Sau chùa Di Lạc	Đỗ Lý Nhân	520/45 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10
1894	11797	Nguyễn Thị Thanh Hằng		1997	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Biêt	42/6/3 đường 35, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức
1895	11809	Nguyễn Thị Đường	1941	1999	Sau chùa Di Lạc	Đỗ Thị Thu Lan	54 đường số 2, phường 3, quận Gò Vấp
1896	11813	Nguyễn Thị Kế	1918	1999	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Văn Dũng	44 Nguyễn Xuân Phụng, phường 12, quận 6
1897	11833	Mộ Chữ Hoa (Diệp Hạnh Kim)	1931	2001	Sau chùa Di Lạc	Lý Cường	79/5 đường 100 Bình Thới, phường 14, quận 11
1898	11838	Nguyễn Đình Kha	1937	1996	Sau chùa Di Lạc	Đào Minh Quân	80/28/37 Dương Quảng Hàm, phường 5, quận Gò Vấp
1899	11839	Trần Thị Quý	1923	1995	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Thu Xuân	7 Đường 21, KP2 Bình Chiểu, Tp Thủ Đức
1900	11845	Lâm Thị Khía	1934	1999	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Giàu	2/24B Lê Đức Thọ, phường 15, quận Gò Vấp
1901	11848	Mộ chữ Hoa (Thái Mai)			Sau chùa Di Lạc	Tô Mỹ Nhi	48F/5 Hoàng Sĩ Khải, phường 14, quận 8
1902	11850	Đặng Hoạt	1926	1999	Sau chùa Di Lạc	Đặng Lâm Sơn	44 Đường số 6, phường Vĩnh Hội
1903	11858	Phạm Văn Trọng	1934	1994	Sau chùa Di Lạc	Phạm Hồng Tiên	65/4/4 Đường số 2, phường 16, quận Gò Vấp
1904	11860	Nguyễn Thị Quýt (Tự Kim Hoàng)	1918	1990	Sau chùa Di Lạc	Lý Thị Mỹ Linh	31/8 Trần Nhân Tôn, phường 9, quận 5
1905	11861	Nguyễn Văn Lâm	1937	1991	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Ngọc Giang	86/3 Mai Văn Ngọc, Phường 10, Quận Phú Nhuận
1906	11863	Trần Văn Cảnh	1963	1991	Sau chùa Di Lạc	Trần Kim Loan	343 Hồng Bàng, phường 11, quận 5
1907	11865	Nguyễn Thị Phương	1956	1994	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Hường	TK21/5 Nguyễn Cảnh Chân, phường Cầu Kho, quận 1
1908	11866	Trần Thanh (Bia mộ ghi: Trần Thái Sen)	1911	1998	Sau chùa Di Lạc	Trần Hy	103K2/18 Bình Đông, phường 14, quận 8
1909	11876	Nguyễn Văn Thông	1951	1977	Sau chùa Di Lạc	Vũ Thị Nghĩa	79/68B Trần Văn Đang, Phường 9, Quận 3
1910	11881	Lê Huỳnh Phương	1995	1995	Sau chùa Di Lạc	Lương Ngọc Huỳnh Nguyên	18T Lạc Long Quân, phường 5, quận 11
1911	11885	Trần Duy Phương	1998	2001	Sau chùa Di Lạc	Trần Phương Duy	B2 Lương Ngọc Quyến, phường 5, quận Gò Vấp
1912	11886	Phạm Văn Thôi	1925	2001	Sau chùa Di Lạc	Phạm Văn Quán	250D Tân Kỳ Tân Quý, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú
1913	11889	Nguyễn Thị Ánh	1957	1995	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Trường Lâm	185/11 Nguyễn Thái Sơn, phường 4, quận Gò Vấp
1914	11890	Mai Ngọc Thùy	1967	1996	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Trường Lâm	185/11 Nguyễn Thái Sơn, phường 4, quận Gò Vấp
1915	11893	Nguyễn Trường Bửu	1916	1996	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Trường Lâm	185/11 Nguyễn Thái Sơn, phường 4, quận Gò Vấp
1916	11898	Võ Thị Kỵ	1925	2006	Sau chùa Di Lạc	Phạm Văn Quán	250D Tân Kỳ Tân Quý, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú
1917	11907	Mai Thị Nhanh	1922	1999	Sau chùa Di Lạc	Trần Văn Đước	368/59A Tôn Đản, phường 4, quận 4
1918	11916	Lê Thị Vẽ	1920	2001	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Nguyên	68/12 Tổ 1A KP1, phường Hiệp Thành, quận 12
1919	11932	Phan Đắc Ngôi	1944	1994	Sau chùa Di Lạc	Phan Đắc Uy	Thạnh Lợi, An Thanh, Thuận An. Bình Dương
1920	11940	Đoàn Thị Bích		1999	Sau chùa Di Lạc	Đoàn Thị Thuận	487/47/39/2 Võ Thị Nhò, quận 7

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1921	11945	Trần Thị Phụng	1958	1990	Sau chùa Di Lạc	Trần Văn Hoàng	165/15/27 Phạm Văn Hai, phường 5, Tân Bình
1922	11950	Nguyễn Đăng ZDoanh	1933	1985	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thanh Tuyền	493A/70 Cách Mạng Tháng Tám, phường 13, quận 10
1923	11951	Trần Ngự	1920	1985	Sau chùa Di Lạc	Trần Công Thành	79/14A Trần Văn Đang, phường 9, quận 3
1924	11955	Mai Văn Đạo	1922	1991	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Văn Lộc	20/72 Cô Bắc, phường 1, quận Phú Nhuận
1925	11960	Trần Xuân	1937	1994	Sau chùa Di Lạc	Trần Đình Anh	S1/15 C/Xã Phú Lâm A, Phường 12, Quận 6
1926	11961	Trần Thành Hải	1971	2001	Sau chùa Di Lạc	Trần Thị Út	72/309 Trương Quyền, phường Võ Thị Sáu, quận 3
1927	11969	Dương Thị Nhàn	1923	1995	Sau chùa Di Lạc	Dương Văn Hoàng	874/44/1 Đoàn Văn Bơ, phường 16, quận 4
1928	11970	Dương Văn Lập	1918	1994	Sau chùa Di Lạc	Dương Văn Hoàng	874/44/1 Đoàn Văn Bơ, phường 16, quận 4
1929	11973	Lê Anh Tuấn	1968	2001	Sau chùa Di Lạc	Lê Hoàng Anh	Ấp Hiệp Dư, xã Nguyễn Huân, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau
1930	11975	Mộ Chữ Hoa (Tất Há)	1955	2001	Sau chùa Di Lạc	Tất Việt Cường	80 Bình Tiên, phường 3, quận 6
1931	11977	Nguyễn Thị Năm	1930	2001	Sau chùa Di Lạc	Đặng Nhật Phát	346 Nguyễn Nhữ Lâm, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
1932	11979	Nguyễn Kim Phong	1944	2000	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Kim Phụng	267/39 Đoàn Văn Bơ, phường 13, quận 4
1933	11992	Nguyễn Văn Sơn	1947	2001	Sau chùa Di Lạc	Vương Ngọc Lâm	398/1C Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3
1934	11998	Nguyễn Toàn	1964	2001	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Bích Thủy	312/11 Tôn Đản, Phường 4, Quận 4
1935	11999	Lê Thị Bạch Nga	1969	2001	Sau chùa Di Lạc	Giang Thị Minh Phương	174/36 Lê Văn Lương, phường Tân Hưng, quận 7
1936	12007	Nguyễn Văn Chấn (Bia mộ ghi: Nguyễn Chấn)	1919	1992	Sau chùa Di Lạc	Hồ Thị Sa	333/7 Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình
1937	12017	Nguyễn Văn Thuận	1950	1982	Sau chùa Di Lạc	Nguyễn Thị Ngà	254/32 Nguyễn Văn Luông, phường 11, quận 6
1938	12065	Hồ Quốc Ký	1975	2003	Sau Chùa Di Lạc	Hồ Bảo Châu	350/7E Tùng Thiện Vương, phường 13, quận 8
1939	12066	Vũ Văn Điền	1913	1998	Sau Chùa Di Lạc	Nguyễn Văn Kiều	Ấp An Nhơn 2, Đa Phước Hội, Mỏ Cây Nam, Bến Tre
1940	12067	Đỗ Thị Thoa (Tự: Nguyễn Thị Mận)	1907	2001	Sau Chùa Di Lạc	Đồng Thị Hiếu	50/17A Phùng Văn Cung, phường 7, quận Phú Nhuận
1941	12068	Nguyễn Thị Xiêu	1925	1995	Sau chùa Di Lạc	Trần Thị Thanh Thủy	76/9G Phan Tây Hồ, phường 7, quận Phú Nhuận
1942	12069	Phạm Văn Ngẫu	1922	1994	Sau chùa Di Lạc	Trần Thị Thanh Thủy	76/9G Phan Tây Hồ, phường 7, quận Phú Nhuận
1943	12091	Vô danh bia mờ, không rõ tên			Sau chùa Di Lạc		
1944	12166	Lê Thị Hạnh	1953	1999	Trần Quốc	Bùi Thị Thúy Vân	220/125 Lê Văn Sỹ, phường 14, quận 3
1945	12167	Cao Đắc Cường	1965	1972	Trần Quốc	Cao Thị Bích Tuyền	357/2/47 Tân Hòa Đông, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân
1946	12168	Cao Thị Vượng	1905	1995	Trần Quốc	Ngô Văn Khải	92/41/5B Tôn Thất Thuyết, quận 4
1947	12191	Đào Nguyên Thành Long	1984	1984	Trần Quốc	Đào Quang Ngọc	206/8 Đường Số 8, phường Bình Hưng Hòa, Bình Tân
1948	12201	Trần Thị Ngọc Mai	1982	1984	Trần Quốc	Phạm Thị Vân	125/9 Phạm Văn Chí, phường 3, quận 6
1949	12204	Lê Đức Phước	1983	1984	Trần Quốc	Lê Phạm Hồng Tuấn	389/52 Hoàng Văn Thụ, phường 2, quận Tân Bình
1950	12206	Đinh Ngọc Bảo	1982	1984	Trần Quốc	Đinh Văn Phước	17 Lầu 1 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1
1951	12212	Trương Trung Tiến	1982	1984	Trần Quốc	Bùi Ngọc Lệ	87/21/22 Đường số 4 Cư Xá Đô Thành, phường 4, quận 3
1952	12235	Phạm Thị Hoàng Yến	1982	1984	Trần Quốc	Phạm Thị Ngọc Diệp	62/113/8 Lý Chính Thắng, phường 8, quận 3
1953	12243	Nguyễn Văn Hoàng	1983	1984	Trần Quốc	Nguyễn Văn Hùng	Tk 8/9 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1
1954	12248	Cù Phạm Kim Yến			Trần Quốc	Phạm Thị Kim Phụng	67/3 Trần Kế Xương, Phường 7, Quận Phú Nhuận
1955	12255	Nguyễn Thanh Long	1985	1985	Trần Quốc	Nguyễn Ngọc Chiến	219/53 Đất Thánh, phường 6, quận Tân Bình

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1956	12266	Nguyễn Văn Hồ			Trần Quốc	Lê Minh Thiện	223/7 Vĩnh Viễn, phường 4, quận 10
1957	12273	Hà Ngọc Minh	1984		Trần Quốc	Nguyễn Thị Xuân Thu	223/7 Nguyễn Văn Công, phường 3, quận Gò Vấp
1958	12278	Vạn Chí Hùng		1983	Trần Quốc	Vạn Thanh Hoa	299/4 Minh Phụng, phường Minh Phụng, Tp. HCM
1959	12288	Trần Thành Đại	1982	1984	Trần Quốc	Trần Nhớ Hải	SS8 Hồng Lĩnh, cư xá Bắc Hải, phường 15, quận 10
1960	12302	Lê Thị Diệu	1984	1985	Trần Quốc	Nguyễn Thị Mươi	7.03 chung cư H3 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4
1961	12314	Nguyễn Thị Thanh	1965	2002	Trần Quốc	Nguyễn Văn Nhỏ	433 Nguyễn Duy, phường 10, quận 8
1962	12315	Lê Thị Thanh	1911	2002	Trần Quốc	Lê Ngọc Anh	158/20A Nguyễn Văn Đậu, phường 7, Bình Thạnh
1963	12324	Trần Quốc Cường	1983	1983	Trần Quốc	Trần Lê Thị Ngọc Thảo	211B/8 Ba Đình, phường 8, quận 8
1964	12354	Trần Bảo Long	1983	1985	Trần Quốc	Trần Bảo Ngọc	118/18 Lê Đại Hành, phường 7, quận 11
1965	12360	Nguyễn Thị Như Hạnh	1980	1983	Trần Quốc	Ngô Thị Hiền	79/104 Trần Văn Đang, phường 9, quận 3
1966	12367	Lê Thị Thanh Mai	1982	1983	Trần Quốc	Vũ Thị Nụ	278/24 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10
1967	12398	Đào Hồng Yến	1983	1983	Trần Quốc	Nguyễn Thị Hồng Loan	108/51A Trần Quang Diệu, phường 14, quận 3
1968	12402	Nguyễn Quốc Chính	1983	1983	Trần Quốc	Nguyễn Thị Út	120/34 Trường Chinh, phường 12, quận Tân Bình
1969	12403	Hồng Vĩnh Phú	1980	2002	Trần Quốc	Tôn Nữ	2/1/3 Thoại Ngọc Hầu, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú
1970	12413	Nguyễn Văn Dũng	1980	1985	Trần Quốc	Nguyễn Văn Sơn	585/24/6 Nguyễn Thị Thập, phường Tân Quy, quận 7
1971	12416	Quách Kim Anh	1982	1985	Trần Quốc	Quách Kim Bảo	48/1 Đinh Hòa, phường 13, quận 8
1972	12419	Hồ Quang Tường	1985	1985	Trần Quốc	Hồ Quang Vinh	97 Nguyễn Thái Bình, phường 4, quận Tân Bình
1973	12421	Đỗ Văn Hải	1983	1985	Trần Quốc	Nguyễn Thị Lang	Ấp 2, xã Hậu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
1974	12428	Trần Thị Ngọc Hương	1980	1983	Trần Quốc	Trần Văn Hòa	Ấp 1, Đình Hiệp, Dầu Tiếng, Bình Dương
1975	12429	Đỗ Thị Minh	1983	1983	Trần Quốc	Đỗ Quốc Thái	395/9 Lê Quang Định, phường 5, quận Tân Bình
1976	12430	Đỗ Thị Sinh	1983	1983	Trần Quốc	Đỗ Quốc Thái	395/9 Lê Quang Định, phường 5, quận Tân Bình
1977	12440	Lưu Quang Dũng	1982	1983	Trần Quốc	Nguyễn Thị Hồng	136/9 Trần Quang Diệu, phường 14, quận 3
1978	12441	Dương Minh Đức	1981	2002	Trần Quốc	Dương Minh Nhật	125/138 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh
1979	12445	Vô danh không bia (Phạm Nhựt Thanh)	1982	1983	Trần Quốc	Đặng Hữu Lợi	72/6M đường Tân Mỹ, phường Tân Thuận Tây, quận 7
1980	12448	Đỗ Tiến Cảnh	1980	1983	Trần Quốc	Đỗ Tiến Khánh	KDC 2, Tập An Nam, Phổ Văn, Đức Phổ, Quảng Ngãi
1981	12478	Nguyễn Khánh Bảo Ngọc	1985	1985	Trần Quốc	Nguyễn Khánh Minh Hoàng	198/27 phường Bình Hưng Hòa A , quận Bình Tân
1982	12479	Phạm Ngọc Duyên	1983	1985	Trần Quốc	Phạm Thị Muôn	82/4/16 Bình Quới, phường 27, quận Bình Thạnh
1983	12484	Nguyễn Anh Kiệt	1979	1985	Trần Quốc	Hứa Thị Huyền Trân	28 Dân Tộc, phường Tân Thành, Tân Phú
1984	12501	Đặng Hòa Phương	1982	1983	Trần Quốc	Đặng Hữu Lợi	72/6M đường Tân Mỹ, phường Tân Thuận Tây, quận 7
1985	12511	Diệp Hồng Mãng			Trần Quốc	Huỳnh Mỹ Liên	1378/43 Võ Văn Kiệt, phường 1, quận 6
1986	12516	Nguyễn Thị Dư	1925		Trần Quốc	Nguyễn Công Hoàng	308 Nguyễn Duy , phường 9 , quận 8
1987	12527	Hoàng Thị Phương Liên	1984	1984	Trần Quốc	Nguyễn Thị Cúc	112A Trần Quang Diệu, phường 14, quận 3
1988	12530	Trần Độ	1981	1983	Trần Quốc	Nguyễn Thị Thúy	15 đường số 1 (khu dân cư Bắc Lương Bèo), khu phố 3, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân
1989	12536	Lê Thị Ân	1931	2002	Trần Quốc	Nguyễn Đức Dũng	76/91 Lý Nam Đế, phường 7, quận 11
1990	12540	Thân Đức Thế	1983	1984	Trần Quốc	Thân Thị Lâm Hồng	262/15 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
1991	12575	Nguyễn Phúc Khánh	1983	1984	Trần Quốc	Trần Thị Thu	523 Cao ốc Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10
1992	12576	Quách Dũ Thắng	1983	1984	Trần Quốc	Quách Thị Mỹ Hoa	77/2 Lê Hoàng Phái, phường 17, quận Gò Vấp
1993	12584	Vô danh không bia			Trần Quốc	Tổng Thị Minh Trung	129/4B Tân Thới 2, Tân Hiệp , Hóc Môn
1994	12585	Vũ Kim Dung	1984	1984	Trần Quốc	Vũ Đình Thủy	54/3D Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình
1995	12595	Nguyễn Nam Thắng	1984	1984	Trần Quốc	Nguyễn Thị Hoà	90/23 Tô 3, KP3, Tân Tiến, Thành phố Biên Hoà, Đồng Nai
1996	12596	Nguyễn Văn Hay	1956	2001	Trần Quốc	Đoàn Thị Kim Tùng	119/13A Phó Cơ Điều, Phường 4, Quận 11
1997	12613	Hồ Đăng Khoa	1982	1984	Trần Quốc	Hồ Đăng Trinh	102/29 Đỗ Nhuận, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú
1998	12622	Nguyễn Hữu Chánh Trung	1983	1984	Trần Quốc	Nguyễn Thị Phụng Chi	50B Ao Đồi, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân
1999	12627	Đặng Thị Mỹ	1961	2000	Trần Quốc	Võ Chí Hiền	158/19 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 3, quận 5
2000	12628	Trần Thị Thanh	1911	2000	Trần Quốc	Đào Tố Phụng	Số 5 Kp2, Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh
2001	12629	Lê Thị Chúc	1944	2000	Trần Quốc	Lý Quý Linh	435Bis Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình
2002	12632	Phan Văn Bi	1926	2000	Trần Quốc	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	215 khu phố 8, Nguyễn Văn Tuôi, Bến Lức, Long An
2003	12633	Nguyễn Minh Vũ	1982	2004	Trần Quốc	Lại Thị Hồng Yến	32A đường Số 24A, Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2004	12644	Trần Quốc Nghĩa	1983	1984	Trần Quốc	Trần Nguyễn Ngọc Ngân	436/59/63A Cách Mạng Tháng Tám, phường 11, quận 3
2005	12648	Nguyễn Hồng Phúc	1981	1984	Trần Quốc	Nguyễn Thị Như Hoa	187 Nguyễn Văn Cừ , phường 12 ,quận 5
2006	12656	Võ Tuấn Hùng	1981	1984	Trần Quốc	Võ Thu Trang	392/9 Ung Văn Khiêm, phường 25, Quận 10
2007	12671	Phạm Văn Hiếu	1970	2003	Trần Quốc	Phạm Lê Tiểu Phụng	67/34 Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, quận 7
2008	12674	Nguyễn Thị Câu	1928	2003	Trần Quốc	Nguyễn Ngọc Lâm	35/11/4/17E Cao Lỗ, phường 4, quận 8
2009	12689	Diệp Nguyễn Như Quỳnh	1996	1998	Trần Quốc	Nguyễn Thị Bích Ngọc	154 Nguyễn Thượng Hiền, phường 5, quận Phú Nhuận
2010	12695	Nguyễn Văn Sanh	1960	1983	Trần Quốc	Nguyễn Thị Xinh	396/241A Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4
2011	12702	Phan Thị Thanh	1938	2001	Trần Quốc	Võ Minh Thế Phương	95 đường số 26, phường 10, quận 6
2012	12704	Mộ chữ hoa (Huỳnh Đại)	1907	1983	Trần Quốc	Vương Văn Phu	68/41 Xóm Đất, phường 8, quận 11
2013	12710	Thạch Thị Hên	1913	1983	Trần Quốc	Trần Quốc Dũng	37I đường Lộ Tê, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân
2014	12713	Nguyễn Thị Mán	1908	1983	Trần Quốc	Nguyễn Duy Phúc	52 Liên Khu 5-11-12, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân
2015	12718	Phùng Thị Kim Loan	1980	2000	Trần Quốc	Phùng Thị Kim Phụng	477/15 Kp3 Tân Hưng, quận 7
2016	12734	Giảng Thị Quyên Ngân	1975	1997	Trần Quốc	Tô Yến Nga	372/31 Tùng Thiện Vương, phường 13, quận 8
2017	12756	Lê Thị Cúc	1931	1983	Trần Quốc	Nguyễn Thị Lài	158/7G Hòa Hưng, phường 13, quận 10
2018	12766	Phạm Thị Tuyết	1927	1998	Trần Quốc	Đặng Bạch Mai	166/5/3A Lý Thái Tổ, phường 1, quận 3
2019	12771	Đoàn Văn Sâm	67T	1968	Trần Quốc	Đoàn Thị Út	69/2 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 21, quận Bình Thạnh
2020	12772	Nguyễn Văn Lượm	1959	1997	Trần Quốc	Vương Tín Mỹ Châu	201 Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11
2021	12778	Trần Quốc Bửu	86T	1998	Trần Quốc	Lê Trinh Cát	211/15 Hoàng Văn Thụ, phường 8, Phú Nhuận
2022	12783	Nguyễn Văn Tầm	1908	1967	Trần Quốc	Hoàng Đức Tân	174/81/18 Nguyễn Thiện Thuật, phường 3, quận 3
2023	12792	Phạm Thị Nga	1933	1997	Trần Quốc	Đặng Hữu Hạnh	149/59 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú
2024	12795	Võ Thị Siển	1922	1996	Trần Quốc	Võ Thị Ba	38/30 Nhiều Tâm, phường 5, quận 5
2025	12802	Lê Xuân Ruăn	1918	1977	Trần Quốc	Lê Thị Mai	457/24 Diên Biên Phú, phường 3, quận 3

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2026	12817	Nguyễn Thị Ngọc	1940	1996	Trần Quốc	Nguyễn Thị Thu	416/7/4 Nguyễn Thái Sơn, phường 5, quận Gò Vấp
2027	12835	Phạm Văn Nam	1915	1968	Trần Quốc	Phạm Thị Hường	119B/68/44 Nguyễn Thị Tân, Phường 2, Quận 8
2028	12841	Đào Việt Hùng	1956	1999	Trần Quốc	Nguyễn Thị Mỹ	156/90 Phú Thọ Hòa, Phú Thọ Hòa, Tân Phú
2029	12845	Nguyễn Văn Hy	1905	1984	Trần Quốc	Đoàn Thị Thanh Nga	316 Lô E C/c Ân Quang, phường 9, quận 10
2030	12856	Hà Thị Trà (tự Đặng Thị Hải)	87T	1968	Trần Quốc	Lê Văn Đức	C24 Xóm Chiếu, phường 13, quận 4
2031	12862	Nguyễn Văn Thiếp (Tự: Nguyễn Văn Giang)	1928	2000	Trần Quốc	Nguyễn Văn Út	106H/6 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
2032	12869	Phạm Văn Đậu		1977	Trần Quốc	Phạm Hoài Thanh	24C/14 Nguyễn Cảnh Chân, phường Cầu Kho, quận 1
2033	12872	Trần A Sám	1929	1983	Trần Quốc	Trần Thúy Linh	62/8 đường Số 13A, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2034	12884	Lê Văn Bôn	1912	2002	Trần Quốc	Lê Văn Mười	154 Công Chúa Ngọc Hân, phường 12, quận 11
2035	12887	Trần Thị Tư	1905	1967	Trần Quốc	Nguyễn Huỳnh Thiện	338/19 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3
2036	12888	Phạm Thị Rông	1927	1967	Trần Quốc	Phạm Văn Phi	535/3/7 Thống Nhất, phường 16, quận Gò Vấp
2037	12889	Nguyễn Văn Tri	1915	1966	Trần Quốc	Nguyễn Thị Bạch	82 Lộ Tè, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân
2038	12897	Huỳnh Thị Lượm	1916	1996	Trần Quốc	Nguyễn Viết Thanh	243/82 Tôn Thất Thuyết, phường 3, quận 4
2039	12899	Đinh Văn Chùy	1932	1996	Trần Quốc	Đinh Vương Ngọc Mai	1057 Lũy Bán Bích, phường Tân Thành, quận Tân Phú
2040	12909	Hà Văn Trần	1908	1984	Trần Quốc	Huỳnh Thị Kim Oanh	373/4 Nguyễn Kiệm, phường 9, quận Phú Nhuận
2041	12910	Mộ chữ hoa (Phan Thị Sung)	1923		Trần Quốc	Nguyễn Thị Kim Thúy	690/2C Nguyễn Duy, phường 12, quận 8
2042	12921	Hứa Văn Lộc	1920	1998	Trần Quốc	Hứa Thị Ngọc	338 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh
2043	12922	Đào Hưng	1926	1983	Trần Quốc	Nguyễn Tuấn Hòa	148/25/3 Tôn Đản , phường 8 , quận 4 , TpHCM
2044	12923	Nguyễn Thị Khỏe	1934	2000	Trần Quốc	Nguyễn Văn Cẩm	165/28 Nguyễn Văn Luông, phường 10, quận 6
2045	12924	Trần Văn Mười	1928	2000	Trần Quốc	Trần Anh Phụng	338/1/3 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10
2046	12925	Trần Thị Khiêm	1905		Trần Quốc	Trịnh Minh Tấn	39/35/1/64 Phú Thọ, phường 1, quận 11
2047	12926	Bùi Thị Lôi	1912	1996	Trần Quốc	Bùi Trọng Nhân	161D/106/29 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
2048	12927	Nguyễn Huy Hân	1915	1979	Trần Quốc	Nguyễn Thị Ánh Hồng	338/51/27 Kp2, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân
2049	12929	Phạm Thị Sâm	1921	1983	Trần Quốc	Trang Ngọc Hải	656 Phạm Thế Hiển, phường 4, quận 8
2050	12932	Nguyễn Thành Liêm (Tự: Thành)	1959	1983	Trần Quốc	Đinh Thị Vạn	266/122 Tôn Đản, phường 8, quận 4
2051	12936	Nguyễn Văn Trịnh	1905	1978	Trần Quốc	Nguyễn Đức Nguyên	D20/6A Trần Nãi, phường Bình Khánh, quận 2
2052	12941	Nguyễn Văn Thanh	1968	1996	Trần Quốc	Đào Thị Dung	108 đường 702 Hồng Bàng, phường 1, quận 11
2053	12942	Phùng Tuy Huỳnh (Tự là: Phùng Truy Huỳnh)	1925	1996	Trần Quốc	Tất Hà Cháy	19/49 đường 13, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức
2054	12946	Đoàn Văn Minh	1938	1996	Trần Quốc	Đoàn Thị Mỹ Nga	16/16/68 Nguyễn Thiện Thuật, phường 2, quận 3
2055	12947	Trần Văn Vàng	1951	1996	Trần Quốc	Trần Châu Thi	100B Ngô Tất Tố, phường 22, quận Bình Thạnh
2056	12949	Huỳnh Thị Năm	1921	1996	Trần Quốc	Huỳnh Thị Hoa	25C/4 Hoài Thanh, phường 14, quận 8
2057	12960	Lưu Văn Thiệu	1938	1997	Trần Quốc	Lưu Bá Ngọc	19/40/9A Bình Thới, phường 11, quận 11
2058	12963	Lâm Văn Cường	1972	1996	Trần Quốc	Lâm Bích Trâm	40 Tổ 7, KP3, Phước Long A, thành phố Thủ Đức
2059	12967	Lê Vũ Hoàng Khoa	1993	1996	Trần Quốc	Lê Văn Mười	154 Công Chúa Ngọc Hân, phường 12, quận 11
2060	12973	Võ Thị Tuất	1896	1978	Trần Quốc	Lê Minh Châu	163/26/63 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2061	12974	Võ Văn Dật	1903		Trần Quốc	Võ Thị Kim Cúc	322/10/9 Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, quận 3
2062	12979	Trần Thị Sách		78T	Trần Quốc	Phan Thị Bạch	322/10/19 Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, quận 3
2063	12982	Huỳnh Văn Tùng	80T	1971	Trần Quốc	Huỳnh Tấn Minh	246/46C/27A Hòa Hưng, phường 13, quận 10
2064	12985	Huỳnh Văn Thanh	1900	1972	Trần Quốc	Nguyễn Văn Nhiều	463B/73 Cách Mạng Tháng Tám, phường 13, quận 10
2065	13014	Phạm Hồng Sơn	1955	1983	Trần Quốc	Phạm Hồng Thái	14/22, Tổ 22, Đồng Tân, Dĩ An
2066	13024	Vũ Thị Rang	1916	1999	Trần Quốc	Trà Đức	229/64/53 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú
2067	13027	Trần Thị Thu Thủy	1975	1983	Trần Quốc	Trần Thị Ngọc Dung	41/17 Trường Chinh, phường 11, quận Tân Bình
2068	13033	Võ Ngọc Hoàng Oanh	1976	1983	Trần Quốc	Nguyễn Thị Bông	45/14 Duy Tân, phường 8, quận Tân Bình
2069	13044	Lương Đình Lâm	1980	1983	Trần Quốc	Lương Đình Đạt	482/12/27 Lê Quang Định, phường 11, quận Bình Thạnh
2070	13050	Nguyễn Văn Thảo	1979	1984	Trần Quốc	Nguyễn Thị Cẩm Lan	136/31B Vạn Kiếp, phường 3, quận Bình Thạnh
2071	13073	Nguyễn Thị Lai	1944	1997	Trần Quốc	Từ Thanh Lộc	216/6 Lê Thị Bạch Cát, phường 11. quận 11
2072	13074	Lý Thị Sơn	1920	1997	Trần Quốc	Nguyễn Thị Kim Hoa	463B/49A Cách Mạng Tháng Tám, phường 13, quận 10
2073	13081	Lý Văn Út	1926	2008	Trần Quốc	Lý Minh Long	578/36/18 Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp
2074	13082	Võ Thị Nga	1938	1983	Trần Quốc	Trần Văn Phi	245/35/21 Nguyễn Trãi, Nguyễn Cư Trinh, quận 1
2075	13083	Lê Thị Hương	1956	1997	Trần Quốc	Lương Lệ Mi	286 Võ Văn Kiệt, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1
2076	13093	Trương Thị Kim Loan	1964	2001	Trần Quốc	Nguyễn Trương Hoàng Cương	18/A029 C/c Huỳnh Văn Chính , phường Phú Trung, quận Tân Phú
2077	13094	Lâm Phước Đạt	1947	1985	Trần Quốc	Nguyễn Thái Hùng	102/9A Âu Dương Lân, phường 3, quận 8
2078	13112	Nguyễn Văn Thanh	1977	2002	Trần Quốc	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	701/18/17 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, quận 7
2079	13113	Hồng Văn Thành	1970	2002	Trần Quốc	Lương Thị Kim Yến	107/18 Lê Thị Bạch Cát, phường 13, quận 11
2080	13117	Lê Trần Khắc Vinh	1981	1984	Trần Quốc	Trần Thu Cúc	342/1 Dương Bá Trạc, phường Rạch Ông, quận 8
2081	13123	Hồ Đăng Lân	1976	1984	Trần Quốc	Hồ Đăng Trình	102/29 Đỗ Nhuận, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú
2082	13140	Tạ Thị Bảy	1922	1999	Trần Quốc	Vũ Thị Liên	115 Lô D chung cư Ấn Quang, phường 9, quận 10
2083	13141	Vũ Văn Luyện	1913	1991	Trần Quốc	Vũ Thị Liên	115 Lô D chung cư Ấn Quang, phường 9, quận 10
2084	13145	Lê Thị Ty	1904	1983	Trần Quốc	Nguyễn Minh Trí	29 Nguyễn Đình Khôi, phường 4, quận Tân Bình
2085	13151	Hoàng Thị Hường	1938	1997	Trần Quốc	Đào Đình Dũng	A3/22 Lầu 2, lô A3 chung cư Miếu Nổi, phường 3, quận Bình Thạnh
2086	13156	Đỗ Văn Ngàn	1910	1983	Trần Quốc	Đỗ Thanh Tùng	151/10B Lạc Long Quân, phường 1, quận 11
2087	13173	Huỳnh Thị Lượm	1943	1997	Trần Quốc	Dương Thị Thùy Linh	10 Hoài Thanh, Phường 14, Quận 8
2088	13175	Trần Văn Phận	1917	1983	Trần Quốc	Huỳnh Ngọc Tài	A6/1 ấp 1A, Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh
2089	13197	Nguyễn Thị Lệ Hằng	1975	1984	Trần Quốc	Nguyễn Thị Lệ Hà	7A/33/3/4.1 Thành Thái, phường 14, quận 10
2090	13201	Trần Văn Vang	1930	2002	Trần Quốc	Lương Thị Kim Yến	107/18 Lê Thị Bạch Cát, phường 13, quận 11
2091	13202	Lê Văn Ôm	1930	2002	Trần Quốc	Lê Thị Tám	100/31 Thích Quảng Đức, phường 5, quận Phú Nhuận
2092	13221	Huỳnh Văn Sĩ	1974	1984	Trần Quốc	Huỳnh Văn Hùng	19 Phú Mỹ, phường 22, quận Bình Thạnh
2093	13228	Lê Trung Giàu	1968	2000	Trần Quốc	Lê Thị Ngọc Dung	166 Bến Vân Đồn, phường 2, quận 4
2094	13232	Trương Thị Trường	1933	2001	Trần Quốc	Lang Thị Tuyết Nhung	280/47 Bùi Hữu Nghĩa, phường 2, quận Bình Thạnh
2095	13235	Diệp Thị Bảo Trân	58T	58T	Trần Quốc	Diệp Bảo Hậu	48/2 Hồ Biểu Chánh, phường 11, quận Phú Nhuận

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2096	13236	Lê Thị Hương	1911	2001	Đông Quan	Phạm Tiến Duẩn	273/29/5/12 Nguyễn Văn Đậu, phường 11, quận Bình Thạnh
2097	13239	Ngô Vĩnh Hùng	1985	2001	Trần Quốc	Ngô Anh Tuấn	27/38/4A Huỳnh Tịnh Của, phường Võ Thị Sáu, phường 3
2098	13242	Từ Tam	1942	2000	Trần Quốc	Từ Thanh Lộc	216/6 Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11
2099	13243	Phạm Văn Đức	1947	2000	Trần Quốc	Phạm Tuấn Phước	341 Nguyễn Thị Thập, phường Tân Phong, quận 7
2100	13244	Lê Thị Hưng	1927	2000	Trần Quốc	Nguyễn Thị Đây	93/8/6K Tân Kỳ Tân Quý, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú
2101	13245	Nguyễn Văn Tuấn	1975	2000	Trần Quốc	Nguyễn Thị Hồng	839 Lầu 1, Nguyễn Trãi, phường 4, quận 5
2102	13254	Lê Thị Kim Nhung	1980	1984	Trần Quốc	Lê Chín	Thôn 5 Xã Nghĩa Dung, Thành phố Quảng Ngãi
2103	13272	Trần Văn Lợi	1932	2001	Trần Quốc	Trần Văn Giàu	637/48 Quang Trung, phường 11, quận Gò Vấp
2104	13273	Đoàn Duẩn	1918	1995	Trần Quốc	Đoàn Văn Phổ	39/22 Huỳnh Văn Bánh, phường 17, quận Phú Nhuận
2105	13275	Nguyễn Văn Đăng	1926	1983	Trần Quốc	Nguyễn Thị Thanh	167/52 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Đông, quận 7
2106	13280	Hồ Thị Bích Phượng	1966	1983	Trần Quốc	Hồ Thị Thùy Linh	53/181/38 Đường số 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân
2107	13281	Nguyễn Quốc Việt	1971	2006	Trần Quốc	Nguyễn Quốc Hùng	264/19/9 Lê Văn Lương, phường Tân Hưng, quận 7
2108	13285	Lý Thị Sơn	1930	1983	Trần Quốc	Nguyễn Thị Kim Lệ	A9/17E1 ấp 1, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh
2109	13288	Lê Huy Liễn	1892	1976	Trần Quốc	Lê Diệu Ký	751/48 Hồng Bàng, phường 6, quận 6
2110	13290	Lê Văn Trỳ	1912	1976	Trần Quốc	Lê Văn Rự	Tổ 30/118, khu phố Hải Điền, TT Long Hải, huyện Long Điền, bà Rịa Vũng Tàu
2111	13308	Phạm Văn Đức	1934	1983	Trần Quốc	Đỗ Doãn Công	38/1 Đường số 5A, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2112	13326	Hoàng Tùng Chấn	1918	1983	Trần Quốc	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	377/43 Đinh Bộ Lĩnh, phường 26, Bình Thạnh
2113	13336	Trương Thị Lâu	1913	1983	Trần Quốc	Nguyễn Thị Bích Nga	320/90Bis 6 Đoàn Văn Bơ, phường 10, quận 4
2114	13341	Nguyễn Thị Bằng	1906	1983	Trần Quốc	Nguyễn Thị Nho	137/84B Âu Dương Lân, phường 2, quận 8
2115	13343	Nguyễn Đức Tổ	1909	1975	Trần Quốc	Nguyễn Đức Minh	228 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận
2116	13344	Nguyễn Đức Tổ (ND: Bùi Thị Khuy)		69T	Trần Quốc	Nguyễn Đức Minh	228 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận
2117	13348	Vũ Thị Nội	1907	1994	Trần Quốc	Trần Thị Thường	38/9 Phan Văn Trị, phường 2, quận 5
2118	13349	Trần Văn Thước	1911	1982	Trần Quốc	Trần Thị Thường	38/9 Phan Văn Trị, phường 2, quận 5
2119	13352	Đào Thị Bảy	1918	1983	Trần Quốc	Trần Công Khanh	172/5/2 TTH07, phường Tân Thới Hiệp, quận 12
2120	13354	Nguyễn Văn Xin	1910	1983	Trần Quốc	Nguyễn Thị Hiền	3/172 Yersin, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1
2121	13356	Nguyễn Văn Lâm	1917	1975	Trần Quốc	Nguyễn Ngọc Nhu	95/26 Lê Thị Riêng, phường Bến Thành, quận 1
2122	13361	Lý Sang Quật	1970	1983	Trần Quốc	Lý Sáng Khuynh	137/32 Bến Vân Đồn, phường 6, quận 4
2123	13364	Nguyễn Phú Điền	1929	1983	Trần Quốc	Nguyễn Phú Hải	96/227 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4
2124	13375	Nguyễn Văn Trung	1960	2000	Trần Quốc	Nguyễn Văn Nghĩa	150/16/26 Lý Chính Thắng, phường 7, quận 3
2125	13378	Nguyễn Văn Cấp		1975	Trần Quốc	Nguyễn Anh Dũng	192 Bắc Hải, phường 6, quận Tân Bình
2126	13381	Trần Văn Duyên	1930	2001	Trần Quốc	Phùng Thị Kim Phượng	477/15 Kp3 Tân Hưng, quận 7
2127	13383	Nguyễn Bạch Cường	1983	2002	Trần Quốc	Lương Thành Đạt	88/15 Miếu Bình Đông, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
2128	13384	Phan Thị Kiểm		2003	Trần Quốc	Nguyễn Tấn Đức	958/23/13 Lạc Long Quân, phường 8, quận Tân Bình
2129	13386	Lâm Văn Tuấn	1971	2000	Trần Quốc	Lâm Bích Trâm	40 Tổ 7, KP3, Phước Long A, thành phố Thủ Đức
2130	13390	Nguyễn Thị Tư	1934	1998	Trần Quốc	Bùi Thị Bạch Tuyết	46/15/28 Trần Văn Ôn, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2131	13393	Huỳnh Thị Mừng	1929	1983	Trần Quốc	Trương Minh Nhật	2695/14/05 Phạm Thế Hiền, phường 7, quận 8
2132	13394	Nguyễn Trọng Tiến	1969	15T	Trần Quốc	Nguyễn Thị Uyên Phương	002 Lô 10, Cư xá Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh
2133	13396	Võ Thị Hồng Lựu	1966	1998	Trần Quốc	Diệp Hồng Xoan	20A Đường số 27, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú
2134	13400	Nguyễn Thị Huân	1912	1976	Trần Quốc	Trần Trọng Đạt	350/1/4A Huỳnh Tấn Phát, phường Bình Thuận
2135	13401	Trần Đình Đài	1911	1977	Trần Quốc	Trần Trọng Đạt	350/1/4A Huỳnh Tấn Phát, phường Bình Thuận
2136	13407	Lê Văn Thiện	1908	1975	Trần Quốc	Lê Văn Vượng	161C/57 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
2137	13420	Huỳnh Văn Tâm	1983		Trần Quốc	Trương Thị Lệ Thủy	26I Bùi Hữu Diên, phường An Lạc A, quận Bình Tân
2138	13425	Lý A Kiu			Trần Quốc	Vĩ Thế Hồng	751/21M Hồng Bàng, phường 6, quận 6
2139	13437	Võ Ngọc	1952	1983	Trần Quốc	Võ Hồ	68/213 Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1
2140	13438	Đào Thị Cùi	1919	2004	Trần Quốc	Nguyễn Anh Dũng	192 Bắc Hải, phường 6, quận Tân Bình
2141	13443	Nguyễn Thành Châu	1954	1997	Trần Quốc	Nguyễn Thị Hồng Hoa	181 Nguyễn Phúc Nguyên, phường 10, quận 3
2142	13447	Nguyễn Hồng Trân	1982	1984	Trần Quốc	Vũ Thị Thái Tảo	110 Tam Đảo, phường 14, quận 10
2143	13451	Trần Thị Thà	1929	1998	Trần Quốc	Quách Thị Thu Lan	6/16E Công Chúa Ngọc Hân, phường 13, quận 11
2144	13452	Nguyễn Thị Sến	1916	2003	Trần Quốc	Đỗ Hoàng Lập	27 Phùng Văn Cung, phường 2, quận Phú Nhuận
2145	13453	Dương Thiên Hồng	28T	2005	Trần Quốc	Võ Thị Thanh Thúy	28/278 Nguyễn Du, phường 7, quận Gò Vấp
2146	13460	Huỳnh Thị Hòa	1910	2001	Trần Quốc	Lê Văn Hữu	9 Đào Tấn, phường 5, quận 5
2147	13461	Nguyễn Thị Dịp	49T	1983	Trần Quốc	Mai Văn Xây	D2/6 KP6, An Khánh, Thành phố Thủ Đức
2148	13466	Hoàng Thị Âm	1914	1978	Trần Quốc	Nguyễn Văn Tươi	282/15 Ngô Gia Tự, phường 4, quận 10
2149	13467	Nguyễn Văn Quý	1912	1975	Trần Quốc	Nguyễn Văn Tươi	282/15 Ngô Gia Tự, phường 4, quận 10
2150	13470	Cao Văn Năm	1922	1975	Trần Quốc	Cao Thị Bích Tuyên	357/2/47 Tân Hòa Đông, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân
2151	13477	Phạm Thị Ba	1925	1983	Trần Quốc	Trần Thị Ngọc Oanh	9/21 Đường số 7 Cx Đô Thành, phường 4, quận 3
2152	13480	Trần Thị Kiêm	1944	1983	Trần Quốc	Lương Văn Hùng	79/11/3 Hùng Vương, Thới Bình, Ninh Kiều, Cần Thơ
2153	13481	Lê Thị Phương Thảo	1941	1998	Trần Quốc	Bùi Thị Thanh Vân	77/17 Trường Sơn, phường 15, quận 10
2154	13493	Lê Thanh Hiếu	1974	1999	Trần Quốc	Thái Thị Thủy	Ấp 2, An Thái Trung, Cái Bè, Tiền Giang
2155	13495	Lý Thị Tươi	1958	1996	Trần Quốc	Trần Thị Yên Linh	904/24F Nguyễn Chí Thanh, phường 4, quận 11
2156	13499	Nguyễn Văn Ý	1911	1972	Trần Quốc	Nguyễn Thị Cảnh	493A/50 Cách Mạng Tháng Tám, phường 13, quận 10
2157	13501	Nguyễn Thị Thu Trang	1976	1996	Trần Quốc	Nguyễn Thị Thúy Liễu	41 Phạm Ngọc Thảo, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú
2158	13517	Trịnh Xuân Hùng	1966	1999	Trần Quốc	Dương Đức Hải	149/10/18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú
2159	13522	Phạm Kim Hồng	1945	1999	Trần Quốc	Nguyễn Viết Thanh	243/82 Tôn Thất Thuyết, phường 3, quận 4
2160	13524	Nguyễn Văn Khánh	1922	1971	Trần Quốc	Nguyễn Đức Kiệt	Số 7 Đường 18, phường Phước Bình, TP Thủ Đức
2161	13526	Lê Tấn Nhân	1963	1992	Trần Quốc	Huỳnh Hoàng Mai	B3/30A Ấp 2, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh
2162	13533	Nguyễn Thị Lượm	1924	1991	Trần Quốc	Bùi Quang Minh	20/21 đường 17, phường Tân Kiểng, quận 7
2163	13535	Mộ chữ hoa (Lương A Tắc)			Trần Quốc	Giết A Phi	297/8 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
2164	13540	Trần Văn Huân	52T	1972	Trần Quốc	Trương Thị Kim Nhung	187/37 Mai Xuân Thương, phường 5, quận 6
2165	13552	Nguyễn Thị Lệ	1924	2000	Trần Quốc	Trần Văn Chí	220A Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2166	13553	Huỳnh Tuấn Kiệt	1978	2000	Trần Quốc	Huỳnh Văn Long	5 Tân Đà, phường 10, quận 5
2167	13554	Nguyễn An Ninh	1971	2000	Trần Quốc	Lương Đình Đạt	482/12/27 Lê Quang Định, phường 11, quận Bình Thạnh
2168	13556	Nguyễn Hồng Phước	1961	1998	Trần Quốc	Đặng Thị Thủy	61 Hoàng Diệu, phường 13, quận 4
2169	13560	Hoàng Thị Mão		1971	Trần Quốc	Lê Văn Thái	39/9 Hóa An, Biên Hòa, Đồng Nai
2170	13564	Nguyễn Thị Gai	1932	1996	Trần Quốc	Trần Văn Sáu	A4/46/9B Tô 10, ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh
2171	13567	Nguyễn Thị Nờ	1931	1998	Trần Quốc	Võ Văn Quang	2.23 Lô A chung cư Lạc Long Quân, phường 5, quận 11
2172	13577	Hoàng Thị Bội	1885	1971	Trần Quốc	Nguyễn Bảo Cường	43 Duy Tân, phường 15, quận Phú Nhuận
2173	13581	Đặng Văn Nhị		1971	Trần Quốc	Trần Đình Công	155/2 Nhật Tảo, phường 8, quận 10
2174	13584	Nguyễn Thị Bích Liêng	1956	2000	Trần Quốc	Trương Thị Kim Yến	243/23 Tôn Đản, phường 15, quận 4
2175	13596	Nguyễn Văn Sam	1956	1996	Trần Quốc	Nguyễn Minh Thương	Áp Bình Long, Thái Bình, Châu Thành
2176	13606	Doãn Thị Bé		1993	Trần Quốc	Đặng Thị Lan	38/1B đường 6, khu phố 4, phường Bình Trưng Tây, quận 2
2177	13607	Đặng Ngọc Thủy	1954	1978	Trần Quốc	Đặng Thị Lan	38/1B đường 6, khu phố 4, phường Bình Trưng Tây, quận 2
2178	13610	Võ Văn Minh	1953	1995	Trần Quốc	Võ Thị Phương Uyên	22/188 Huỳnh Đình Hai, phường 24, quận Bình Thạnh
2179	13616	Lê Thị Rĩ	1934	1995	Trần Quốc	Tan Lịch Phong	Áp Đồng Tân, huyện Đồng Nơ, xã Tân Khai, huyện Bình Phước
2180	13622	Trần Văn Quang	1921	2000	Trần Quốc	Trần Thị Hạnh	Đào Thị Kiểm, Ấp Bến Đò 1A, xã Tân Phú Trung, Củ Chi
2181	13623	Ngô Din Chánh			Trần Quốc	Hỷ Khanh	79/9/29 Phú Thọ Hoà, phường Phú Thọ Hoà, quận Tân Phú
2182	13625	Nguyễn Thị Phương Nga	1980	2000	Trần Quốc	Nguyễn Phước Lộc	341 Tôn Đản, phường 15, quận 4
2183	13630	Phan Văn Vĩnh	26 T		Trần Quốc	Phan Thị Út	266/33 Lê Đình Cẩn , phường Tân Tạo , Quận Bình Tân
2184	13632	Lý Thị Bích Xuân	1990	2000	Trần Quốc	Trần Thị Ly	256/90/31 Hàn Hai Nguyên, phường 9, quận 11
2185	13639	Nguyễn Văn Hiệp	1972	2000	Trần Quốc	Nguyễn Thị Loan	B416/60C Đoàn Văn Bơ, phường 18, quận 4
2186	13644	Phạm Như Thọ	1924	2000	Trần Quốc	Phạm Hữu Chi	23/31 Bùi Thị Xuân, phường 3, quận Tân Bình
2187	13648	Võ Thị Sáng	1940	2000	Trần Quốc	Võ Thị Bạch Phượng	611/13/7 Lê Văn Thọ, phường 14, Gò Vấp
2188	13649	Nguyễn Thị Dậu	1934	2000	Trần Quốc	Hán Văn Giang	106/34L Tôn Thất Hiệp, phường 13, quận 11
2189	13650	Trần Thị Láng	1923	1991	Trần Quốc	Lê Trinh Cát	211/15 Hoàng Văn Thụ, phường 8, Phú Nhuận
2190	13653	Ngô Hùng Sơn	1983	2000	Trần Quốc	Ngô Anh Tuấn	27/38/4A Huỳnh Tịnh Của, phường Võ Thị Sáu, quận 3
2191	13657	Hứa Thị Hoa	1909	1996	Trần Quốc	Dương Ngọc Hoàng	195/17 Lê Văn Sỹ , phường 13, quận 3
2192	13659	Mai Văn Giàu	1940	1995	Trần Quốc	Mai Bá Tùng	440/11E Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Phú Nhuận
2193	13661	Nguyễn Văn Hữu	80 T		Trần Quốc	Nguyễn Văn Trường	997/33 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Hưng, Quận 7
2194	13664	Lê Văn Tính	54 T	1971	Trần Quốc	Lê Quang Hưng	10 đường số 3, khu phố 6, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2195	13668	Mohamed Troyeb	1942	1999	Trần Quốc	Mohamed Marijah Ngọc	45/33 Dương Bá Trạc, phường 1, quận 8
2196	13678	Nguyễn Văn Tùng	1930	2000	Trần Quốc	Nguyễn Ngọc Giao	214/21Bis Nguyễn Văn Nguyễn, phường Tân Định, quận 1
2197	13687	Đặng Văn Chim	45T	1970	Trần Quốc	Đặng Thị Lan	38/18A đường số 6, phường Bình Trưng Tây, quận 2
2198	13695	Nguyễn Triệu	1915	1970	Trần Quốc	Nguyễn Thị Phi Yến	295/3 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
2199	13698	Lưu Bay	1927	1999	Trần Quốc	Lưu Thị Kim Chi	17/28 Nguyễn Văn Lương, phường 17, quận Gò Vấp
2200	13703	Phạm Thế Việt	1923	1999	Trần Quốc	Phạm Thế Hải	94/1 Bùi Đình Túy, phường 12, quận Bình Thạnh

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2201	13712	Trương Thị Bảy	1937	1996	Trần Quốc	Nguyễn Thị Kiều Linh	60/17(Số cũ 92/19) Huỳnh Khương An, phường 5, quận Gò Vấp
2202	13713	Trình Bảo Chính		1970	Trần Quốc	Trình Công Ty	90/56 đường số 1, phường 12, quận Tân Bình
2203	13722	Vũ Đình Sĩ	83T	1969	Trần Quốc	Vũ Thị Ngọc	436/59/43 Cách Mạng Tháng 8, phường 11, quận 3
2204	13727	Bùi Thị Hợp		69T	Trần Quốc	Vũ Ngọc Tuấn	204/94/1/87 Lạc Long Quân, Phường 8, Quận Tân Bình
2205	13731	Hồ Văn Vàng	62T	1968	Trần Quốc	Hồ Mộng Giao	122 Lô F C/c Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10
2206	13734	Bùi Thời	1947	1996	Trần Quốc	Bùi Thị Bình	24/9/5/2D Bến Lội, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân
2207	13736	Nguyễn Ngọc Thảo	1955	2000	Trần Quốc	Nguyễn Hoàng Long	399 Phú Thạnh, Phước Thạnh, Châu Thành, Bến Tre
2208	13738	Nguyễn Thị Đò	1921	1992	Trần Quốc	Nguyễn Thị Bạch	82 Lộ Tè, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân
2209	13742	Thái Văn Hôm	1927	1996	Trần Quốc	Thái Văn Hón	1414/13 Phạm Thế Hiển, phường 5, quận 8
2210	13748	Nguyễn Văn Ngọc (tự: Hồ Viết Ngọc)	1932	1968	Trần Quốc	Hồ Thị Xuân Sen	242/47/23 Nguyễn Thiện Thuật, phường 13, quận 3
2211	13752	Lê Văn Dê	1933	1999	Trần Quốc	Nguyễn Ngọc Cường	194 Đặng Văn Bi, phường Bình Thới, Thành phố Thủ Đức
2212	13755	Huỳnh Văn Trung	1969	1999	Trần Quốc	Huỳnh Thanh Xuân	99/16/5 Bình Tây, phường 1, quận 6
2213	13768	Lê Văn Khoa	1968	1969	Trần Quốc	Lê Thị Xuân	82/39 Dương Bá Trạc, phường 2, quận 8
2214	13774	Phạm Thị Bèo	1933	1996	Trần Quốc	Trần Anh Tuấn	22/3 Vạn Kiếp, phường 3, quận 3
2215	13775	Trần Văn Thủy			Trần Quốc	Trần Ngọc Hoa	10/88 Kỳ Đồng, phường 9, quận 3
2216	13776	Nguyễn Thị Năm	1929	1996	Trần Quốc	Nguyễn Huỳnh Thiện	338/19 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3
2217	13782	Phan Văn Tường	1935	1996	Trần Quốc	Phan Thị Ngọc Mai	9/307 C/c Tân Hương, Lê Sát, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú
2218	13784	Lâm Văn Tư	1917	1996	Trần Quốc	Nguyễn Ngọc Châu	335/63 Hùng Vương, phường 12, quận 6
2219	13786	Đoàn Thị Liên	1914	1996	Trần Quốc	Nguyễn Thị Ánh Hồng	338/81/27 Kp2, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân
2220	13789	Nguyễn Thị Dông	1908	1996	Trần Quốc	Trần Văn Dũng	100/129/8 Thích Quảng Đức, phường 5, quận Phú Nhuận
2221	13791	Đinh Thị Ngọc	1939	1957	Trần Quốc	Nguyễn Thị Diễm Hương	Khóm 8, phường 8, Thành phố Cà Mau, Cà Mau
2222	13798	Mộ Chữ Hoa (Trần Thị Hoa)			Trần Quốc	Nguyễn Văn Trường	997/33 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Hưng, Quận 7
2223	13801	Nguyễn Văn Chung		1983	Trần Quốc	Huỳnh Muối	17/3 Ký Con, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1
2224	13805	Bùi Ngọc Lâm	1952	1983	Trần Quốc	Bùi Minh Tánh	79D Trần Văn Đang, phường 9, quận 3
2225	13806	Lã Thị Hữu	1932	1983	Trần Quốc	Tạ Như Phụng	211A/28A Ba Đình, phường 8, quận 8
2226	13808	Huỳnh Thị Bảy	1927	1983	Trần Quốc	Nguyễn Thị Hoàng Nhung	50D Cư xá Phú Lâm D , phường 10, quận 6
2227	13821	Nguyễn Văn Yên	1915	1998	Trần Quốc	Nguyễn Văn Việt	77/16E Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10
2228	13822	Nguyễn Văn Lương	1932	1998	Trần Quốc	Lê Quan Tiến	119/19/4 Nguyễn Văn Cừ, phường 2, quận 5
2229	13823	Dương Ngô Diên	1930	1997	Trần Quốc	Dương Quốc Tuấn	444 Nguyễn Thái Sơn, phường 5, quận Gò Vấp
2230	13834	Lê Văn Rót	1965	1983	Trần Quốc	Nguyễn Thị Mai	175/60 Phó Cơ Điều, phường 6, quận 11
2231	13840	Phan Thị Lượm	1912	1983	Trần Quốc	Nguyễn Thị Tâm	502/1 Hưng Phú, phường Chánh Hưng
2232	13844	Vũ Tài Vọng		1973	Trần Quốc	Lê Vũ Mỹ	94/1055C Nguyễn Oanh, phường 6, quận Gò Vấp
2233	13849	Nguyễn Đức Việt	1946	1972	Trần Quốc	Nguyễn Đức Kiệt	Số 7 Đường 18, phường Phước Bình, TP Thủ Đức
2234	13850	Võ Văn Hiền	1933	2002	Trần Quốc	Võ Minh Thế Phương	95 đường số 26, phường 10, quận 6
2235	13851	Ngô Văn Ngưỡng	1949	1999	Trần Quốc	Ngô Hồng Hạnh	13 Bắc Hải, phường 15, quận 10

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2236	13860	Trần Chí Trung	1952	1999	Trần Quốc	Trần Chí Hiếu	02 đường số 3, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
2237	13861	Nguyễn Văn Long	1955		Trần Quốc	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	467/9C Lê Đại Hành, phường 11, quận 11
2238	13881	Trần Thị Liên	1931	1983	Trần Quốc	Đặng Thị Kim Oanh	Ấp Mỹ Xuân, huyện Tân Trung, huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang
2239	13882	Nguyễn Văn Lâm	1945	1982	Trần Quốc	Nguyễn Phạm Kiều Ngân	538/46 Đoàn Văn Bơ, phường 14, quận 4
2240	13884	Bùi Văn Lung	1926	1983	Trần Quốc	Bùi Văn Minh	E24 Cư Xá Phú Lâm D, phường 10, quận 6
2241	13885	Trương Thanh Tùng	1970	1983	Trần Quốc	Trương Thị Bạch Ngọc	21 Cô Giang, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1
2242	13893	Nguyễn Văn Tư	1956	1983	Trần Quốc	Nguyễn Văn Ngà	035 Lô A chung cư Nguyễn Thiện Thuật, phường 1, quận 3
2243	13905	Đặng Luân	1908	1972	Trần Quốc	Đặng Thị Bích	575/18 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, quận 3
2244	13906	Phạm Thị Tý	1921	1998	Trần Quốc	Đặng Thị Bích	575/18 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, quận 3
2245	13909	Đặng Văn Minh	1954	2000	Trần Quốc	Đặng Văn Hùng	105 trệt Lô B C/c Chợ Quán, phường 1, quận 5
2246	13917	Lê Văn Hồng (tự: Hồng Xin)	1948	1983	Trần Quốc	Lê Văn Hùng	297/5 Vĩnh Viễn, phường 5, quận 10
2247	13921	Huỳnh Thị Nở	1957	1983	Trần Quốc	Bùi Thị Bạch Tuyết	46/15/28 Trần Văn Ôn, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú
2248	13925	Nguyễn Thị Truong	1916	1983	Trần Quốc	Nguyễn Vũ Nhon	688/2/1/42 Hương Lộ 2, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân
2249	13926	Toàn Văn Hiền	1958	2007	Trần Quốc	Hoàng Thị Thêm	380/46/20/18/4 phường Tân Hưng, quận 7
2250	13931	Nguyễn Văn Phúc	1922	1983	Trần Quốc	Nguyễn Tiến Hoàng	234 Hồng Lạc, phường 11, quận Tân Bình
2251	13934	Nguyễn Thị Tò	1925	1998	Trần Quốc	Vương Hữu Hùng	013 Lô B chung cư 78 Tân Hòa Đông, phường 14, quận 6
2252	13939	Đoàn Công Thành	1944	2002	Trần Quốc	Phạm Thị Lan	15 Đường 10 Kp 1, Trường Thọ, thành phố Thủ Đức
2253	13941	Bùi Văn Ba	1937	1983	Trần Quốc	Bùi Thị Thanh Vân	77/17 Trường Sơn, phường 15, quận 10
2254	13944	Phạm Văn Nè	1932	1999	Trần Quốc	Phạm Thị Dung	41B3/1 Lạc Long Quân, phường 10, quận Tân Bình
2255	13946	Âu Nguyệt Khanh	1959	1999	Trần Quốc	Trần Gia Diệu	18/23 An Bình, phường 5, quận 5
2256	13951	Bùi Đức Em	1934	1983	Trần Quốc	Bùi Văn Hùng	650/35 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10
2257	13956	Phạm Thị Minh	1943	1983	Trần Quốc	Huỳnh Trung Nghĩa	551/23/2 Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6
2258	13958	Phạm Thị Thuận	1911	1999	Trần Quốc	Nguyễn Thị Kim Nga	528/2A Minh Phụng , phường 9 , quận 11
2259	13967	Huỳnh Thị Được	1943	1983	Trần Quốc	La Thị Kim Hà	Số 6 Vựa Cá Vồ Văn Kiệt, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1
2260	13975	Lê Văn Thuộc	1941	1983	Trần Quốc	Huỳnh Thị Lượm	1/2/49 Phạm Quý Thích, phường Tân Quý, Tân Phú
2261	13976	Nguyễn Văn So	1942	1983	Trần Quốc	Tăng Thái Huy	249/37 Vườn Lài, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
2262	13989	Nguyễn Văn Thiệt	1936	1999	Trần Quốc	Thái Văn Ngọc	203/21A Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
2263	13997	Phạm La	1922	2002	Trần Quốc	Phạm Ngọc Hà	245/9/6 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1
2264	13998	Đặng Xuân Khê		1964	Trần Quốc	Đặng Xuân Thiện	106/47 Tôn Thất Hiệp, phường 13, quận 11
2265	14002	Đỗ Thị Dần	1926	38T	Trần Quốc	Đặng Xuân Thiện	106/47 Tôn Thất Hiệp, phường 13, quận 11
2266	14017	Đào Văn Hợp	69T	1978	Trần Quốc	Kim Hữu Thành	39/35/1/22 Phú Thọ, phường 1, quận 11
2267	14022	Yao Em SHIE		94T	Trần Quốc	Huỳnh Mỹ Thuận	315 Lô D C/cư Ấn Quang, phường 9, quận 10
2268	14024	Nguyễn Văn Mây	1932	2004	Trần Quốc	Nguyễn Thành Ngôn	213/38 Hồng Lạc, phường 10, quận Tân Bình
2269	14030	Mộ Chữ Hoa (Trần Hoan)			Trần Quốc	Lý Hữu Kim	1/5 Thái Phiên, phường 16, quận 11
2270	14033	Khưu Thị Sáu	64T	1979	Trần Quốc	Liêu Thị Thanh Tuyền	241A/1A Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2271	14037	Nguyễn Tấn Khanh	1942	1978	Trần Quốc	Nguyễn Tấn Phát	230/5 Vĩnh Viễn, phường 4, quận 10
2272	14038	Mộ Chữ Hoa (Luu Chương)			Trần Quốc	Luu Tô Há	109/20 Nguyễn Thiện Thuận, phường 2, quận 3
2273	14041	Trần Văn Đông	1904	1978	Trần Quốc	Trần Văn Hùng	226 Nguyễn Thượng Hiền, phường 4, quận 3
2274	14042	Nguyễn Thế Văn		1966	Trần Quốc	Nguyễn Hồng Phương	285/12/D1 Cách mạng tháng tám, phường 12, quận 10
2275	14049	Chu Thị Ngọc	1921	1984	Trần Quốc	Ngô Thị Hoa	161/11/2 Quốc Lộ 13 (Cũ), phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức
2276	14051	Trần Thị Thê	1911	1986	Trần Quốc	Phan Thị Tuyết Anh	376/21 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3
2277	14054	Dương Văn Bình	1974	2000	Trần Quốc	Nguyễn Kim Linh	30/78 Đỗ Nhuận, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú
2278	14058	Mộ Chữ Hoa (Tiêu Ứng Kim)			Trần Quốc	Tiêu Cường	63K Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1
2279	14059	Mộ Chữ Hoa (Ngô Hưng Liên)			Trần Quốc	Tiêu Cường	63K Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1
2280	14061	Trương Ngọc Hoàng Châu	1954	1997	Trần Quốc	Trương Thị Ngọc Lan	560/16D Trường Chinh, phường 13, Tân Bình
2281	14062	Vũ Gia Trường	1932	1965	Trần Quốc	Vũ Thái Hóa	(91/8) 124/116 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 19, quận Bình Thạnh
2282	14081	Lê Quai	1904	1984	Trần Quốc	Trần Thanh Tuấn	365/36/83 Hậu Giang, phường 11, quận 6
2283	14083	Trần Hữu Ý	1912	1989	Trần Quốc	Trần Hữu Thế	504/14/48 Phạm Văn Hai, phường 3, quận Tân Bình
2284	14085	Trần Văn Thọ	1955	1983	Trần Quốc	Trần Đại Phú	706 Lô A Cao ốc An Phúc - An Lộc, An Phú Tp Thủ Đức
2285	14086	Nguyễn Văn Riêu	1901	1978	Trần Quốc	Trần Hữu Thế	504/14/48 Phạm Văn Hai, phường 3, quận Tân Bình
2286	14089	Nguyễn Văn Tròn	1949	1994	Trần Quốc	Nguyễn Trần Xuân Hạnh	51/6 Chu Văn An, phường 12, quận Bình Thạnh
2287	14090	Nguyễn Thị Sanh	1956	2004	Trần Quốc	Đình Văn Phước	17 Lầu 1, Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1
2288	14094	Mộ Chữ hoa (Trương Muội)	1926	2000	Trần Quốc	Huỳnh Tấn Cao	108/44K Hậu Giang, phường 6, quận 6
2289	14100	Vương Văn Bé	1950	2000	Trần Quốc	Vương Ngọc Long	533/2 Tùng Thiện Vương, phường 12, quận 8
2290	14105	Âu Dương Ngẫu	1958	1999	Trần Quốc	Âu Dương Thảo	010D Chung cư Nguyễn Thiện Thuật, phường 1, quận 3
2291	14107	Trần Thị Định			Trần Quốc	Lý Cầu	185/120 Phó Cơ Điều, phường 6, quận 11
2292	14122	Nguyễn Thị Cúc	56T	1982	Trần Quốc	Trần Đình Công	155/2 Nhật Tảo, phường 8, quận 10
2293	14129	Tô Hữu Huệ	1919	1983	Trần Quốc	Tô Thị Mỹ Nga	318X Võ Văn Kiệt, phường Cầu Kho, quận 1
2294	14132	Nguyễn Văn Ngọ	1930	1982	Trần Quốc	Nguyễn Thị Giàu	692/43 Đoàn Văn Bơ, Phường 16, Quận 4
2295	14148	Nguyễn Văn Mai	1936	31	Trần Quốc	Lê Đình Dũng	96/5 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1
2296	14149	Nguyễn Văn Tứ (ND: Nguyễn Thị Bút)	1907	83	Trần Quốc	Lê Uyên Phương	622 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10
2297	14151	Nguyễn Văn Tứ	59T	1986	Trần Quốc	Lê Uyên Phương	622 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10
2298	14164	Nguyễn Quang Hiến	1957	1983	Trần Quốc	Nguyễn Thị Kim Ngọc	1/40F Nhị Tân 1, xã Tân Thới Nhì, Hóc Môn
2299	14165	Đặng Hữu Danh	1958	1984	Trần Quốc	Đặng Hữu Thoại	166/5/3B Lý Thái Tô, phường 1, quận 3
2300	14170	Trần Trọng Nhân	1968	1999	Trần Quốc	Lê Thị Thúy	958/24D6 Lò Gò, phường 8, quận 6
2301	14181	Lê Thị Tang	1909	1997	Trần Quốc	Lý Ngọc Hà	182/2A Trần Kế Xương, phường 7, quận Phú Nhuận
2302	14200	Tôn Tuấn Bảo	1946	1983	Trần Quốc	Nguyễn Bảo Long	Tổ 19, khu C ấp Phước Lý, xã Đại Phước, Nhơn Trạch, Đồng Nai
2303	14204	Đoàn Văn Hoàn	60	1968	Trần Quốc	Đoàn Văn Nở	40/28 Trần Văn Quang, phường 10, quận Tân Bình
2304	14210	Nguyễn Văn Ban	1930	2001	Trần Quốc	Nguyễn Văn Hà	128/48/9Y Lê Văn Duyệt, phường 1, quận Bình Thạnh
2305	14215	Lộc Mạnh Phí	1932	1998	Trần Quốc	Ngô Thị Oanh	21/6 đường 570 ấp Xóm Mới, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2306	14217	Trần Thị Năm			Trần Quốc	Phạm Thị Thùy Trang	205/17 Âu Cơ, phường 5, quận 11
2307	14218	Lê Văn Dương			Trần Quốc	Phạm Thị Thùy Trang	205/17 Âu Cơ, phường 5, quận 11
2308	14219	Phạm Tú Uyên	1973	1973	Trần Quốc	Phạm Thị Thùy Trang	205/17 Âu Cơ, phường 5, quận 11
2309	14220	Lê Thị Lúa	1907	1945	Trần Quốc	Phạm Thị Thùy Trang	205/17 Âu Cơ, phường 5, quận 11
2310	14221	Công Tần Tôn Nữ Thị Mã			Trần Quốc	Phạm Thị Thùy Trang	205/17 Âu Cơ, phường 5, quận 11
2311	14222	Phan Văn Cường	1906	1973	Trần Quốc	Phạm Thị Thùy Trang	205/17 Âu Cơ, phường 5, quận 11
2312	14226	Nguyễn Văn Huệ	1954	1998	Trần Quốc	Nguyễn Thị Xuân Hồng	402/32B Hậu Giang, phường 12, quận 6
2313	14229	Huỳnh Thị Hạnh	1962	1983	Trần Quốc	Huỳnh Thị Mai	756 Hưng Phú, phường 10, quận 8
2314	14230	Lê Thị Châu	59	1983	Trần Quốc	Phạm Ngọc Hà	245/69/6 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1
2315	14233	Võ Văn Báo	1951	1998	Trần Quốc	Võ Thị Kim Tuyết	492/43 Tân Phước, phường 6, quận 11
2316	14235	Lê Văn Chấn	1939	1983	Trần Quốc	Lê Thanh Tùng	45/1E Lão Tử, phường 14, quận 5
2317	14236	Trần Thị Lan	1916	1978	Trần Quốc	Trần Văn Thịnh	606/15 Đường 3/2, phường 14, quận 10
2318	14237	Trần Văn Quý	1933	1974	Trần Quốc	Trần Văn Thịnh	606/15 Đường 3/2, phường 14, quận 10
2319	14239	Cao Văn Lập	1916	1974	Trần Quốc	Cao Thị Kim Diệp	241/11/4 Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1
2320	14244	Trần Thanh Hồng	1948	2000	Trần Quốc	Huỳnh Thanh Tùng	27/7 Âu Dương Lân, phường 3, quận 8
2321	14247	Dư A Hào (Lương Môn)	73	1962	Trần Quốc	Kim Hữu Thành	39/35/1/22 Phú Thọ, phường 1, quận 11
2322	14255	Lê Thị Nghiễm (tức Chinh)	98	1974	Trần Quốc	Vũ Hồng Phúc	384/13/18 Lý Thái Tổ, phường 10, quận 10
2323	14264	Nguyễn Trác Minh	1992	1997	Trần Quốc	Hà Sỹ Khôi	287/2 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận
2324	14265	Lại Văn Thiệt	1942	1998	Trần Quốc	Lại Minh Hiền	68/19 Nguyễn Bá Tòng, phường 11, quận Tân Bình
2325	14268	Nguyễn Thị Thanh Nữ	1978	1978	Trần Quốc	Nguyễn Thị Thanh Thúy	23/14A Bình Thới, phường 11, quận 11
2326	14273	Nguyễn Văn Nhiều	1972	1998	Trần Quốc	Nguyễn Văn Hết	C7/13 Ấp 4A, Bình Hưng, Bình Chánh
2327	14276	Văn Thị Tòng	1918	1995	Trần Quốc	Cao Thị Kim Diên	241/11/4 Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1
2328	14277	Cao Thị Thoa	1952	1996	Trần Quốc	Cao Thị Kim Diên	241/11/4 Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1
2329	14279	Đinh Quang Vinh Phú (bà mẹ ghi: Đinh Quang Vinh Phú Sinh)	1959	1961	Trần Quốc	Nguyễn Thị Diễm Hương	Khóm 8, phường 8, Thành phố Cà Mau, Cà Mau
2330	14291	Trần Vũ Ngọc Thư	1998	1998	Trần Quốc	Vũ Thu Hương	28/10 Nguyễn Nhữ Lâm, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
2331	14294	Nguyễn Văn Minh	1951	2001	Trần Quốc	Nguyễn Đức Minh Thịnh	59/5 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1
2332	14297	Trần Hữu Chí	1960	2001	Trần Quốc	Lê Thị Mỹ Hạnh	77/9A Phan Văn Hân, phường 17, quận Bình Thạnh
2333	14299	Phạm Thị Thay	1936	1998	Trần Quốc	Phạm Thị Hồng Thảo	106/15 Nguyễn Thị Nhỏ, phường 9, quận Tân Bình
2334	14301	Thái Quang Thanh	1965	1966	Trần Quốc	Thái Tân Phụng	190/27 Xóm Đất, phường 10, quận 11
2335	14304	Nguyễn Văn Thành	1952	1998	Trần Quốc	Nguyễn Văn Thành	39/4 Bông Sao, phường 5, quận 8
2336	14311	Trương Thị Nơi Võ Văn Lâm	1927	2005	Trần Quốc	Võ Thị Minh Tiên	100/33I Phong Phú, phường 12, quận 8
2337	14314	Huỳnh Thị Kiến	1902	1968	Trần Quốc	Ngô Thị Kim Tuyến	20 Lô E Chung cư Ấn Quang, phường 9, quận 10
2338	14322	Nguyễn Văn Tuất	1945	1998	Trần Quốc	Nguyễn Thị Thanh Thúy	23/14A Bình Thới, phường 11, quận 11
2339	14327	Lại Cẩm Hòa	1957	1998	Trần Quốc	Lại Cẩm Hiếu	120/8 Bình Thới, phường 14, quận 11
2340	14338	Trần Thị Nở	1932	1998	Trần Quốc	Thân Phúc	106/14 Nguyễn Thị Nhỏ, phường 9, quận Tân Bình

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2341	14346	Lê Văn Trí	1956	1998	Trần Quốc	Nguyễn Thanh Phong	18A Đào Duy Từ, phường 17, quận Phú Nhuận
2342	14353	Nguyễn Thị Lân	1909	1989	Trần Quốc	Hoàng Đức Tân	174/81/18 Nguyễn Thiện Thuật, phường 3, quận 3
2343	14355	Nguyễn Thị Tiền		1986	Trần Quốc	Nguyễn Văn Đức	257/1/1 Đường 3/2, phường 10, quận 10
2344	14360	Thái Tấn Giang			Trần Quốc	Thái Thế Xương	Khu phố Kim Điền, TT Cần Giuộc, Cần Giuộc, Long An
2345	14363	Nguyễn Văn Sinh	1938	1998	Trần Quốc	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	819/54 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp
2346	14365	Huỳnh Hữu Hiệp	1931	1998	Trần Quốc	Huỳnh Hữu Thành	756/59/13 Đoàn Văn Bơ, phường 16, quận 4
2347	14367	Trần Thị Hồng	1936	1999	Trần Quốc	Nguyễn Đào Nguyên	28/15 Trần Bình Trọng, phường 1, quận 5
2348	14374	Mộ chữ hoa (Lư Vương)	1937	1997	Trần Quốc	Lư Kiến	87/1 Bình Tiên, Phường 7, Quận 6
2349	14375	Mộ Chữ hoa (Huỳnh Tuyết Khanh)			Trần Quốc	Lư Kiến	87/1 Bình Tiên, Phường 7, Quận 6
2350	14378	Nguyễn Thị Bé	1928	1998	Trần Quốc	Tổng Công Ngọc	106/12 Hòa Hưng, phường 13, quận 10
2351	14388	Lê Đình Mai	1935	1998	Trần Quốc	Lê Đình Quang	459/10 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 2, quận Tân Bình
2352	14392	Nguyễn Văn Lượm Nhỏ	1957	1998	Trần Quốc	Nguyễn Hoàng Dũng	34/42 Đường 9A, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân
2353	14395	Phạm Thị Dinh	1918	1998	Trần Quốc	Trương Văn Quang	137/1 Nguyễn Du, phường 7, quận Gò Vấp
2354	14397	Mai Thị Điệp	1954	1998	Trần Quốc	Đặng Phước Toàn	362/20 Nguyễn Đình Chiểu, phường 5, quận 3
2355	14401	Nguyễn Xuân Quang	1962	1984	Trần Quốc		
2356	14404	Đàm Đạt Minh	1979	1998	Trần Quốc	Đàm Kim Hùng	30/13A ấp 3, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn
2357	14408	Nguyễn Long Khoa	1964	1998	Trần Quốc	Nguyễn Cao Phương	60 Bùi Văn Thềm, phường 9, quận Phú Nhuận
2358	14417	Vũ Kim Cương	1936	1989	Trần Quốc	Vũ Ái Nhân	39/3E ấp Tây Lân, xã Bà Điểm, Hóc Môn
2359	14424	Võ Quang Vinh	1980	1998	Trần Quốc	Võ Thành Đại	110/2 Trần Khắc Chân, phường Tân Định, quận 1
2360	14427	Trương Thị Đơn	1920	1999	Trần Quốc	Trần Thanh Sơn	14/2A TL47, phường Thạnh Lộc, quận 12
2361	14430	Nguyễn Thị Sừ	1918	1998	Trần Quốc	Trương Ngọc Tuấn	238 Lô C C/c Ấn Quang, phường 9, quận 10
2362	14432	Hồ Thị Ba	1925	1998	Trần Quốc	Nguyễn Nữ Thu Dung	132/15 Liên Tỉnh 5, Phường 6, Quận 8
2363	14438	Mộ Chữ Hoa (Hồ Kim)			Trần Quốc	Hồ Châu Cháy	57B Ưu Long, phường 11, quận 8
2364	14442	Nguyễn Thị Sang	54T	1983	Trần Quốc	Đặng Thị Ngà	507B/2 Hậu Giang, phường 11, quận 6
2365	14444	Lê Văn Phước	1933	1998	Trần Quốc	Lê Văn Mạnh	47/25/30 Bình Thành, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân
2366	14445	Lê Văn Kính	1930	2000	Trần Quốc	Lê Thành Nam	23M Nguyễn Ảnh Thủ, tổ 7 Kp1, phường Trung Mỹ Tây, quận 12
2367	14457	Ngô Thị Mên	1925	1998	Trần Quốc	Đào Đình Thịnh	33 Hoàng Thiếu Hoa, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú
2368	14462	Nguyễn Thị Xuân	1930	1999	Trần Quốc	Nguyễn Bích Ngọc	261 L2 Hồng Bàng, phường 11, quận 5
2369	14463	Nguyễn Văn Im	1915	2004	Trần Quốc	Nguyễn Bích Ngọc	261 L2 Hồng Bàng, phường 11, quận 5
2370	14479	Nguyễn Thị Tý	1928	2000	Trần Quốc	Đặng Hữu Phương	32 Đường số 3, Cư xá Chu Văn An
2371	14481	Nguyễn Thị Nhâm	1924	2000	Trần Quốc	Phan Thụy Kiều Như	51 Nguyễn Lâm, phường 3, quận Bình Thạnh
2372	14484	Mộ Chữ Hoa (Tất Anh)	1926	2000	Trần Quốc	Tất Cẩm Thanh	1162/60 đường 3 tháng 2, phường 12, quận 11
2373	14487	Hà Văn Thọ	1948	2000	Trần Quốc	Nguyễn Thị A	231/44/9 Bình Tiên, phường 8, quận 6
2374	14492	Ngô Trọng Kiến	1915	1992	Trần Quốc	Ngô Thị Hào	229 Lê Đại Hành, phường 13, quận 11
2375	14495	Nguyễn Đức Bảo	1956	1998	Trần Quốc	Nguyễn Đức Hải	83/25 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2376	14496	Nguyễn Thành Long	1911	2000	Trần Quốc	Nguyễn Đức Hải	83/25 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú
2377	14503	Mộ Chữ Hoa (Liên Phụng)		1998	Trần Quốc	Lưu Cẩm Dung	2-1 C/c Quân Sự, phường 9, quận 11
2378	14517	Phùng Văn Liêm	1931	1992	Trần Quốc	Phùng Thị Kim Thư	215 Lô G chung cư Nguyễn Thiện Thuật, phường 1, quận 3
2379	14520	Trần Vũ Anh Toàn	1979	1994	Trần Quốc	Trần Thanh Trung	489 Lê Văn Sỹ, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
2380	14521	Nguyễn Văn Chuyên	1954	1993	Trần Quốc	Nguyễn Thị Thu Dung	132/84 Nguyễn Hữu Cánh, phường 22, quận Bình Thạnh
2381	14522	Hồng Văn Xuân	1934	1998	Trần Quốc	Hồng Thị Ánh	74 Tô Hiệu, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú
2382	14524	Hồng Văn Sơn	1955	1998	Trần Quốc	Hồng Thị Thanh Nguyệt	54/12 đường số 16A, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2383	14525	Đỗ Thị Thuân	82T	1987	Trần Quốc	Đặng Trọng Long	56 Cao Thắng , phường 14 , quận Phú Nhuận
2384	14526	Nguyễn Thị Yến	1923	1999	Trần Quốc	Trịnh Thị Bông	160/37 Nguyễn Văn Quý, phường Phú Thuận, quận 7
2385	14527	Trịnh Văn Bền	1922	2006	Trần Quốc	Trịnh Thị Bông	160/37 Nguyễn Văn Quý, phường Phú Thuận, quận 7
2386	14531	Vương Thiên Trang	1996	1999	Trần Quốc	Lê Văn Tuấn	269B Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1
2387	14533	Mộ Chữ Hoa (Vưu Kim Bình)			Trần Quốc	Nguyễn Văn Đức	299/15B Bãi Sậy, phường 8, quận 6
2388	14538	Nguyễn Thị Dân	1921	1998	Trần Quốc	Trương Thị Thu Yến	494/6 Hòa Hảo, phường 5, quận 10
2389	14539	Nguyễn Trường Phước	1979	1998	Trần Quốc	Lê Thị Nguyệt Thu	58 Trần Văn Danh, phường 13, quận Tân Bình
2390	14540	Nguyễn Văn Lừa (tự Huỳnh Văn Năm)	1933	1998	Trần Quốc	Huỳnh Văn Lùng	119B/68/18 Nguyễn Thị Tần, phường 2, quận 8
2391	14546	Nguyễn Văn Hôn	1948	1998	Trần Quốc	Nguyễn Thị Ngọc Thùy	001Bis Lô E chung cư Ngô Gia Tự, phường 3, quận 10
2392	14550	Nguyễn Thị Lượm	1920	1992	Trần Quốc	Từ Thị Thu Thảo	231/57/57 Bình Tiên, phường 8, quận 6
2393	14553	Huỳnh Thị Lễ	1932	1983	Trần Quốc	Nguyễn Thị Hà	TK 12/27 Võ Văn Kiệt, phường Cầu Kho, quận 1
2394	14569	Trần An	1981	1983	Trần Quốc	Lu Cẩm	361/19/22 Bình Đông, phường 15, quận 8
2395	14570	Lương Bang	1938	1997	Trần Quốc	Lương Chí Huy	66/11 Lê Hồng Phong, phường 2, quận 5
2396	14571	Lê Thị Mỹ Ngọc	1992	1996	Trần Quốc	Lê Minh Tuấn	120 Cây Keo, Hiệp Tân, Tân Phú
2397	14603	Lưu Sơ Chính	1935	1983	Trần Quốc	Lưu Khải Hoàn	10/19 Trần Cao Vân, phường 12, quận Phú Nhuận
2398	14630	Trần Trung Cường	1973	2003	Trần Quốc	Trần Trung Dương	135 Phạm Phú Thứ, phường 4, quận 6
2399	14631	Thang Huy	1914	2001	Trần Quốc	Chung Mỹ Linh	190/17 Nguyễn Tiểu La, phường 8, quận 10
2400	14632	Lưu Trí Thành	1960	2003	Trần Quốc	Lê Hồng Hương	B13/6H/29H ấp 2B, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh
2401	14633	Nguyễn Thị Thu Sương	1965	1983	Trần Quốc	Nguyễn Thị Kiều	161/7/15B Bình Trị Đông, khu phố 3, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân
2402	14642	Thích Đạt Nam	1929	2004	Trần Quốc	TSản Vành Đạt	302 Tôn Thất Hiệp, phường 12, quận 11
2403	14643	Nguyễn Thị Hai	1901	1996	Trần Quốc	Lương Nuối	227/3 Bình Phú, phường 11, quận 6
2404	14644	Đặng Sam Muội	1926	1996	Trần Quốc	Thang Chức Hòa	183 Văn Thân, phường 8, quận 6
2405	14645	Dương Ngọc Chúc	1915	1982	Trần Quốc	Lìn Tai Kouang	39A Phùng Tá Chu, phường An Lạc A, quận Bình Tân
2406	14646	Trương Kim Lang	1941	1999	Trần Quốc	Âu Mỹ Ái	117/6 Lý Nam Đế, phường 7, quận 11
2407	14647	Lạc An	1916	1994	Trần Quốc	Liêu Tú Hồng	15/70C/21 Hòa Bình, phường 3, quận 11
2408	14648	Trần Tô Hà	1943	1999	Trần Quốc	Trần Chí Bửu	66/8A Lê Hồng Phong, phường 2, quận 5
2409	14649	Hà Cửu Từ	1942	2001	Trần Quốc	Hà Quốc Quý	19/3 Cao Văn Lầu, phường 1, quận 6
2410	14650	Du Anh Tài	1946	1996	Trần Quốc	Phùng Nữ	50/6 Trương Phước Phan, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2411	14651	Văn Tô	1936	1999	Trần Quốc	Huỳnh An Tân	17 Lê Văn Quới, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân
2412	14652	Quách Diêu	1924	2001	Trần Quốc	Vương Muối	873 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp
2413	14653	Huỳnh Thị Thu Hương	1984	1985	Trần Quốc	Huỳnh Văn Minh	49/2F Âu Cơ, phường 14, quận 11
2414	14654	Nguyễn Thị Lệ	1924	2000	Trần Quốc	Lê Mậu Hoàng	19/51/5 Cô Bắc, phường 1, quận Phú Nhuận
2415	14655	Hoàng Thị Đỏ	1927	2004	Trần Quốc	Hoàng Thị Minh	6 Tân Vĩnh, phường 4, quận 4
2416	14656	Phạm Văn Công	1908	1972	Trần Quốc	Phạm Thị Lan	266/40/50 Tôn Đản, phường 8, quận 4
2417	14657	Nguyễn Hồng Sơn Uyên	1977	2000	Trần Quốc	Đỗ Thị Thanh Phương	84/24/1 Trần Hữu Trang, phường 10, quận Phú Nhuận
2418	14658	Nguyễn Thị Kim Vương	1974	1980	Trần Quốc	Nguyễn Thị Kim Cương	40/13 Hiệp Nhất, phường 4, quận Tân Bình
2419	14688	Mộ Chữ Hoa (Huỳnh Thoi Hương)			Trần Quốc	Chung Tuy Bình	413/56/19/2 Lê Văn Quới, Phường Bình Trị Đông A, Quận Bình Tân
2420	14692	Nguyễn Đức Bảo	1979	1980	Trần Quốc	Vũ Thị Ngọc Hương	10B Suối Nguyệt An, Q1 (thị trấn D109 Ehomes Nam Sài Gòn - Nguyễn Văn Linh)
2421	14714	Lê Thị Cẩm Tú	1982	2001	Trần Quốc	Trịnh Hồng Thái	12A/27 Lê Ngung, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân
2422	14718	Võ Vương Thiên Sơn	1972	1980	Trần Quốc	Võ Vương Trường Giang	280/33/29 Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, quận 3
2423	14720	Trịnh Hữu Hùng	1977	1980	Trần Quốc	Trịnh Hữu Hiệp	286 Nguyễn Thượng Hiền, phường 4, quận 3
2424	14768	Đặng Hoàng Minh	1976	1980	Trần Quốc	Đặng Thị Hoài Thu	181/9 Phan Đăng Lưu, phường 1, quận Phú Nhuận
2425	14773	Trần Thị Khá	1966	1980	Trần Quốc	Trần Đức Trọng	98 Trần Khắc Chân, phường Tân Định, quận 1
2426	14782	Công Huyền Tôn Nữ Diên Hồng	1979	1980	Trần Quốc	Bửu Đệ Ngũ	104/14 Trần Bá Giao, phường 5, Gò Vấp
2427	14796	Phạm Thị Hoàng Thuý	1979	1980	Trần Quốc	Đặng Thị Huệ	16/2D Kỳ Đồng, phường 9, quận 3
2428	14800	Phạm Thị Hồng	1922	2001	Trần Quốc	Nguyễn Văn Báu	341/19/135 Khuông Việt, phường Phú Trung, Tân Phú
2429	14811	Trịnh Thuý Dung	1972	1980	Trần Quốc	Trịnh Thúy Mỹ	147 Nguyễn Ngọc Nhựt, phường Tân Quý, quận Tân Phú
2430	14819	Nguyễn Kim Hương	1973	1980	Trần Quốc	Nguyễn Thị Kim Khánh	62/3A Ấp 3, Xuân Thới Đông, Hóc Môn
2431	14821	Vy Văn Chính	1951	2003	Trần Quốc	Nguyễn Vy Đan Thanh	504/14/38 Phạm Văn Hai, phường 3, quận Tân Bình
2432	14827	Nguyễn Thị Thanh Thủy	1972	1980	Trần Quốc	Vũ Thị Vĩnh	3/107 Thành Thái, phường 14, quận 10
2433	14829	Phan Thị Hương	1970	1980	Trần Quốc	Phan Thị Chi	222/10 Bùi Viện, Phạm Ngũ Lão, quận 1
2434	14865	Võ Văn Đầu	1931	2001	Trần Quốc	Võ Thị Thanh Xuân	266/40/25 Tôn Đản, phường 8, quận 4
2435	14867	Nguyễn Ngọc Thành	1925	2001	Trần Quốc	Đỗ Thị Thơm	32G Nguyễn Đình Chi, phường 9, quận 6
2436	14869	Phạm Thị Trang	1979	1980	Trần Quốc	Phạm Phú Thanh	307/35 Bàu Cát, phường 12, quận Tân Bình
2437	14899	Nguyễn Duy Bằng	1980	1981	Trần Quốc	Nguyễn Văn Còn	14 Liên Tinh 5, phường 6, quận 8
2438	14905	Nguyễn Văn Sáu	1929	2003	Trần Quốc	Nguyễn Thành Chương	579/17 Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6
2439	14909	Nguyễn Văn Minh	1964	2002	Trần Quốc	Công Thanh Hải	241/33/41 Bến Vân Đồn, phường 5, quận 4
2440	14911	Lê Thị Ngọc	1911	2001	Trần Quốc	Nguyễn Thị Mỹ Dung	79/66B Trần Văn Đang, phường 9, quận 3
2441	14931	Châu Ngọc Mỹ Hòa			Trần Quốc	Châu Ngọc Hoàng Gia	232/32 Hưng Phú, phường 8, quận 8
2442	14936	Trần Ứng Mùi	1925	2002	Trần Quốc	Gíp Xây Khinh	93/2C Phùng Tá Chu, phường An Lạc A, quận Bình Tân
2443	14937	Châu Muối	1951	2002	Trần Quốc	Châu Tô Quan	127/48/28 Âu Cơ, phường 14, quận 11
2444	14938	Nguyễn Thị Hạt	1913	1991	Trần Quốc	Nguyễn Văn Thê	38 Dân Chủ, phường Tân Thành, quận Tân Phú
2445	14942	Phạm Thị Lộc	1955	1976	Trần Quốc	Phạm Thị Hồng	11/41 Nguyễn Hữu Tiến, Tây Thạnh, Tân Phú

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2446	14943	Phạm Ngọc Thành	1950	1975	Trần Quốc	Phạm Thị Hồng	11/41 Nguyễn Hữu Tiến, Tây Thanh, Tân Phú
2447	14944	Nguyễn Thị Ngà	1920	1993	Trần Quốc	Bùi Thị Thảo	9/8 Vườn Chuối, phường 4, quận 3
2448	14946	Nguyễn Thị Bảy	1932	1993	Trần Quốc	Huỳnh Thị Thanh Thủy	242-244 Lê Lâm, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú
2449	14947	Ngô Văn Dương (tự: Nguyễn Vũ Ngừ)	1910	1993	Trần Quốc	Ngô Văn Phúc	85 Nguyễn Thái Học, phường Tân Thành, quận Tân Phú
2450	14950	Trần Văn Hân	1943	1992	Trần Quốc	Trần Thị Trung	73/18 Tân Sơn Nhì, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú
2451	14952	Nguyễn Thái Thuyên	1917	1993	Trần Quốc	Nguyễn Kim Huyền	136/71 Trần Văn Quang, phường 10, quận Tân Bình
2452	14953	Nguyễn Thị Hồng	1969	1992	Trần Quốc	Nguyễn Kim Huyền	136/71 Trần Văn Quang, phường 10, quận Tân Bình
2453	14968	Võ Thị Nhã	1932	1992	Trần Quốc	Nguyễn Văn Phúc	44 đường Tân Quý, phường Tân Quý, Quận Tân Phú
2454	14969	Phan Văn Tiêm	1911	1983	Trần Quốc	Phan Thế Ân	424/62/6 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6
2455	14973	Nguyễn Hữu Khôi		1974	Trần Quốc	Nguyễn Thị Hằng	395/7 Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, quận 12
2456	14975	Lê Thị Phụng		1974	Trần Quốc	Nguyễn Thị Huệ	347/15 Trần Bình Trọng, phường 14, quận 10
2457	14983	Phạm Thị Mão	1930	1974	Trần Quốc	Phạm Diệp Uyên	D9 Nguyễn Thị Nhỏ, phường 15, quận 11
2458	15006	Nguyễn Thị An	1891	1974	Trần Quốc	Nguyễn Quang Đệ	P4-36.06 V.C.Park 720A Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh
2459	15007	Phạm Thị Như Thảo	1973	1973	Trần Quốc	Nguyễn Như Thái	15/7 Nguyễn Ngọc Lộc, phường 14, quận 10
2460	15009	Lê Minh Thường	1959	2002	Trần Quốc	Lê Minh Nhật	991W7 Đoàn Văn Bơ, phường 10, quận 4
2461	15019	Lê Thị Xuân	1949	1983	Trần Quốc	Bùi Hòa Bình	380/46/20/18/10 Lê Văn Lương, phường Tân Hưng, quận 7
2462	15023	Trương Văn Hai	1952	2003	Trần Quốc	Trương Thị Thanh Nga	333/31 Vũ Tùng, phường 2, quận Bình Thạnh
2463	15026	Võ Văn Minh	1949	2003	Trần Quốc	Võ Hồng Nga	118/18 Vĩnh Hội, phường 4, quận 4
2464	15034	Đặng Văn Mạnh	1924	1974	Trần Quốc	Đặng Ngọc Hòa	181/179E Cách Mạng Tháng Tám, phường 5, quận 3
2465	15038	Nguyễn Thị Hoi		2001	Trần Quốc	Nguyễn Công Phước	320/43 Đoàn Văn Bơ, phường 10, quận 4
2466	15039	Nguyễn Công Ngọ			Trần Quốc	Nguyễn Công Phước	320/43 Đoàn Văn Bơ, phường 10, quận 4
2467	15048	Nguyễn Thị Nhung		1971	Trần Quốc	Trần Thị Kim Loan	30 Trần Quang Long, phường 19, quận Bình Thạnh
2468	15050	Nguyễn Thị Quý	1931	1983	Trần Quốc	Nguyễn Văn Nguyên	27/57 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh
2469	15052	Bùi Văn Đức	1964	1983	Trần Quốc	Bùi Văn Minh	358/6/21 Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, quận 3
2470	15055	Phan Văn Thì		48T	Trần Quốc	Phạm Ngọc Hưng	623/20/25 Cách Mạng Tháng Tám, phường 15, quận 10
2471	15061	Nguyễn Thị Nhung		1971	Trần Quốc	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	97/3 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 21, quận Bình Thạnh
2472	15080	Tô Văn Phúc	1985	2002	Trần Quốc	Lương Mẫn Nhi	236/33 Thái Phiên, phường 8, quận 11
2473	15082	Trần Thị Yến	1930	2002	Trần Quốc	Trần Thị Sơn Hà	125/81 Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh
2474	15087	Huỳnh A Kiu		2002	Trần Quốc	Trần Văn Sáng	174/81/11A Nguyễn Thiện Thuật, phường 3, quận 3
2475	15092	Nguyễn Tiến Vũ	1917	2002	Trần Quốc	Nguyễn Lê Tường Vi	Thôn Liên Cơ, Hòa Đông, Krông Pắc, Đắk Lắk
2476	15093	Đào Bô Lô	1925	2002	Trần Quốc	Đào Thị Hoa Trang	28/7A đường Số 27, phường Sơn Kỳ, Tân Phú
2477	15095	Mộ chữ hoa (Huỳnh Huê)			Trần Quốc	Lý Huỳnh Long	205B/17 Âu Cơ, phường 5, quận 11
2478	15098	Nguyễn Thị Ngọc	1925	2003	Trần Quốc	Nguyễn Thị Xuân Yến	62/103 Huỳnh Tịnh Của, phường 19, quận Bình Thạnh
2479	15100	Nguyễn Văn Long	1962	2003	Trần Quốc	Tăng Mỹ Châu	146/59/18/141A Vũ Tùng, phường 2, quận Bình Thạnh
2480	15103	Nguyễn Văn Ba	1938	2003	Trần Quốc	Tăng Mỹ Châu	146/59/18/141A Vũ Tùng, phường 2, quận Bình Thạnh

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2481	15113	Nguyễn Khả Thuyết	1919	2003	Trần Quốc	Nguyễn Khả Hùng	174/11C đường Tân Quý , phường Tân Quý, quận Tân Phú
2482	15114	Nguyễn Văn Còn	1930	2000	Liên Ứng	Nguyễn Minh Tuấn	205 Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh
2483	15117	Phạm Văn Thành	1931	1997	Trần Quốc	Phạm Ngọc Khánh	124/29 Trần Quang Khải, phường Tân Định, Quận 1
2484	15123	Trần Thanh Tùng	1973	1999	Trần Quốc	Trần Thanh Bình	218G Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11
2485	15136	Trần Quang Mỡ	1904	1974	Trần Quốc	Trần Quang Lai	43B Đường số 21, phường Tân Quy, quận 7
2486	15137	Nguyễn Thị Trâm	1917	1978	Trần Quốc	Trần Quang Lai	43B Đường số 21, phường Tân Quy, quận 7
2487	15142	Vũ Văn Nhân	1906	1974	Trần Quốc	Nguyễn Thị Thơm	22/105V Trần Bình Trọng, phường 1, quận 5
2488	15143	Nguyễn Thị Mười	1927	1997	Trần Quốc	Nguyễn Văn Quý	467/9E Lê Đại Hành, phường 11, quận 11
2489	15144	Phạm Thị Lê	1930	1974	Trần Quốc	Nguyễn Ngọc Bình	29/5G, ấp 6, xã Xuân Thới Đông, Hóc Môn
2490	15157	Nguyễn Thị Thơm	1909	1974	Trần Quốc	Nguyễn Thị Kim Anh	229/64/54 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú
2491	15160	Hoàng Thị Uyển	1890	1974	Trần Quốc	Chu Văn Đắc	338/9 An Dương Vương, phường 4, quận 5
2492	15163	Phạm Văn Vượng	1905	1974	Trần Quốc	Võ Anh Kiệt	36 Cù Lao Nguyễn Kiêu, phường 1, quận 4
2493	15166	Võ Thị Trinh	1971	1997	Trần Quốc	Võ Thị Kim Liên	251/14 Hậu Giang, phường 5, quận 6
2494	15173	Mai Viết Hân	1900	1974	Trần Quốc	Mai Thị Ngọc Lan	Ấp Vĩnh Thắng, xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
2495	15182	Lý Quốc Quy	1959	1997	Trần Quốc	Nguyễn Thị Minh Thảo	148 Cây Keo, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú
2496	15206	Đinh Thị Vĩnh		1973	Trần Quốc	Nguyễn Hữu Thoại	124/106/15 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 19, quận Bình Thạnh
2497	15212	Hà Ngọc Ký	1967	2000	Trần Quốc	Lê Thị Mỹ Linh	146/22 Huỳnh Mẫn Đạt , phường 3, quận 5
2498	15215	Lý Thị Tư	1923	2000	Trần Quốc	Trần Văn Lượm	26/8 Hồ Biểu Chánh, phường 11, quận Phú Nhuận
2499	15222	Trương Thị Ngân	1931	2000	Trần Quốc	Trương Văn Sáu	5/3B17 Tổ 4, Kp 3, phường Tân Thới Hiệp, quận 12
2500	15233	Nguyễn Văn Thương	1921	2001	Trần Quốc	Trần Thị Cửa	60/7 Ngô Đức Kế, phường 12, quận Bình Thạnh
2501	15242	Nguyễn Văn Xuân	1939	1993	Trần Quốc	Nguyễn Văn Tun	32/10 Khai Trí, phường 6, quận Tân Bình
2502	15243	Trần Thị Chồi	1916	1992	Trần Quốc	Nguyễn Trần Anh Vũ	Ấp 7-7 (0.7) Lò Ấp Chung cư Lê Thanh, đường số 2, phường An Lạc, quận Bình Tân
2503	15244	Phạm Thị Kim Hoa	1949	1992	Trần Quốc	Phạm Thị Hồng	21/6 Quốc lộ 13, khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
2504	15260	Tổng Thị Ba	1920	1994	Trần Quốc	Tổng Thị Duyên	282/31 Ngô Gia Tự, phường 4, quận 10
2505	15267	Dương Thị Đức	1940	1997	Liên Ứng	Trần Văn Mạnh	138/34 Nguyễn Súy, phường Tân Quý, quận Tân Phú
2506	15271	Nguyễn Thị Tài	1956	2004	Trần Quốc	Nguyễn Văn Hòa	58/66 Âu Cơ, phường 9, quận Tân Bình
2507	15276	Hoàng Long			Trần Quốc	Hoàng Tâm	6 Nguyễn Bá Tòng, phường 11, quận Tân Bình
2508	15279	Nguyễn Văn Đực Em	1966	1983	Trần Quốc	Nguyễn Văn Hùng	147F Khu 3, phường 1, quận 3
2509	15285	Khoen Lợi	1952	2002	Trần Quốc	Phạm Thị Dung	122/27/29/26 Tôn Đản, phường 10, quận 4
2510	15306	Trần Thị Gấm	1937	2003	Trần Quốc	Trần Thị Kim Châu	165/12A Tôn Thất Thuyết, phường 15, quận 4
2511	15307	Nguyễn Quang Hồng Phúc	1976	1977	Trần Quốc	Nguyễn Quang Hồng Nhứt	196 Trần Tuấn Khải, phường 7, quận 5
2512	15325	Trần Ngọc Thảo	1975	1999	Trần Quốc	Trần Thị Thu Hương	170/28 Mạc Văn, phường 12, quận 8
2513	15328	Nguyễn Hữu Tường	1907	1982	Trần Quốc	Nguyễn Hữu Đại	478/17 Bà Hạt, phường 8, quận 10
2514	15805	Huỳnh Thị Nho	1947	1993	Ba Thỏ	Nguyễn Văn Thu	45 Đường 2 Trường Thạnh, Tp. phường Thủ Đức
2515	15807	Nguyễn Thị Quế Anh	1970	1993	Ba Thỏ	Nguyễn Bửu Nam	62/5/13 đường số 5D, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2516	15814	Nguyễn Thị Lợi	1921	1997	Ba Thố	Trương Thị Phụng	267/13 Trần Phú, phường 8, quận 5
2517	15821	Trần Văn Phước	1952	1994	Ba Thố	Trần Văn Ngọc	24H Đường 17 KP3, phường Tân Qui, quận 7
2518	15823	Mộ Chữ Hoa (Lưu Thiếu Niên)			Ba Thố	Lương Nghiệp Cơ	39/37 Phú Thọ, phường 1, quận 11
2519	15826	Nguyễn Văn Giới	1920	1995	Ba Thố	Phạm Văn Mười	536/43/39 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình
2520	15827	Nguyễn Văn Nam	1944	1995	Ba Thố	Nguyễn Anh Tuấn	168/9 Chiến Lược, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân
2521	15828	Lê Thị Hường	1916	1995	Ba Thố	Trần Thị Tốt	309/30 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3
2522	15832	Nguyễn Văn Tổng	1934	1994	Ba Thố	Nguyễn Thị Oanh	2/4 Hồ Thị Kỳ, phường 01, quận 10
2523	15833	Lê Thị Thu Thủy	1987	1994	Ba Thố	Lê Đức Phăng	20 Xóm Vôi, phường 14, quận 5
2524	15834	Huỳnh Thị Ba	1915	1994	Ba Thố	Nguyễn Văn Thanh	472-473 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1
2525	15844	Trương Văn Sánh	1921	1994	Ba Thố	Trương Thị Phụng	267/13 Trần Phú, phường 8, quận 5
2526	15852	Trần Thị Bê	1932	2005	Ba Thố	Phạm Hồng Xuân	102 ấp 2, xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè
2527	15854	Lê Thị Huỳnh	1929	1993	Ba Thố	Lê Văn Hồng	18 Lô 11 Hưng Phú, phường 10, quận 8
2528	15856	Nguyễn Văn Nghĩa	1949	1993	Ba Thố	Nguyễn Hữu Tuấn	336/15/8 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6
2529	15857	Lâm Thị Dục	1931	1993	Ba Thố	Nguyễn Văn Minh	39/35/1/5 Phú Thọ, phường 1, quận 11
2530	15867	Quách Thị Kim Luông	1951	1993	Ba Thố	Quách Thị Kim Dung	A11/24C1 Quốc Lộ 50, Xã Bình Hưng, Bình Chánh
2531	15880	Trương Thị Ba	1933	1993	Ba Thố	Nguyễn Thị Hồng Hoa	33/15 Lê Văn Sỹ, phường 13, quận Phú Nhuận
2532	15882	Phan Văn Nguyên	1925	1993	Ba Thố	Phan Văn Minh	155/22 Phó Cơ Điều, phường 6, quận 11
2533	15886	Lưu Thị Hoa	1932	1994	Ba Thố	Đinh Duân	109 KP7, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12
2534	15887	Phạm Văn Nghĩa	1923	1993	Ba Thố	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	41/2 An Dương Vương, phường 8, quận 5
2535	15914	Đỗ Văn Trang	1918	1994	Đất Làng	Đỗ Văn Dân	28 Đường số 19, KP 2, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2536	15915	Nguyễn Thị Đảm	1928	1913	Đất Làng	Đỗ Văn Dân	28 Đường số 19, KP 2, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2537	15931	Nguyễn Văn Hòa		1945	Đất Làng	Huỳnh Ngọc Hà	44/5 Kp1, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12
2538	15954	Thái Văn Dũng		1977	Đất Làng	Thái Văn Minh	2/2C Đường số 13A, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân
2539	15960	Nguyễn Văn Hoi	1946	1965	Đất Làng	Trần Quốc Nam	02 đường số 17, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
2540	15961	Trần Văn Việt			Đất Làng	Trần Quốc Nam	02 đường số 17, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
2541	15969	Mộ chữ Hoa (Viết chữ nhỏ không biết tên)			Đất Làng	Huỳnh Ngọc Hà	44/5 Kp1, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12
2542	15970	Mộ chữ Hoa (Viết chữ nhỏ không biết tên)			Đất Làng	Huỳnh Ngọc Hà	44/5 Kp1, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12
2543	15976	Lưu Xuân Ngọc	1937	2010	Đất Làng	Phạm Minh Tuấn	1051/41/20 Hậu Giang, phường 11, quận 6
2544	15979	Võ Thị Dần			Đất Làng		
2545	15983	Lưu Văn Lột	1920	1949	Đất Làng	Lưu Thị Kim Tiến	958/25F Lò Gò, Phường 8, Quận 6
2546	15984	Nguyễn Văn Bụng	1931	1953	Đất Làng	Phạm Thị Minh Hòa	348 An Dương Vương, Phường 10, Quận 6
2547	15985	Hồ Văn Kiên	1926	1950	Đất Làng	Hồ Mộng Hóa	8 Đường 13, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân
2548	15988	Nguyễn Văn Bả	1936	2008	Đất Làng	Phạm Thị Minh Hòa	348 An Dương Vương, Phường 10, Quận 6
2549	15994	Nguyễn Thị Dỡ	1908	1988	Đất Làng	Trương Thị Anh Huệ	9 Đường số 13A, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân
2550	15995	Đỗ Thị Sám	1923	2017	Đất Làng	Phạm Thị Ý	15/26 Đường số 17, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2551	15998	Hồ Văn Thanh		1967	Đất Làng	Hồ Thị Nhân	4 Đường số 13, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân
2552	16000	Hồ Thị Liên	1878	1964	Đất Làng	Hồ Thị Nhân	4 Đường số 13, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân
2553	16007	Trần Văn Chương		2000	Đất Làng	Trần Văn Chuộc	30/17A Đường số 19, phường Bình Hưng Hòa
2554	16008	Trần Vô Danh		2000	Đất Làng	Trần Văn Chuộc	30/17A Đường số 19, phường Bình Hưng Hòa
2555	16010	Nguyễn Thị Dệt	1917	1970	Đất Làng	Hồ Thị Nhân	4 Đường số 13, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân
2556	16011	Hồ Văn Thót	1916	1951	Đất Làng	Hồ Thị Nhân	4 Đường số 13, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân
2557	16012	Huỳnh Thị Lan	1953	2018	Đất Làng	Huỳnh Thị Đào	80/58/45 Đường 12, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2558	16013	Trần Văn Gốc		1950	Đất Làng	Trần Văn Chuộc	30/17A Đường số 19, phường Bình Hưng Hòa
2559	16020	Hồ Thị Ngàn	1924	2008	Đất Làng	Nguyễn Thị Tuất	93/8/4A Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú
2560	16022	Nguyễn Văn Vinh	1980	1985	Đất Làng	Nguyễn Hồng Sen	34/30 Đường số 13, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân
2561	16034	Nguyễn Mạnh Hùng	1975	2014	Đất Làng	Nguyễn Mạnh Dũng	28/19/26 Đường số 19, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2562	16041	Phạm Minh Tài	1981	2010	Đất Làng	Phạm Thanh Lộc	11/28 Đường số 13A, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2563	16042	Nguyễn Thị Thúy Kiều	1998	2017	Đất Làng	Nguyễn Thị Hằng	665/64/28 Đường 17A, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2564	16043	Võ Thị Át	1946	2011	Đất Làng	Nguyễn Thị Thu	11/47 Ấp Chiến Lược, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2565	16044	Nguyễn Văn Minh	1967	2013	Đất Làng	Nguyễn Thị Hằng	665/64/28 Đường 17A, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2566	16050	Lưu Thị Út	1939	2014	Đất Làng	Lê Minh Tuấn	33 Đường số 17A, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân
2567	16064	Võ Trần Minh Triết	2016	2016	Đất Làng	Trần Thị Thủy Trúc	300 QL1A phường Bình Tân
2568	16065	Vô danh (không bia)			Đất Làng	Phạm Văn Đăng	198/1 Gò Xoài, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2569	16067	Trương Quang Đạo	1942	1983	Đất Làng	Trương Thị Anh Huệ	9 Đường số 13A, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân
2570	16068	Trần Văn Hào	1977	1984	Đất Làng	Trần Thị Thanh Vy	271 Ấp Chiến Lược, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2571	16069	Trần Văn Ri (tự: Tèo)	1968	1987	Đất Làng	Trần Thị Thanh Vy	271 Ấp Chiến Lược, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2572	16070	Vô danh (không bia)			Đất Làng	Trần Thị Thanh Vy	271 Ấp Chiến Lược, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2573	16071	Nguyễn Văn Ba	1943	1997	Đất Làng	Dương Thị Hồng Mai	332X/7 Võ Văn Kiệt, phường Cầu Ông Lãnh
2574	16072	Nguyễn Thanh Sơn	1986	2008	Đất Làng	Dương Thị Hồng Mai	332X/7 Võ Văn Kiệt, phường Cầu Ông Lãnh
2575	16075	Nguyễn Văn Mi Nơ		1945	Đất Làng	Huỳnh Ngọc Hà	44/5 Kp1, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12
2576	16076	Ngô Văn Tăng	1949	1969	Đất Làng	Tcháng Chi Dân	1036/20/12/4 Cách Mạng Tháng Tám, phường 5, quận Tân Bình
2577	16084	Nguyễn Tấn Lộc	1986	2011	Đất Làng	Huỳnh Thị Nôn	77 Ấp Chiến Lược, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
2578	16085	Nguyễn Thị Thu Hà	1958	2017	Đất Làng	Nguyễn Thị Phương Ngọc	E13/22Y, Tò 16, Ấp 5A, Vĩnh Lộc A, Bình Chánh
2579	16088	Phạm Văn Tâm	1965	2005	Đất Làng	Trương Thị Non	Số 2 Đường số 11, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2580	16089	Trương Thị Cớ	1922	2005	Đất Làng	Trương Thị Non	Số 2 Đường số 11, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2581	16125	Phạm Thị Ốc		1969	Đất Làng	Phạm Văn Hạnh	556 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân
2582	16133	Nguyễn Văn Bỏ	2010	2010	Đất Làng	Đỗ Văn Dân	28 Đường Số 19, KP 2, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2583	16134	Nguyễn Thị My	1906		Đất Làng	Huỳnh Ngọc Hà	44/5 Kp1, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12
2584	16136	Nguyễn Thị Cúa	1936	2000	Đất Làng	Võ Hoài Phong	30/8 Ấp Chiến Lược, Bình Hưng Hòa, Tp. HCM
2585	16140	Nguyễn Thị Thu Ba	1940		Đất Làng	Nguyễn Văn Đầy	186 Ấp Chiến Lược, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2586	16141	Võ Văn Bé Một	1981	1981	Đất Làng	Võ Hoài Phong	30/8 Ấp Chiến Lược, Bình Hưng Hòa, Tp. HCM
2587	16142	Nguyễn Văn Cứ			Đất Làng	Huỳnh Ngọc Hà	44/5 Kp1, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12
2588	16143	Trương Thị Tắt			Đất Làng	Huỳnh Ngọc Hà	44/5 Kp1, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12
2589	16144	Nguyễn Văn Việt			Đất Làng	Lê Văn Xắc	26/24 Đường số 19, Phường Bình Hưng Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
2590	16145	Trần Quốc Đáng	1945	2013	Đất Làng	Lê Văn Xắc	26/24 Đường số 19, Phường Bình Hưng Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
2591	16148	Thái Thị Chén	1916	1963	Đất Làng	Nguyễn Thị Kim Nguyên	47 Ấp Chiến Lược, Phường Bình Hưng Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
2592	16150	Phan Thị Hành		1956	Đất Làng	Nguyễn Thị Kim Nguyên	47 Ấp Chiến Lược, Phường Bình Hưng Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
2593	16152	Thái Văn Dũng	1887	1948	Đất Làng	Thái Văn Minh	2/2C Đường số 13A, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân
2594	16153	Thái Văn Tới	1921	1948	Đất Làng	Nguyễn Thị Thu Hà	625 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
2595	16156	Vô Danh không bia			Đất Làng	Nguyễn Thị Thu Hà	625 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
2596	16157	Phạm Thị Bao	1923	1923	Đất Làng	Nguyễn Thị Thu Hà	625 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
2597	16158	Phạm Thị Xuyên	1924	1924	Đất Làng	Nguyễn Thị Thu Hà	625 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
2598	16159	Phạm thị Bằng	1922	1922	Đất Làng	Nguyễn Thị Thu Hà	625 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
2599	16160	Nguyễn Phi Xuân Thảo	2004	2006	Đất Làng	Nguyễn Anh Lã	605 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú
2600	16161	Phạm Văn Kỳ	1856	1919	Đất Làng	Nguyễn Thị Thu Hà	625 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
2601	16162	Nguyễn Thị Kéo	1913	1990	Đất Làng	Nguyễn Anh Lã	605 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú
2602	16163	Nguyễn Văn Sáu	1911	1982	Đất Làng	Nguyễn Anh Lã	605 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú
2603	16164	Phạm Thị Đỗ		1978	Đất làng	Nguyễn Anh Lã	605 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú
2604	16166	Phạm Văn Đá			Đất làng	Phạm Văn Đẹp	560 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Bình Hưng Hòa
2605	16168	Phạm Thị Pha		1978	Đất Làng	Nguyễn Anh Lã	605 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú
2606	16170	Phan Thị Cai		1972	Đất Làng	Phạm Văn Luyện	560 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Bình Hưng Hòa
2607	16175	Phạm Văn Thê			Đất Làng	Nguyễn Anh Lã	605 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú
2608	16176	Phạm Văn Mèo	1925	1987	Đất Làng	Phạm Văn Hạnh	556 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân
2609	16177	Phạm Văn Vinh	1911	1950	Đất Làng	Võ Văn Hải	663 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân
2610	16178	Nguyễn Văn Em		1977	Đất Làng	Nguyễn Văn Minh	207 Đường 3/2, Phường 11, Quận 10
2611	16183	Vô Danh 3			Đất Làng	Hồ Thanh Bảo	114/16/26 đường số 8, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
2612	16184	Vô Danh 1			Đất Làng	Hồ Thanh Bảo	114/16/26 đường số 8, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
2613	16185	Vô Danh 2			Đất Làng	Hồ Thanh Bảo	114/16/26 đường số 8, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
2614	16186	Vô Danh 4			Đất Làng	Hồ Thanh Bảo	114/16/26 đường số 8, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
2615	16190	Nguyễn Thị Dô	1910	1986	Đất Làng	Trương Minh Hận	34 Ấp Chiến Lược, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2616	16191	Trương Văn Điều	1908	1972	Đất Làng	Trương Minh Hận	34 Ấp Chiến Lược, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2617	16192	Lê Thị Thanh	1924	1993	Đất Làng	Đỗ Thị Xong	10 Đường số 8 Cư Xá Ra Đa, phường 13, quận 6
2618	16193	Hồ Tấn Đạt	1952	1994	Đất Làng	Hồ Thanh Bảo	114/16/26 đường số 8, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
2619	16194	Trần Thị Đào			Đất Làng	Trương Thị Anh Huệ	9 Đường 13A, KP 43, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2620	16202	Lại Văn Xuân	1917	1998	Chín Lý	Lại Thị Thu	73 đường 84 Cao Lỗ, phường 4, quận 8

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2621	16207	Trần Kim Tuyền	1919	1989	Chín Lý	Đặng Lâm Dũng	290/88 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh
2622	16208	Nguyễn Thị Tô	1925	1989	Chín Lý	Huỳnh Tấn Phước	71/59/8D Nguyễn Bặc, phường 3, quận Tân Bình
2623	16209	Nguyễn Văn Mánh	1939	1989	Chín Lý	Huỳnh Văn Sửu	16 Hồ Ngọc Lâm, phường 16, quận 8
2624	16217	Nguyễn Thanh Tùng	1966	1988	Chín Lý	Nguyễn Xuân Mai	79 Dương Văn Dương, phường Tân Quý, quận Tân Phú
2625	16224	Trương Thị Cộc	1930	1988	Chín Lý	Phạm Văn Dân	56/50 Thích Quảng Đức, Phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
2626	16225	Tạ Thị Quế	1914	1988	Chín Lý	Lưu Thị Kim Thoa	109 Thống Nhất, phường Tân Thành, quận Tân Phú
2627	16231	Nguyễn Thanh Tùng	1974	1990	Chín Lý	Nguyễn Thị Lan	528/5/101B Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10
2628	16234	Phạm Thị Hạt	1902	1988	Chín Lý	Nguyễn Mỹ Hiệp	710/13 Lũy Bán Bích, phường Tân Thành, quận Tân Phú
2629	16235	Huỳnh Thị Tô	1913	1988	Chín Lý	Trần Hữu Trung	37/5D Đỗ Tấn Phong, phường 9, quận Phú Nhuận
2630	16240	Nguyễn Văn Thái	1918	1990	Chín Lý	Nguyễn Đức Công	453KA/16C Lê Văn Sỹ, phường 12, quận 3
2631	16242	Nguyễn Xuân Phong	1926	1988	Chín Lý	Nguyễn Xuân Phương	384/30/19 Lý Thái Tổ, phường 10, quận 10
2632	16245	Dương Văn Phước	1932	1988	Chín Lý	Dương Trung Thành	241/27A27 Tân Hòa Đông, phường 14, quận 6
2633	16248	Hoa Thị Bảy	1927	1988	Chín Lý	Hoa Văn Dũng	239 Lô M chung cư Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10
2634	16252	Nguyễn Thành Minh	1958	2000	Chín Lý	Nguyễn Văn Út	106H/64 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
2635	16259	Nguyễn Thị Chiện	1918	1993	Chín Lý	Nguyễn Đức Công	453KA/16C Lê Văn Sỹ, phường 12, quận 3
2636	16270	Nguyễn Thị Do	1907	1990	Chín Lý	Lê Bá Nhẫn	270B/16/22/5 Lý Thường Kiệt, phường 6, quận Tân Bình
2637	16272	Phạm Thị Nghĩa	1927	1989	Chín Lý	Đinh Thị Minh Ngọc	475 Lê Văn Sỹ, phường 12, quận 3
2638	16275	Lê Thị Lý		1989	Chín Lý	Lê Bá Nhẫn	270B/16/22/5 Lý Thường Kiệt, phường 6, Tân Bình
2639		Mai Trọng Hải	1989	1990	Chín Lý	Nguyễn Thị Ngọc Lệ	130A Đỗ Bí, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú
2640	16286	Lê Thị Còn		70 T	Chín Lý	Vương Gia Kiều	18/15/19 Hồ Biểu Chánh, phường 11, quận Phú Nhuận
2641	16294	Nguyễn Thị Lương	1914	1994	Chín Lý	Hoàng Thị Hiền	65/10 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận Phú Nhuận
2642	16302	Dương Việt Hùng	1934	1988	Chín Lý	Nguyễn Thị Kim Liên	1806/23/55 Khu phố 6, thị trấn Nhà Bè
2643	16309	Đặng Lực	1938	1989	Chín Lý	Đặng Văn Quang	301 Lô A2 C/c Bình Tiên, phường 1, quận 6
2644	16313	Trần Xuân Hối	1938	1990	Chín Lý	Trần Hữu Trung	37/5D Đỗ Tấn Phong, phường 9, quận Phú Nhuận
2645	16319	Trần Văn Năm	1936	55T	Chín Lý	Trần Thị Huệ	993/13K Lò Gốm, phường 8, quận 6
2646	16323	Trần Thị Bùng	1930	2010	Chín Lý	Trần Thị Hạnh	229/21A Bùi Đình Túy, phường 24, quận Bình Thạnh
2647	16326	Mộ Chử Hoa (Huỳnh Hưng)	1922	2001	Chín Lý	Huỳnh Thị Ngọc Liên	210/44 Nguyễn Văn Luông, phường 11, quận 6
2648	16330	Trần Ngọc Y	1941	1990	Chín Lý	Đoàn Ngọc Thành	245/31 Ba Đình, phường 8, quận 8
2649	16335	Đoàn Văn Dinh	1930	1990	Chín Lý	Lê Thị Thanh Thủy	71/59 Nguyễn Bặc, phường 3, quận Tân Bình
2650	16339	Nguyễn Văn Tâm	1929	1989	Chín Lý	Nguyễn Kim Lệ	12B/22 Phạm Hùng, phường 5, quận 8
2651	16340	Trương Văn Muối	1942	1989	Chín Lý	Cao Thị Bích Ngọc	34/22B Bình Tây, phường 1, quận 6
2652	16341	Nguyễn Bích Loan	1969	1989	Chín Lý	Nguyễn Thị Giàu	49/15 Đường 51, phường 14, quận Gò Vấp
2653	16343	Lê Viết Huyền Trang	1974	1989	Chín Lý	Lê Viết Đạt	69/3 Hồ Thị Kỳ, phường 1, quận 10
2654	16345	Nguyễn Văn Toan	1957	1989	Chín Lý	Nguyễn Anh Tú	213/90 Khuông Việt, phường Phú Trung, quận Tân Phú
2655	16359	Mộ Chử Hoa (Huỳnh Văn)			Chín Lý	Trương Võ Hòa	6A Lầu 1, Lão Tử, phường 11, quận 5

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2656	16363	Trần Thị Bích Liễu	1957	2000	Chín Lý	Đàm Ngọc Trân	333/3/1 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10, quận Phú Nhuận
2657	16365	Lê Vinh Hiền	1982	1989	Chín Lý	Lê Văn Hồng	31A Lê Cao Lãng, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú
2658	16368	Ngô Minh Tuấn	1978	1988	Chín Lý	Ngô Minh Tú	60/24 Trần Mai Ninh, phường 12, quận Bình Thạnh
2659	16372	Nguyễn Trạc	1923	1988	Chín Lý	Nguyễn Thái Bằng	84/44 Hòa Hưng, phường 13, quận 10
2660	16373	Đinh Nho Ban	1925	1988	Chín Lý	Đinh Thị Minh Nguyệt	169/18 đường 11, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
2661	16374	Nguyễn Thị Tâm	1924	1993	Chín Lý	Trần Văn Hiền	367 Lũy Bán Bích, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú
2662	16376	Đoàn Cát Lợi	1931	1988	Chín Lý	Đoàn Văn Nam	5 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú
2663	16387	Nguyễn Thị Bến	1917	2000	Chín Lý	Phan Văn Hùng	7 Lô 1 Hưng Phú, phường 10, quận 8
2664	16388	Phan Văn Trị	1964	1992	Chín Lý	Phan Văn Hùng	7 Lô 1 Hưng Phú, phường 10, quận 8
2665	16390	Hồ Thị Xự	1917	1989	Chín Lý	Nguyễn Thanh Phú	202 Lô C C/c Phạm Thế Hiển, phường 4, quận 8
2666	16394	Đinh Văn Sinh (ND: Hoàng Thị Lang)	1933	1989	Chín Lý	Hoàng Thị Huệ	100/17 Chiến Thắng, phường 9, quận Phú Nhuận
2667	16395	Nguyễn Thanh Thu	1971	1990	Chín Lý	Nguyễn Thanh Tuấn	261/4 Phan Văn Trị, phường 11, quận Bình Thạnh
2668	16396	Thái Xuyên	1907	1990	Chín Lý	Hồ Tấn Anh	211 Lô X chung cư Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10
2669	16397	Hoàng Phúc (ND: Mai Thị Túc)	1914	1993	Chín Lý	Hoàng Thị Huệ	100/17 Chiến Thắng, phường 9, quận Phú Nhuận
2670	16398	Hoàng Phúc	1916	2004	Chín Lý	Hoàng Thị Huệ	100/17 Chiến Thắng, phường 9, quận Phú Nhuận
2671	16400	Phạm Văn Lùn	1932	1990	Chín Lý	Phạm Nhân Đức	421/7/4 Phạm Văn Hai, phường 3, quận Tân Bình
2672	16403	Phạm Công Đức	1963	2002	Chín Lý	Phạm Công Bá Chính	239 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11
2673	16414	Nguyễn Chi	1920	2001	Chín Lý	Nguyễn Ái Liên	52/42 Khiếu Năng Tĩnh, phường An Lạc A, Bình Tân
2674	16419	Võ Văn Thắng	1910	1996	Chín Lý	Võ Kim Sơn	18/3D Bắc Lân, Bà Điểm, Hóc Môn
2675	16421	Trần Gia Tề			Chín Lý	Trần Mỹ Khanh	710/2C Hậu Giang, phường 12, quận 6
2676	16422	Phó Thị Oanh	1932	1996	Chín Lý	Trần Thị Thu Hà	287/58 Nguyễn Đình Chiểu, phường 5, quận 3
2677	16423	Vương Quốc Chính	1919	1997	Chín Lý	Nguyễn Quốc Thanh	634/35 Tỉnh lộ 10, phường Bình Trị Đông, quận Bình Trị Đông
2678	16425	Nguyễn Văn Lợi	1952	1999	Chín Lý	Vũ Thị Thu Trang	45 Tân Sơn Hòa, phường 2, quận Tân Bình
2679	16428	Lý Chí Cường			Chín Lý	Lý Vĩ Hùng	55/8 Phan Đình Phùng, phường Tân Thành, quận Tân Phú
2680	16431	Vũ Quốc An	1976	2000	Chín Lý	Dương Thị Năm	165/50 Tây Thạnh, Tây Thạnh, Tân Phú
2681	16432	Nguyễn Hữu Tín	1958	2000	Chín Lý	Nguyễn Thị Ngọc Phụng	604 Kênh Nước Đen, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2682	16435	Nguyễn Văn Tồn	1918	2000	Chín Lý	Nguyễn Văn Hùng	56/4C Nam Lân, Bà Điểm, Hóc Môn
2683	16441	Lý Tú Trân			Chín Lý	Đỗ Thiệu Tài	116/28 Bình Trị Đông, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân
2684	16447	Nguyễn Vũ Như Uyên	1980	1996	Chín Lý	Vũ Thị Thanh	37/6 Nguyễn Thái Bình, phường 4, quận Tân Bình
2685	16448	Vũ Thị Tươi	1924	1988	Chín Lý	Mai Văn Thành	2/10 Dân Trí, phường 6, quận Tân Bình
2686	16449	Hoàng Thị Thời	1960	2000	Chín Lý	Phạm Văn Tường	169/43 Nguyễn Tư Giản, phường 12, quận Gò Vấp
2687	16450	Phan Văn Trị	1964	1992	Chín Lý	Phan Văn Hùng	7 Lô 1 Hưng Phú, phường 10, quận 8
2688	16451	Đỗ Khánh Long	1914	1992	Chín Lý	Đỗ Công Anh	13/3 Trần Văn Hoàng, phường 9, quận Tân Bình
2689	16452	Trần Văn Hiền	1934	1989	Chín Lý	Trần Thị Kim Năm	53/1 Hoàng Việt, phường 4, quận Tân Bình
2690	16453	Nguyễn Thị Bến	1917	2000	Chín Lý	Phan Văn Hùng	7 Lô 1 Hưng Phú, phường 10, quận 8

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2691	16454	Nguyễn Quang Điền	1912	1989	Chín Lý	Nguyễn Quang Ba	1568 Võ Thành Trang, phường 10, quận Tân Bình
2692	16455	Lương Văn Cận	1931	1998	Chín Lý	Lương Kim Thanh	121B Phan Văn Khỏe, phường 2, quận 6
2693	16456	Lương Thanh Long	1959	2000	Chín Lý	Lương Thị Thanh Nga	147/28 Đường số 8, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
2694	16457	Nguyễn Thị Lai	1915	1988	Chín Lý	Trần Văn Út	440/71J Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Phú Nhuận
2695	16458	Huỳnh Tẩu	1945	2003	Nguyễn Văn Bi	Huỳnh Thị Luyến	27/36/35/2/1 Bùi Tư Toàn, phường An Lạc, quận Bình Tân
2696	16479	Nguyễn Đình Đạt	1901	2004	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Đình Thái	601/12/11 Cách Mạng Tháng Tám, phường 15, quận 10
2697	16480	Phan Văn Hai	1926	1994	Nguyễn Văn Bi	Đặng Thị Cúc	68/159 Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1
2698	16482	Nguyễn Thị Lợi	1955	1995	Nguyễn Văn Bi	Hà Văn Tài	840/76/9 Hương Lộ 2, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân
2699	16483	Nguyễn Văn Chính	1915 1923	2000	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Nhật Dũng	57B Nguyễn Văn Quý, khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, quận 7
2700	16484	Nguyễn Thị Chính	1923	2007	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Nhật Dũng	57B Nguyễn Văn Quý, khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, quận 7
2701	16485	Võ Văn Lễ	1954	2005	Nguyễn Văn Bi	Võ Thị Thu Loan	102/12 Vườn Chuối, phường 4, quận 3
2702	16487	Trần Thị Chôm	1922	2007	Nguyễn Văn Bi	Trần Thị Phước	4/76 Trần Khắc Chân, phường Tân Định, quận 1
2703	16488	Nguyễn Thị Sáu	1912	2002	Nguyễn Văn Bi	Phạm Huy Phương	18/13C Lãnh Binh Thăng, phường 11, quận 11
2704	16490	Hoàng Thị Tinh	1907	2010	Nguyễn Văn Bi	Đỗ Văn Đông	111 đường số 6, phường 4, quận 4
2705	16491	Nguyễn Đức Hùng	1967	1996	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Chí Linh	Ấp Thị Tường, xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước, Cà Mau
2706	16494	Trần Hữu Hòa	1957	1997	Nguyễn Văn Bi	Lê Thị Mỹ Hạnh	77/9A Phạm Văn Hai, phường 17, quận Bình Thạnh
2707	16505	Lê Thị Huê	1923	1992	Nguyễn Văn Bi	lê Văn Há	48F/1 Hoàng Sĩ Khải, phường 14, quận 8
2708	16506	Lâm Đông Vinh	1918	1992	Nguyễn Văn Bi	Lâm Cẩm Hoa	6L/34A Ngô Sĩ Liên, Phường 14, Quận 8
2709	16511	Cao Thị Lượm	1914	2008	Nguyễn Văn Bi	Phạm Thị Kim Ngân	403/6 Phan Xích Long, phường 3, quận Phú Nhuận
2710	16512	Võ Thị Giỏi	1882	1953	Nguyễn Văn Bi	Phạm Thị Kim Ngân	403/6 Phan Xích Long, phường 3, quận Phú Nhuận
2711	16513	Nguyễn Văn Danh	1942	1953	Nguyễn Văn Bi	Phạm Thị Kim Ngân	403/6 Phan Xích Long, phường 3, quận Phú Nhuận
2712	16514	Cao Văn Ty	1880	1946	Nguyễn Văn Bi	Phạm Thị Kim Ngân	403/6 Phan Xích Long, phường 3, quận Phú Nhuận
2713	16515	Phạm Thị Dành	1901	1937	Nguyễn Văn Bi	Phạm Thị Kim Ngân	403/6 Phan Xích Long, phường 3, quận Phú Nhuận
2714	16516	Nguyễn Văn Tư	1939	1993	Nguyễn Văn Bi	Phạm Thị Kim Ngân	403/6 Phan Xích Long, phường 3, quận Phú Nhuận
2715	16517	Vô Danh (không bia)			Nguyễn Văn Bi	Phạm Thị Kim Ngân	403/6 Phan Xích Long, phường 3, quận Phú Nhuận
2716	16527	Nguyễn Chí Từ	1951	2002	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Thiên Hà	5 Nghĩa Phát, Phường 6, Quận Tân Bình
2717	16534	Lê Thị Hòa	1956	1997	Nguyễn Văn Bi	Trần Huy Trọng Diệp	12/12C Nguyễn Đình Chiểu, phường ĐaKao, quận 1
2718	16539	Nguyễn Văn Muôn	1928	1994	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Ngọc Long	89/17 Vườn Chuối, phường 4, quận 3
2719	16541	Đặng Tương Đặng Ngọc Trân	1918 .	1999 .	Nguyễn Văn Bi	Lê Thị Ngọc Hà	20 Trương Công Định, phường 14, quận Tân Bình
2720	16542	Đặng Thị Ngọc Mỹ	1962	2001	Nguyễn Văn Bi	Lê Thị Ngọc Hà	20 Trương Công Định, phường 14, quận Tân Bình
2721	16543	Võ Thị Luận	1956	1998	Nguyễn Văn Bi	Phạm Tư Lệnh	554/19 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3
2722	16544	Nguyễn Thông Minh	1964	1996	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Minh Quan	40/43/4 Hồ Văn Long, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân
2723	16548	Lưu Văn Núi	1926	1994	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Hữu Phúc	425/16 Nguyễn Đình Chiểu, phường 5, quận 3
2724	16554	Nguyễn Văn Khánh	1920	1994	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Hoàng Sơn	62/20/15 Huỳnh Khương An, phường 5, quận Gò Vấp
2725	16555	Nguyễn Văn Hên	1921	1994	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Văn Hậu	52/15Bis Nguyễn Hữu Cầu, phường Tân Định, quận 1

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2726	16557	Dương Thuận	1937	1994	Nguyễn Văn Bi	Dương Cường	462/36 Cách Mạng Tháng 8, phường 11, Quận 3
2727	16558	Nguyễn Thị Lang	1922	1994	Nguyễn Văn Bi	Trần Hải Tuyên	36 Bến Phú Lâm, phường 9, quận 6
2728	16561	Đỗ Văn Trọng	1962	1996	Nguyễn Văn Bi	Đỗ Văn Phúc	64 D1 , phường 23 , quận Bình Thạnh
2729	16565	Lê Văn Trung	1959	1994	Nguyễn Văn Bi	Lê Văn Dũng	332/53/9 Dương Quảng Hàm, phường 5, quận Gò Vấp
2730	16572	Trần Thị Tám	1916	1999	Nguyễn Văn Bi	Ngô Thị Núi	212/11 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
2731	16574	La Thị Mười	1933	1998	Nguyễn Văn Bi	La Thị Đáng	7/11 Hưng Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn
2732	16577	Phạm Đức Tú	1922	1996	Nguyễn Văn Bi	Phạm Đức Thao	353A Lê Quang Định, quận Bình Thạnh
2733	16578	Phan Thị Phước	1912	1997	Nguyễn Văn Bi	Phan Minh Đạo	32 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận Gò Vấp
2734	16584	Lâm Văn Nhỏ	1942	1999	Nguyễn Văn Bi	Lâm Trọng Thái	345/24 Hậu Giang, phường 5, quận 6
2735	16586	Võ Thị Mai	1934	2014	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Văn Quý	26/20/1 Đường số 19A, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2736	16592	Nguyễn Thị Mỹ Dung	1940	1959	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Đăng Hoàng Nguyên	221/11 Lê Văn Sỹ, phường 13, quận 3
2737	16593	Nguyễn Đình Quát	1914	1981	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Đăng Hoàng Nguyên	221/11 Lê Văn Sỹ, phường 13, quận 3
2738	16594	Nguyễn Thị Ba	1930	2017	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Đăng Hoàng Nguyên	221/11 Lê Văn Sỹ, phường 13, quận 3
2739	16606	Nguyễn Văn Tý		1975	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Văn Hùng	544 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
2740	16611	Nguyễn Văn Qươn	1891	1942	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Văn Mười	693/4 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân
2741	16612	Phạm Thị Khả	1897	1928	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Văn Mười	693/4 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân
2742	16613	Nguyễn Thị Chuyển	1939	1970	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Văn Mười	693/4 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân
2743	16614	Nguyễn Thị Huyền	1936	1942	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Văn Mười	693/4 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân
2744	16618	Vô Danh(không bia)			Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Văn Thứ	548/60 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân
2745	16620	Nguyễn Văn Thanh	1949	1998	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Văn Cầu	604A Tân Kỳ Tân Quý, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
2746	16621	Phạm Thị Tý	1917	2013	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Văn Hùng	544 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
2747	16623	Vô Danh(không bia)			Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Văn Hùng	544 Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
2748	16635	Nguyễn Văn Quế	1927	1998	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Thị Sen	282 Cư xá Lý Thái Tổ, phường 1, quận 3
2749	16636	Mộ chữ hoa (Linh Tắc Bó)			Nguyễn Văn Bi	Linh Khâm Thọ	173/15/32A Khuông Việt, phường Phú Trung, quận Tân Phú
2750	16637	Mộ chữ hoa (Điêu A Mẩn)			Nguyễn Văn Bi	Linh Khâm Thọ	173/15/32A Khuông Việt, phường Phú Trung, quận Tân Phú
2751	16641	Nguyễn Hữu Tài	1956	1998	Nguyễn Văn Bi	Lý Thị Mỹ	40/69 Trần Quang Diệu, phường 14, quận 3
2752	16644	Nguyễn Thị Dung	1928	1998	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Thị Bích Vân	159/69 Trần Văn Đang, phường 11, quận 3
2753	16646	Hà Thị Tư		1996	Nguyễn Văn Bi	Trần Thanh Hùng	13G đường số 13, phường An Lạc, quận Bình Tân
2754	16647	Trần Văn Hai		1992	Nguyễn Văn Bi	Trần Thanh Hùng	13G đường số 13, phường An Lạc, quận Bình Tân
2755	16650	Quách Mậu Viêm	1914	1997	Nguyễn Văn Bi	Chiêm Mỹ Nga	150/16/20 Lý Chính Thắng, phường Võ Thị Sáu, quận 3
2756	16662	Phan Thị Bát	1912	2006	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Văn Hào	489/25 Huỳnh Văn Bánh, phường 13, quận Phú Nhuận
2757	16663	Nguyễn Văn Minh (hiệu: Phan Như Phước)	1941	1996	Nguyễn Văn Bi	Dương Thị Thu	123/22 Hồ Văn Long, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân
2758	16666	Trần Hữu Ngọc	1927	2009	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Tiến Dũng	46 Tân Canh, Phường 1, Quận Tân Bình
2759	16667	Tôn Nữ Thị Nam Trân	1928	1995	Nguyễn Văn Bi	Nguyễn Tiến Dũng	46 Tân Canh, Phường 1, Quận Tân Bình
2760	16672	Phạm Văn Ty	1920	1995	Nguyễn Văn Bi	Phạm Văn Dân	56/50 Thích Quảng Đức, Phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2761	16674	Trần Văn Tinh	1935	1994	Nguyễn Văn Bi	Trần Thị Nhân	578/14/7 Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp
2762	16675	Ngô Hanh Đoàng	1914	1995	Nguyễn Văn Bi	Ngô Lê Chi Mai	85/9 Lê Liễu, phường Tân Quý, quận Tân Phú
2763	16677	Huỳnh Đức Thanh	1972	1996	Nguyễn Văn Bi	Huỳnh Đức Thành	136/32 Nguyễn Thị Tần, phường 2, quận 8
2764	16678	Nguyễn Năm (Nguyễn Tường)	1950	1995	Nguyễn Văn Bi	Đặng Thị Hạ	29/28 Đoàn Thị Điểm, phường 1, quận Phú Nhuận
2765	16679	Lê Thị Nga	1957	1996	Nguyễn Văn Bi	Lê Thanh Thúy	272 Bùi Thị Xuân, phường 3, quận Tân Bình
2766	16717	Nguyễn Văn Đệ	1984	1990	Bảy Bạch	Phạm Thị Thủy	Tổ 1, khóm 8, thị trấn Cái Vồn, Bình Minh, Vĩnh Long
2767	16720	Nguyễn Thị Nga	1990	1990	Bảy Bạch	Diệp Thanh Vân	747 CMT8, phường 6, quận Tân Bình
2768	16738	Nguyễn Thị Hi	1899	1989	Bảy Bạch	Nguyễn Văn Tiên	35 Đường 1B, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân
2769	16739	Nguyễn Văn Khiết (gãy bia)	1915	1989	Bảy Bạch	Nguyễn Tiến Bình	993/13F Lò Gò, phường 8, quận 6
2770	16777	Trần Thị Kim Hoa	1949	2003	Bảy Bạch	Nguyễn Hữu Hạnh	56/5 Bùi Viện, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1
2771	16778	Trần Thị Triều	1923	1991	Bảy Bạch	Võ Ngọc Ánh	799/12 Tổ 26, KP2, phường An Phú Đông, quận 12
2772	16779	Lương Thị Hoa	1914	1994	Bảy Bạch	Nguyễn Thái Lộc	20/24A Hồ Thị Kỷ, phường 1, quận 10
2773	16790	Nguyễn Văn Ký	1927	1990	Bảy Bạch	Nguyễn Đình Phúc	131/71 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10
2774	16799	Nguyễn Thị Tóc	1916	1995	Bảy Bạch	Sai Mỹ Thu	337A Nguyễn Ảnh Thủ, KP3, phường Hiệp Thành, quận 12
2775	16807	Hồ Văn Lộc	1928	1990	Bảy Bạch	Nguyễn Thị Kiều Nhung	Tổ 2, ấp Phước Hưng 1, xã Phước Lâm, Tân Giuộc, Long An
2776	16814	Lê Thị Ứng	1933	1997	Bảy Bạch	Lê Thanh Phương	28/19A Đường 9A, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân
2777	16819	Trần Văn Thêm	1922	1989	Bảy Bạch	Trần Thế Long	187/2D Cô Giang, phường Cô Giang, quận 11
2778	16824	Nguyễn Văn Đua	1924	1991	Bảy Bạch	Nguyễn Thị Cảnh	57/64 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh
2779	16837	Nguyễn Thị Điều	1910	1991	Bảy Bạch	Nguyễn Quang Sang	31L/17A Ngô Sĩ Liên, phường 14, quận 8
2780	16842	Lê Đình Phan	1923	1993	Bảy Bạch	Nguyễn Thị Cảnh	57/64 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh
2781	16843	Nguyễn Phúc Ánh	1933	1993	Bảy Bạch	Nguyễn Ngọc Cường	20 Chí Linh, phường 6, quận Tân Bình
2782	16849	Đỗ Văn Bốn	1926	1988	Bảy Bạch	Đỗ Văn Đức	467/13A Lê Đại Hành, phường 11, Quận 11
2783	16854	Lê Hoàng Bá	1926	2002	Bảy Bạch	Lê Thị Hoàng Hoa	100/165 Thích Quảng Đức, phường 5, quận Phú Nhuận
2784	16855	Trần Thị Chúc	1922	1986	Bảy Bạch	Lê Thị Hoàng Hoa	100/165 Thích Quảng Đức, phường 5, quận Phú Nhuận
2785	16859	Nguyễn Thị Ba	1947	1987	Bảy Bạch	Võ Thị Kim Oanh	277/9 Trường Chinh, phường 14, quận Tân Bình
2786	16869	Đặng Văn Thai	1991	1991	Bảy Bạch	Đặng Văn An	60 Đường số 6, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân
2787	16870	Lê Hoàng Sa	1989	1989	Bảy Bạch	Hoàng Thị Vinh	116/70 Huỳnh Tấn Phát, Tân Thuận Tây, quận 7
2788	16873	Nguyễn Văn Nhỏ	1930	1992	Bảy Bạch	Nguyễn Văn Hên	30/12H Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh
2789	16874	Lương Thị Giới	1933	1997	Bảy Bạch	Nguyễn Văn Hên	30/12H Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh
2790	16880	Nguyễn Thị Sừu	1912	1998	Bảy Bạch	Nguyễn Văn Mười	22/21/2 Mai Văn Ngọc, phường 10, quận Phú Nhuận
2791	16881	Nguyễn Thị Sừu	1911	1991	Bảy Bạch	Nguyễn Văn Mười	22/21/2 Mai Văn Ngọc, phường 10, quận Phú Nhuận
2792	16901	Nguyễn Thị Tư	1925	1991	Bảy Bạch	Nguyễn Thị Kim Yến	239/4 Trần Văn Đàng, phường 11, quận 3
2793	16915	Trần Xuân Vinh	1960	1991	Bảy Bạch	Trần Xuân Quang	32 Tổ 28, khu phố 2, phường Trung Mỹ Tây, quận 12
2794	16917	Hoàng Tú Châu	1942	1992	Bảy Bạch	Tăng Nhục Sỏi	737/33/6 Lạc Long Quân, phường 10, quận Tân Bình
2795	16918	Nguyễn Cẩn	1908	1992	Bảy Bạch	Nguyễn Ngọc Đoan	221 Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2796	16923	Lâm Văn Sai	1956	1993	Bảy Bạch	Nguyễn Ngọc Hồng	159/52/4 Trần Văn Đàng, phường 11, quận 3
2797	16925	Đào Trung Hiếu	1971	1991	Bảy Bạch	Trần Thị Ngọc	15/47A Lô Tư, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2798	16927	Trần Thị Sanh	1908	1990	Bảy Bạch	Ngô Thị Thảo	58 Lê Cảnh Tuân, phường Phú Thị Hòa, quận Tân Phú
2799	16949	Phạm Lâm	1928	1988	Bảy Bạch	Trần Quốc Lệnh	24/18 Nghĩa Hòa, phường 6, quận Tân Bình
2800	16961	Nguyễn Thị Hậu	1937	1990	Bảy Bạch	Trần Thị Ngọc Thanh	3B22/3 Ấp 3, Xã Phạm Văn Hai, Bình Chánh
2801	16974	Nguyễn Minh Đức	1961	1988	Bảy Bạch	Nguyễn Tiến Dũng	33/15 Đặng Lộ, phường 7, quận Tân Bình
2802	16976	Đào Văn Sức	1925	1988	Bảy Bạch	Trần Thị Ngọc	15/47A Lô Tư, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2803	16978	Trần Minh Tú	1981	1988	Bảy Bạch	Trần Công Dũng	256/8 Phann Huy Ích, phường 12, quận Gò Vấp
2804	16984	Nguyễn Thế Anh	1989	1990	Bảy Bạch	Nguyễn Thế Vinh	447/26 Tân Sơn, phường An Hội Tây, Tp. HCM
2805	16987	Huỳnh Thị Kim Liên	1932	1989	Bảy Bạch	Đoàn Thị Hiền	380/88/5 Phạm Văn Chiêu, phường 9, quận Gò Vấp
2806	17006	Nguyễn Thị Ninh	1954		Bảy Bạch	Đặng Thị Lan	965/128/111 Quang Trung, phường 14, quận Gò Vấp
2807	17007	Nguyễn Đức Châu	1939	1990	Bảy Bạch	Nguyễn Đức Sơn	316, Lô E, chung cư Nguyễn Thiện Thuận, phường 1, quận 3
2808	17008	Trần Kim Anh	1949	1990	Bảy Bạch	Nguyễn Văn Hùng	284/17/14 đường 26/3, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân
2809	17015	Vũ Thị Tý	1905	1988	Bảy Bạch	Nguyễn Thị Thanh	122 Lê Sát, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú
2810	17033	Vũ Văn Kết	1958	1989	Bảy Bạch	Nguyễn Thị Kim Yến	239/4 Trần Văn Đàng, phường 11, quận 3
2811	17034	Phùng Thị Sơn	1913	1989	Bảy Bạch	Cù Đức Môn	436 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình
2812	17037	Lê Thị Phụ	1928	2005	Bảy Bạch	Đinh Ngọc Huy	53/45 đường số 8B, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2813	17038	Trần Văn Minh	1950	1989	Bảy Bạch	Đinh Ngọc Huy	53/45 đường số 8B, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2814	17039	Lê Văn Cận	1937	1989	Bảy Bạch	Lê Thị Thanh Tâm	212/158/86 Nguyễn Văn Nguyễn, phường Tân Định, quận 1
2815	17042	Vũ Thị Sê	1917	1991	Bảy Bạch	Khổng Hữu Sắc	453KA/55A Lê Văn Sỹ, phường 12, quận 3
2816	17043	Trịnh Thị Viên	1927	1991	Bảy Bạch	Nguyễn Văn Thái	280/70/2A Bùi Hữu Nghĩa, phường 2, quận Bình Thạnh
2817	17050	Nguyễn Tấn Dương	1988	1990	Bảy Bạch	Nguyễn Tuấn Hồ	143/11G Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh
2818	17054	Võ Thị Hường	1926	1990	Bảy Bạch	Võ Văn Nghĩa	87/9 Nguyễn Thị Nhỏ, phường 9, quận Tân Bình
2819	17059	Nguyễn Hùng Cường	1972	1989	Bảy Bạch	Nguyễn Thị Hồng	72/17 Bánh Ván Trăn, phường 7, quận Tân Bình
2820	17062	Dương Văn Từ	1925	1988	Bảy Bạch	Dương Quý Lắm	289/8/25 Bình Đông, phường 14, quận 8
2821	17066	Nguyễn Thị Hạnh	1927	1988	Bảy Bạch	Vũ Quang Nghị	127/2/52 Lê Thúc Hoạch, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
2822	17069	Nguyễn Phước Thành (gây bia)	1915	1988	Bảy Bạch	Nguyễn Văn Sanh	26/1 đường số 4, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
2823	17071	Trần Thị Kim Thoa	1967	1987	Bảy Bạch	Trần Thị Xuân Thi	186 Lê Sát, Tân Quý, Tân Phú
2824	17106	Hoàng Ngọc Châu	1912	1997	Bảy Bạch	Hoàng Thị Vinh	116/70 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Tây, quận 7
2825	17107	Nguyễn Thị Tịch	1932	2009	Bảy Bạch	Hoàng Thị Vinh	116/70 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Tây, quận 7
2826	17109	Trần Thị Tuyết (77 Tuổi)	Giáp Tuất	1994	Bảy Bạch	Cao Đắc Dũng	638/4 L6 Hồng Phong, Phường 10, Quận 10
2827	17110	Trần Thị Lễ	1930	2002	Bảy Bạch	Nguyễn Thị Phúc	122/5 Thoại Ngọc Hầu, Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
2828	17113	Phạm Thị Xi	1922	1999	Bảy Bạch	Huỳnh Văn Chia	243/92 Ter Tôn Thất Thuyết, phường 3, quận 4
2829	17138	Nguyễn Thị Lực	1932	1996	Bảy Bạch	Nguyễn Thị Liễu	690/7A Lê Hồng Phong, phường Vườn Lài
2830	17151	Lưu Thanh Sang (Bia mộ ghi: Lưu Văn Ngân)	1958	1992	Bảy Bạch	Nguyễn Thị Anh Đào	521/32/9B Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2831	17154	Đặng Thành Tân	1930	1993	Bảy Bạch	Đặng Thanh Tốt	6/9 Bùi Thị Xuân, phường 2, quận Tân Bình
2832	17159	Nguyễn Thị Huệ	1911	1993	Bảy Bạch	Lê Hữu Nhi	995/62 Hồng Bàng, phường 12, quận 6
2833	17161	Võ Quang Ái	1922	1998	Bảy Bạch	Võ Ngọc Ánh	799/12 Tô 26, KP2, phường An Phú Đông, quận 2
2834	17171	Vô danh bia mờ, không rõ tên	1985	1991	Bảy Bạch	Nguyễn Thị Kim Cúc	235 Hàn Hải Nguyên, Phường 2, Quận 11
2835	17172	Đàm Kiềng	1922	1990	Bảy Bạch	Nguyễn Thị Nhỏ	295/5/9 đường 3-2, phường 10, quận 10
2836	17177	Nguyễn Thị Tha			Bảy Bạch	Ngô Thị Ánh Tuyết	44/4B Điện Biên Phủ, KP 14, Gia Định, Tp. HCM
2837	17178	Dương Văn Tâm	1955	2001	Bảy Bạch	Dương Thị Ngọc Loan	53/9E Lâm Văn Bền, phường Tân Kiềng, quận 7
2838	17179	Nguyễn Thị Nghiên	1912	1989	Bảy Bạch	Nguyễn Quốc Việt	167/1 Phan Văn Hớn, Tân Thới Nhất, quận 12
2839	17180	Đỗ Văn Nhẫn	1968	1990	Bảy Bạch	Đỗ Thị Kim Chi	1246/2/8 Tinh Lộ 10, phường Tân Tạo, quận Bình Tân
2840	17181	Đặng Thị Nhân	1919	2001	Bảy Bạch	Nguyễn Thị Tố Nga	1053/16/11 Lê Đức Thọ, phường 16, quận Gò Vấp
2841	17182	Nguyễn Văn Lâm	1923	1986	Bảy Bạch	Nguyễn Thị Tố Nga	1053/16/11 Lê Đức Thọ, phường 16, quận Gò Vấp
2842	17183	Đỗ Văn Thắng	1935	2001	Bảy Bạch	Đỗ Anh Dũng	15A/22 Chánh Hưng, phường 5, quận 8
2843	17184	Nguyễn Thị Chiêu	1926	2005	Bảy Bạch	Nguyễn Thị Sang	295/8/8 đường 3 tháng 2, phường 10, quận 10
2844	17185	Nguyễn Trần Minh Thiện	1984	2000	Bảy Bạch	Nguyễn Văn Rằm	550/15/7 Ấp 3, Phú Xuân, Nhà Bè
2845	17186	Trần Văn Thực	1925	1989	Bảy Bạch	Trần Thị Ngát	373/172/13 Lý Thường Kiệt, phường 8, quận Tân Bình
2846	17187	Lê Thị Kim Phước	1944	1990	Bảy Bạch	Nguyễn Thị Thanh Hương	1093 Tự Lập, phường 4, quận Tân Bình
2847	17188	Nguyễn Văn Tốt	1926	1995	Bảy Bạch	Nguyễn Thị Xuân Thu	109/28 Nguyễn Thiện Thuật, phường 2, quận 3
2848	17189	Nguyễn Văn Knot (bìa mộ ghi: Nguyễn Văn Khat)			Bảy Bạch	Nguyễn Huy Khánh	60 Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, quận 1
2849	17193	Đinh Văn Hiếm (tự Mễ)	1916	2005	Bảy Bạch	Trần Đình Hùng	48/25F Nguyễn Biểu, phường 1, quận 5
2850	17197	Nguyễn Thị Kim Hoa	1963	1996	Bảy Bạch	Tôn Văn Bé	3/207 Hòa Lân 1 , Thuận Giao , Thuận Ao , Bình Dương
2851	17198	Phạm Ngọc Sơn (Phạm Văn Xứng)	1935 (1928)	2001	Bảy Bạch	Phạm Hồng Nhung	106/202 Tôn Thất Thuyết, phường 13, quận 11
2852	17201	Nguyễn Thị Trọng	1926	1995	Bảy Bạch	Trương Dũng Tiến	906/47A Lò Gốm, phường 5, quận 6
2853	17215	Vô danh (không bia) Phạm Văn Hải	1900	1983	Bảy Bạch	Phạm Nhật Trường	7 Tôn Thất Thuyết, phường 18, quận 4 (2174/29/5B Huỳnh Tấn Phát, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè)
2854	17219	Nguyễn Thị Tuyết Lan	1962	1990	Bảy Bạch	Nguyễn Văn Thanh	S139 Tôn Thất Thuyết, phường 1, quận 4
2855	17225	Nguyễn Viêt Tuấn	1983	1988	Bảy Bạch	Lê Thị Lệ Hằng	82/4/32 H2, phường 27, quận Bình Thạnh
2856	17228	Vô danh		1989	Bảy Bạch	Đỗ Văn Lê	8/7 đường Số 2, phường Tân Nhơn Phú B, Tphường Thủ Đức
2857	17232	Đỗ Thị Hoạt	1922	1989	Bảy Bạch	Trần Thị Chí Thảo	158 Nghĩa Phát, phường 7, quận Tân Bình
2858	17240	Trần Thị Tềnh	1903	1998	Bảy Bạch	Trần Thị Thanh Vân	182 Nghĩa Phát, phường 7, quận Tân Bình
2859	17241	Phan Văn Mão	1917	2001	Bảy Bạch	Trần Thanh Bình	35/25 Nguyễn Xuân Ôn, phường 2, quận Bình Thạnh
2860	17552	Nguyễn Văn Chính	1919	1994	Bắc Hà A	Phạm Văn Điệp	11 Bình Giã, phường 133, Tân Bình
2861	17608	Dương Văn Ngãi	1925	1995	Bắc Hà A	Dương Thị Huệ	41/29 Sư Vạn Hạnh, phường 3, quận 10
2862	17612	Nguyễn Thị Hào	1922	1993	Bắc Hà A	Lê Quốc Tuấn	49/840 Nhật Tảo, phường 4, quận 10
2863	17639	Nguyễn Thị Đáng	1922	1996	Bắc Hà A	Vũ Thụy Bích Trâm	480/45 Nguyễn Tri Phương, phường 9, quận 10
2864	17742	Thân Thị Vân	1924	2000	Bắc Hà A	Thân Thị Minh Hà	45/1B Bình Tiên, phường 7, quận 6
2865	17775	La Muội	1935	2008	Bắc Hà A	Lý Tiểu Thanh	290/45/24B Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2866	17856	Trần Thị Thơ	1930	2009	Bắc Hà A	Trần Đình Phụng	306 Bà Hạt, phường 9, quận 10
2867	17857	Nguyễn Văn Lập	1939	1996	Bắc Hà A	Nguyễn Thị Phi	123/5 Bà Hạt, phường 9, quận 10
2868	17858	Hoàng Thị Niên	1926	2006	Bắc Hà A	Nguyễn Thị Phi	123/5 Bà Hạt, phường 9, quận 10
2869	17946	Nguyễn Bá Hiệp	1958	1999	Bắc Hà B		
2870	17950	Phạm Văn Trung	1955	1999	Bắc Hà B	Phạm Đức Quân	256/22 Nguyễn Tiểu La, phường 8, quận 10
2871	17959	Phạm Thị Sợi	1926	2004	Bắc Hà B	Hoàng Thị Quốc Thái	46/261/16 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp
2872	17966	Phạm Thị Tho	1927	1999	Bắc Hà B	Vương Thị Ánh Hồng	25/18/10 Nguyễn Minh Châu, phường Phú Trung, quận Tân Phú
2873	17967	Vương Xuân Hựu	1926	2002	Bắc Hà B	Vương Thị Ánh Hồng	25/18/10 Nguyễn Minh Châu, phường Phú Trung, quận Tân Phú
2874	17979	Trần Thị Lài	1949	1997	Bắc Hà B	Tạ Hữu Lý	369/16 Lý Thái Tổ, phường 9, quận 10
2875	17992	Nguyễn Thị Nhan	1933	1999	Bắc Hà B	Phạm Thị Thủy Tiên	308 Nhật Tảo, phường 8, quận 10
2876	17993	Phạm Văn Châu	1928	2007	Bắc Hà B	Phạm Thị Thủy Tiên	308 Nhật Tảo, phường 8, quận 10
2877	18050	Nguyễn Văn Thanh	1946	2010	Chín Hoàng	Nguyễn Thị Thi	197 đường 3 tháng 2, phường 9, quận 10
2878	18055	Võ Thị Thu Hằng	1990	2000	Chín Hoàng	Võ Minh Nhựt	49C Bùi Đình Túy, phường 12, quận Bình Thạnh
2879	18059	Trần Văn Chát	1924	2000	Chín Hoàng	Trần Anh Trung	71 Phan Văn Năm, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú
2880	18078	Đặng Thị Hạnh	1952	2000	Chín Hoàng	Lê Đăng Đại Dương	62/24 Nhất Chi Mai, phường 13, quận Tân Bình
2881	18080	Nguyễn Thị Lành	1926	2001	Chín Hoàng	Nguyễn Huỳnh Qua	005 Lô F, Chung cư Ân Quang, phường 9, quận 10
2882	18081	Dương Đức Thành	1961	2000	Chín Hoàng	Lưu Ngọc Thông	100/25F Phong Phú, phường 12, quận 8
2883	18091	Đỗ Thị Tuyền	1941	2000	Chín Hoàng	Đặng Quang Sơn	277A Minh Phụng, phường 2, quận 11
2884	18093	Nguyễn Thị Lệ	1935	2000	Chín Hoàng	Phạm Ngọc Khánh	124/29 Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1
2885	18094	Nguyễn Chính Định	1927	2000	Chín Hoàng	Nguyễn Thị Nhàng	725/80 Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú
2886	18095	Nguyễn Thị Phú	1930	2005	Chín Hoàng	Nguyễn Thị Nhàng	725/80 Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú
2887	18118	Nguyễn Khắc Kiểm	1928	2001	Chín Hoàng	Nguyễn Khắc Sơn	610 Phạm Văn Chí, phường 8, quận 6
2888	18144	Đinh Bá Luân	1977	2002	Chín Hoàng	Đinh Bá Quang	962/7 An Dương Vương, phường 13, quận 6
2889	18163	Võ Văn Đù	1922	1994	Chín Hoàng	Võ Thị Hai	270/26/21 Phan Đình Phùng, phường 1, quận Phú Nhuận
2890	18164	Lê Văn Miên	1950		Chín Hoàng	Nguyễn Thị Gái	293/112A Cách Mạng Tháng Tám, phường 14, quận Tân Bình
2891	18176	Vy Thị Huệ	1924	1994	Chín Hoàng	Vy Anh Đào	158/217/11 Phạm Văn Hai, phường 3, quận Tân Bình
2892	18178	Hoàng Văn Năm	1951	1993	Chín Hoàng	Hoàng Thị Hoàn	150/2A Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận
2893	18181	Phạm Thị Khôn	1909	1994	Chín Hoàng	Lê Minh Chánh	463B/67 CMT8 , phường 13 , quận 10 , TpHCM
2894	18182	Trần Hiệc	1911	1998	Chín Hoàng	Trần Quang Phương	463B/67 CMT8 , phường 13 , quận 10 , TpHCM
2895	18183	Phạm Thị Khoán	1912	1993	Chín Hoàng	Trần Quang Phương	463B/67 CMT8 , phường 13 , quận 10
2896	18184	Lê Văn Giỏi	1933	1993	Chín Hoàng	Lê Thị Thanh Mai	170/1D3 Tân Hòa Đông, phường 14, quận 6
2897	18188	Ngô Thị Thảo	1915	1993	Chín Hoàng	Đặng Doãn Hường	518/8/10 Lê Văn Sỹ, phường 11, quận Phú Nhuận
2898	18189	Phạm Thị Nhạn	1923	1993	Chín Hoàng	Trịnh Quang Minh	Tổ 4, Ấp 5, Hưng Hòa, Bàu Bàng, Bình Dương
2899	18193	Phạm Thị Liên	1958	1993	Chín Hoàng	Trần Công Danh	34/4 Hòa Hưng, phường 13, quận 10
2900	18194	Trần Công Đức	1993	1993	Chín Hoàng	Trần Công Danh	34/4 Hòa Hưng, phường 13, quận 10

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2901	18205	Ngô Thị Lai	1906	1994	Chín Hoàng	Nguyễn Thị Hương	162/7 Cao Thắng, phường 11, quận 10
2902	18208	Đỗ Đình Diễm	1929	1994	Chín Hoàng	Đỗ Đình Long	18/11 Trung Lang, phường 12, quận Tân Bình
2903	18210	Cao Thị The	1918	1994	Chín Hoàng	Nguyễn Văn Đức	56/46 Nguyễn Bá Tông , phường 11 , quận Tân Bình , TpHCM
2904	18211	Nguyễn Thị Bích Lan	1949	1994	Chín Hoàng	Đào Duy Tân	220/24/25 Hoàng Hoa Thám, phường 5, quận Bình Thạnh
2905	18214	Đỗ Văn Liêu	1945		Chín Hoàng	Đỗ Hoàng Lập	27 Phùng Văn Cung, phường 2, quận Phú Nhuận
2906	18218	Trần Thị Hoa			Chín Hoàng	Nguyễn Thành Đạt	10/9 Trương Công Định, Phường 14, Quận Tân Bình
2907	18220	Đặng Văn Hùng	1956	1994	Chín Hoàng	Nguyễn Thị Hường	170/19/19 Hoàng Văn Thụ, phường 9, quận Phú Nhuận
2908	18227	Tô Thị Hòa	1930	1994	Chín Hoàng	Tô Văn Hùng	10/2 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1
2909	18228	Tô Thị Tâm	1932	1997	Chín Hoàng	Tô Văn Hùng	10/2 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1
2910	18243	Huỳnh Văn Tim	1926	1994	Chín Hoàng	Huỳnh Minh Tùng	18/B418 C/c Huỳnh Văn Chính, phường Phú Trung, quận Tân Phú
2911	18244	Nguyễn Xuân Bình	1947	1994	Chín Hoàng	Nguyễn Mạnh Hùng	128/5C Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1
2912	18248	Đỗ Nguyễn Ngọc Anh	1984	1995	Chín Hoàng	Nguyễn Thị Kim Hoa	7 Nguyễn Thành Ý, phường ĐaKao, quận 1
2913	18249	Lê Văn Lâu	1920	1994	Chín Hoàng	Lê Văn Nhiều	14/1 khu phố 2, phường An Khánh, quận 2
2914	18255	Trần Thị Ngọc Trâm	1977	1994	Chín Hoàng	Trần Viết Hùng	42/7 Bùi Thị Xuân, phường Tân Sơn Hòa, quận Tân Bình
2915	18269	Nguyễn Thị Vân	1933	1996	Chín Hoàng	Bùi Thị Thu Đức	195/20A Trần Văn Đang, phường Nhiều Lộc
2916	18270	Bùi Nhân	1919	1998	Chín Hoàng	Bùi Thị Thu Đức	195/20A Trần Văn Đang, phường Nhiều Lộc
2917	18275	Nguyễn Văn Thái	1965	1995	Chín Hoàng	Nguyễn Văn Tài	116/63F Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10
2918	18283	Nguyễn Thị Hồng Phúc	1976	1995	Chín Hoàng	Nguyễn Thị Như Hoài	389/4 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình
2919	18285	Nguyễn Thị Bé Tư	1958	1995	Chín Hoàng	Huỳnh Văn Sang	247A/15 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận
2920	18286	Nguyễn Thị Liễu	1933	1995	Chín Hoàng	Huỳnh Thị Kim Thìn	Ấp Tân Thuận A, Bình Đức, Châu Thành, Tiền Giang
2921	18288	Huỳnh Đệ	1913	1995	Chín Hoàng	Huỳnh Mỹ Liêng	46/1 Trần Văn Ôn, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú
2922	18289	Lê Thị Ngọc Diệp	1979	1995	Chín Hoàng	Lê Văn Lạc	38/138 đường D9HT, khu phố 3A, phường Đồng Hưng Thuận, quận 12
2923	18305	Ngô Thị Kiểm	1921	2002	Chín Hoàng	Ngô Quang Diễm	881/9A Cách Mạng Tháng Tám, phường 7, quận Tân Bình
2924	18316	Lưu Kim Lý	1924	1995	Chín Hoàng	Lưu Thị Mộng Thúy	39/27 Vườn Chuối, phường 4, quận 3
2925	18321	Chu Thị Liên	1958	2006	Chín Hoàng	Lê Trang Nhung	1/3A1 Nguyễn Văn Quá, phường Đồng Hưng Thuận, quận 12
2926	18327	Cao Minh Kiệt	1921	2001	Chín Hoàng	Lê Thị Ngọc Dung	373/45 Lạc Long Quân, phường 10
2927	18330	Phạm Văn Hòa	1986	2002	Chín Hoàng	Phạm Công Viên	27 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình
2928	18343	Nguyễn Văn Bi	1960	1995	Chín Hoàng	Nguyễn Lưu Bình	63 Nguyễn Quý Anh , phường Tân Sơn Nhì , quận Tân Phú
2929	18345	Trần Thị Thanh Nga	1974	1995	Chín Hoàng	Trần Văn Thắng	49/56/68C Trịnh Đình Trọng, phường Phú Trung, Tân Phú
2930	18348	Nguyễn Văn Bảo	1964	1994	Chín Hoàng	Nguyễn Chánh Trực	95/97 Trương Vĩnh Ký , phường 12 , Quận Bình Tân
2931	18357	Tăng Xôi	1940	2003	Chín Hoàng	Tăng Trí Thanh	1560/23/2 Tỉnh Lộ 10, phường Tân Tạo, quận Bình Tân
2932	18358	Hoàng Văn Long	1965	2001	Chín Hoàng	Hoàng Thị Chanh	113/11/40/30 khu phố 7, Tân Chánh Hiệp, quận 12
2933	18359	Trần Phước Đức	1943	1994	Chín Hoàng	Trần Phước Hùng	208 Lô A - C/c Gò Dầu 1, phường Tân Quý, quận Tân Phú
2934	18371	Nguyễn An Trường	1932	1993	Chín Hoàng	Nguyễn Huy Hoàng	185/70 Phan Đình Phùng, phường 17, quận Phú Nhuận
2935	18372	Trần Tạc	1905	1993	Chín Hoàng	Trần Mạnh Quyền	216/5 Hòa Hưng, phường 13, quận 10

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2936	18378	Đỗ Thị Nộm	1916	1994	Chín Hoàng	Bùi Minh Tánh	79D Trần Văn Đàng, phường 9, quận 3
2937	18381	Quách Thị Năm	1926	1993	Chín Hoàng	Nguyễn Anh Tuấn	677/2 Vĩnh Viễn, phường 7, quận 11
2938	18382	Nguyễn Ngọc Châu	1936	1997	Chín Hoàng	Nguyễn Thị Thanh Hoa	103/5 Trần Huy Liệu, phường 12, quận Phú Nhuận
2939	18383	Nguyễn Thị Hồng	1940	1993	Chín Hoàng	Nguyễn Thị Thanh Hoa	103/5 Trần Huy Liệu, phường 12, quận Phú Nhuận
2940	18384	Trang Văn Dần	1914	1993	Chín Hoàng	Trang Văn Thọ	33 đường 17, phường 4, quận 4
2941	18388	Mai Thị Mạnh	1941	2003	Chín Hoàng	Mai Thị Phần	285/57B Cách Mạng Tháng Tám, phường 12, quận 10
2942	18391	Giang Thị Quá	1916	1993	Chín Hoàng	Nguyễn Thị Khánh Hồng	84/48/25 Tân Sơn Nhì, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú
2943	18395	Trần Phước Đức	1943	1994	Chín Hoàng	Trần Phước Hùng	208A C/c Gò Dầu 1, Tân Quý, Tân Phú
2944	18398	Nguyễn Thị Bốn	1929	1993	Chín Hoàng	Phạm Nguyễn Anh Vũ	86 Trần Hữu Trang, phường 10, quận Phú Nhuận
2945	18401	Võ Thị Tư	1923	1993	Chín Hoàng	Nguyễn Trọng Ký	248/5A/19 Ngô Quyền, phường 8, quận 10
2946	18408	Hồ Ngọc Sinh	1930	1992	Chín Hoàng	Hồ Quang Phước	310A Vườn Lài, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
2947	18409	Trần Thị Thiên Hương	1971	1992	Chín Hoàng	Trần Hồng Hà	358/1/13 Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, quận 3
2948	18410	Ngô Văn Côi	1947	1992	Chín Hoàng	Ngô Hồ Bảo Trâm	424/26E Tùng Thiện Vương, phường 13, quận 8
2949	18414	Trần Văn An	1913	1993	Chín Hoàng	Trần Văn Bình	322/3/5 Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, quận 3
2950	18423	Ngô Ngọc Trường	1980	1993	Chín Hoàng	Ngô Ngọc Tài	43/20 Tân Kỳ Tân Quý, phường Tân Sơn Kỳ, Tân Phú
2951	18424	Nguyễn Văn Nam	1932	1993	Chín Hoàng	Nguyễn Văn Minh	86/97/5 Trường Chinh, phường 12, quận Tân Bình
2952	18425	Nguyễn Văn Vị	1925	1992	Chín Hoàng	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	164/20/11A Đặng Nguyên Cẩn, phường 13, quận 6
2953	18429	Vũ Xuân Thành	1973	1992	Chín Hoàng	Vũ Quang Trung	123 Thành Công, phường Tân Thành, quận Tân Phú
2954	18433	Huỳnh Thị Sáu	1940	2003	Chín Hoàng	Lê Văn Hùng	229/64/6 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, Tân Phú
2955	18434	Nguyễn Văn Bằng	1920	1992	Chín Hoàng	Nguyễn Thị Bé	34 CMT8 , phường 1 , quận Tân Bình
2956	18437	Lê Phụng Kiều	1909	1993	Chín Hoàng	Lê Văn Hay	60/42 Lý Chính Thắng, phường 8, quận 3
2957	18464	Nguyễn Văn Nhơn	1963	1992	Chín Hoàng	Nguyễn Thị Kim Ngân	162/5C Tân Hòa Đông, phường 14, quận 6
2958	18465	Châu Tư	1934	1992	Chín Hoàng	Nguyễn Thị Mai	113/4 Tân Sơn, phường Tân Quý, quận Tân Phú
2959	18468	Ô Minh Nguyệt	1939	2001	Chín Hoàng	Võ Minh Thảo	161/29 Phạm Văn Bạch, phường 15, quận Tân Bình
2960	18470	Ngô Minh Thu	1966	1994	Chín Hoàng	Ngô Minh Xuân	219/9/14 Trần Văn Đàng, phường 11, quận 3
2961	18472	Phạm Ngọc Đoan Trang	2003	2003	Chín Hoàng	Phạm Ngọc Hùng	320/404 Cách Mạng Tháng Tám, phường Tân Sơn Nhất
2962	18475	Võ Văn Ni	1936	1993	Chín Hoàng	Võ Minh Thảo	161/29 Phạm Văn Bạch, phường 15, quận Tân Bình
2963	18503	Lê Mai	1920	1993	Chín Hoàng	Lê Tuấn Long	8B Chữ Đồng Tử, phường 7, quận Tân Bình
2964	18505	Phạm Thị Lan	1912	1993	Chín Hoàng	Vũ Thị Loan	62/40 Trần Mai Ninh, phường 12, quận Tân Bình
2965	18510	Phạm Đình Nguyên	1985	1993	Chín Hoàng	Phạm Minh Sơn	247/24 Độc Lập, phường Tân Quý, quận Tân Phú
2966	18531	Huỳnh Thị Mận	1929	1996	Chín Hoàng	Huỳnh Thủy Thủy	436/78/11A CMT8 , phường 11 , quận 3 , TpHCM
2967	18533	Phạm Ngọc Đức	1963	1990	Chín Hoàng	Phạm Thị Ngọc Anh	77/38 đường số 4, phường 12, quận Tân Bình
2968	18535	Ngô Văn Bò	2002	2002	Chín Hoàng	Nguyễn Thị Diễm Trang	123/9 Lê Đình Thám, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú
2969	18539	Ngô Hoàng Huân	1989	1990	Chín Hoàng	Ngô Công Hiếu	86/115E Ông Ích Khiêm, phường 5, quận 11
2970	18546	Nguyễn Thị Hơ	1927	2003	Chín Hoàng	Nguyễn Thị Ngọc Mai	236/42B Thái Phiên, phường 8, quận 11

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
2971	18549	Ngô Đình Lôi	1920	1994	Chín Hoàng	Ngô Đình Tiến	49/40/19/16 Trịnh Đình Trọng, phường Phú Trung, quận Tân Phú
2972	18550	Vũ Thị Lưu		1990	Chín Hoàng	Ngô Đình Tiến	49/40/19/16 Trịnh Đình Trọng, phường Phú Trung, quận Tân Phú
2973	18553	Đỗ Thị Dung		1990	Chín Hoàng	Hoàng Trung Hiền	84/50 Nguyễn Thanh Tuyển, phường 12, quận Tân Bình
2974	18556	Nguyễn Văn Sơn	1948	2004	Chín Hoàng	Trần Thị Liên	290 Bạch Đằng, Thành Phố Qui Nhơn
2975	18559	Nguyễn Văn Ún	1927	2001	Chín Hoàng	Nguyễn Thị Nhung	205/18C23 Tân Hòa Đông, phường 14, quận 6
2976	18562	Thân Thị Hòa	1936	1991	Chín Hoàng	Thân Thị Thanh Hà	173/23/117 Khuông Việt, phường Phú Trung, quận Tân Phú
2977	18574	Lê Minh Đức	1959	1990	Chín Hoàng	Lê Minh Trí	8.06, C/c H Lô Bt, Kdc 13B, Phong Phú, Bình Chánh
2978	18579	Trần Văn Chiêu	1950	1991	Chín Hoàng	Trần Văn Hổ	18/60 Trần Quang Diệu, phường 14, quận 3
2979	18583	Đoàn Thị Trọng	1900	1990	Chín Hoàng	Đoàn Thuận Vũ	50/108 Võ Trường Toản, phường 12, quận 5
2980	18585	Lê Chánh Tâm	1929	1990	Chín Hoàng	Lê Thị Thu Liên	371/1/33 Nguyễn Oanh, phường 17, quận Gò Vấp
2981	18586	Nguyễn Thị Cai	1922	1975	Chín Hoàng	Nguyễn Quý Phái	163D Trần Văn Đàng, Phường 11, Quận 3
2982	18596	Nguyễn Thị Xê	1923	1998	Chín Hoàng	Sin Kế Loan	166/31/20 Lê Trung Đình, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú
2983	18597	Bùi Văn Thơm	1927	1993	Chín Hoàng	Sin Kế Loan	166/31/20 Lê Trung Đình, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú
2984	18601	Nguyễn Thị Gân	1913	1991	Chín Hoàng	Phạm Văn Ngọc	192/9B Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, quận 3
2985	18608	Trần Văn Chua	1905	1991	Chín Hoàng	Trần Viết Hùng	42/7 Bùi Thị Xuân, phường Tân Sơn Hòa, quận Tân Bình
2986	18612	Bùi Văn Nhâm	1929		Chín Hoàng	Bùi Thị Tuyết	276/3/45/11/20 MÃ Lò, phường Bình Trị Đông A, Bình Tân
2987	18646	Nguyễn Văn Đây	1917	1990	Chín Hoàng	Trần Thị Bảy	360/14/3 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3
2988	18647	Võ Thị Màng	1922	2007	Chín Hoàng	Trần Thị Bảy	360/14/3 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3
2989	18658	Dương Kim Ngân (Dương Thị Kim Ngân)	1968	1992	Chín Hoàng	Nguyễn Dương Minh Hiếu	336/45/3A Nguyễn Văn Luông, phường 12, Quận 6
2990	18660	Thới Thị Anh	1927	1992	Chín Hoàng	Nguyễn Thị Chi	79/46 TRẦN VĂN ĐANG, phường 9, quận 3
2991	18665	Nguyễn Văn Ưông	1920	1993	Chín Hoàng	Nguyễn Trọng Minh	182 Nguyễn Thiện Thuật, phường 3, quận 3
2992	18677	Châu Kiết Linh (Mộ chữ hoa)	1967	2003	Chín Hoàng	Lê Tô Hà	442/3A Gia Phú, phường 3, quận 6
2993	18684	Trần Văn Sôi	1922	1997	Chín Hoàng	Nguyễn Văn Ngọc	521/103F CMT8, phường 13, quận 10
2994	18686	Huỳnh Thị Ên	1915		Chín Hoàng	Nguyễn Minh Nguyệt	B13B/2 Ấp 2B, Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh
2995	18692	Phan Thị Loan	1939	1989	Chín Hoàng	Phan Thanh Vũ	75/27 Trần Văn Đàng, phường 9, quận 3
2996	18695	Trương Nghi	1947	2006	Chín Hoàng	Trương Văn Phụng	230 Nguyễn Sơn, phường Phú Thọ Hoà, quận Tân Phú
2997	18704	Lý Phụng Kinh	1927	2006	Chín Hoàng	Lèo Văn Sáng	89 Lê Lư , phường Phú Thọ Hòa , quận Tân Phú , TpHCM
2998	18705	Tô Thị Cúc		49T	Chín Hoàng	Nguyễn Văn Dương	501E Chiến Lược, Tân Tạo, Bình Tân
2999	18708	Lâm Văn Cảnh	1912	1996	Chín Hoàng	Lâm Hoàng Phước	221/26A Vườn Lài, phường Phú Thị Hòa, quận Tân Phú
3000	18715	Nguyễn Thị Nghi	1930	1988	Chín Hoàng	Phan Văn Lợi	300/12 Phan Văn Khỏe, phường 5, quận 6
3001	18720	Lèo Văn Mã	1925	2006	Chín Hoàng	Lèo Văn Sáng	89 Lê Lư , phường Phú Thọ Hòa , quận Tân Phú
3002	18721	Trần Thị Thanh	1903	1988	Chín Hoàng	Đồng Thị A	933/34 Lò Gốm, phường 8, quận 6
3003	18932	Trương Văn Lục			Đất Tộc - Tư Lập	Trương Thị Thủy	20 Đường 11, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân
3004	18937	Trương Thị Lùng	1933	2018	Đất Tộc - Tư Lập	Trương Thị Thủy	20 Đường 11, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân
3005	18938	Trương Văn Dũng	1970	2018	Đất Tộc - Tư Lập	Trần Thị Thúy Ái	16 Đường 11, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
3006	18942	Trương Văn Tha		1974	Đất Tộc - Tư Lập	Trương Thị Thủy	20 Đường 11, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân
3007	18944	Nguyễn Văn Liêm			Đất Tộc - Tư Lập	Trương Thị Thủy	20 Đường 11, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân
3008	18950	Trương Thị Nga	1966		Đất Tộc - Tư Lập	Trương Thị Thủy	20 Đường 11, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân
3009	18977	Vũ Văn Nên	1930	2005	Đồng Hương Kính Danh	Vũ Ngọc Thúy	155/7B Tôn Đản, phường 14, quận 4
3010	18989	Đinh Minh Quang	1962	2001	Đồng Hương Kính Danh	Đinh Quang Minh	38/11 Kp2A, Đồng Hưng Thuận, quận 12
3011	19017	Nguyễn Văn Nguyên	1957	1991	Đồng Hương Kính Danh	Nguyễn Văn Thành	26/26 Tân Sơn Nhì, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú
3012	19018	Đinh Quang Tiến	1962	1990	Đồng Hương Kính Danh	Đinh Thị Tuyết Mai	453/155/15 Lê Văn Sỹ, phường 12, quận 3
3013	19019	Đinh Quang Nhật	1965	1988	Đồng Hương Kính Danh	Đinh Quang Minh	38/11 KP2A, Đồng Hưng Thuận, quận 12
3014	19024	Trần Thị Tư	1910	2003	Đồng Hương Kính Danh	Cao Thị Thu	1162/25 Trường Sa, phường 13, quận Phú Nhuận
3015	19025	Đoàn Văn Tắc	1935	1999	Đồng Hương Kính Danh	Đoàn Xuân Dũng	62 Bắc Ái, phường Tân Thành, quận Tân Phú
3016	19113	Lê Thị Sáu	1904	1995	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Vũ Thái Hón	(91/8) 116/124 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 19, quận Bình Thạnh
3017	19116	Nguyễn Thị Lắm	1910	1994	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Dương Lập Khương	380/87/6 Lê Văn Lương, phường Tân Hưng, quận 7
3018	19124	Trần Thị Gái	1943	1994	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Trần Văn Học	549/80A Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, quận 3
3019	19127	Trần Thị An	1922	1994	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Huỳnh Mai Anh Tú	143/47 Liên khu 5-6, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân
3020	19130	Mai Quế Ngô	1918	1992	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Mai Hồng Phước	37B Nguyễn Văn Tổ, phường Tân Thành, Tân Phú
3021	19131	Phạm Kim Việt Dũng	1955	1994	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Phạm Anh Tài	53 đường số 7, phường 7, quận Gò Vấp
3022	19132	Nguyễn Minh Chương	1970	1994	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Nguyễn Thị Tuyết Mai	373/1/171K Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình
3023	19133	Nguyễn Văn Thành	1929	2002	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Nguyễn Thị Tuyết Mai	373/1/171K Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình
3024	19134	Nguyễn Thị Đoán - Đặng Thị Tý	18921900	19451981	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Nguyễn Thị Tuyết Mai	373/1/171K Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình
3025	19139	Tạ Tồn	1918	1998	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Tạ Thị Dây	25/32/4A Sơn Kỳ, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú
3026	19141	Nguyễn Thị Hải	1939	1994	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Phan Minh Nam	14/9 Kỳ Đồng, phường 9, quận 3
3027	19142	Châu Thị Van	1925	2001	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Trần Thị Hòa	290/49/7 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh
3028	19143	Trần Văn Tự	1920	1997	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Trần Thị Hòa	290/49/7 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh
3029	19147	Nguyễn Thị Đặng		2008	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Nguyễn Thị Phụng	30/1M ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn
3030	19152	Nguyễn Thị Quá	1932	1994	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Khổng Thị Như Mỹ	478/16 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, quận 1
3031	19153	Nguyễn Thị Nhiều	1911	1999	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Tạ Minh Hiệp	46 Triệu Quang Phục, phường 10, quận 5
3032	19154	Lâm Thị Thanh	1918	1995	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Tạ Thị Ánh Tuyết	114 Phong Phú, phường 12, quận 8
3033	19155	Hồ Thị Mươi	1913	1994	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Phan Thị Hồng	294/22 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 21, quận Bình Thạnh
3034	19159	Trần Văn Bách	1900	1999	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Trần Kim Tuấn	106 Nguyễn Trường Tộ, phường Phú Thọ Hòa
3035	19160	Vũ Thị Hiền	1910	1995	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Trần Kim Tuấn	106 Nguyễn Trường Tộ, phường Phú Thọ Hòa
3036	19180	Võ Thị Lý	1912	1995	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Lâm Quốc Cường	149/37A Lũy Bán Bích, Tân Thới Hòa, Tân Phú
3037	19181	Nguyễn Văn Thương	1916	2006	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Lâm Quốc Cường	149/37A Lũy Bán Bích, Tân Thới Hòa, Tân Phú
3038	19185	Tạ Thị Mươi	1919	1997	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Nguyễn Ngọc Dũng	250/2A Vườn Lài, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
3039	19186	Lê Văn Kiệm	1914	1994	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Nguyễn Ngọc Dũng	250/2A Vườn Lài, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
3040	19188	Phan Văn Thân	1944	1993	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Phan Văn Gấm	30/13A Đường 100 Bình Thới, phường 14, quận 11

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
3041	19197	Võ Bá Huệ	1942	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Võ Quốc Trụ	176/8 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, quận 1
3042	19207	Lý Ký Đại	1943	2006	GX Tân Phú - Tám Qụa	Lý Hồng Long	133/26/19/9 Hòa Bình, Hiệp Tân, Tân Phú
3043	19209	Đặng Thị Tám	1907	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Phạm Trần Kim Liên	10.07/ Tầng 11, khối A1, dự án Chung cư Cao Tầng Tân Tạo (The Star), phường Tân Tạo, quận Bình Tân
3044	19224	Nguyễn Thị Hoa	1906	1997	GX Tân Phú - Tám Qụa	Trần Thị Mùi	114 chung cư Sơn Kỳ 2, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú
3045	19231	Ngô Thị Huân	1908	1993	GX Tân Phú - Tám Qụa	Trần Văn Hòa	105/13 Nguyễn Thị Nhỏ, phường 9, quận Tân Bình
3046	19235	Nguyễn Thị Hường	1933	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Nguyễn Thanh Phong	30/19/7 Đường 100 Bình Thới
3047	19245	Dư Thị Hương	1915	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Dư Thị Phụng	1791 Phạm Thế Hiển, phường 6, quận 8
3048	19263	Phạm Kiêm	1902	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Phạm Trần Kim Liên	10.07/ Tầng 11, khối A1, dự án Chung cư Cao Tầng Tân Tạo (The Star), phường Tân Tạo, quận Bình Tân
3049	19271	Thái Văn Thế	1963	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Thái Bảo Hoàng	225 Lô B C/c Nguyễn Thiện Thuật, phường 1, quận 3
3050	19278	Quách Văn Chón	1941	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Quách Việt Tiến	796/175 Lê Đức Thọ, phường 15, quận Gò Vấp
3051	19283	Trần Ngọc Danh	1970	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Trần Thị Lộc	1117/7 Tinh Lộ 10, phường Tân Tạo, quận Bình Tân
3052	19287	Ngô Thị Ty	1912	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Nguyễn Ngọc Khuê	292/53/2 Bà Hạt, phường 9, quận 10
3053	19312	Nguyễn Tấn Hoàng	1921	1996	GX Tân Phú - Tám Qụa	Nguyễn Tấn Hải	32/28 Lý Thường Kiệt, phường 8, quận Tân Bình
3054	19313	Nguyễn Văn Thành	1952	2004	GX Tân Phú - Tám Qụa	Nguyễn Văn Dũng	32/53/57 Ông Ích Khiêm, phường 14, quận 11
3055	19315	Nguyễn Thị Ba	1922	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Nguyễn Thanh Hoàng	117/29/10/4/4 Hồ Văn Long, phường Tân Tạo, quận Bình Tân
3056	19316	Trương Văn Lượm	1910	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Nguyễn Thị Ngọc Bích	62/20/56 Huỳnh Khương An, phường 5, Gò Vấp
3057	19321	Tiêu Qui Hào (Mộ chữ hoa)	1941	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Phang Lang	29 Lê Thị Bạch Cát, phường 133, quận 11
3058	19328	Nguyễn Văn Trung	1972	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Nguyễn Ân	55 Bàu Cát 8, phường 14, quận Tân Bình
3059	19330	Lê Thị Dũng	1919	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Huỳnh Thị Thu Cúc	769/130 Phạm Thế Hiển, phường 4, quận 8
3060	19332	Khổng Như Hữu	1927	1998	GX Tân Phú - Tám Qụa	Khổng Thị Như Mỹ	478/16 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, quận 1
3061	19349	Nguyễn Thị Linh	1941	1996	GX Tân Phú - Tám Qụa	Đỗ Thị Xuân Mai	73/32/26 Đô Đốc Long, phường Tân Quý, quận Tân Phú
3062	19352	Võ Văn Thái	1944	1996	GX Tân Phú - Tám Qụa	Trần Thị Mùi	114 chung cư Sơn Kỳ 2, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú
3063	19357	Mộ chữ hoa (Lý Tiến Phát)			GX Tân Phú - Tám Qụa	Luân Hùng	442/3A Gia Phú, phường 3, quận 6
3064	19362	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	1958	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Lê Nguyễn Huyền Trân	252/54 Phạm Văn Chiêu, phường 9, quận Gò Vấp
3065	19366	Nguyễn Thị Sáu Trần Văn Lợt	19031904	19941968	GX Tân Phú - Tám Qụa	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	447/5A TL30 - Kp1 , phường TL , Q12
3066	19369	Nguyễn Văn Mười	1931	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Nguyễn Thị Sa	5/36/7 Mễ Cốc, phường 15, quận 8
3067	19372	Thái Thị Nghiêm	1927	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Đinh Văn Hoàng	467E/36 Lê Đại Hành, phường 11, quận 11
3068	19373	Phạm Thị Nguyên	1901	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Phan Thị Hồng	194/22 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 21, quận Bình Thạnh
3069	19388	Nguyễn Thị Hoạt	1924	1998	GX Tân Phú - Tám Qụa	Nguyễn Huỳnh Băng Tuyền	Ấp Ruộng Cạn, Bình Nghi, Gò Công Đông, Tiền Giang
3070	19402	Phan Thị Tư	1923	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Trần Thị Mỹ Dung	476/170/15 Âu Cơ, phường 10, Tân Bình
3071	19403	Lê Thị Chuông	1919	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Mai Thị Quang	89/15 Trần Văn Đang, phường 9, quận 3
3072	19404	Lê Thị Băng	1932	1994	GX Tân Phú - Tám Qụa	Nguyễn Văn Hồng	353/15A Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức
3073	19409	Ngô Thị Oánh	1940	1993	GX Tân Phú - Tám Qụa	Ngô Đình Năm	377 Tô 28, KP7, phường Thạnh Xuân, quận 12
3074	19418	Nguyễn Thị Thuận	1914	1996	GX Tân Phú - Tám Qụa	Đào Thanh Thủy	Tổ 8, Ấp Bàu Sim, Tân Thông Hội, Củ Chi
3075	19422	Nguyễn Thị Mùi	1910	1999	GX Tân Phú - Tám Qụa	Nguyễn Huỳnh Băng Tuyền	Ấp Ruộng Cạn, Bình Nghi, Gò Công Đông, Tiền Giang

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
3076	19425	Lưu Thị Tấn	1925	2000	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Cao Thị Thu Nga	14/2 đường số 4, khu phố 10, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
3077	19438	Đinh Thị Được	1938	1994	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Nguyễn Minh Kiệt	536/32/9/13 Ấu Cơ, phường 10, quận Tân Bình
3078	19455	Nguyễn Thị Diễm Hân	2003	2003	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Lê Thị Diễm	229/35 Tân Hưng, phường Tân Quý, quận Tân Phú
3079	19476	Nguyễn Văn Ruyện	1909	1997	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Nguyễn Thanh Bình	9E Phố Chợ, phường Tân Thành, quận Tân Phú
3080	19488	Nguyễn Văn Thảo	1917	1996	GX Vườn Xoài	Nguyễn Đức Thịnh	163/17 Huỳnh Văn Bánh, phường 12, quận Phú Nhuận
3081	19521	Nguyễn Thị Phúc	1931	1995	GX Vườn Xoài	Trần Thị Hương	38 Hoa Phượng, phường 2, quận Phú Nhuận
3082	19523	Trần Đình Chiến	1951	2003	GX Vườn Xoài	Trần Thị Hương	38 Hoa Phượng, phường 2, quận Phú Nhuận
3083	19527	Nguyễn Thị Hoa	1911	1999	GX Vườn Xoài	Nguyễn Văn Hinh	Ấp Phước Lợi, Mong Thọ B, Châu Thành, Kiên Giang
3084	19541	Nguyễn Ngọc Thương	1958	1992	GX Vườn Xoài	Nguyễn Thanh Hải	9/8 Lưu Nhân Chú , phường 5 , quận Tân Bình
3085	19547	Nguyễn Thị Thu	1937	2006	GX Vườn Xoài	Nguyễn Thị Liên	812/13 Trường Sa, phường 14, quận 3
3086	19551	Đỗ Thị Kim Tuyết	1939	2009	GX Vườn Xoài	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	453/77C30 Lê Văn Sỹ, phường 12, quận 3
3087	19552	Nguyễn Văn Tới	1935	2011	GX Vườn Xoài	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	453/77C30 Lê Văn Sỹ, phường 12, quận 3
3088	19560	Trần Thế Mạnh	1925	2000	GX Vườn Xoài	Trần Thanh Hà	90/50 Âu Dương Lân, phường 3, quận 8
3089	19574	Trịnh Thị Miêng	1931	2004	GX Vườn Xoài	Đinh Thanh Trung	91/20B Trần Quang Diệu, phường 13, quận 3
3090	19575	Nguyễn Văn Minh	1954	2008	GX Vườn Xoài	Dương Thị Bằng	107 Bạch Đằng, phường 15, quận Bình Thạnh
3091	19579	Nguyễn Văn Công	1928	1999	GX Vườn Xoài	Dương Thị Bằng	107 Bạch Đằng, phường 15, quận Bình Thạnh
3092	19586	Trần Văn Lân	1929	1997	GX Vườn Xoài	Trần Thị Hương	38 Hoa Phượng, phường 2, quận Phú Nhuận
3093	19588	Đái Thị Hữu	1924	1996	GX Vườn Xoài	Hồ Quang Vinh	25/5H/3 Lê Văn Sỹ, phường 13, quận 3
3094	19589	Tổng Văn Trương	1964	2000	GX Vườn Xoài	Hồ Quang Vinh	25/5H/3 Lê Văn Sỹ, phường 13, quận 3
3095	19598	Ngô Thị Chuyền	1933	2007	GX Vườn Xoài		
3096	19616	Phạm Thị Hồng	1946	1990	GX Vườn Xoài	Lê Văn Sáng	25/27 Lê Văn Sỹ, phường 13, quận 3
3097	19638	Dương Thị Trâm	1923	2001	GX Vườn Xoài	Dương Hoàng Kim Danh	359/20A Lê Văn Sỹ, phường 12, quận 3
3098	19686	Hoàng Huệ Nhân	1919	1996	Hai Nhó	Hoàng Thị Quốc Thái	46/26/16 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp
3099	19689	Hoàng Thị Hường	1937	1996	Hai Nhó	Nguyễn Minh Toàn	55/25A Lô Tư, phường Bình Hưng Hòa A, Bình Tân
3100	19699	Ngũ Văn Hữu	1909	1998	Hai Nhó	Ngũ Duy Long Tiên	92B/17/37 Tôn Thất Thuyết, phường 15, quận 4
3101	19704	Trần Thị Tang	1927	1993	Hai Nhó	Nguyễn Minh Nhật	212/89/10 Nguyễn Thiện Thuật, phường 3, quận 3
3102	19705	Nguyễn Bá Chiêu	1923	1992	Hai Nhó	Nguyễn Minh Nhật	212/89/10 Nguyễn Thiện Thuật, phường 3, quận 3
3103	19706	Trần Lê Hoàng Trọng	1994	1994	Hai Nhó	Trần Bửu Kha	H17 đường Số 32, Khu Tái Thiết Khánh Hội, phường 6, quận 4
3104	19707	Vô Danh			Hai Nhó	Nguyễn Thị Lộc	36/7A Ấp Hưng Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn
3105	19709	Phạm Thị Quế	1903	1984	Hai Nhó	Nguyễn Quốc Hùng	35 Đường 15, phường Tân Kiểng, quận 7
3106	19713	Lâm Thị Dần	1926		Hai Nhó	Huỳnh Kim Lệ	27/38 Trần Bình Trọng, phường 1, quận 5
3107	19714	Nguyễn Văn Sơn		1998	Hai Nhó	Nguyễn Thị Lộc	36/7A Ấp Hưng Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn
3108	19718	Tôn Nữ Thị Trúc - Nguyễn Văn Nghiêm	19431929	19962016	Hai Nhó	Nguyễn Văn Chảo	86 ấp Chiến Lược, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
3109	19722	Nguyễn Văn Giới		1962	Hai Nhó	Nguyễn Văn Thành	142E/54A Cô Giang, phường 2, quận Phú Nhuận
3110	19723	Nguyễn Thị Hộ		1971	Hai Nhó	Nguyễn Văn Thành	142E/54A Cô Giang, phường 2, quận Phú Nhuận

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
3111	19724	Ngô Văn Lâm	1927	1992	Hai Nhó	Nguyễn Thị Lộc	36/7A Ấp Hưng Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn
3112	19725	Trần Bửu Tấn	1928	1995	Hai Nhó	Trần Bửu Kha	H17 đường Số 32, Khu Tái Thiết Khánh Hội, phường 6, quận 4
3113	19726	Nguyễn Thị Chu	1930	1995	Hai Nhó	Trần Bửu Kha	H17 đường Số 32, Khu Tái Thiết Khánh Hội, phường 6, quận 4
3114	19737	Mai Văn Tào	1917	1996	Hai Nhó	Mai Chí Hòa	10/15 Nghĩa Hòa, phường 6, quận Tân Bình
3115	19742	Ngô Đình Hiếu	1924	1996	Nguyễn Văn Bi	Ngô Thụy Ngọc Thanh	40/17 Phú Lộc, phường 6, quận Tân Bình
3116	19748	Đặng Duy Từ	1914	1992	Hai Nhó	Đặng Vinh Quang	629/28 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, quận 3
3117	19766	Lê Thị Kim Hương	1924	1996	Hai Nhó	Nguyễn Văn Thuận	449/8 Bà Hạt, phường 8, quận 10
3118	19767	Nguyễn Văn Hòa	1922	1999	Hai Nhó	Nguyễn Văn Thuận	449/8 Bà Hạt, phường 8, quận 10
3119	19801	Nguyễn Thị Nhuận	1910	1993	Hai Nhó	Nguyễn Thị Kim Loan	337/60 Nguyễn Đình Chiểu, phường 5, quận 3
3120	19806	Nguyễn Thị Phóng	1908	1992	Hai Nhó	Nguyễn Thị Trâm	412/105 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3
3121	19807	Nguyễn Thị Trúc	1963		Hai Nhó	An Thị Phương Lan	81/30 Tam Đông 1, Thới Tam Thôn, Hóc Môn
3122	19899	Nguyễn Thị Nhà	1916	1994	Nam Hòa	Nguyễn Thị Thanh Lan	555/41 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 26, Bình Thạnh
3123	19900	Nguyễn Trung Hiếu	1901	1981	Nam Hòa	Nguyễn Thị Thanh Lan	555/41 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 26, Bình Thạnh
3124	19903	Lê Thị Hồng	1913	1979	Nam Hòa	Vũ Thị Nga	367 Lý Thái Tổ, Phường 9, Quận 10
3125	19913	Đặng Bảo Ngọc	1992	1993	Nam Hòa	Nguyễn Thị Khanh	99/1 Nguyễn Sứ, phường Tân Quý, quận Tân Phú
3126	19923	Ngô Văn Sự	1947	1994	Nam Hòa	Nguyễn Thị Lệ Liên	161D/64A Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
3127	19976	Vũ Dương Tu	1935	2003	Nam Hòa	Vũ Thị Nga	367 Lý Thái Tổ, Phường 9, Quận 10
3128	19982	Nguyễn Văn Thanh	1913	2000	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Trần Thị Thu Vân	01 Tinh Lộ 2, Ấp Đình, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi
3129	19983	Trần Thị Hiền	1918	1994	GX Tân Phú - Tám Quẹo	Trần Thị Thu Vân	01 Tinh Lộ 2, Ấp Đình, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi
3130	20118	Nguyễn Thị Ngọc Nguyễn Thị Ngà	19921992	19921992	Ngọc Cụt	Nguyễn Thị Tuyết	133/11 Nghĩa Phát, phường 6, quận Tân Bình
3131	20120	Phan Văn Thảo (ND: Nguyễn Thị Bang)	1907	1993	Ngọc Cụt	Nguyễn Thị Tuyết	133/11 Nghĩa Phát, phường 6, quận Tân Bình
3132	20122	Phan Thị Thái	1900	1997	Ngọc Cụt	Phan Văn Nam	86/11 Trường Chinh, phường 12, quận Tân Bình
3133	20132	Phan Văn Kỳ (ND: Phan Thị Công)	1915	1983	Ngọc Cụt	Phan Văn Nam	86/11 Trường Chinh, phường 12, quận Tân Bình
3134	20142	Phan Văn Kỳ	1912	1995	Ngọc Cụt	Phan Văn Nam	86/11 Trường Chinh, phường 12, quận Tân Bình
3135	20178	Nguyễn Thị Tư	1902	1981	Nguyễn Thị Trầu	Nguyễn Văn Ván	15/5 đường số 19, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
3136	20195	Vô Danh			Nguyễn Thị Trầu	Phạm Ngọc Tiền	299/15/16 Bình Thành, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân
3137	20196	Vô Danh			Nguyễn Thị Trầu	Phạm Ngọc Tiền	299/15/16 Bình Thành, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân
3138	20426	Lê Thị Huệ	1926	1991	Tư Danh		
3139	20427	Nguyễn Văn Nư	1926	2010	Tư Danh		
3140	20437	Ngô Kim Lang	1927	1994	Tư Danh	Ngô Tấn Thanh	861/27/18/6 Kp4, phường Tân Hưng, quận 7
3141	20444	Vũ Thị Minh	1956	2000	Tư Danh		
3142	20446	Nguyễn Thị Thơm	1950	1997	Tư Danh	Nguyễn Hưng	158/246/29 Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình
3143	20447	Nguyễn Thị Nở	1931	1996	Tư Danh	Huỳnh Thị Hường	1/21 Nguyễn Mỹ Ca, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú
3144	20448	Huỳnh Văn Tới	1930	1996	Tư Danh	Huỳnh Thị Hường	1/21 Nguyễn Mỹ Ca, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú
3145	20450	Phan Thị Thành	1920	1997	Tư Danh		

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
3146	20454	Nguyễn Văn Lý	1919	1994	Tư Danh		
3147	20455	Phan Thị Ngó	1918	2000	Tư Danh		
3148	20458	Huỳnh Bá Huân	1924	1991	Tư Danh	Huỳnh Thị Như Trinh	35A C/x Lý Thường Kiệt, phường 7, quận 10
3149	20466	Trần Cơ Phát	1929	1996	Tư Danh	Trần Cơ Dung	19 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1
3150	20469	Trương Thị Liên	1913	2000	Tư Danh		
3151	20478	Nguyễn Thị Huê	1929	1995	Tư Danh	Trần Thị Lệ Hằng	2/1B Phạm Hùng, phường 4, quận 8
3152	20482	Trần Tốt Tín	1952	1996	Tư Danh		
3153	20490	Nguyễn Thị Tuyết Mai	1929	1992	Tư Danh	Trần Khắc Đình Tuấn	336/63A Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6
3154	20491	Trần Gia Xuân	1924	1996	Tư Danh	Trần Khắc Đình Tuấn	336/63A Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6
3155	20501	Vũ Thị Phà	1907	1992	Tư Danh	Nguyễn Hưng	158/246/29 Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình
3156	20502	Phạm Thanh Nhân (tức Phạm Thị An)	1921	1992	Tư Danh	Mạc Vinh Quang	408 Lô N khu tái thiết Hoàng Diệu, Phường 9, Quận 4
3157	20504	Mạc Vinh Phong	1945	2003	Tư Danh	Hoàng Quốc Cường	112 Hoàng Diệu, phường 12, quận 4
3158	20505	Hoàng Quốc Nam	1970	2000	Tư Danh	Hoàng Quốc Cường	112 Hoàng Diệu, phường 12, quận 4
3159	20515	Huỳnh Thị Hai	1937	2004	Tư Danh	Huỳnh Thu Dung	81/23 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú
3160	20516	Trần Văn Đại	1930	1993	Tư Danh	Huỳnh Thu Dung	81/23 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú
3161	20521	Thân Trọng Giảng	1919	2010	Tư Danh	Thân Trọng Việt	256/90A Hàn hải Nguyên, phường 9, quận 11
3162	20531	Vũ Văn Đầu	1915	1993	Tư Danh		
3163	20534	Hoàng Thị Khan	1946	2007	Tư Danh	Trương Hồng Vân	34 Lưu Văn Lang, phường Bến Thành, quận 1
3164	20540	Nguyễn Thị Thìn	1940	1992	Tư Danh	Nguyễn Hưng	158/246/29 Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình
3165	20549	Trần Bình Tùng	1992	1993	Tư Danh		
3166	20552	Mộ cốt cải táng (15 cốt)			Tư Danh	Đỗ Thành Nhơn	429 Trường Chinh, phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
3167	20569	Phạm Văn Đều	1947	2000	Tư Một	Phạm Văn Vũ	TK53/2 Võ Văn Kiệt, phường Cầu Kho, quận 1
3168	20570	Trần Thị Út	1918	2000	Tư Một	Trần Thị Đào	133/9C Văn Thân, phường 8, quận 6
3169	20571	Thái Duy Hùng	1960	2000	Tư Một	Trần Thị Kim Liên	338/51/38 Chiến Lược, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân
3170	20579	Thái Văn Thành	1953	2000	Tư Một	Thái Hoàng Phi	161D/28C Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
3171	20584	Trương Văn Năm	1925	2000	Tư Một	Nguyễn Thị Lùng	76 Bến Bình Đông, phường 11, quận 8
3172	20596	Trương Vương Quốc Hân	1966	2000	Tư Một	Trương Vương Công Thành	165/2 Vườn Lài, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
3173	20601	Hậu Chí Thành	1935	2001	Tư Một	Hậu Chí Trương	30/3B Thống Nhất, phường 11, quận Gò Vấp
3174	20614	Nguyễn Văn Thịnh	1946	2001	Tư Một	Nguyễn Thị Phước Mỹ	382 Bùi Đình Túy, phường 23 , quận Bình Thạnh
3175	20623	Mộ chữ hoa (Vưu Hữu)			Tư Một	Vưu Hán Đức	18 Phó Cơ Điều, phường 12, quận 5
3176	20629	Lý Thị Tám	1939	2001	Tư Một	Trần Thị Kim Trang	B4 Lê Đại Hành, phường 15, quận 11
3177	20630	Trần Thị Hoàn	1920	2001	Tư Một	Nguyễn Thế Anh	42/2 Bình Thành, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân
3178	20635	Nguyễn Ngọc Lung	1920	2002	Tư Một	Nguyễn Ngọc Dũng	250/2A Vườn Lài, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú
3179	20637	Nguyễn Thị Mẹo	1939	2002	Tư Một	Nguyễn Hùng Tiến	TK21/33 Nguyễn Cảnh Chân, phường Cầu Kho, quận 1
3180	20638	Trần Thị Tùng	1916	1978	Tư Một	Trần Bình Phú	74 Rạch Cát Bến Lức, phường 7, quận 8

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
3181	20639	Huỳnh Văn Chợ	1915	2000	Tư Một	Trần Bình Phú	74 Rạch Cát Bến Lức, phường 7, quận 8
3182	20644	Đào Văn Liên	1926	2002	Tư Một	Nguyễn Thị Tuyết Vân	116/15 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10
3183	20646	Nguyễn Xuân Tòng	1918	2003	Tư Một	Nguyễn Thị Xuân Mai	121/6 Lạc Long Quân, phường 13, quận 11
3184	20662	Trần Thị Thanh Hà	1988	2002	Tư Một	Trần Thanh Hải	159M/8Bis Nguyễn Văn Luông , phường 10 ,quận 6
3185	20670	Lê Hoàng Bảo	1992	2003	Tư Một	Lê Hoàng Loan	229 Lô N chung cư Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10
3186	20674	Lý Thị Sang	1968	2002	Tư Một	Nguyễn Lý Đông Phương	1422/28/4 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Mỹ, quận 7
3187	20687	Nguyễn Thị Tiên	1942	2002	Tư Một	Nguyễn Văn Hoàng Em	28/16 đường 9A, phường Bình Hưng Hoà A, quận Bình Tân
3188	20689	Nguyễn Cao Cường	1974	2001	Tư Một	Nguyễn Khắc Tâm	125/72B Âu Dương Lân, phường 3, quận 8
3189	20741	Dương Thị Ngọc Hương	1980	1981	Tư nhân Thành	Lương Văn Trung	392/8/57 Cao Thắng , phường 12 , quận 10
3190	20750	Trương Văn Nhứt	1981	1984	Tư nhân Thành	Trương Thị Hoàng	A7/198 Tổ 7 Ấp 1, Tân Nhứt, Bình Chánh
3191	20752	Trương Quỳnh Như	1979	2004	Tư nhân Thành	Trương Vũ Hoàng	258/23/13 Bông Sao, phường 5, quận 8
3192	20760	Nguyễn Đình Phụng	1924	2004	Tư nhân Thành	Nguyễn Đình Nam	146/6 Hòa Hưng, phường 13, quận 10
3193	20772	Dương Văn Tân	1948	2002	Tư nhân Thành	Dương Thị Mỹ Hạnh	38/2 Bửu Đình, phường 5, quận 6
3194	20776	Nguyễn Giang Ngung	1930	2003	Tư nhân Thành	Nguyễn Giang Phong	116/5/1 Tân Mỹ, phường Tân Thuận Tây, quận 7
3195	20777	Nguyễn Thị Ngà	1922	2002	Tư nhân Thành	Tiêu Văn Hùng	629/39 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, Quận 3
3196	20778	Trần Việt Hưng	2002	2002	Tư nhân Thành	Phùng Mẫn Phương	18/1C Lân Bình Thăng, phường 13, quận 11
3197	20779	Phạm Văn Đăng	1937	2003	Tư nhân Thành	Phạm Phú Đức	741 Âu Cơ, phường Tân Thành, quận Tân Phú
3198	20802	Kim tinh			Trần Quốc	Lê Văn Lãi	436B/97 Đường 3/2, phường Hòa Hưng
3199	20807	Lê Thanh Đức	1993	1993	Út Cuộc	Lê Thanh Phước	9/2A Hồ Xuân Hương, phường 14, quận Bình Thạnh
3200	20814	Lương Hôn Ký	1969	1992	Út Cuộc	Lương Hoan Huân	254/98/19E Âu Cơ, phường 9, quận Tân Bình
3201	20819	Huỳnh Thị Sang		2009	Út Cuộc	Lý Tú Kim Quyên	416/13 Gia Phú , phường 3 , quận 6
3202	20821	Võ Tấn Phước	1969	2003	Út Cuộc	Võ Thị Ngọc Loan	7E/9A Bình Đông, phường 14, quận 8
3203	20828	Ngô Kim Thủy	1957	1993	Út Cuộc	Ngô Thị Thủy Tiên	21L/4 Ngô Sĩ Liên, phường 14, quận 8
3204	20829	Huỳnh Văn Lôi	1913	1993	Út Cuộc	Phan Quốc Giang	106K1 Bình Đông, phường 14, quận 8
3205	20830	Ngô Thị Hai	1926	1993	Út Cuộc	Lê Phước Lộc	61/14 Mã Lò, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân
3206	20839	Diệp Thị Lộc	1917	1993	Út Cuộc	Lưu Thị Giao	860 Ụ Cây, phường 9, quận 8
3207	20843	Trần Thị Dần	1983	1992	Út Cuộc	Trần Thị Kiều Hoa	21L/6 Ngô Sĩ Liên, phường 14, quận 8
3208	20849	Ngô Thị Tuyết Nga	1960	1993	Út Cuộc	Vũ Công Định	186H/17 Bình Thới, phường 14, quận 11
3209	20854	Phan Văn Định	1913	1992	Út Cuộc	Phan Thị Kim	224/5Bis Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh
3210	20860	Đoàn Thành Lợi	1969	1992	Út Cuộc	Trần Thị Kim Đạt	232/12 Đoàn Văn Bơ, phường 10, quận 4
3211	20869	Đinh Văn Quỳnh	1919	1993	Út Cuộc	Đinh Hữu Danh	E10/286 ấp 5, xã Đa Phước, Bình Chánh
3212	20870	Nguyễn Văn Ngọc		1993	Út Cuộc	Trần Thị Múi	97/19B Phạm Phú Thứ, phường 13, quận 6
3213	20874	Phạm Sỹ Vàng	1948	1994	Út Cuộc	Nguyễn Thị Thanh Hương	88 Lê Quyên, phường 5, quận 8
3214	20880	Nguyễn Thị Thanh	1919	1994	Út Cuộc	Võ Thị Thu Loan	102/12 Vườn Chuối, phường 4, quận 3
3215	20882	Lâm Thị Năm	1921	1993	Út Cuộc	Phạm Thị Kim Thanh	K25 Cư xá Vĩnh Hội, Bến Vân Đồn, phường 6, quận 4

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
3216	20891	Lâm Thành Tâm	1937	1992	Út Cuộc	Lâm Thanh Mỹ	602/9 Khu phố 7, Tân Hưng Thuận, quận 12
3217	20897	Nguyễn Thị Nhất Loan	1970	1993	Út Cuộc	Nguyễn Thị Túy Hòa	16 Trương Văn Lĩnh, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú
3218	20899	Nguyễn Thị Tuất	1922	1997	Út Cuộc	Trần Khải Vinh	41/20 Đội Cung, phường 11, quận 11
3219	20900	Trần Ngọc	1920	1993	Út Cuộc	Trần Khải Vinh	41/20 Đội Cung, phường 11, quận 11
3220	20905	Nguyễn Thị My		1997	Út Cuộc	Đặng Thành Nhủ	5 Tân Trang, phường 9, quận Tân Bình
3221	20910	Lý Thị Ngọc Sương	1958	1993	Út Cuộc	Trần Minh Luân	200/20B đường HT37 khu phố 1, phường Hiệp Thành, quận 12
3222	20920	Đặng Văn Nhân	1924	1992	Út Cuộc	Đặng Thị Thu Nguyệt	32/18/12 Ông Ích Khiêm, phường 14, quận 11
3223	20926	Hồ Thị Thuốc	1922	1992	Út Cuộc	Hồ Phi Khanh	204/73/75 Lạc Long Quân, phường 8, quận Tân Bình
3224	20929	Trần Thị Lân	1915	1993	Út Cuộc	Ngô Thị Hồng Phước	25/7 Nguyễn Phi Khanh, phường Tân Định, Quận 1
3225	20931	Nguyễn Thị Mai (Trần Thị Mai)	1914	1993	Út Cuộc	Thái Thị Ngọc Ánh	222/6 Bùi Viện, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1
3226	20938	Phạm Thị Tư	1925	1992	Út Cuộc	Phan Thị Kim	224/5Bis Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh
3227	20942	Nguyễn Thị Lai	1906	1995	Út Cuộc	Nguyễn Tấn Quang	356/32/18 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình
3228	20945	Trần Xuân Lộc	1954	1994	Út Cuộc	Trần Minh Luân	200/20B đường HT37 khu phố 1, phường Hiệp Thành, quận 12
3229	20947	Mạnh Thị Út	1912	1994	Út Cuộc	Nguyễn Thị Thu Loan	151/53/15 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú
3230	20962	Trần Thị Năm	1927	1995	Út Cuộc	Trần Minh Luân	200/20B đường HT37, phường Hiệp Thành, quận 12
3231	20963	Nguyễn Văn Ngọc	1941	1995	Út Cuộc	Nguyễn Thị Thu Loan	151/53/15 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú
3232	20964	Đặng Thành Nhiên	1924	1995	Út Cuộc	Đặng Thành Nhủ	5 Tân Trang, phường 9, quận Tân Bình
3233	20967	Trần Thị Hời	1910	1995	Út Cuộc	Huỳnh Ngọc Minh	297/21A7 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11
3234	20969	Nguyễn Thị Nhứt	1914	1995	Út Cuộc	Võ Thị Phiến	5C4 Hòa Bình, phường 3, quận 11
3235	20972	Phạm Thị Thân	1937	1995	Út Cuộc	Nguyễn Xuân Ngọc Châu	98 Huỳnh Thiện Lộc, Hòa Thạnh, Tân Phú
3236	20977	Võ Văn Tám	1929	1995	Út Cuộc	Võ Văn Thân	84/13B Bình Tiên, phường 3, quận 6
3237	20978	Phó Trung Thành	1963	1996	Út Cuộc	Pho Tôn Vinh	24/15/16 Trương Phước Phan, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân
3238	20981	Nguyễn Thị Sen	1947	1996	Út Cuộc	Tổng Thanh Sang	138/9 Lạc Long Quân, phường 9, quận Tân Bình
3239	20988	Đỗ Thị Thơ	1937	1995	Út Cuộc	Nguyễn Thị Hồng Mai	88/24/27 Phan Sào Nam, phường 11, quận Tân Bình
3240	20995	Trần Thị Tểu	1930	1995	Út Cuộc	Trần Văn Muồng	198/3 Lạc Long Quân, phường 8, quận Tân Bình
3241	21001	Nguyễn Văn Mai	1936	1997	Út Cuộc	Nguyễn Thanh Hùng	321/36 Tôn Đản, phường 15, quận 4
3242	21011	Phạm Thọ		1996	Út Cuộc	Nguyễn Thanh Vân	373/172/22 Lý Thường Kiệt, phường 8, quận Tân Bình
3243	21018	Huỳnh Châu Tuấn	1955	1995	Út Cuộc	Huỳnh Thị Kim Lệ	235 Lô B C/c Nguyễn Thiện Thuật, phường Bàn Cờ, Tp. HCM
3244	21021	Lê Thị Ba	1931	1996	Út Cuộc	Hồ Văn Nở	342/18 Kp4 phường Tân Thới Hiệp, quận 12
3245	21027	Nguyễn Thị Chín	1962	1996	Út Cuộc	Lê Nga	13/1B Tân Hòa Đông, phường 13, quận 6
3246	21033	Nguyễn Thị Thùy Dương	1980	1996	Út Cuộc	Nguyễn Thị Thùy Linh	27A Nguyễn Sơn, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú
3247	21038	Phan Thị Bảy	1905	2010	Út Cuộc	Phan Phi Yến	31A Lô M, Bình Phú, phường 10, quận 6
3248	21039	Nguyễn Thị Bụi	1918	1997	Út Cuộc	Phan Phi Yến	31A Lô M, Bình Phú, phường 10, quận 6
3249	21040	Huỳnh Tấn Bảy	1977	1997	Út Cuộc	Phạm Minh	49/3 Đặng Minh Trứ, phường 10, quận Tân Bình
3250	21041	Đặng Văn Lợi	1931	1996	Út Cuộc	Đặng Phước Long	402 Lô B3 C/c, phường 3, quận 4

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
3251	21053	Nguyễn Văn Vị	1911	1987	Út Cuộc	Nguyễn Thị Thơm	131/14/22 Kinh Dương Vương, phường 12, quận 6
3252	21054	Lê Thị Đức	1919		Út Cuộc	Nguyễn Thị Thơm	131/14/22 Kinh Dương Vương, phường 12, quận 6
3253	21127	Từ Thị Tới		1999	Út Lợi	Lưu Trọng Quốc	46/5 Ấp Tân Tiến, Xuân Thới Đông, Hóc Môn
3254	21128	Lưu Thái		1991	Út Lợi	Lưu Trọng Quốc	46/5 Ấp Tân Tiến, Xuân Thới Đông, Hóc Môn
3255	21137	Tôn Thất Tiếng	1930	1991	Út Lợi	Tôn Thất Tuấn	154/3 Hồ Bá Kiện, phường 15, quận 10
3256	21139	Nguyễn Thị Mỹ	1909	2005	Út Lợi	Vũ Thanh Xuân	212/321/33 Nguyễn Văn Nguyễn, phường Tân Định, quận 1
3257	21141	Huỳnh Thị Khả	1917	1992	Út Lợi	Huỳnh Văn Thuy	161/1/62A Bình Đông, phường 14, quận 8
3258	21145	Phan Văn Dèo	1922	1992	Út Lợi	Phan Thị Lệ	335/43/8 Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3
3259	21147	Lê Minh Chánh	1915	1992	Út Lợi	Nguyễn Thị Hồng Nhung	284/63 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3
3260	21150	Nguyễn Văn Hết	1923	1991	Út Lợi	Lê Thị Thanh	103H/3 Hoài Thanh, phường 14, quận 8
3261	21156	Nguyễn Thị Mậu	1917	1991	Út Lợi	Nguyễn Thị Quý	330/62 Chiến Lược, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân
3262	21159	Phạm Thị Tùng	1922	1991	Út Lợi	Phạm Thị Thanh Loan	311/14 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú
3263	21161	Nguyễn Thị Hai	1929	1991	Út Lợi	Phạm Thị Kim Lan	98/68 Đoàn Văn Bơ, phường 9, quận 4
3264	21162	Nguyễn Thị Hồng Hoa	1965	1991	Út Lợi	Nguyễn Hồng Quang	Số 5 Bình Đông, phường 15, quận 8
3265	21165	Đặng Văn Hưng	1932	1991	Út Lợi	Đặng Đức Minh	161/1/84 Hoài Thanh, phường 14, quận 8
3266	21168	Nguyễn Thị Cúc	1908	1991	Út Lợi	Nguyễn Thị Xương	357/25 Khu Phố 2, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân
3267	21181	Lương Thị Nông	1937	2006	Út Lợi	Trần Anh Tiến	T2-24.15 KNO CT Tân Kiểng, Phường Tân Kiểng, quận 7
3268	21183	Đỗ Thanh Tân	1966	1992	Út Lợi	Lê Thụy Thanh Tuyền	327/27 Nguyễn Đình Chiểu, phường 5, Quận 3
3269	21184	Võ Đắc Minh			Út Lợi	Võ Thị Kim Ngọc	424/68 Lê Văn Quới, phường Bình Hưng Hoà A, quận Bình Tân
3270	21186	Cao Thị Liên	1924	1992	Út Lợi	Lê Kim Hùng	127/4 Mễ Cốc, phường 15, quận 8
3271	21187	Nguyễn Thị Nhanh	1941	1992	Út Lợi	Nguyễn Minh Quan	40/43/4 Hồ Văn Long, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân
3272	21204	Hoàng Thị Nguyên	1916	1991	Út Lợi	Lê Thị Tuyết Mai	166 Bùi Viện, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1
3273	21212	Tôn Nữ Đông Nguyên	1986	2005	Út Lợi	Tô Nữ Thanh Trinh	124/13/1 Đường số 14, phường Bình Hưng Hoà A, quận Bình Tân
3274	21218	Nguyễn Văn Lượm	1942	1991	Út Lợi	Nguyễn Minh Chánh	6L1/25 Ngô Sĩ Liên, phường 14, quận 8
3275	21225	Lại Văn Mai	1959	1992	Út Lợi	Lại Thị Đẹp	124/5A Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1
3276	21229	Nguyễn Văn Tòng	1934	1992	Út Lợi	Trần Thị Kiều Hoa	21L/6 Ngô Sĩ Liên, phường 14, quận 8
3277	21230	Trần Văn Tập	1954	1992	Út Lợi	Huỳnh Thị Sáng	366/295 Nguyễn Duy, phường 9, quận 8
3278	21236	Vũ Quốc Dũng	1971	1994	Út Lợi	Vũ Quốc Du	152/21B Bình Long, phường Phú Thạnh, Tân Phú
3279	21277	Phạm Văn Sĩ	1923	1989	Út Tre	Phạm Thị Ngọc Anh	77/38 đường số 4, phường 12, quận Tân Bình
3280	21289	Ông Văn Tiên	1936	1990	Út Tre	Nguyễn Trường Thịnh	237/102 Trần Văn Đang, phường 11, quận 3
3281	21298	Bùi Văn Tám	1918	1989	Út Tre	Bùi Thu Hương	03A Lê Trực, phường 7, quận Bình Thạnh
3282	21317	Nguyễn Văn Kịch	1924	1989	Út Tre	Nguyễn Minh Nguyệt	B13B/2 Ấp 2B, Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh
3283	21338	Đặng Văn Báu	1930	1989	Út Tre	Đặng Quang Sơn	277A Minh Phụng, phường 2, quận 11
3284	21404	Nguyễn Xuân Lễ (tự Lê Chánh Tâm)	1967	2001	Út Tre	Nguyễn Xuân Đài	477/75A Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh
3285	21406	Nguyễn Văn Đực	1933	1990	Út Tre	Nguyễn Văn Minh Lương	198B/79B Dương Bá Trạc, Phường 2, Quận 8

STT	SDT	Họ và Tên người chết	Năm sinh	Năm mất	Nghĩa trang	Thân nhân kê khai	Địa chỉ
3286	21418	Mộ chữ hoa (Đoàn Chí Thông)			Út Tre	Từ Yên	181/16 Nguyễn Trãi, phường 2, quận 5
3287	21425	Trương Thị Ngân			Út Tre	Nguyễn Văn Sô	37 Đường số 13A, KP01, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
3288	21455	Trương Văn Tiểu		81T	Út Tre	Nguyễn Văn Sô	37 Đường số 13A, Kp01, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân
3289	21460	Nguyễn Thị Đơn	1912	1990	Út Tre	Trần Viết Hùng	42/7 Bùi Thị Xuân, phường Tân Sơn Hòa, quận Tân Bình
3290	21461	Nguyễn Văn Tài (Trần Văn Tài)	1923	2000	Út Tre	Trần Văn Chánh	F7/25D ấp 6, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh
3291	21462	Nguyễn Thị Chon	1926	2000	Út Tre	Trần Văn Tài	F7/25D ấp 6, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh
3292	21465	Nguyễn Văn Hùng	1966	1991	Út Tre	Nguyễn Thị Hạnh	168Bis/15 Nguyễn Thái Bình, quận 1
3293	21479	Nguyễn Văn Lượm	1956	1990	Út Tre	Nguyễn Thị Thu Hồng	100H Bis cô Giang, phường Cô Giang, quận 1

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA